

Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc
Tử An Trần Lê Nhân

Minh
Triết

Phương
Đông

CỔ
HỌC
TINH
HOA

CỔ HỌC
KỶ THU



SB BOOKS
THUỐC THƠM MẠC MỸ KINH CỦA BẠN

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC
TỬ AN TRẦN LÊ NHÂN

CỔ HỌC
TINH HOA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

CỔ HỌC TINH HOA của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tử An Trần Lê Nhân là một công trình biên khảo có giá trị vượt thời gian; rất thú vị và bổ ích đối với bạn đọc nên không thể thiếu trong tủ sách của các gia đình văn hóa. Sách được xuất bản lần đầu năm 1925, đến nay đã tái bản hàng chục lần và chắc chắn sẽ còn được tiếp tục tái bản để phục vụ bạn đọc trong nhiều thế hệ sắp tới.

CỔ HỌC TINH HOA là một tuyển tập gồm 250 tiểu phẩm văn xuôi, ngắn gọn và súc tích tương tự như những mẫu chuyện ngụ ngôn. Mỗi tiểu phẩm đều chứa đựng hai phần: phần nghĩa đen tức là cái cốt truyện để kể và phần nghĩa bóng để suy ngẫm. Trong những điều đáng suy ngẫm, chúng ta có thể bắt gặp tư tưởng lớn của bách gia chư tử, những người làm nên diện mạo văn hóa của đất nước Trung Hoa xưa: Khổng Tử, Mạnh Tử, Mặc Tử, Tuân Tử, Hàn Phi Tử...

Người Việt Nam chúng ta theo truyền thống văn hóa Á Đông, vốn coi trọng đạo lý con người nằm trong những chữ Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín hoặc Trung, Hiếu, Tiết, Hạnh... Các cụ Ôn Như và Tử An, với kiến thức sâu rộng của những học giả chân chính, đã hết cách tình tuyền để giới thiệu với bạn đọc những bài học lớn trong túi khôn của người xưa.

Lần tái bản này, về hình thức, để cho tiện dụng chúng tôi in chung hai quyển Thượng và Hạ làm một, do đó phần *Lời giới thiệu* (của Nhà xuất bản) và *Tiểu tự* của tác giả đáng lẽ in ở đầu quyển Thượng cũng như phần *Danh ngôn danh lý* vốn in ở cuối quyển Thượng, nay sắp xếp lại cho đúng vị trí thích hợp ở đầu và cuối sách. Về nội dung, chúng tôi cố gắng hạn chế tối đa những sự biên tập không cần thiết để tránh tình trạng tam sao thất bản và hy vọng rằng điều này sẽ giúp bạn đọc cảm thấy cuốn CỔ HỌC TINH HOA trong tay bạn đáng tin cậy hơn so với những “dị bản” khác.

Nhà xuất bản Văn học, 2001

TIỂU TỰ

“Có mới, nới cũ” thường tình vẫn thế. Tân học mỗi ngày một tiến, tất Cựu học phải lùi và có khi sợ rồi mai một đi mất.

Nhưng, Tân học mà hay, tất là Tân học có một nền tảng vững chắc. Nền tảng ấy tức là tinh hoa của Cựu học. Cựu học nước nhà là một thứ học trải qua bao nhiêu đời, đã làm cho ông ta cha phù thực được cương thường, chấn chỉnh được phong hóa, bảo tồn được quốc thể, duy trì được thể đạo nhân tâm, thật không phải là một cái Học không có giá trị đáng khinh rẻ hay quên bỏ được. Và chẳng: **“Tri kim, nhi bất tri cổ, vị chi minh cổ; tri cổ, nhi bất tri kim, vị chi lục trầm”**, ta đã biết truyện đời nay, ta lại cần phải học truyện đời xưa, ta ôn lại việc đời xưa mà ta rõ được việc đời nay, có như thế, thì cái Học của ta mới không đến nỗi khiếm khuyết. Vì, tuy chia làm cổ kim, nhưng chẳng qua cũng chỉ là buổi sớm, buổi chiều trong một ngày của trời đất, kẻ học giả, mà câu nệ chấp nhất, chỉ biết cổ không muốn biết kim, hay chỉ biết kim không muốn biết cổ, thì sao gọi là “bác cổ thông kim” được!

Cựu học của ta là gì? Cựu học của ta tức là Hán học, nghĩa là một cái Học chung cho cả mấy dân tộc ở Á Đông đã chịu cái văn hóa của giống người Hán, tức là người Trung Hoa. Cựu học không phải là chỉ có **Tứ Thư, Ngũ Kinh**, xưa kia đã số quên dùng làm cái học cử nghiệp mà thôi. Ngoài giả, còn **Bách gia chư tử** thật là man mác rộng như bể, học thuyết đủ mọi mặt, lý tưởng rất sâu xa, muốn học cho tới nơi, phải mất bao nhiêu công phu, thời giờ mới được.

Nay, chúng tôi biên tập quyển sách này, không phải là muốn chuyên tâm nghiên cứu riêng một phái nào hay một nhà nào. Chúng tôi chỉ góp nhặt một đôi chút lý tưởng trong Cổ học gọi là để cho người đọc thiệp liệp qua được một ít tinh hoa của lối học cũ mà thôi. Nên chúng tôi mới lạm dụng bốn chữ "**Cổ Học Tinh Hoa**" làm nhan sách.

Chúng tôi có ý chọn những bài ngắn mà nghĩa lý hàm súc dồi dào. Những bài ấy tuy là truyện từ đời xưa bên Tàu, nhưng ứng dụng vào đời nào và ở đâu cũng được. Vì truyện tuy cổ, nhưng cái chân lý thì bao giờ cũng là một, mà bao giờ cũng như mới. Nào hiếu đễ, nào trung tín, nào lễ nghĩa, nào liêm sỉ, đến cả những việc kỳ quái, sinh tử; bài này chính giọng huấn giáo, bài kia rõ thể ngụ ngôn, truyện này nghiêm trang khắc khổ, truyện kia khôi hài lý thú; đức Khổng Tử nói "Nhân" hồn nhiên như hóa công; ông Mạnh bàn "Nghĩa" chớm chớm như núi đá, Tuân Tử nói "Lễ" thật là đường bệ, Mặc Tử nói "Ái"

thật là rộng rãi, hình danh như Hàn Phi Tử thật là nghiêm nghị khiến người mắt bụng làm xằng, ngôn luận như Ân Tử thật là thâm thiết khiến người dễ đường tình ngộ, đến nói đạo đức như Lão Tử, bàn khoáng đạt như Trang Tử, thật lại biến hóa như rồng, pháp phối như mây... các lý thuyết mỗi nhà một khác, có khi phản đối lẫn nhau, nhưng thực khiến cho người đọc vừa được vui, vừa phải đem tâm suy nghĩ.

Dịch những bài văn như thế, chúng tôi lấy làm rất khó. Chẳng những chữ Hán dịch ra chữ Nam, lắm câu không hết được nghĩa, nhiều bài, chính nguyên văn cũng mỗi nơi chép một khác không lấy gì làm xác định. Nên khi dịch, chúng tôi phải chăm chú cân nhắc từng bài, bài thì dịch thẳng nguyên văn, bài thì chỉ dịch lấy đại ý, hoặc có bài phải rút bớt, hay thêm ra, hay đúc lại, cốt cho nó xuôi tiếng Nam mà không hại đến nghĩa bài thì thôi.

Dịch Hán văn ra quốc văn, tất phải dùng nhiều chữ Hán. Song chữ nào bắt buộc phải dùng, thì ở dưới chúng tôi đã có GIẢI NGHĨA rõ ràng. Nghĩa ấy thường chỉ là nghĩa riêng trong bài, chứ không phải hết mọi nghĩa của từng chữ.

Những tên người, tên đất, muốn cho tinh tường, đáng lẽ phải có một cái biểu liệt đủ tên những tác giả cùng những người nói trong chuyện và một bức địa đồ Trung Hoa trải qua các thời đại. Nhưng việc ấy xin để nhường những nhà chuyên về Bắc sử sau này, đây chúng tôi chỉ chưa qua để cho độc giả đủ biết cái đại cương mà thôi.

Đọc một bài văn hay, mà tư tưởng đã thấm thía vào tâm não, thì tất không sao để yên ngòi bút mà không phê bình được. Đó cũng là một cái thông bệnh của những người hâm mộ văn chương hay có cái thú ngâm nga và đưa ngòi bút khuyên liên, khuyên kín vậy. Chúng tôi cũng không tránh khỏi cái bệnh ấy. Nên dưới mỗi bài chúng tôi cũng gộp LỜI BÀN, cốt là để giải rõ các đại ý trong bài hoặc lạm bình một đôi câu ứng với cái thời buổi bây giờ.

Chúng tôi mạo muội biên dịch quyển sách này là quyển đầu, có ý bảo tồn tinh hoa của cổ học và mong các bạn thiếu niên ta nhớ đến nguồn gốc từ bao nhiêu nghìn năm về trước, rõ các điển tích thường dẫn trong văn chương nước nhà, thêm trước được ít tài liệu có khi làm văn phải dùng đến, rộng được ít tri thức tuy thuộc về Cổ học mà thật khác nào “như thóc gạo, như vải lụa”, thường cần đến hàng ngày. Nếu quyển sách này, giúp được một phần trong muôn phần ấy, thì chúng tôi lấy làm hoan hỉ lắm vậy.

Hà Nội, ngày 2 tháng Mười, năm Ất Sửu (1925)

CỔ HỌC TINH HOA

(QUYỂN THƯỢNG)

1. KHÔNG QUÊN ĐƯỢC CÁI CŨ

Đức Khổng Tử ra chơi ngoài đồng, thấy một người đàn bà đứng khóc nỉ non ở chỗ bờ đầm. Khổng Tử lấy làm lạ, bảo học trò hỏi vì cớ gì mà khóc.

Người đàn bà nói:

- Độ trước tôi cắt *cỏ thi*, tôi đánh mất cái trâm cài đầu bằng cỏ thi, cho nên tôi khóc.

Khổng Tử nói:

- Đi cắt cỏ thi, mà mất cái trâm cài bằng cỏ thi thì việc gì mà phải khóc?

Người đàn bà nói:

- Không phải vì tôi đánh mất cái trâm cỏ thi mà tôi khóc; tôi *sở dĩ* khóc, là vì thương tiếc một vật cũ, dùng đã lâu, mà ngày nay không sao thấy được nữa.

Khổng Tử Tập Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Đức*: tiếng gọi có ý tôn trọng, hoặc còn có nghĩa chỉ bậc đức hạnh cảm hóa được người ta. *Cỏ thi*: một thứ cỏ giống như cỏ le, thân tròn, ruột vuông, lá nhỏ mà dài, cạnh sắc, hoa tựa như hoa cúc, trắng hay đỏ phớt, người ta hay dùng cuống cỏ để bói dịch, gọi là bói cỏ thi. Ở nước ta, núi Quyên Sơn

(Hà Nam) cũng có cở thi. *Sở dĩ*: bởi vì. *Khổng Tử Tập Ngữ*: sách chép những lời nói, những chuyện về đức Khổng Tử. Khổng Tử tên là Khâu, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ, thời Xuân Thu nhà Chu, học về Lễ Nhạc, Văn chương đời cổ, đi nhiều nước chư hầu không được dụng, trở về làm Kinh Xuân Thu, san định các kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, và dạy học trò được ba nghìn người, có bảy mươi hai người giỏi. Nước Trung Hoa xưng làm Tổ đạo Nho.

LỜI BÀN: Cái gì là của mình, mình có bụng yêu mà lỡ khi mất, thì về sau dù có được cái khác giống như thế, hay hơn thế, cũng không thể sao yêu cho bằng. Thường, lại chỉ vì thấy cái mới mà hồi nhớ đến cái cũ, sinh ra chạnh lòng, nên câu ta thán, có khi ngậm ngùi thương khóc nỉ non. Tại sao vậy? Tại sao đối với mình, cái của mất không chỉ có giá của mà thôi, lại hình như còn có một phần tâm hồn mình hay tâm hồn người để lại cho mình ngụ ở trong nữa. Sự cảm động đầu tiên bao giờ cũng là sự cảm động hay nhất, bền nhất. Ôi! Cáo chết ba năm quay đầu về núi, con người ta, dù cho lông bông xiêu bạt đến thế nào, còn có chút tâm tình, cũng không sao quên được gốc tích xứ sở mình. "*Hồ mã tê bắc phong, Việt điều sào nam chi*". Con ngựa rợ Hồ (phía bắc Trung Quốc) thấy gió bắc còn cất tiếng kêu, con chim đất Việt (phía nam Trung Quốc) chọn cành nam mới chịu làm tổ, hướng chi là người mà quên nguồn gốc ư.

2. LÚC ĐI TRẮNG, LÚC VỀ ĐEN

Một hôm trời nắng, Dương Bố đi chơi. Khi ở nhà ra, thì mặc áo trắng; đi được nửa đường, gặp trời mưa, quần áo ướt hết, mới vào *ẩn mưa* ở nhà một người bà con. Người ấy thấy Dương Bố ướt cả cho mượn cái áo *thâm*.

Một lúc trời tạnh, Dương Bố mặc áo thâm về nhà. Con chó trông thấy, vừa cắn vừa xua đuổi. Dương Bố giận, toan cầm gậy đánh.

Anh là Dương Chu chạy ra bảo:

- Đừng đánh nó làm gì? Nó đuổi như thế cũng phải. *Giả sử* con chó trắng nhà ta, lúc đi thì trắng, lúc về thì đen, phỏng em có không lấy làm lạ mà không ngờ được không?

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Ẩn mưa*: núp một chỗ để tránh mưa. *Áo thâm*: áo đen. *Giả sử*: ví bằng. *Dương Chu*: người đời Chiến Quốc xướng lên các học thuyết vị kỷ. *Liệt Tử*: sách của Liệt Ngữ Khẩu hay người truyền học thuyết của Liệt Ngữ Khẩu soạn ra, có tám quyển, sau nhà Đường, nhà Tống đặt tên là Sung Hư Chân Kinh hay Sung Hư Chí Đức Chân Kinh.

LỜI BÀN: Lúc đi mặc áo trắng, lúc về mặc áo thâm, chính mình không biết mình thay đổi, con chó thấy khác thì xua đuổi. Mình đánh nó chẳng hóa ra nhảm

lầm ư! Lỗi tại mình thay đổi, không tại con chó cắn xằng. Vậy nên, ở đời khi mình làm điều gì khác thường mà người ta không rõ thì tất nhiên người ta bàn trái bàn phải. Nếu mình không tự xét mình thay đổi hay, hay dở, chỉ biết trách người nghị luận nọ kia thì chẳng khác nào như Dương Bố đánh chó trong truyện này.

3. LỢI MÊ LÒNG NGƯỜI

Nước Tống có kẻ mất cái áo thâm. Anh ta ra đường tìm. Thấy người đàn bà mặc áo *thâm*, níu lại đòi rằng: “Tôi vừa mất cái áo thâm, chị phải đền trả tôi cái này”. Rồi cứ giữ chặt cái áo không buông ra nữa. Người đàn bà cãi:

- Ông mất cái áo thâm, tôi biết đấy là đâu? Áo tôi mặc đây là áo của tôi, chính tay tôi may ra.

Anh kia nói:

- Chị cứ phải đền trả áo cho tôi. Cái áo thâm tôi mất đây, cái áo thâm chị mặc mỏng. Lấy áo thâm mỏng của chị đền áo thâm dày cho tôi, còn phải nói gì lỗi thôi nữa!

Tử Hoa Tử

GIẢI NGHĨA: *Nước Tống*: một nước chư hầu thời Xuân Thu sau phải nước Tề lấy mất, ở vào huyện Thượng Khưu, tỉnh Hà Nam bây giờ.

LỜI BÀN: Mất áo trong nhà mà ra đường tìm, đã là chuyện buồn cười. Mất áo đàn ông mà đòi áo đàn bà lại là chuyện buồn cười. Mất áo thâm dày bắt đền áo thâm mỏng mà cho là phải lại là chuyện buồn cười nữa. Ôi cái lợi nó làm cho lòng người mê muội, chỉ biết có mình, không biết có ai, chỉ vụ lợi cho mình mà quên cả phải trái. Kẻ nào đã vụ lợi như thế, thì cái gì mà chẳng dám làm, cái gì mà chả dám nói! Than ôi! Cái đời kim tiền bây giờ biết bao nhiêu phường đòi áo như người nói trong truyện này.

4. LẤY CỬA BAN NGÀY

Nước Tấn có kẻ *hiếu lợi*, một hôm ra chợ gặp cái gì cũng lấy. Anh ta nói rằng: “Cái này tôi ăn được, cái này tôi mặc được, cái này tôi tiêu được, cái này tôi dùng được”. Lấy rồi đem đi. Người ta theo đòi tiền. Anh ta nói:

- *Lừa tham* nó bốc lên mờ cả hai con mắt. Bao nhiêu hàng hóa trong chợ, tôi cứ tưởng của tôi cả, không còn trông thấy ai nữa. Thôi, các người cứ cho tôi, sau này giàu có, tôi sẽ đem tiền trả lại.

Người coi chợ thấy càn rỡ, đánh cho mấy roi, bắt của ai phải trả lại người ấy. Cả chợ cười ô. Anh ta mắng:

- *Thế gian* còn nhiều kẻ hiếu lợi hơn ta, thường dụng *thiên phươg*, bách kế *ngấm ngấm* lấy của của

người ta. Ta đây tuy thế, song lấy giữa ban ngày so với những kẻ ấy thì lại chẳng hơn ư? Các người cười ta là các người chưa nghĩ kỹ!

Long Môn Tử

GIẢI NGHĨA: *Hiếu lợi:* ham tiền của quên cả phải trái. *Lửa tham:* lòng tham muốn bốc lên làm ngốt người. *Mở cả hai con mắt:* chỉ để vào của muốn lấy, ngoài ra không trông thấy gì nữa. *Thế gian:* cõi đời người ta ở. *Thiên phương, bách kế:* mưu này, chước khác xoay đủ trăm nghìn cách. *Ngấm ngấm:* ý nói làm hại một cách bưng bít không để ai biết. *Ban ngày:* lúc sáng sủa dễ trông thấy. *Long Môn Tử:* tức là Tư Mã Thiên làm quan Thái Sư nhà Hán là một nhà sử ký có danh.

LỜI BÀN: Đã là kẻ thấy của tối mắt, tham vàng bỏ nghĩa, thì dù ít, dù nhiều cũng là đáng khinh cả, song, đem những kẻ mặt to, tai lớn, vì ham mê phú quý, mà lường thấy, phản bạn, hại ngấm đồng bào so với những quân cướp đường cướp chợ giữa ban ngày để nuôi miệng thì tội đáng nặng hơn biết bao nhiêu. Thế mà trách đời chỉ biết chê cười những quân trộm vặt, chớ không biết trừng trị những kẻ đại gian đại ác.

5. KHỔ THÂN LÀM VIỆC NGHĨA

Mặc Tử ở nước *Lỗ* sang nước *Tề*, qua nhà người bạn cũ, vào chơi. Người bạn nói chuyện với Mặc Tử rằng:

- Bây giờ *thiên hạ* ai còn biết đến việc *nghĩa*, một mình ông *tự khổ thân* để làm việc *nghĩa*, thì có thấm vào đâu!

Mặc Tử nói:

- Bây giờ có người ở đây, nhà mười đứa con, một đứa cày, chín đứa ngồi ăn không, thì đứa cày chẳng nên càng chăm cày hơn lên. Tại sao thế? Tại đứa ăn không nhiều, đứa đi cày ít. Bây giờ *thiên hạ* chẳng ai chịu làm việc *nghĩa*, thì ông phải biết khuyên tôi càng làm lắm mới phải. Có đâu lại ngăn tôi như thế!.

Mặc Tử

GIẢI NGHĨA: *Lỗ*: một nước chư hầu nhỏ thời Xuân Thu Chiến Quốc, ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông bây giờ. *Tề*: một nước chư hầu lớn, thời Xuân Thu Chiến Quốc cũng ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông. *Thiên hạ*: đất dưới gầm trời, người Hoa xưa cho Trung Quốc và mấy nước chung quanh là *thiên hạ*. *Nghĩa*: việc phải, việc hay mà người ta nên làm. *Tự khổ thân*: tự mình làm cho mình khó nhọc, vất vả. *Mặc Tử*: tên sách của Mặc Dịch soạn, chủ nghĩa là *kiêm ái*, yêu người như yêu mình cũng gần giống chủ nghĩa của đạo Cơ Đốc và đạo Thích ca.

LỜI BÀN: Trong khi nhân tâm thế đạo suy đồi, mình là người còn đứng vững được, thì sao lại chịu suy đồi với *thiên hạ* cho cùng trôi một loạt. Vì nếu ai cũng

như thế cả, thì còn đâu là người cảnh tỉnh được kẻ u mê để duy trì lấy nhân tâm thế đạo nữa? Cho nên những người thức thời, có chí, dù ở vào cái đời biến loạn đến đâu, cũng không chịu đắm đuối vào sự bất nghĩa, khác nào như cây tùng, cây bách, mùa đông sương tuyết mà vẫn xanh, như con gà trống, mưa gió tối tăm mà vẫn gáy. Những bậc ấy chẳng những thế mà thôi, lại còn đem bao nhiêu tinh lực, tâm trí ra cố gắng giữ lấy phong hóa mà dìu dắt, mà đưa đường cho những kẻ u mê đắm đuối. Như Mặc Tử đây, cho đời là suy biến, coi sự làm việc “nghĩa”, sự cố động việc nghĩa như cái chức vụ của mình phải làm, thực là người có công với loài người vậy.

6. CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI

Thầy *Nhan Uyên* hỏi *Khổng Tử*:

- Hối này muốn nghèo mà cũng được như giàu, hèn mà cũng được như sang, không phải khỏe mà có oai, chơi bời với người ta suốt đời không lo sợ gì, muốn như vậy, có nên không?”

Khổng Tử nói:

- Người hỏi thế phải lắm. Nghèo, mà muốn cũng như giàu, thế là biết bằng lòng số phận không ham mê gì. Hèn, mà muốn cũng như sang, thế là biết nhún nhường và có lễ độ. Không khỏe, mà muốn có oai, thế

là biết *thận trọng*, *cung kính* không nhầm lỗi gì. Chơi với mọi người mà muốn suốt đời không lo sợ, thế là biết chọn lời rồi mới nói.

Khổng Tử Tập Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Nhan Uyên*: tên là Hôi, người nước Lẽ, thời Xuân Thu, học trò giỏi nhất của đức Khổng Tử. *Hôi*: theo lễ xưa, hầu chuyện những bậc trên như vua, cha, thầy học, thường hay xưng tên. *Lễ độ*: phép tắc, mực thước. *Thận trọng*: cẩn thận, trọng hậu. *Cung kính*: quý trọng hiện ra mặt gọi là cung, quý trọng tự trong bụng gọi là kính.

LỜI BÀN: Không cần công danh phú quý thế là biết giữ thiên tước hơn nhân tước, không để ai khinh lờn được, thế là biết trọng phẩm giá mình, không muốn đeo cái lo vào mình, thế là biết giữ thân không phiền lụy đến ai. Ở đời mà giữ trọn vẹn được mấy điều như thế thiết tưởng thật là một cách vui thú rất cao thượng vậy.

7. TU THÂN

Thấy người hay thì phải cố mà bắt chước, thấy người dở thì phải tự xét xem có dở như thế không để mà sửa đổi.

Chính mình có điều hay, thì phải cố mà giữ lấy; chính mình có điều dở thì phải cố mà trừ đi.

Người chê ta, mà chê phải, tức là thấy ta, người khen ta, mà khen phải tức là bạn ta, còn người nịnh hót ta lại là người cừu địch, hại ta vậy.

Cho nên người *quân tử* trọng thấy, quý bạn và rất ghét cừu địch, thích điều phải mà không chán, nghe lời can mà biết răn... như thế dù muốn hay không cũng không được.

Kẻ *tiểu nhân* thì không thế. Cực bậy, mà lại ghét người chê mình; rất dở, mà lại thích người khen mình: bụng dạ như *hổ lang*, ăn ở như *cầm thú*, mà thấy người ta không phục, lại không bằng lòng, thân với kẻ xiểm nịnh, xa cách kẻ can ngăn, thấy người *chính trực* thì cười, thấy người *trung tín* thì chê... Như thế thì dù muốn không dở cũng không được.

Tuân Tử

GIẢI NGHĨA: *Quân tử*: người có tài, đức hơn người. *Tiểu nhân*: kẻ bất chính, gian ác tự tư, tự lợi. *Hổ lang*: cộc và chó sói, hai giống thú tàn bạo. *Cầm thú*: *cầm*: giống có hai chân và hai cánh; *thú*: giống có bốn chân; hai chữ chỉ loài chim và loài muông. *Chính trực*: ngay thẳng. *Trung tín*: hết lòng thật bụng. *Tuân Tử*: tên là Huống, tên tự là Khanh, người nước Triệu, sinh ra sau Mạnh Tử độ năm mươi năm, thấy đời bấy giờ cứ loạn lạc mãi và phong hóa suy đồi, làm sách nói về lễ nghĩa, lễ nhạc, cốt ý để chính đức và hành đạo.

LỜI BÀN: Cái đạo tu thân rút lại chỉ có biết theo điều hay, biết tránh điều dở. Mà muốn tới cái mục đích ấy, thì không những là tự mình phải xét mình, lại còn phải xét cái cách người ở với mình nữa. Đối với người, cần phải biết hai điều: Ai khen chê phải, khuyên răn hay thì phục, thì bắt chước, ai chiều lòng nịnh hót, thì tránh cho xa coi như quân cừu địch. “*Nên ưa người ta khuyên mình hơn người ta khen mình*” có như thế thì mới tu thân được.

8. ÔM CÂY ĐỢI THỎ

Một người nước Tống đang cày ruộng. Giữa ruộng có một cây to. Có một con thỏ đồng ở đầu chạy lại, đâm vào gốc cây, đập đầu chết.

Người cày ruộng thấy thế, bỏ cày, vội chạy đi bắt thỏ. *Đoạn*, cứ ngồi khư khư ôm gốc cây, mong lại được thỏ nữa. Nhưng đợi mãi chẳng thấy thỏ đâu, lại mất buổi cày. *Thiên hạ* thấy vậy, ai cũng chê cười.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Tống* (Xem bài số 3). *Đoạn*: nghĩa đen là dứt, việc này dứt đến việc khác. *Thiên hạ*: đây là nói những người ngoài. *Hàn Phi Tử*: công tử nước Hàn, học trò Tuân Tử, chuyện về hình danh pháp luật nước Hàn không dùng sang ở nước Tấn, được đại

dụng, nhưng sau bị kẻ gièm pha rồi tự tử. Sách của Hàn Phi Tử có 50 thiên. Đặt tên là Hàn Tử. Nhà Tống sau thêm cho Phi để khỏi lẫn với Hàn Dũ.

LỜI BÀN: Thấy mùi, quen mùi làm mãi. Ở đời những kẻ ngẫu nhiên gặp may, mà ước ao được gặp may luôn như thế nữa, không biết sự may là tình cờ mới có, thì có khác gì người nước Tống ôm cây đợi thỏ vậy. Anh ôm cây đợi thỏ này lại còn là người cố chấp bất thông, không hiểu thời thế, không thấu tình cảnh, khư khư đờn ương giữ ống, cùng một phường với những hạng chơi đàn gảy chặt phím khắc mạn thuyền để nhớ chỗ gươm rơi.

9. ĐÁNH DẤU THUYỀN TÌM GƯƠM

Có người nước Sở đi đò qua sông. Khi ngồi đò, vô ý đánh rơi *thanh gươm* xuống sông. Anh ta vội vàng đánh dấu vào mạn thuyền nói rằng: “Gươm ta rơi ở chỗ này đây”.

Lúc thuyền đỗ vào bến, anh ta cứ theo chỗ đánh dấu, lặn xuống nước tìm gươm.

Thuyền đã đi đến bến, chỗ gươm rơi đâu thì vẫn ở đấy, có theo thuyền mà đi đâu? Tìm gươm như thế, chẳng khờ dại lắm ư!

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Sở*: một nước lớn thời Xuân Thu ở vào vùng Hồ Bắc, Hồ Nam bấy giờ. *Thanh gươm*: tục xưa người ta đi đâu hay đeo gươm để thủ thân mà lại là giữ lễ nữa. *Lã Thị Xuân Thu*: sách của Lã Bất Vi làm. Lã Bất Vi, người đời nhà Tần thời Chiến Quốc, trước là lái buôn to, sau làm tướng, chính là bố đẻ Tần Thủy Hoàng. Khi làm quyển *Lã Thị Xuân Thu* xong, Bất Vi đem treo ở cửa Hàm Dương, nói rằng: “Ai bớt được, hay thêm một chữ thì thưởng cho ngàn vàng”.

LỜI BÀN: Thanh gươm rơi xuống sông thì ở ngay chỗ rơi. Nếu muốn tìm thấy gươm, tất phải lặn ngay xuống chỗ rơi mà tìm. Chớ sao lại đánh dấu vào thuyền đợi đến lúc thuyền đổ vào bến, mới lặn xuống bến tìm? Người tìm gươm này có khác nào như người đánh đàn sắt đem gấn cả ngựa lại, tưởng ngựa không di dịch được là các âm vận tự nhiên điều hòa được đúng! Than ôi! Người cố chấp bất thông, chỉ câu nệ bị giữ chặt một cái đã nắm chặt trong tay, chớ không hiểu nghĩa chữ “Thời” là gì?

10. BA CON RẬN KIỆN NHAU

Ba con rận hút máu một con lợn, tranh nhau ăn, đem nhau đi kiện. Một con rận khác gặp hỏi:

- Ba anh kiện nhau về việc gì thế?

Ba con rận đáp:

- Chúng tôi kiện nhau vì tranh nhau một chỗ đất màu mỡ.

Con rận kia nói:

- Tôi tưởng các anh chẳng nên tranh lẫn nhau làm gì. Các anh chỉ nên lo đến con dao của người *đồ tể* giết lợn, ngọn lửa của bó rơm thui lợn mà thôi.

Ba con rận nghe ra biết là đại, thôi không đi kiện nữa, cùng nhau *quần tụ*, làm ăn với nhau, dù no, dù đói, cũng không bỏ nhau. Con lợn thành mỗi ngày một gầy, người ta không làm thịt cứ để nuôi, ba con rận nhờ thế mà no đủ mãi.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Đồ tể*: người làm thịt các giống vật để bán. *Quần tụ*: quây quần ăn ở bảo bọc lấy nhau.

LỜI BÀN: Nhân dân một xứ mà cứ tranh giành lẫn nhau cái lợi trước mắt, không nghĩ gì đến việc lâu dài cho cả toàn thể thì trí khôn thật không bằng mấy con rận nói trong truyện này.

Tranh nhau, cãi nhau, đánh nhau, kiện nhau, thì oan oan tương kết, lợi chẳng thấy đâu, chỉ thấy hại, hại cho một mình lại hại cho cả đàn, cả lũ nữa. Sao không biết: Sâu đục cây, cây đổ thì sâu cũng chẳng còn, trùng hại vật, vật chết thì trùng cũng hết kiếp.

11. HAI PHẢI

Sông Vĩ nước lên to. Một nhà giàu không may có người chết đuối. Có kẻ vớt được xác.

Người nhà giàu xin chuộc, kẻ ấy đòi nhiều tiền. Người nhà giàu đem câu chuyện thưa với Đặng Tích.

Đặng Tích bảo:

- Cứ để yên. Nó còn bán cái xác cho ai được mà sợ?

Kẻ vớt được xác, thấy nhà kia không hỏi nữa lấy làm lo, cũng đem câu chuyện thưa với Đặng Tích. Đặng Tích bảo:

- Cứ để yên. Nó còn mua cái xác ấy của ai được mà sợ

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: Vĩ: tên sông, chảy ở địa phận Hà Nam. **Đặng Tích:** quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu, là một nhà luật pháp giỏi.

LỜI BÀN: Cứ như người giảng giải việc nói trong bài này cho phải đạo lý, thì một bên, nên khuyên người nhà giàu liệu trả kẻ vớt được xác thêm ít nhiều tiền, mà lấy ngay xác về, còn một bên, nên dụ kẻ vớt được xác chớ có coi sự chẳng may của người ta làm một món bống, mà bắt bí người ta. Giữ cái xác không cho chuộc, chẳng những không được tiền, mà lại còn phải tội nữa.

Nhưng khôn thay? Lý sự là cái nguồn bắt phải, bắt trái đều được cả. Cho nên Đặng Tích mới có chốn xúi bẩy được cả đôi bên kiện tụng lẫn nhau mà ngấm ngấm lấy lợi cho mình. Thế tức là cái chủ nghĩa “hai phải” nguy hiểm, rất hại cho dân gian ngu dại mà lại hay kiện tụng. Biện bác mà đáng lý tức là giả dối, khôn ngoan mà không đáng lý, tức là gian trá, những kẻ ấy phải trừng phạt thì mới yên dân, lợi nước được. Người trị dân tưởng phải thấu cái tình, để xét cái lý, mới là người trị dân sáng suốt vậy.

12. TĂNG SÂM GIẾT NGƯỜI

Ông *Tăng Sâm* ở đất *Phi*. Ở đấy có kẻ *trùng danh* với ông giết chết người.

Một người hớt hải chạy đến báo mẹ ông *Tăng Sâm* rằng:

- *Tăng Sâm* giết người.

Bà mẹ nói:

- Chẳng khi nào con ta lại giết người.

Rồi bà *điềm nhiên* ngồi dẹt cửi.

Một lúc, lại có người đến báo:

- *Tăng Sâm* giết người.

Bà mẹ không nói gì, cứ *điềm nhiên* dẹt cửi.

Một lúc nữa lại có người đến báo:

- Tăng Sâm giết người.

Bà mẹ sợ cuống, quăng thoi, trèo qua tường chạy trốn.

Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Tăng Sâm:* người thời Xuân Thu, tính chất chân thật và rất có hiếu, học trò đức Khổng Tử và sau truyền được đạo của ngài. *Trùng danh:* cùng giống tên nhau. *Điểm nhiên:* biết mà cứ im lặng như không.

LỜI BÀN: Tăng Sâm vốn là người hiền hậu, hiếu thảo, mẹ vẫn là người trung tín, một bụng tin con. Thốt nhiên có kẻ bảo: “Tăng Sâm giết người”. Bà mẹ không tin, người thứ hai bảo còn chưa tin; đến người thứ ba bảo, thì cuống cuống chạy trốn. Như thế mới hay cái dư luận của thiên hạ rất là mạnh. Một việc, dù cho sai lầm đến mười mươi, nhiều người đã cùng có một nghị luận đều như thế cả, thì cũng dễ khiến cho ta nghi nghi hoặc hoặc rồi đem bụng tin mà cho là phải, nom đĩa hóa ra rươi, trông con chó thành ra con cừu. Đến như giữa chợ làm gì có cọp! Thế mà một người, hai người, đến ba người nói có cọp, thiên hạ cũng tin có cọp thật nữa là! Những bậc ra được ngoài vòng dư luận, giữ vững được bụng như cây giữa rừng, như kiềng ba chân rất là hiếm, nhưng có thể được, mới cao. Một chân lý có chứng minh rõ ràng mười phần chắc chắn thì mới nên công nhận.

13. BÁN MỘC, BÁN GIÁO

Có người nước Sở làm nghề vừa bán *mộc*, vừa bán *giáo*.

Ai hỏi mua *mộc*, thì anh ta khoe rằng:

- *Mộc* này thật chắc, không gì đâm thủng.

Ai hỏi mua *giáo*, thì anh ta khoe rằng:

- *Giáo* này thật sắc, gì đâm cũng thủng.

Có người nghe nói, hỏi rằng:

- Thế bây giờ lấy *giáo* của bác đâm vào *mộc* của bác thì thế nào?

Anh ta không đáp ra làm sao được.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Sở*: (Xem bài số 9). *Mộc*: đồ binh khí bằng gỗ hình bầu dục dùng để đỡ khi mũi nhọn đâm xia. Cái *khiên* thì đan bằng mây và hình tròn. *Giáo*: đồ binh khí, đầu nhọn, cán dài, dùng để đâm.

LỜI BÀN: Ôi! Một cái chắc, đâm không sao thủng, với một cái sắc, đâm gì cũng thủng, hai cái phản đối lẫn nhau thì cùng đi với nhau sao được. Thế mà người nước Sở dám khoe *mộc*, lại khoe *giáo* luôn ngay một lúc. Chẳng qua là chỉ vì môi lợi mà thành ra nói dối. Nhưng cái trò nói dối hay cùng, khi người ta hỏi đến lẽ, là không đối đáp làm sao được nữa. Có khác gì kẻ đem tượng gỗ ra chợ bán, khoe

rằng: “Ai mua tượng về nhà, thì được giàu sang”. Đến lúc có người bẻ: “Thế sao bác không để ở nhà cho được giàu sang, lại mang ra chợ bán làm gì?” thì tắt khẩu mà đành vác tượng ra về.

14. NGỌC TRONG ĐÁ

Một người thợ ngọc qua hàng thợ đá, vào xem các thứ đá, thấy một tảng trong có ngọc, mua về đẽo ra quả nhiên được ngọc. Ngọc ấy trắng muốt và có gân đỏ, quý giá vô cùng. Người thợ ngọc nhờ đó mà giàu có.

Thợ đá thấy thế, lấy làm thích lắm, cũng muốn bắt chước. Anh ta nghĩ bụng: “Đá nào trong cũng có ngọc”.

Rồi ở nhà có bao nhiêu thứ đá, đem cả ra đập để tìm ngọc. Không những không thấy ngọc mà các đá vỡ tan chẳng dùng được việc gì nữa.

Anh ta vừa mất của, vừa lỗ vốn, cùng quần khổ sở, chẳng bao lâu rồi chết.

LỜI BÀN: Ngọc chẳng qua cũng là một thứ đá đẹp, đá quý ở lẫn với đá thường mà thôi. Nhưng phải có con mắt tinh xem ngọc mới nhận ra và tìm được ngọc ở trong đá. Người thợ ngọc biết ngọc nên trông qua đủ biết đá nào có ngọc, chứ người thợ đá chỉ biết đá, lại muốn tìm ngọc, chẳng những không tìm thấy ngọc mà lại còn hại cả bao nhiêu đá của mình nữa! Ôi! Thực là xoi hỏng mà bồng không! Tham thì thâm!

Cái thói tham không phải đường nó vẫn hại con người ngu dại như thế! Cho nên, người trí giả phải có kiến thức rõ đích xác rồi mới chịu làm.

15. BẮT CHƯỚC NHÃN MẶT

Nước Việt có nàng *Tây Thi* nổi tiếng đẹp một thời. Nàng có chứng đau bụng, mà khi nào đau ôm bụng nhả mặt, thì lại càng đẹp lắm.

Có người đàn bà ở cùng làng thấy mặt nhả mà đẹp muốn bắt chước, về nhà cũng ôm bụng mà nhả mặt. Người làng trông thấy, tưởng là ma quỷ; nhà giàu thì đóng cửa chặt không dám ra, nhà nghèo thì bồng bế vợ con mà chạy trốn.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Tây Thi*: còn gọi *Tây Tử* là người con gái nước Việt ở thôn Trữ La, làm nghề dệt vải, cha thì bán củi. Nàng nổi tiếng đẹp, sau vua nước Việt là Câu Tiễn vì thua nước Ngô đem nàng hiến cho vua Ngô là Phù Sai.

Trang Tử: sách của Trang Chu soạn, đến đời Đường gọi là Nam Hoa Chân Kinh. Trang Tử học đạo Lão Tử, sau người ta vẫn xưng Lão Tử với Trang Tử là tổ của Đạo Gia.

LỜI BÀN: Chỉ biết nhả mặt là đẹp, không biết nét mặt phải thế nào thì nhả mới đẹp, thực là đáng

tiếc! Kè quên phần mình, chỉ muốn bắt chước người thì có khác gì người xấu muốn bắt chước nàng Tây Thi nói trong truyện này không? Ôi! Bắt chước là một cái hay, nhưng nếu không chịu suy nghĩ cứ nhắm mắt bắt chước liêu, như con lừa thối sáo, con nhái muốn to bằng con bò, thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ, chẳng những không được lợi ích gì mà lại thiệt đến thân.

16. CÁI ĐƯỢC, CÁI MẤT CỦA NGƯỜI LÀM QUAN

Khổng Miệt là cháu đực Khổng Tử, Bật Tử Tiễn là học trò Khổng Tử, hai người cùng làm quan một thời.

Khổng Tử qua chơi Khổng Miệt, hỏi rằng:

- Từ khi người ra làm quan được những điều gì, mất những điều gì?

Khổng Miệt thưa:

- Từ khi tôi ra làm quan chưa được điều gì, mà đã mất ba điều: Việc quan bận, không còn thời giờ học tập, vì thế mà học vấn không tấn tới; Bổng lộc ít, không đủ *chu cấp* cho họ hàng, vì thế mà họ hàng *không thân thiết*; Công việc nhiều, không thể đi thăm người đau, viếng người chết vì thế mà ăn ở với bầu bạn không trọn vẹn.

Khổng Tử nghe nói, không bằng lòng.

Sau ngài đến chơi Bát Tử Tiện, lại hỏi như hỏi Khổng Miệt.

Bát Tử Tiện thưa:

- Từ khi tôi ra làm quan chưa mất điều gì, mà đã được ba điều: Những điều trước học nay đem *ra thực hành* vì thế mà học càng rõ; Bổng lộc dù *bạc*, cũng có thể chu cấp ít nhiều cho họ hàng vì thế mà họ hàng càng gần; Việc quan tụy bận song cũng bớt được ít thời giờ đi thăm người đau, viếng người chết, vì thế mà bầu bạn rảnh thân.

Khổng Tử nghe nói khen rằng:

- Tử Tiện thực là người quân tử.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Chu cấp*: *chu*: giúp; *cấp*: cho; giúp đỡ cho người ta những cái mà người ta cần đến. *Thân thiết*: gần gũi, năng đi lại. *Thực hành*: đem ra làm thật sự. *Bạc*: mỏng, đối lại với hậu, đây là ít ỏi.

LỜI BÀN: Hai đoạn bài này bày ra hai cái cảnh phản đối lại hẳn với nhau. Cũng là làm quan, mà một đằng “mất” một đằng “được” khác nhau chẳng qua là chỉ do tự mình cả, chứ không phải nghề làm quan bó buộc mình phải như thế.

Khổng Tử khen người “được”, là quân tử, thì tất bị người “mất” là tiểu nhân. Ôi! Làm quan tuy là bận việc, tuy là ít lương, tuy là hẹp thời giờ, mà vẫn học hành

cho rộng thêm trí thức, mà vẫn chu cấp được cả cho bà con, mà vẫn ân cần với chúng bạn, thì cũng đáng phục là ông quan quân tử thật.

17. CAN VUA BỎ RƯỢU

Vua Cảnh Công nước Tề hay uống rượu, có bạn say luôn mấy đêm ngày, *xao lãng* cả việc nước. Huyền Chương can, nói:

- Nhà vua uống rượu say sưa như thế, *hạ thần* xin can, nhà vua không nghe, *hạ thần* xin *tự tận*.

Ngay lúc ấy, Án Tử vào *yết kiến* vua. Vua bảo:

- Huyền Chương can ta bỏ rượu, không thì y *tự tận*. Nếu ta nghe, thì ta hóa ra non, nếu ta không nghe, thì Huyền Chương chết, thì cũng đáng tiếc.

Án Tử nói:

- May lắm! May Huyền Chương gặp được nhà vua chớ như vua *Kiệt*, vua *Trụ*, thì chết mất rồi, còn đâu sống được đến bây giờ nữa!

Cánh Công nghe nói, *tĩnh ngộ*, tự hôm đó chừa rượu.

Án Tử Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Tề*: (Xem bài số 5). *Xao lãng*: quên bỏ không để tâm đến. *Hạ thần*: *hạ*: dưới; *thần*: bầy tôi. Tiếng bầy tôi xưng với vua. *Kiệt*, *Trụ*: hai vua tàn bạo, độc ác, say mê tửu sắc, bỏ cả chính sự đến

nổi mất nước. *Tĩnh ngộ*: đang say mê việc gì mà biết hối lại.

Án Tử Xuân Thu: Bộ sách ghi chép những công việc cùng lời nói của Án Tử. Án Tử tức là Án Anh, tên tự là Bình Trọng, người nước Tề về thời Xuân Thu, làm tướng ba đời vua Linh Công, Trang Công và Cảnh Công, có tính cẩn kiệm, một bụng trung thành nổi tiếng thời bấy giờ.

LỜI BÀN: Tính thích uống rượu, nghe người ta can mà chưa được như Cảnh Công, là ông vua hiền; thấy vua say sưa, xao lãng chính sự, liêu thân mà can vua như Huyền Chương là bấy tôi trung. Đến như Án Tử vừa là trung thực, lại vừa có tài phúng gián. Cũng là can ngăn mà không nói thẳng, cùng bức bách quá làm cho người có tật hổ thẹn, không muốn nghe, nhưng gợi cái lòng tự phụ của người, uyển chuyển được bụng người khiến cho người phải tỉnh ngộ mà chưa đi ngay thì mới là giỏi.

18. KHÉO CAN ĐƯỢC VUA

Vua Cảnh Công nước Tề có con ngựa quý, giao cho một người chăn nuôi. Con ngựa tự nhiên một hôm lăn ra chết. Vua giận lắm, cho là giết ngựa, sai ngay quân cầm dao để *phanh thây* người nuôi ngựa. Án Tử đang ngồi châu, thấy thế, ngăn lại, hỏi vua rằng:

- *Vua Nghiêu, vua Thuấn xưa phanh thây người thì bắt đầu từ đâu trước?*

Cảnh Công ngơ ngác nhìn nói:

- *Thôi hãy buông ra, đem giam xuống ngục để trị tội.*

Án Tử nói rằng:

- Tên phạm này chưa biết rõ tội mà phải chịu chết, thì vẫn tưởng là oan. Tôi xin vì vua kể rõ tội nó, rồi hãy hạ ngục.

Vua nói:

- Phải.

Án Tử bèn kể tội rằng:

- Nhà ngươi có ba tội đáng chết. Vua sai nuôi ngựa mà để ngựa chết là một tội đáng chết. Lại để chết con ngựa rất quý của vua, là hai tội đáng chết. Để vua mang tiếng, vì một con ngựa mà giết chết một mạng người, làm cho *trăm họ* nghe thấy ai cũng oán vua, các nước nghe thấy ai cũng khinh vua, người làm chết một con ngựa mà để đến nỗi dân gian đem lòng oán giận, nước ngoài có bụng *dòm dỏ*, là ba tội đáng chết, người đã biết chưa? Bây giờ hãy tạm giam người vào ngục...

Cảnh Công nghe nói ngậm ngùi than rằng:

- Thôi, tha cho nó! Thôi, tha cho nó! Kẻo để ta mang tiếng bất nhân.

Án Tử Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Tề:* (Xem bài số 5). *Phanh thây:* mổ người, róc xương, xẻo thịt. *Vua Nghiêu, vua Thuấn xưa...:* câu này hỏi thế là có ý làm cho Cảnh Công không có lối mà trả lời. *Đời Nghiêu, Thuấn* chưa có tội phanh thây. *Thôi hãy buông ra:* cứ theo sách *Án Tử Xuân Thu* thì là “Tòng quả nhân thủy” (Khởi tự ta ra), theo *Hàn Thi ngoại truyện* thì lại là “túng chi” (buông ra). Đây dịch là buông ra để cho ăn nghĩa với câu trên. *Hạ ngục:* đời xưa bao nhiêu tội nhân đã hạ xuống ngục tối, là phải xử tử cả. *Trăm họ:* chỉ nhân dân trong nước. *Dòm dỏ:* ngấp nghé xem người ta hờ cơ thì làm hại.

LỜI BÀN: Vua Cảnh Công thấy con ngựa yêu của mình chết, mà bắt phanh thây kẻ nuôi ngựa, là đang cơn tức giận, không còn biết nghĩa lý, pháp luật là gì nữa. Thế mà *Án Tử* can ngăn được là vì tuy gọi chiếu lòng, kể tội người nuôi ngựa, mà kỳ thực lại gọi đến cái lòng nhân ái của Cảnh Công, làm cho Cảnh Công phải tỉnh ngộ và biết hối. Giỏi thay! Mấy lời nói dịu dàng, thành thơi mà hóa cảm được quân vương.

19. CHẾT MÀ CÒN RẪN ĐƯỢC VUA

Cử Bá Ngọc là người hiền mà vua *Linh Công* nước *Vệ* không dùng. *Di Tử Hà* là người dở mà vua lại dùng. *Sử Ngư* thấy thế, đã răn nhiều lần, mà vua không nghe. Lúc ông có bệnh, sắp mất, dặn con rằng:

- Ta làm quan tại triều nước Vệ, không *tiến* được Cừ Bá Ngọc, *thoái* được Di Tử Hà thế là bấy tôi không khuyên răn nổi vua, thì khi ta nhắm mắt không được làm đủ lễ. Cứ để thầy ta dưới cửa sổ, thế là xong việc cho ta.

Lúc ông mất, người con cứ làm theo lời dặn. Vua Linh Công đến viếng thấy vậy, lấy làm *ngạc nhiên*. Người con đem lời *di chúc* của cha tâu lại. Vua *thất sắc* nói rằng:

- Ấy là cái lỗi của quả nhân!

Rồi sai người đem xác ông Sứ Ngư vào nhà, bắt *khâm liệm* và *mai táng* cho đủ lễ.

Sau quả nhiên vua Linh Công dùng Cừ Bá Ngọc mà bãi Di Tử Hà.

Khổng Tử nghe chuyện ấy, nói:

“Đời cổ những *gián quan* đến lúc chết là hết cả mọi việc, chưa có ai được như Sứ Ngư chết rồi mà còn dùng xác để can vua, làm cho vua phải cảm động mà nghe mình. Thế chẳng là *trung trực* lắm ư?”.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Tiến*: cử lên làm một chức gì. *Thoái*: trừ bỏ đi. *Ngạc nhiên*: ngỡ ngác kinh hãi không rõ đầu đuôi ra thế nào. *Di chúc*: lời lúc chết dặn lại. *Thất sắc*: mặt tự dưng tái đi. *Khâm liệm*: *khâm*: đồ bỏ khuyết xếp trên dưới bốn bên thầy người trong áo quan cho chặt; *liệm*: vải hay lụa để bó thầy người chết. *Mai táng*: chôn,

đắp thành mồ. *Gián quan*: chức quan chủ việc can ngăn vua mà đàn hặc các quan khi có nhầm lỗi. *Trung trực*: trung: hết lòng; trực: ngay thẳng.

LỜI BÀN: Đời quân chủ chuyên chế, phải có những chức gián quan thì mới có người hạn chế được quyền vua, can vua bỏ điều xằng, khuyên vua làm điều hay. Nếu can khuyên vua không được thì chẳng làm hết cái chức trách rất trọng của gián quan. Nhưng một đấng vua cứ nhất định không nghe, một đấng mình cố sức can mãi đến lúc chết chưa thôi, còn lấy xác can nữa, thì thực là đáng khen cái tâm chí sâu xa bền chặt ấy! Xem chuyện Sử Ngự lại nhớ chuyện bác sĩ Bergonié suốt đời hết lòng với khoa học, lúc chết, cũng hiến xác cho người ta mổ xẻ để nghiên cứu về y học. Như thế mới thực là những gương sáng tận tâm với chức vụ để cho thiên hạ soi chung.

20. YÊU NÊN TỐT, GHÉT NÊN XẤU

Trước, vua nước Vệ rất yêu *Di Tử Hà*. Cái phép nước Vệ, ai đi trộm xe của vua, thì phải tội chặt chân. Mẹ *Di Tử Hà* ốm nặng. Đêm khuya có người đến gọi, *Di Tử Hà* vội vàng lấy xe vua ra đi. Vua nghe thấy khen rằng:

- Có hiếu thật! Vì hết lòng với mẹ, mà quên cả tội chặt chân.

Lại một hôm, Di Tử Hà theo vua đi chơi ở ngoài vườn, đang ăn quả đào thấy ngọt còn một nửa đưa cho vua ăn. Vua nói:

- Yêu ta thật! Của đang ngon miệng mà biết để nhường ta.

Về sau, vua không có lòng yêu Di Tử Hà như trước nữa. Một hôm phạm tội, vua giận nói rằng:

- Di Tử Hà trước dám *thiện tiện* lấy xe của ta đi. Lại một bận dám cho ta ăn quả đào thừa. Thực mang tội với ta đã lâu ngày. Nói xong bắt đem ra *trị tội*. Ôi! Di Tử Hà ăn ở với vua trước sau cũng vậy, thế mà trước vua khen, sau vua bắt tội, là chỗ tại khi yêu khi ghét khác nhau mà thôi. Lúc được vua yêu, chính đáng tội thì lại hóa công thần; lúc phải vua ghét, chính không đáng tội thì lại hóa ra *sơ*; cho nên người muốn can ngăn, *đàm luận* với vua điều gì, thì trước phải xem xét cái lòng vua yêu hay ghét mình thế nào rồi hãy nói.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Di Tử Hà*: người thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Vệ. *Chặt chân*: một thứ hình trong năm hạng trọng hình đời cổ. *Thiện tiện*: chính mình không được làm như vậy mà cứ làm liều. *Trị tội*: đem luật hình ra mà trừng phạt, kẻ phạm pháp. *Sơ*: xa, hững hờ, ghét bỏ. *Đàm luận*: nói năng, bàn bạc.

LỜI BÀN: Sự yêu ghét thường làm cho người ta mờ đi, không rõ hẳn được cái giá trị của người được yêu hay bị ghét ra thế nào. Không nói gì yêu người này, ghét người nọ; cũng chỉ một người ấy, lúc yêu cho ra thế này, lúc ghét cho ra thế kia. Cái thói thường: yêu thì nên tốt, ghét thì nên xấu, khen chanh thì chanh ngọt, chê hồng thì hồng chua. Trong bụng đã thế, thì cư xử chắc cũng theo như thế, lúc yêu hậu bao nhiêu, thì đến lúc ghét lại bạc bấy nhiêu. Yêu nhau cau bảy bồ ba, ghét nhau cau bảy bồ ra làm mười. Lại chẳng những yêu ghét riêng một người ấy thường yêu ghét đến cả những sự hay những người có can thiệp đến người ấy, yêu nhau yêu cả tông chi, ghét nhau ghét cả đường đi lối về. Sự yêu, ghét làm cho ta thiên và nhảm như thế, cho nên ta muốn cho công bình, khi yêu khi ghét phải nên rõ cái giá của người được yêu hay bị ghét, biết chỗ phải cũng phải biết chỗ trái, biết chỗ trái cũng phải biết chỗ phải cho người ta mới được.

21. HÀ BÁ LẤY VỢ

Dân đất *Nghiệp* có tục cứ mỗi năm góp tiền mua một người con gái ném xuống sông để làm vợ cho Hà Bá. Sự mê tín ấy có đã lâu ngày, không ai phá nổi.

Lúc ông *Tây Môn Báo* đến làm quan ở đấy, ông *thân hành* ra đứng làm chủ lễ cưới cho Hà Bá. Trước mặt đông đủ cả *bô lão*, *hào trưởng*, ông đồng bà cốt,

ông cho gọi người con gái đến. Ông xem mặt xong, chê rằng: “Người con gái này không được đẹp! Ta nhờ bọn ông đồng xuống nói với Hà Bá xin hoãn lại hôm khác, để tìm người đẹp hơn”. Ông lập tức sai lính khiêng một ông đồng quăng xuống sông.

Một lúc, ông nói: “Sao lâu thế này!”. Rồi ông bảo đám bà cốt xuống nói hộ. Lập tức sai lính bắt một bà cốt ném xuống sông.

Một lúc, ông nói: “Sao không thấy tin tức gì cả! Chùng lũ đồng cốt xuống nói không nên lời. Dám phiền các cụ bà lão đi giúp cho”. Lại lập tức sai lính lôi một cụ vút xuống sông.

Một lúc, ông nói: “Sao mãi không thấy về thế này! Bọn đồng cốt, bà lão dễ đi cũng không được việc. Phải nhờ đến bậc hào trưởng mới xong”.

Lúc bấy giờ, bao nhiêu người đều xám xanh mặt lại, van lạy xin thôi, Tây Môn Báo nói: “Để thông thả ta xem *đã...*”. Mọi người run như cây sậy. Một chốc ông mới bảo: “Thôi tha cho. Thế là Hà Bá không lấy vợ nữa rồi”.

Thành thử từ đấy dân đất Nghiệp không ai dám nhắc đến chuyện Hà Bá lấy vợ nữa.

Sử Ký

GIẢI NGHĨA: *Nghiệp*: tên một huyện đời nhà Hán tức là huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam bây giờ.

Tục: thói quen lưu truyền lâu ngày đã thành nếp. *Hà Bá*: thân ở dưới nước. *Mê tín*: tin một cách mê muội không còn biết lẽ phải là thế nào nữa. *Tây Môn Báo*: người nước Ngụy thời Chiến Quốc làm quan rất giỏi, trừ được hại, hưng được lợi cho dân. *Thân hành*: chính mình đi làm lấy một việc gì. *Bô lão*: các cụ già. *Hào trưởng*: kẻ có quyền thế làm bậc trên trong dân làng.

LỜI BÀN: Sự mê tín thường làm hư người, tổn của, nát nhà, có khi mất cả mạng, thật là tai hại. Khi mê tín đã thành tục thì khó lòng mà phá nổi. Muốn phá, tất phải dụng tâm khéo làm sao mới được. Ông Tây Môn Báo sở dĩ mà phá nổi cái tục cưới vợ cho Hà Bá, là vì ông biết trừ tận cái gốc rễ; tức là đám đồng cốt quàng xiên, bọn cường hào ngoan cố, xưa nay quen thói cổ hoặc những nhiều người ta để kiếm ăn, để cầu lợi. Trừ hai hạng ấy để cứu vớt lương dân, chinh đồn phong tục thật là công minh và cương quyết vậy.

22. GHÉT CON KHÔNG GIỐNG MÌNH

Doãn Văn Tử sinh được một đứa con, không thấy giống mình, lấy làm giận lắm, thường đánh đập luôn. Một hôm đang cầm gậy đánh, thấy Tử Tư đến chơi, bèn nói rằng:

- Nó không giống tôi, không phải là con tôi. Tôi lại ngờ mẹ nó *ngoại tình* mà đẻ ra nó, nên tôi muốn bỏ...

Tử Tư hỏi:

- Cứ như ông nói, thì vợ vua Nghiêu, vua Thuấn cũng chẳng đáng ngờ ư? Hai ông là bậc *thánh đế* mà sao đẻ ra Đan Chu và Thương Quân thật không bằng kẻ *thất phu*. Như thế thì con cứ gì là phải giống cha? Cái đạo thường, thì phần nhiều cha mẹ làm sao đẻ con ra được như vậy. Nhưng cha *hiển* mà đẻ con *ngu*, thì cũng là cái thế thường tự nhiên như thế, chớ nào có phải tội tự người vợ đâu?...

Doãn Văn Tử nghe hiểu, nói rằng:

- Thôi, xin ông, đừng nói nữa.

Rồi về sau Văn Tử không bỏ vợ.

Khổng Tùng Tử

GIẢI NGHĨA: *Ngoại tình*: đàn bà có chồng mà ăn ở hai lòng còn chia tình với người ngoài nữa. *Thánh đế*: vua giỏi tài đức tuyệt vời. *Thất phu*: ngu đần, người hèn. *Hiển*: khôn ngoan tài giỏi hơn người. *Ngu*: đần độn u mê.

Khổng Tùng Tử: tên bộ sách, ba quyển, hai thiên của nhà bác sĩ là Khổng Phụ làm ra.

Khổng Phụ: tên Tử Ngư hay Tử Giáp, cháu đời thứ tám đức Khổng Tử.

LỜI BÀN: Có cha ấy tất phải có con ấy, thường thì vẫn thế. Nhưng không phải cái lý nhất định bao giờ cũng như thế. Có khi cha mẹ rất hay mà đẻ con ra rất

dở. Hồ phụ khuyến tử cũng nhiều, chớ ghét đứa con vì nó không giống mình, cầm gậy đánh nó, rồi lại rắp tâm đuổi mẹ nó đi, thì cũng chẳng là tự ái quá mà hóa ra si ư? Cha mẹ sinh con, trời sinh tính, cố nhiên là thế. Nhưng đẻ con phải dạy, dạy con là việc rất cần. Nếu đẻ con chẳng dạy, để vậy mà nuôi, rồi cứ trách con dở, giận con hư, đó là lỗi nặng của người làm cha mẹ vậy.

23. LỢN MẸ GIẾT CON

Họ Tử Xa có con lợn nái sắc đen tuyền đẻ một lứa ba con, hai con *đen tuyền*, một con *loang lỗ*. Lợn nái nuôi hai con lợn con giống mình rất chăm chỉ cẩn thận, hơi một tí cũng lo sợ. Còn con lợn loang lỗ khác mình thì ghét bỏ, sau cắn chết xé cả gan ruột nát nhừ mới thôi.

Tử Hoa Tử nói:

- Gớm thay *tâm thuật* hay *chuyển di*. Mắt đã mờ vì kẻ giống mình hay khác mình, thì bụng sanh ngay ra có kẻ yêu, kẻ ghét. Đã ghét, đến con ruột đẻ mà cũng hại cả con mà không *hối* hướng chỉ là người khác máu với mình. Người đời lúc *bình cư*, thì âu yếm *thân thiết*, *thể thốt* cùng nhau, *kiên cố* tưởng keo sơn cũng không bằng. Khi lâm đến *thế lợi*, chỉ chèn nhau bằng sợi tơ, sợi tóc, thì mặt đã đổi sắc, cơn giận nổi lên và tìm cách *tàn hại* nhau ngay lập tức. Gớm thay! *Tâm thuật* chuyển di, tưởng chẳng khác gì con lợn nái.

Tử Hoa Tử

GIẢI NGHĨA: *Tử Xa:* Quan Đại phu nước Tần. *Lợn nái:* lợn cái nuôi để lấy lợi. *Đen tuyền:* tiếng tuyền là chữ *toàn* nghĩa là vẹn đọc trạnh ra, đây nói suốt cả thân thể con lợn cùng một sắc đen. *Loang lỗ:* chỗ đen chỗ trắng, lợn như thế gọi là *lợn lang*. *Tâm thuật:* Cách nghĩ trong tâm não làm thế này thế kia. *Chuyển di:* rung động và thay đổi. *Hối:* nhâm lỗi mà biết ăn năn nghĩ lại. *Bình cứ:* ngày thường. *Thân thiết:* gần gũi đầm thắm. *Thể ước:* thể nguyên gần bó với nhau để làm một việc gì. *Kiên cố:* bền chặt. *Thế lợi:* quyền thế, tài lợi. *Tàn hại:* làm cho tan nát, khổ sở.

LỜI BÀN: Thói thường, đồng chủng đồng tông, hay đồng tình, đồng chí thì ưa nhau, mến nhau, còn ngoại giả, thì đem bụng ngờ vực, ghen ghét, coi người ta như cừ địch cả, thực là hẹp hòi đáng tiếc! Người quân tử không bao giờ lấy cái hình sắc khác nhau mà thành bụng yêu hay sinh bụng ghét, lại nhất là, không lấy cái tư tưởng thế lợi trái nhau mà lúc hợp, lúc ly, lúc thân, lúc sơ, lúc thể ước, lúc tàn hại nhau bao giờ. Người ta tuy không cùng nòi giống, cùng tư tưởng, cùng chí hướng với mình, nhưng người ta là hạng quang minh chính đại, mình cũng nên có lòng thân yêu, có lượng cao cả để đối với người ta thì mới đáng gọi là yêu đồng bào và trọng nhơn đạo. Nếu không thì tâm thuật lợn nái mất rồi!

24. GIÁP, ẤT TRANH LUẬN

Giáp hỏi Ất:

- Đúc đồng làm chuông, đeo gỗ làm dùi, lấy dùi đánh chuông tiếng kêu boong boong, thì tiếng kêu ấy là gỗ kêu hay là đồng kêu?

Ất đáp:

- Lấy dùi gõ vào tường vách không kêu, gõ vào chuông kêu, thế thì tiếng kêu ở như đồng.

Giáp hỏi:

- Lấy dùi gõ vào đồng *tiền trình* không kêu, thế thì có chắc tiếng kêu ở như đồng mà ra không?

Ất nói:

- Đồng tiền đặc, cái chuông rỗng, vậy tiếng kêu ở như các đồ vật rỗng mà ra.

Giáp hỏi:

- Lấy gỗ, lấy bùn làm chuông đánh không ra tiếng, thế thì có chắc tiếng kêu là ở đồ vật rỗng mà ra không?

Âu Dương Tu

GIẢI NGHĨA: *Tranh luận:* cãi nhau cho ra lẽ. *Tiền trình:* tiền đồng, có người có tiền đồng bên Trung Quốc đem sang ta đầu tiên là tiền đồng niên hiệu Càn Trinh nên gọi là tiền trình. *Âu Dương Tu:* Người đời nhà Tống thi đỗ Tiến sĩ làm quan Hiếu sử, là một nhà văn chương có tiếng.

LỜI BÀN: Cứ xem Giáp, Ất tranh luận, thì cũng phân vân không rõ tiếng kêu là tự chuông hay tự dùi ra. Chuông là đồng vốn kêu, nhưng không có dùi đánh vào, không kêu. Vậy có muốn tiếng kêu, tất phải có cả chuông cả dùi mới được. Tiếng kêu là gì? Chẳng qua là cái âm thanh từ hai vật chọi nhau, chạm vào nhau mà sinh ra. Tuy vậy, nếu nói tiếng kêu là tự cả chuông, cả dùi mà ra, thì hình như giữ cái chủ nghĩa “hai phải” trắng, đen là một. Thế mới hay: Lẽ phải không cùng, càng nghị luận lắm, có khi lại càng như bối rối thêm ra không tài nào gỡ nổi. Nên biết được thế nào, thì hay thế, chớ cứ chấp nhất câu nệ cho mình là phải không biết cái phần phải của người, thì là có tính thiên và lượng hẹp. Nói cho đúng: Muốn rõ vật lý, cần phải có khoa học. Không biết khoa học mà bàn luận vật lý, thì không tài nào xác thực được.

25. MẶT TRỜI XA, GẦN

Khổng Tử đi chơi *ra phía đông*, thấy hai đứa bé cãi nhau, hỏi tại làm sao, thì một đứa nói rằng:

- Tôi, thì tôi cho mặt trời, lúc mới mọc, ở gần ta hơn, về buổi trưa, ở xa ta hơn.

Còn một đứa nói:

- Tôi thì tôi cho mặt trời lúc mới mọc ở xa ta hơn, về buổi trưa, ở gần ta hơn.

Đứa trước cãi:

- Mặt trời lúc mới mọc to như cái bánh xe, đến giữa trưa, nhỏ như cái bát ăn, thế chẳng phải tại xa ta mới nhỏ, gần ta mới to là gì?

Đứa sau cãi:

- Lúc mặt trời mới mọc, thì mát mẻ, đến giữa trưa thì nóng nực, thế chẳng phải tại gần ta mới nóng, xa ta mới mát là gì?

Khổng Tử nghe nói, không *giải quyết* được ra làm sao.

Hai đứa bé cười, bảo:

- Thế thì cho ông là người *đa tri* thế nào được!

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Ra phía đông*: đi về con đường bên phương đông là phương mặt trời mọc, nên mới gặp hai đứa bé cãi nhau về mặt trời. *Giải quyết*: gỡ ra mối, nói ra lẽ và phán đoán nhất định, thế nào là phải làm cho những người ngờ vực hay phản đối nhau cũng phải phục. *Đa tri*: biết nhiều.

LỜI BÀN: Buổi sáng, buổi trưa, mặt trời ở cách trái đất cũng không phải lúc gần, lúc xa gì cả. Nếu buổi sáng, thấy mát, buổi trưa, thấy nóng hơn, chẳng qua là tại tia nóng mặt trời chiếu vào chỗ ta ở trên mặt trái đất, buổi sáng còn chệch, buổi trưa mới thẳng. Và chẳng buổi sáng, còn những sương móc ban đêm chưa tan hết cho nên mát hơn buổi trưa là lúc khí nóng tụ tích mãi

vào, cho nên nhiệt độ càng cao. Còn nếu buổi sáng, trông mặt trời to, buổi trưa trông mặt trời nhỏ, chẳng qua là một cõi hoãn hình của con mắt trông như thế mà thôi. Mặt trời đâu vẫn ở đó. Trái đất xoay chung quanh mặt trời. Lúc mặt trời mọc, con mắt trông chếch, đến buổi trưa con mắt trông thẳng mà lại trông qua tầng không khí, cho nên thấy to nhỏ khác nhau. Vậy chỉ tại người trông hóa to, nhỏ, chứ không phải chính mặt trời xa, gần gì cả... ấy đại để bây giờ thì ta GIẢI NGHĨA như thế. Nhưng ở vào cái đời ông Khổng, khoa học chưa có mấy, thì xem hai đứa bé suy lý với nhau, đứa nào cũng phải, khó lòng mà quyết định được thật. Và lại người ta thông minh, thánh trí đến đâu cũng không sao biết cho hết mọi sự vật được.

Vì rằng đời người sống có hạn, mà sự trí thức thì mông mênh không bờ bến nào!

26. CÁCH PHỤC LÒNG NGƯỜI

Mình làm người sang trọng giàu có, thì chớ nên *kiêu xa*.

Mình là bậc *thông minh tài trí*, thì chớ nên *khinh ngạo*

Mình có sức lực khỏe mạnh, thì chớ nên *đè nén* người.

Mình ăn nói *lanh lợi*, thì chớ nên *dối trá* người.

Mình còn kém, thì phải học, chưa biết, thì phải hỏi.

Đối với làng nước, thì phải giữ cái *trật tự* trên dưới.

Đối với người nhiều tuổi, thì phải giữ cái nghĩa con *em*.

Đối với người bằng vai, thì phải giữ cái nghĩa bầu bạn.

Đối với lũ trẻ thơ, thì phải dạy bảo *khoan dung*.

Như vậy thì ai cũng yêu, ai cũng kính, không ai tranh giành với mình. Tâm địa rộng rãi *thênh thang* như trời đất, thì bao bọc được cả muôn loài.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA: *Kiều xa:* kiêu: lên mặt khinh người; *xa:* hoang phí vô độ, khinh người rẻ của. *Thông minh tài trí,* sáng suốt, giỏi khôn. *Khinh ngạo:* rẻ rúng, coi thường. *Lanh lợi:* khôn ngoan, nhanh nhẹn. *Trật tự:* thứ bậc, trên dưới. *Khoan dung:* bao bọc, tha thứ. *Thênh thang:* rộng rãi phẳng phiu không có gì làm vướng bận cả.

Hàn Thi ngoại truyện: bộ sách chép những việc, những câu nói đời xưa, dưới mỗi bài có chứng dẫn mấy câu thơ của Hàn Anh làm. Hàn Anh người đời nhà Hán làm bác sĩ đời vua Văn Đế lấy những ý trong thơ của người ta mà làm Nội, Ngoại truyện, gọi là Hàn Thi, bây giờ chỉ còn ngoại truyện mà thôi.

LỜI BÀN: Muốn cho người tâm phục, không phải lấy tiền hay quyền thế mà khiến được, tất phải

biết cách cư xử với người cho phải đạo thì mới được. Bài này chính tóm tắt mấy câu về cái đạo ấy. Đoạn trên cốt ngăn ngừa mấy câu, cái ác tính thường kẻ hơn người hay mắc phải. Đoạn dưới nói các cách ăn ở với mọi bậc người trong xã hội. Nói tóm lại, khiêm nhã kính ái là một phương pháp rất hay để ở đời.

27. LÒNG CƯƠNG TRỰC

Thôi Trữ là *quyển thần* nước Tề, định giết vua Trang Công, bèn hội hợp *sĩ phu* lại *ăn thề*. Ai nấy đều sợ hãi, rã rập vâng lời. Duy có Ân Tử nghiêm nhiên như không, nhất quyết không chịu thề.

Thôi Trữ bảo Ân Tử:

- Người nghe ta. Ta lấy được nước, thì ta cho một nửa. Nhược bằng không nghe, ta giết ngay lập tức.

Lúc ấy, bốn mặt quân lính hầm hầm những muốn đưa gươm giáo ra đâm chém Ân Tử. Chết đến nơi, mà Ân Tử vẫn không biến sắc mặt, ung dung nói rằng:

- Lấy lợi nhử người ta, mà bảo người ta phản bội quân thượng là bất nhân; lấy binh khí hiếp người ta, mà làm người ta mất chí khí là bất dũng. Giết thì giết, ta đây không theo việc mà nhà người làm.

Thôi Trữ nghe nói, không dám làm gì Ân Tử. Ân Tử đứng dậy, ung dung bước ra.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA: *Cương trực:* cứng rắn, ngay thẳng. *Quyền thần:* người bấy tôi chiếm hết cả quyền của vua chúa. *Tề:* (Xem bài số 5). *Sĩ:* quan nhỏ. *Phu:* quan to. *Ăn thề:* giết một con vật lấy máu cùng uống mà thề ước với nhau làm một việc gì. *Phản bội quân thượng:* tráo trở hai lòng đối với bề trên. *Bất nhân:* mất hết lòng thương người. *Bất dũng:* không có can đảm, khí phách.

Tả truyện: sách của Tả Khuê Minh nhà Chu làm, kể những sự về lịch sử thời Xuân Thu.

LỜI BÀN: Cường quyền thường muốn át công lý, tuy vậy công lý vẫn hay uốn được cường quyền. Thôi Trữ mạnh biết bao nhiêu, mà chỉ một câu nói của Ân Tử cũng đủ làm cho phải lùi. Thế mới hay cái lòng người, cái lẽ phải có sức hơn là mũi gươm, ngọn giáo. Những người có lòng trung nghĩa, có tính cương quyết như Ân Tử, cứng như sắt, đỏ tựa son, dù nguy cấp thế nào cũng không đổi đại tiết chính là những người giữ được công lý để đối phó với cường quyền.

28. TRÍ, TRUNG, DŨNG

Nước Trần bị nước Sở đánh, phá tan mất cửa thành bên Tây. Sau đó, người Sở bắt dân nước Trần ra tu bổ lại cửa thành ấy.

Một hôm đức Khổng Tử đi xe qua đấy, không cúi đầu vào miếng gỗ trước xe. Thấy Tử Cống dừng cương lại, hỏi:

- Cứ theo lẽ, đi xe qua chỗ *ba người*, thì phải xuống, qua chỗ hai người, thì phải cúi đầu vào miếng gỗ trước xe để tỏ lòng kính trọng. Nay quan dân nước Trần sửa sang cửa thành biết bao nhiêu là người, thế mà thấy đi qua, không có lòng kính trọng, là cứ làm sao?

Khổng Tử nói:

- Nước mất, mà không biết, là *bất trí*; biết mà không lo liệu, là *bất trung*, lo liệu, mà không liều chết là *bất dũng*. Số người nước Trần tuy đông, mà ba điều ấy không biết được một, thì bảo ta kính làm sao được!”

Hàn Phú Tử

GIẢI NGHĨA: *Trần*: một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào địa phận Hà Nam và An Huy (TQ) bây giờ. *Sở*: (Xem bài số 9). *Tu bổ*: sửa sang, chữa lại. *Bất trí*: ngu dại không biết phải trái. *Bất trung*: Chénh mảng, không hết lòng với vua. *Bất dũng*: (Xem bài trên).

LỜI BÀN: Cứ theo cổ lễ rất phiền (ba người xuống xe!) nhưng Khổng Tử vốn là người hay giữ lễ, nên thấy Tử Cống mới hỏi. Khổng Tử đáp thế, ý hằn quan dân nước Trần bấy giờ ai nấy đều ra dáng vui vẻ, hình như không còn ai biết đến nước là gì. Nếu quả vậy thì có người cũng như không, ngại không kính rất phải. Vì rằng: “*Ngũ dân bách vạn vị chi vô dân*”, nghĩa là nhân dân ngu dại thì tuy dân số nhiều đến trăm vạn, cũng đáng bảo là không có người dân nào.

29. BIẾT LẼ NGƯỢC, XUÔI

Việc đời có lắm cái hình như ngược, mà thật thì xuôi có lắm cái hình như xuôi, mà thật là ngược. Ai biết rõ việc thật ngược, xuôi thế nào, người ấy mới là người tinh đời. Phàm cái gì đã đến cùng cực thì tất nhiên phải quay trở lại: *dài quá thì tất phải ngắn dần đi; ngắn quá thì tất lại dài dần ra*. Đó là cái lẽ tự nhiên như thế.

Vua Trang Vương nước Kinh muốn đánh nước Trần, sai người sang dò. Người ấy về nói: “Nước Trần không nên đánh”. Trang Vương hỏi: “Tại làm sao?”. Người ấy thưa rằng: “Nước Trần thành cao, hào sâu, kho tàng *súc tích* nhiều”.

Triều thần có người Ninh Quốc nói:

- Như thế, thì nước Trần nên đánh lắm. Nước Trần vốn là nước nhỏ, mà kho tàng *súc tích* nhiều, thì chắc là thuế má nặng. Thuế má nặng thì tất dân oán vua. Thành cao, hào sâu, thì *phục dịch* nhiều. Phục dịch nhiều, thì tất dân kiệt sức. Nếu ta đem quân sang đánh, tất lấy được Trần.

Vua Trang Vương nghe lời, cất quân đánh, quả lấy được nước Trần.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Dài quá thì...* : câu này ý nói đây, vơi, tròn, khuyết, dài, ngắn, thường hay đắp đổi cho nhau. Thí dụ như ngày hạ chí là ngày dài nhất trong

một năm, thì những ngày sau ngày hạ chí tất cứ mỗi ngày một ngắn dần lại; ngày đông chí là ngày ngắn nhất thì những ngày sau ngày đông chí lại dài dần mãi ra. *Kinh*: cũng là tên nước Sở. *Trần*: (Xem bài số 28). *Triều thần*: quan tại triều. *Súc tích*: chứa chất để dành. *Phục dịch*: làm các công việc vua quan như làm đường sá, đắp thành lũy, v.v...

LỜI BÀN: Bài này có hai đoạn: Đoạn trên nói cái lẽ ngược, xuôi, đoạn dưới dẫn một câu thí dụ. Ở đời có lắm cái tưởng là xuôi mà thực là ngược, có lắm cái cho là ngược mà thực là xuôi. Ngược, xuôi điên đảo rất là khó phân! Chỉ có người nào không chịu xét bề ngoài, biết cái đây, cái vơi, tròn, khuyết, dài, ngắn, đắp đổi cho nhau là mới đoán trúng được. Như người sứ đây, đến tận nơi, mắt trông thấy thế nào chỉ biết có thể thôi, chớ Ninh Quốc vẫn ở nhà, lấy cái lý đoán mà biết rõ được cái tình hình ở bên trong thực là người cao đoán vậy.

30. TÀI NGHỀ CON LỪA

Đất Kiếm xưa nay vốn không có lừa. Có người *hiếu sự* tải một ít lừa đến đấy nuôi.

Lừa thả ở dưới chân núi. Buổi đầu, hổ trong núi ra, trông thấy lừa cao lớn, lực lưỡng, tưởng loài *thần vật* mới *giáng sinh*. Lại thấy lừa kêu to, hổ sợ quá, cong đuôi chạy. Dần dần về sau hổ nghe tiếng, thấy lúc nào là kêu cũng thế lấy làm khinh thường. Một

hôm, hồ thử vờn, nhảy xông vào đầu lửa. Lửa giận quá, giơ chân đá, đá đi, đá lại, quanh quẩn chỉ có một ngón đá mà thôi. Hồ thấy vậy mừng, bụng bảo dạ rằng: “Tài nghệ con lửa ra chỉ có thế mà thôi”. Rồi hồ găm thét, chồm lên, vỗ lửa, cẩu lửa, cắn lửa, ăn thịt lửa, đoạn bỏ đi.

Liễu Tôn Nguyên

GIẢI NGHĨA: *Kiểm*: nước Sở thời Chiến Quốc, tức là huyện Nguyên Lăng, tỉnh Hồ Nam (TQ) bây giờ. *Hiếu sự*: hay bày việc, sinh việc. *Thần vật*: loài vật quái lạ. *Giáng sinh*: ở trên trời mới sinh xuống cõi trần.

Liễu Tôn Nguyên: tên tự là Tử Hậu, tinh nhanh tuyệt đời, văn chương nổi tiếng, đỗ Tiến sĩ, làm quan Thứ sử, là một bậc danh nhân đời nhà Đường.

LỜI BÀN: Bài này có ý nói: Ở đời có lắm người, lắm sự, lúc mới biết cho là lạ, thì còn ưa, còn sợ, đến lúc đã biết rõ rồi thì lại khinh thường, chẳng coi vào đầu nữa. *Nhác trông ngõ tượng tô vàng, nhìn ra mới biết chầu chàng ngày mưa*. Nhưng bài này lại có ý chê người khờ dại không biết giữ thân cho kín đáo để đến nỗi người ta dòm được tâm thuật của mình mà làm hại mình, như con lửa bị con hồ hại vậy. Những nhà làm văn vẫn thường hay dùng hai chữ “*kiếm lô*”, (lừa đất Kiếm) để chỉ những người tài nghệ kém cỏi, không có gì lạ.

31. ĐÁNH ĐÀN

Vua nước *Tề* thích nghe sáo. Có kẻ muốn cầu chút *công danh*, đem đàn đến đứng trước cửa nhà vua mà đánh. Đánh luôn ba năm, mà vua không hỏi tới. Anh ta giận lắm, gắt và nói rằng:

- Ta đánh đàn đến cả quỷ thần cũng phải say mê, thế mà vua không biết cho ta.

Có người nghe nói *mĩa*, bảo rằng:

- Vua thích nghe sáo mà bác đánh đàn, cho dù đàn bác hay đến đâu, nhưng vua không thích thì làm thế nào được? Thế là bác chỉ giỏi ngón đàn chứ không khéo cầu *công danh* ở nước *Tề* này vậy!

GIẢI NGHĨA: *Tề*: (Xem bài số 5). *Công danh*: *công*: là khó nhọc mà được việc; *danh*: là tiếng tăm; *công danh*: đem sự khó nhọc ra để được danh giá. *Mĩa*: có ý bới móc đến chỗ sai nhầm không hay của người ta.

LỜI BÀN: Đem đàn ra đánh cho người thích sáo nghe, mà cầu cho người ta ưa mình, thì chẳng là khờ vụng lắm ư! Cho nên mình tuy có tài, muốn thi thố cái tài, thì phải dò trước xem người dùng mình có ưa cái tài ấy không. Bằng không, mà mình cũng cứ phô tài thì chẳng những việc muốn cầu không được mà lại để thiên hạ người ta chê cười nữa.

32. THỐI SÁO

Vua Tuyên Vương nước Tề thích nghe sáo, vào lúc nào muốn nghe, bắt ba trăm người cùng thổi một loại. Trong bọn ba trăm người ấy, có *Đông Quách tiên sinh* không hề biết thổi sáo, nhưng cũng *lạm dự* vào đấy để kiếm lương ăn.

Đến khi vua Tuyên Vương mất, vua Mẫn Vương nối ngôi cũng thích nghe sáo. Nhưng chỉ muốn nghe riêng từng người một mà thôi. Đông Quách tiên sinh thấy thế, tìm đường trốn trước.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Tề:* (Xem bài số 5). *Đông Quách tiên sinh:* bây giờ các nhà làm văn thường dùng bốn chữ này để chế những người vô tài mà lạm dự vào một địa vị nào. Chính nghĩa bốn chữ ấy là nhà thầy (tiên sinh) họ Đông Quách hay ở ngoài thành bên phía đông (Đông Quách). *Lạm dự:* ăn may mà được hưởng một phần quyền lợi quá tài đức mình.

LỜI BÀN: Những kẻ vô tài, gặp may nhờ có dịp mà được làm quan, có khác gì Đông Quách tiên sinh nói trong truyện này? Những khi ồ ạt, gọi là có mặt cho đủ số, thì còn giữ được địa vị, chớ đến khi khảo sát từng người thì tài nào mà không bị thải!

33. NGƯỜI NƯỚC LỖ SANG NƯỚC VIỆT

Hai vợ chồng người nước Lỗ, chồng khéo đóng giày, vợ khéo đan mũ, muốn đem nhau sang kiếm ăn ở nước Việt.

Có người đến bảo rằng:

- Vợ chồng nhà bác đi chuyến này thế nào cũng *cùng khổ*.

Người nước Lỗ hỏi:

- Sao bác lại nói thế?

Người kia bảo:

- Giày dùng để đi, mà người Việt đi chân không, không thích đi giày; mũ dùng để đội, mà người Việt để đầu không, không cần đội mũ. Vợ chồng nhà bác làm giày, đan mũ giỏi thật, song đến ở nước người ta, người ta không dùng đến tài nghệ của mình thì làm thế nào mà không *khốn cùng*.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Việt*: tên các nước thời Xuân Thu ở vào tỉnh Chiết Giang, Giang Tô và một phần Sơn Đông (TQ) bây giờ. *Cùng khổ*: khốn khó, khổ sở. *Khốn cùng*: quần bách hết cách xoay sở.

LỜI BÀN: Đến chỗ đi đầu không mà bán mũ, đến chỗ đi chân không mà bán giày thì cũng giống như

mùa rét mà bán quạt, mùa nực mà bán chăn bông, tuy trái nơi và trái thời khác nhau, nhưng cũng là trái, không được việc cho mình, mà lại để tiếng cười cho thiên hạ nữa. Cho nên, người có tài phải tìm nơi đáng ở mà ở, chớ đem đàn mà gảy tai trâu thì có ích gì.

34. GIỮ LẤY NGHỀ MÌNH

Nước *Trịnh* có người học nghề làm dù che mưa ba năm mới thành nghề. Trời *đại hạn*, không ai dùng đến dù anh ta bèn bỏ nghề làm dù, đi học nghề làm gàu tát nước. Lại học ba năm mới thành nghề làm gàu, thì trời mưa luôn mãi không ai dùng đến gàu. Bây giờ anh ta lại quay về nghề làm dù như trước. Không bao lâu, trong nước có giặc, dân gian nhiều người phải đi lính, mặc đồ *nhung phục*, không ai cần đến dù, anh ta xoay ra nghề đúc binh khí thì đã già quách rồi.

Úc Ly Tử thấy anh ta, thương tình nói rằng:

- Than ôi! Bác chẳng đã già đời mất rồi ư! Già hay trẻ không phải là tự người mà tự trời, điều ấy đã *cố nhiên*. Nhưng nghề nghiệp *thành* hay *bại* dù lỡ thời không gặp dịp, cũng không nên đổ cả cho trời, tất có mình ở trong. Ngày xưa nước Việt có một người làm ruộng, cấy lúa chiêm ba năm đều hại vì lụt cả. Có người bảo anh ta nên tháo nước mà cấy mùa, anh ta không nghe, cứ cấy chiêm như trước. Năm ấy nắng to, mà

năng luôn ba năm, vụ chiêm nào cũng được, thành ra anh ta kéo lại hòa mấy năm mất mùa trước. Cho nên có câu rằng:

“Trời đại hạn, nghĩ đến sấm thuyền, trời nong nực, nghĩ đến sấm áo bông”, đó là một câu thiên hạ nói rất phải.

Lưu Cơ

GIẢI NGHĨA: *Trịnh:* tên nước chư hầu thời Xuân Thu, tức huyện Tân Trịnh, Hà Nam (TQ) bây giờ. *Đại hạn:* nắng to và nắng lâu ngày. *Nhung phục:* y phục nhà binh. *Úc Ly Tử:* tên một bộ sách của Lưu Cơ thác danh là Úc Ly Tử mà nói trong bài này. *Cố nhiên:* nhất định hẳn như thế, không khác được. *Thành:* làm nên, làm xong. *Bại:* hỏng nát. *Đại hạn sấm thuyền:* ý nói người ta cứ phòng xa là hơn, ở đời thường có cái sức đang đi thế này, tất có lúc đi ngược hẳn lại, như nắng lâu quá tất có lúc mưa lụt, nong nực quá tất có lúc giá rét, nên người không, lúc nắng lâu nghĩ sấm thuyền trước để phòng khi ngập lụt, lúc nong nực nghĩ sấm áo bông trước để phòng khi giá rét.

Lưu Cơ: người đời nhà Minh tên tự là Bá Ôn có công giúp vua Thái Tổ gây dựng nên nhà Minh, giỏi văn chương lại kiêm cả thiên văn, binh pháp.

LỜI BÀN: Người ta làm nghề gì, ai chẳng muốn cho nghề ấy được phát đạt, thịnh vượng. Song gặp thời thì hay, lỡ thời hóa dở. Như thế thì cái thời cũng là quan hệ với nghề của mình lắm. Khốn cái thời là tự

ở đâu đâu chớ không tự mình gây được, cho nên có lắm người làm nghề, không thành nghề, thường nói rằng: “*Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên*” nghĩa là người chỉ mưu tính công việc, còn công việc nên hay không nên, là do tại trời. Song, người có gan dù cho lỡ thời cũng cứ vững dạ mà giữ lấy nghề, vì nghề chắc đã thành, thì tất cũng có chốn dụng, chẳng chóng thì chày, chẳng nhiều thì ít. Chớ cứ nay làm nghề này, mai xoay nghề khác, như hòn đá lăn mãi không bao giờ mọc rễ, thì chỉ nhọc xác, già người mà vẫn không ăn thua gì cả.

35. CHUYỆN A LƯU

A Lưu là một tên *tiểu đồng* nhà ông Chu Nguyên Tố. Nó thực là ngây ngô, không được việc gì cả, mà ông Nguyên Tố vẫn nuôi nó suốt đời.

Lúc ông bảo nó quét nhà, nó cầm chổi quanh quẩn suốt buổi mà không sạch được một cái buồng con. Ông giận mắng, thì nó quăng chổi xuống đất, lẩm bẩm nói: “Ông quét giỏi, thì ông *phiền* tôi làm gì!”.

Khi ông đi đâu vắng, sai nó chực ngoài cửa, dù khách quen đến, nó cũng không nhớ được tên ai. Có hỏi thì nó nói: “Người ấy lùn mà béo - Người ấy gầy mà lấm râu - Người ấy xinh đẹp - Người ấy tuổi tác và chống gậy...” Đến ăn lúc nó liệu chừng không nhớ xuế, thì nó đóng cửa lại, không cho ai vào nữa.

Trong nhà có chứa một ít đồ cổ như chén, lọ, *đỉnh*, *đôn*. Khách đến chơi, nó đem bày ra cho xem. Lúc khách về nó lên đến gõ các thứ ấy mà nói: “Những cái này có khi bằng đồng mà sao nó đen sì lại thế này!”. Rồi nó chạy đi lấy cát, lấy đá, lấy nước để đánh.

Nhà có cái ghế gãy chân, ông sai đi chặt cành cây có chạc, để chữa lại thì nó cầm búa, cầm cưa đi khắp vườn. Hết ngày về, nó chìa hai ngón tay làm hiệu mà nói: “Cành cây có chạc đều chia trở lên cả, không có cành nào mọc chúc xuống đất”. Cả nhà ai cũng phải phì cười.

Trước sân có vài cây liễu mới trồng. Ông sợ trẻ lảng giềng đến nghịch hỏng, sai nó trông nom giữ gìn, đến lúc nó vào ăn cơm, thì nó nhổ cả cây lên mà cất đi một chỗ.

Công việc nó làm, nhiều chuyện đáng bật cười như thế cả.

Ông Nguyễn Tố là một người viết chữ *chân* tốt mà vẽ lại giỏi lắm. Một hôm, ông hòa phấn với mực để vẽ, thấy A Lưu đấy, nói đùa rằng: “Mày có vẽ được không?”. A Lưu đáp: “Khó gì mà không vẽ được”. Ông bảo vẽ thì A Lưu vẽ nét đậm, nét nhạt, nét xa, nét gần, như người xưa nay vốn đã biết vẽ. Ông thấy vậy thử luôn mấy lần, lần nào A Lưu vẽ cũng được như ý cả.

Tự bấy giờ, ông dùng đến A Lưu luôn không lúc nào là rời xa nữa. Sau A Lưu nổi tiếng là một nhà *danh họa*.

GIẢI NGHĨA: *Tiểu đồng:* thằng nhỏ giúp việc. *Phiên:* nhờ ai làm việc gì bận đến người ta. *Chức:* đứng sẵn một chỗ để nghênh tiếp ai. *Đỉnh:* cái vạc có ba hay bốn chân có nắp thường để đựng đồ ăn hay để đốt trầm. *Chữ chân:* lối chữ nho viết phân minh từng nét. *Danh họa:* một nhà vẽ giỏi có tiếng.

LỜI BÀN: Quét nhà suốt buổi không sạch được một cái buồng con; trông cây, lúc ăn cơm, nhổ cả cây đem vào, người mà ngốc như thế thì bảo còn dụng làm được gì nữa! Tuy vậy không nhớ tên người chỉ nhớ hình người, thấy cảnh mọc lên, không thấy cảnh chúc xuống, xem đồ vật biết phân biệt đồng hay đất, thế đủ hay A Lưu có cái trí khuynh hướng về nghề vẽ vậy. Ôi! Gỗ mục vứt đi người kiếm củi vẫn nhặt, đá cuội là xấu, thợ ngọc vẫn dùng. Trong trời đất thì không có vật gì là vật bỏ đi, huống chi là người ta tinh khôn hơn vạn vật, lại không được một điều gì khả thủ ư? A Lưu ngây dại, tưởng là người bỏ đi, thế mà được nổi tiếng về nghề họa, cũng là nhờ ông Nguyên Tố có lượng bao dung, biết dụng nhân như dụng mộc. Xem bài này thì cha mẹ dạy con, thầy dạy học trò chẳng nên tìm rõ cái sở trường của mỗi đứa mà dẫn dụ, mà luyện tập nó mặt ấy, ngay từ lúc còn trẻ tuổi để cho nó may có cơ thành tài được ru! Đã đành: *Thiên địa vô khí vật, thánh nhân vô khí nhân*, nhưng cốt phải biết: *nhân tài nhi đắc* (tùy theo cái tài mà bồi bổ khai phát cho nảy nở ra) thì tài mới thành được.

36. MẤT BÚA

Có người đánh mất cái búa, ngờ cho đứa con nhà láng giềng lấy trộm. Anh ta trông dáng nó đi, rõ ra đứa ăn trộm búa, nhìn về mặt nó, rõ ra đứa ăn trộm búa, thấy nó cất nhắc, hành động, không một tí gì là không rõ ra một đứa ăn trộm búa cả.

Được một lúc, người ấy bơi trong hồ lại thấy cái búa. Thì hôm sau, trông đứa con nhà láng giềng, ngôn ngữ, cử chỉ lại không một tí gì là giống đứa ăn trộm búa nữa.

LỜI BÀN: Người ta, khi mất một cái gì, thì một mất mười ngờ. Mà khi trong bụng đã ngờ vực, thì các ngoại vật cũng theo đấy mà biến đổi cả đi. Phàm tâm trí mình đã cảm giác làm sao, thì tự mình lại tưởng tượng một cái cảnh sắc hợp như thế. Người mình vui, thì mình thấy sự vật ngoài hình như cũng vui; người mình buồn thì mình thấy sự vật ngoài cũng buồn. Chẳng qua là tại tự mình in trí như vậy, chứ ngoại vật hồ đẽ đã có mối liên lạc mật thiết với mình mà thật thay đổi như thế đâu! Cái tâm chuyển thời hết thấy muôn pháp đều chuyển theo. Cho nên tâm cần phải chính. Tâm có chính thì tư tưởng hành vi mới thoát khỏi tà khúc được.

37. TƯỜNG ĐỔ

Nước Tống có người nhà giàu. Một hôm trời mưa, tường nhà anh ta đổ.

Đứa con nói:

- Thừa cha, không đắp ngay tường lại, e có trộm vào.

Người láng giềng thấy tường đổ, cũng nói:

- Nay bác, không đắp ngay tường lại, e có trộm vào.

Tường chưa kịp đắp, tối hôm ấy, nhà anh ta quả nhiên mất trộm thật.

Anh ta khen đứa con là khôn ngoan biết trước, mà ngờ người láng giềng là gian xảo làm xằng.

Cùng một câu nói; con nói thì khen là tinh khôn, láng giềng nói thì ngờ là trộm cắp, bởi tại cứ làm sao? Tại con thì tình thân, cho nên không có bụng ngờ, láng giềng là tình sơ, cho nên sinh ra ngờ vực. Thế cho nên phận sơ mà câu nói thân, thì thế nào cũng làm cho người nghe mình đem lòng nghi hoặc.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Tống*: (Xem bài số 3). *Thân*: người cùng một nhà, một họ. *Sơ*: người dưng nước lã. *Gian xảo*: dối trá, tai quái. *Nghi hoặc*: ngờ vực.

LỜI BÀN: Bài này cốt dạy ta phải thận trọng câu nói. Người láng giềng đây sở dĩ mà để người nhà giàu ngờ vực, là vì không được thân với người ta, mà nói

một câu ra chùng thân lắm, muốn lo việc của người như việc của mình, coi việc thiết đến người cũng như thiết đến mình vậy. Cho nên: Gặp người đáng nói mà không nói là bỏ hoài mất một người, thì gặp người không đáng nói mà lại nói, chẳng những là làm phí mất lời nói, mà lại để cho người ta sinh nghi tình ta nữa!

38. NGƯỜI CON CÓ HIẾU

Thấy *Tử Lộ* vào hầu Khổng Tử, nói rằng:

- Đội nặng đường xa, thì tiện đâu nghỉ đây, không đợi chọn chỗ rồi mới nghỉ. Nhà nghèo, cha mẹ già, thì con làm nên thế nào, hay thế ấy không đợi có quyền cao chức trọng mới chịu làm. Ngày trước Do này, *lúc song thân* còn cơm thường dưa muối, đường xa trăm dặm phải đội gạo để nuôi song thân. Lúc song thân mất, làm quan ở nước Sở, xe ngựa hàng trăm, *lương bổng* hàng vạn, ăn những miếng ngon, mặc những của tốt, mỗi khi nhớ đến song thân lại muốn dưa muối, đội gạo để nuôi người như trước, thì không sao được nữa! Cha mẹ tuổi già như *bóng qua cửa sổ*. *Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, con muốn nuôi mà cha mẹ không còn sống.*

Khổng Tử nói:

- Do, nhà người phụng sự song thân như thế rất là phải. Lúc người còn, thì hết lòng phụng dưỡng, lúc người mất thì hết lòng thương tiếc.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Tử Lộ:* người thời Xuân Thu, học trò Khổng Tử, tính hiếu thảo, hùng dũng, có tài chính sự. *Song thân:* song: hai; thân: cha mẹ. *Lương bổng:* thóc gạo, tiền bạc cấp cho quan lại. *Bóng qua cửa sổ:* bóng đây là bóng mặt trời, ý nói thời giờ chóng quá, cùng nghĩa như câu: ngựa phi qua khe cửa. *Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, con muốn nuôi mà cha mẹ không còn sống:* hai câu này dịch ở hai câu chữ là: *Thụ dục tinh nhi phong bất đình, tử dục dưỡng nhi thân bất tại:* câu trên nói ví, câu dưới nói sự thực cha mẹ không sống lâu cho con được phụng dưỡng như gió im để cây được đứng yên.

LỜI BÀN: Khi cha mẹ còn, hết lòng nuôi nấng, khi cha mẹ mất, hết lòng thương nhớ, đó thực là cái đạo hiếu của con đối với cha mẹ vậy. Làm trái lại hẳn như thế là bất hiếu, mang một cái tội rất to! Làm trái lại một nửa như thế, nghĩa là lúc cha mẹ còn, thì thờ ơ chảnh mắng, lúc cha mẹ mất thì “*mâm cao cổ đầy, làm văn tế ruồi*”, như thế cũng là bất hiếu. Cho nên người con có hiếu còn cha mẹ ngày nào nên mừng ngày ấy kíp ăn ở cho trọn đạo, chớ để đến lúc cha mẹ mất rồi, có hối lại cũng không sao được nữa. Vì rằng làm con mà được còn có cha mẹ để báo đáp là một việc sung sướng ở đời mà cũng là có duyên có phúc nữa.

39. THẦY TĂNG SÂM

Thầy Tăng Sâm bữa cỏ ruộng dưa lỗ tay làm đứt mất ít rễ. Cha là Tăng Tích giận, cầm gậy đánh vào

lưng. Tăng Sâm đau quá, ngã gục xuống, điếng đi một lúc mới hồi lại.

Khi về nhà, liền đến thưa với cha rằng:

- Lúc nãy con có tội để đến nỗi cha phải đánh, làm đau tay cha, thực là con lỗi đạo.

Nói xong lúi xuống vừa gảy đàn vừa hát, có ý để cha nghe tiếng, biết bao rằng mình không còn đau đớn gì nữa.

Đức Khổng Tử nghe thấy chuyện ấy, bảo học trò cấm cửa không cho Tăng Sâm vào.

Tăng Sâm tự nghĩ mình *vô tội*, mượn bạn lại hỏi vì cớ gì mà ngài giận.

Khổng Tử nói:

- Ngày trước ông Thuấn *phụng sự* cha là Cổ Tấu, lúc cha sai khiến gì, ở luôn bên cạnh; lúc cha giận dữ muốn giết thì lánh xa; cha đánh bằng roi vọt thì cam chịu; đánh bằng gậy gộc thì chạy trốn. Thế cho nên ông Cổ Tấu không mang tiếng *bất tử*. Nay Sâm thờ cha liêu minh để chiều cơn giận đến nỗi ngắt đi. Giá lẽ cha đánh quá tay mà chết mất thì có phải là làm cho cha mắc tội không? Tội bất hiếu còn gì to hơn nữa!

Tăng Sâm nghe lại chuyện, biết là mình nhầm lỗi, đến *tạ tội* Khổng Tử.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Tăng Sâm*: (Xem bài số 12). *Hỏi*: tình lại. *Vô tội*: không tội lỗi gì. *Thuấn*: tên vua đời nhà

Ngu. *Phụng sự*: ăn ở kính thuận. *Bất từ*: không có lòng yêu thương con. *Tạ tội*: tự biết là trách mà đến xin lỗi. *Thuyết Uyển*: bộ sách 2 quyển của Lưu Hưởng đời Hán soạn, ghi chép những việc đạo đức đáng dạy người ta.

LỜI BÀN: Người làm con có hiếu thì dầu vì cha mà phải hy sinh tính mệnh cũng không có gì là quá lạm. Song, liễu mình mà cứu cha mẹ trong khi nguy cấp là chí hiếu, thì để cha mẹ nhân cơn giận dữ đánh đập, lỡ hại đến tính mệnh thì chẳng những là bất hiếu mà lại còn mang tiếng hãm cha mẹ vào tội bất từ nữa. Ông Sâm rất hiếu nhưng chưa phải cách, ông Thuần cũng hiếu nhưng biết phải trái. Kẻ làm con khi thấy cha mẹ làm trái, còn có chức trách phải liệu đường trốn tránh hay ủy khúc can ngăn mà vẫn không mắc tiếng bất hiếu.

40. ÔNG QUAN THANH BẠCH

Dương Chấn được bổ đi làm *Thái thú* quận Đông Lai. Lúc đi *phó nhậm*, qua đất Xương ấp, quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước được nhờ ông để *bạt* cho, vào *yết kiến*. Rồi đợi đêm khuya lại đem vàng đến lễ.

Dương Chấn bảo:

- Trước tôi biết ông là người khá, mới cử ông lên, thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng đến cho tôi ư?

Vương Mật cố nài, thưa rằng:

- Xin ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết.

Dương Chấn nói:

- Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết?

Vương Mật nghe nói xấu hổ lui ra.

Dương Chấn thật là một ông quan thanh liêm, chỉ chăm việc dân việc nước, không tham nhũng, không làm giàu cho mình. Ông thường nói: “Làm quan mà để được tiếng thanh bạch cho con cháu, chẳng quý hơn là để của, ruộng nương lại cho chúng”.

Hậu Hán Thư

GIẢI NGHĨA: *Thanh bạch:* thanh: trong; bạch: trắng; giữ được phẩm hạnh trong sạch không có tì tích gì. Người làm quan mà thanh bạch, nghĩa là không làm điều khuất khúc, không ăn lễ của dân là người thanh liêm. *Thái thú:* chức quan đời xưa cũng giống như tri phủ bây giờ. *Để bặt:* cất nhắc một người hoặc còn hàn vi hoặc phải yêm trệ lên một địa vị nào. *Yết kiến:* vào hầu người trên. *Cử:* cất nhắc. *Tham nhũng:* tham: thích của không chán, *nhũng:* quấy rối.

LỜI BÀN: Làm quan như ông Dương Chấn đối với người đã để bặt, không cần ơn, đối với dân mình cai trị, không ăn lễ lúc đêm khuya, tấm lòng cũng rõ

rệt như lúc thanh thiên, bạch nhật, chẳng cũng là một ông quan thanh liêm đáng làm gương cho bọn quan tham, lại nhùng muôn đời ư! Làm quan mà vơ vét cho nhiều, chính mình chắc đâu đã giữ được, huống chi còn mong để lại cho con cháu. Như thế để lại cho chúng cái tiếng thanh bạch thơm tho cho muôn thuở chả hơn là cái của phi nghĩa chỉ tổ làm cho chúng kiêu sa dâm dật rồi đi đến bại vong ư!

41. KHÔNG NHẬN CÁ

Công Nghi Hưu làm tướng nước *Lỗ*, tính hay thích ăn cá. Một hôm có người đem cá biếu, ông lại không nhận. Em ông lấy làm lạ, hỏi:

- Anh sở thích ăn cá, người ta đem cá cho, sao anh lại không nhận?

Công Nghi Hưu nói:

- Người ta đem cá cho chắc có ý cầu ta việc gì. Nếu ta nhận, tất ta phải giúp việc người. Giúp việc người, lỡ làm trái phép thì đến mất quan. Mà mất quan thì chẳng những không có cá hiểu, mà đến cá mua lấy cũng không có nữa. Cho nên ta không nhận cả, chính là ta muốn được có cá ăn lâu dài mãi mãi đó.

Ông *Lão Tử* xưa có câu rằng:

- Để thân mình lại sau, thế mà thân mình đứng trước;
gác thân mình ra ngoài, thế mà thân mình vẫn còn.

Thế chẳng phải là bởi mình không có lòng riêng mà được thỏa lòng riêng của mình ư?

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA: *Công Nghi Hưu*: làm tướng cho Mục Công nước Lỗ đời Chiến Quốc. Ông là người tính khí điềm đạm, công minh giữ phép, không cùng dân tranh lợi. *Lỗ*: (Xem bài số 5).

LỜI BÀN: Làm quan như Công Nghi Hưu thật là thanh liêm. Dù đến con cá (trong sách không nói rõ cá gì) là vật nhỏ mọn mà ông cũng còn cân nhắc không chịu nhận. Ông hiểu cái lẽ rằng: Người ta vì mình, mà chiều mình chỉ được có một thời, sao cho bằng chính mình trọng lấy mình, mới là kế lâu dài mãi mãi.

Thiên hạ chưa lo đến mà mình đã lo trước cho thiên hạ; thiên hạ đã vui rồi, mà mình mới vui sau thiên hạ, thế là hành gác thân mình ra ngoài để thân mình lại sau mà không có điều gì riêng tư vậy. Khi thân mình lại được trước, lại vẫn còn thì lòng riêng gì của mình mà không thỏa. Nếu làm quan mà chỉ chăm chăm hại người để cầu lợi riêng cho mình thì người còn bụng chết, tự cho là sướng mà kỳ thật có gì sung sướng đâu?

42. CỬA BÁU

Nước Tống có người được hòn ngọc, đem biểu quan *Tư thành* là Tử Hân. Tử Hân không nhận. Người biểu ngọc thưa rằng:

- Ngọc này tôi đã đem cho *thợ ngọc* xem, quả là một thứ ngọc rất báu, mới dám đem dâng quan lớn, xin quan lớn nhận cho tôi được vui lòng.

Tử Hân nói:

- Người cho ngọc là *của báu*, ta cho tính không tham là của báu. Người đem ngọc cho ta, nếu ta nhận thì hai bên cùng mất cả của báu. Ấu là người cứ đem về. Ai giữ lấy của báu của người ấy, như thế của báu của hai người đều còn cả, thì chẳng là hơn ư!

Người biểu ngọc cúi đầu thưa:

- Chúng tôi là thường dân mà lại có ngọc này, *chỉn* sợ bị trộm cướp mà có khi hại đến thân...

Tử Hân thấy thế, lưu người ấy lại, gọi thợ ngọc đến giữa ngọc, bán được tiền rồi, bèn đưa cho người ấy để làm giàu.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA: *Tống*: (Xem bài số 3). *Tư thành*: quan coi thành. *Thợ ngọc*: thợ mài giữa và làm các đồ bằng ngọc. *Của báu*: những vật quý giá và người có lòng yêu chuộng. Tiếng báu là bởi chữ *bảo* ra. *Chỉn sợ*: sợ rồi có lẽ xảy ra như thế, tiếng *chỉn* có khi dịch chữ *đãi* ra.

LỜI BÀN: Đã là người ai cũng có hiếu thượng, cái hiếu thượng ấy tức là của báu của mình. Nhưng hiếu thượng không ai giống ai. Người kiến thức thô bỉ, thì hiếu thượng thô bỉ, người kiến thức cao minh, thì hiếu

thượng cao minh. Kẻ dâng ngọc chỉ biết ngọc là báu, nhưng người không nhận ngọc, lại cho thanh liêm mới là báu. Làm quan mà ai cũng có tính nhất quyết không nhận lễ vật của dân như Tử Hân, lại có lý hiểu rõ được nguyện vọng của dân như Tử Hân, có bụng che chở gây dựng cho dân như Tử Hân nói trong truyện này, thì dân nào chẳng kính, chẳng trọng, chẳng yêu quan như cha mẹ, sợ quan như thần mình!

43. BIẾT RÕ CHỮ “NGHĨA”

Hoa Hâm chạy loạn, cùng đi với một bọn sáu bảy người. Giữa đường gặp một người lạ, cũng chạy loạn, đến kêu nài, xin *nhập bọn*. *Chúng* lấy làm ái ngại, thuận cho. Một mình *Hoa Hâm* nói:

- Không nên, đang bước *nguy hiểm*, sinh, tử, họa, phúc có nhau, ta đi bấy nhiêu người cũng như một người vậy. Bây giờ *vô cố* nhận một người lạ, lỡ *khi* xảy ra việc gì, thì có bỏ được người ta không?

Chúng *bất nhẫn* cố nói với *Hoa Hâm* cho người kia cùng đi. *Hoa Hâm* bằng lòng.

Người kia đi được một quãng đường, chẳng may sa chân ngã xuống giếng. Cả bọn muốn bỏ mặc để đi cho rảnh thân. Một mình *Hoa Hâm* nói:

- Không nên. Người ta cùng đi với mình là người bạn mình. Người ta gặp sự chẳng may như vậy, mà mình bỏ người ta sao cho đành!

Nói rồi, bảo bấy nhiêu người cùng ở lại vớt người kia lên. Sau cứu mãi không được, Hoa Hâm lại bảo phải ở lại *mai táng* chu tất rồi mới đi.

GIẢI NGHĨA: *Hoa Hâm*: người cuối đời nhà Đông Hán, học giỏi, làm quan đến chức Thượng Thư Lệnh. *Nhập bọn*: vào với một bọn nhiều người. *Chúng*: nhiều, đây chỉ bọn người cùng đi với Hoa Hâm. *Nguy hiểm*: cheo leo, có thể hại đến sức khỏe hay tính mệnh được. *Vô cố*: không có cố gì. *Bất nhân*: không nỡ, không đành để như thế. *Mai táng*: chôn rồi lấp đất thành mộ.

LỜI BÀN: Vô cố cho một người lạ nhập bọn, nghĩa cũng không nên, một là e xảy ra sự gì hại đến thân mình, hai là sợ không được thủy chung với người ta. Đã nhận người ta đi với mình một bọn, giữa đường người ta gặp sự chẳng may mà bỏ mặc người ta, nghĩa lại càng không nên lắm, vì như thế là bạc ác, bất nhân, chỉ biết nhau trong lúc vô sự, đến khi nguy hiểm rồi lại bỏ nhau. Biết được cái đạo không nên nhận và cái đạo đã nhận như Hoa Hâm đây mới thực là người hiểu rõ chữ “nghĩa” tức là hiểu việc nên làm thế nào mới là phải vậy.

44. TRI KỶ

Bảo Thúc chết, *Quản Trọng* thương tiếc, khóc như mưa, ướt đầm cả vạt áo.

Có người hỏi:

- Ông với Bảo Thúc không phải là họ hàng *thân thích* gì, mà sao ông thương khóc quá như vậy?

Quản Trọng nói:

- Người không rõ, để ta nói cho mà nghe. Ta lúc nhỏ khốn khổ, thường buôn chung với Bảo Thúc, lúc chia lãi, bao giờ ta cũng lấy phần hơn, mà Bảo Thúc không cho ta là *tham*, biết ta gặp cảnh *quần bách bất đắc dĩ* phải lấy thế. Ta ở chỗ chợ búa thường bị lắm kẻ nạt dọa, Bảo Thúc không cho ta là nhát, biết ta có lượng *bao dung*. Ta bàn việc với Bảo Thúc, nhiều khi việc hỏng, Bảo Thúc không cho ta là ngu, biết có lúc may, lúc không may cho nên công việc *thành hay bại*. Ta, ba lần ra làm quan, ba lần bị bãi, Bảo Thúc không cho ta là *bất tiểu*, biết ta chưa gặp thời, chưa tìm được vua giỏi. Ta ra trận ba lần đánh thua cả ba, Bảo Thúc không cho ta là *bất tài*, biết ta còn mẹ già phải *phụng dưỡng*.

Ta *nhẫn nhục* thờ vua Hoàn Công, Bảo Thúc không cho ta là vô sỉ, biết ta không giữ *tiểu tiết*, có chí làm ích lợi cho cả thiên hạ... Sinh ra ta là cha mẹ, biết ta là Bảo Thúc. Mà đối với người biết mình, mình đem cả *tính mệnh* ra hiến còn chưa cho là quá, *huống chi* thương khóc thế này đã thấm vào đâu!

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Bảo Thúc*: tức Bảo Thúc Nha thường còn gọi là Bảo Tử, người giỏi nước Tề, tiến Quản Trọng cho Hoàn Công dùng. *Quản Trọng*: tên là Di Ngô người

nước Tê làm tướng giúp Hoàn Công, giỏi có tiếng. Thân thích: người có họ nội hay họ ngoại với mình. *Tham*: muốn được nhiều, được mãi. *Quần bách*: tưng bán không biết xoay sở thế nào cho đủ tiền tiêu dụng. *Bất đắc dĩ*: không thể làm sao khác được như thế. *Bao dong*: rộng lượng, không chấp những điều người ta phạm lỗi với mình. *Thành*: làm nên. *Bại*: hỏng việc. *Bất tiểu*: người không ra gì. *Phụng dưỡng*: nuôi nấng tôn kính. *Vô sỉ*: không biết xấu hổ. *Tiểu tiết*: những việc nhỏ nhặt. *Tính mệnh*: mạng người. *Huống chi*: lại thêm một lẽ nữa.

LỜI BÀN: Khó thật! Ở đời mình giao thiệp với nhiều người, bạn bè tưởng vô số, nhưng hồ dễ đã được mấy người thực gọi là tri kỷ. Thế nào là tri kỷ? Tri kỷ là người biết mình, nghĩa là đồng thanh, đồng khí, đồng chí, đồng tâm với mình, chơi với mình rất thân thiết bao bọc che chở cho mình, lúc sống phúc cùng hưởng họa cùng đau, lúc chết tưởng có chết được với nhau cũng không hối. Quý thật! Người tri kỷ! Cho nên cổ nhân có câu nói: “*Đắc nhất tri kỷ, khả dĩ bất hận*” nghĩa là ở đời có được một người tri kỷ cũng không còn ân hận gì nữa; lúc sống có được một người biết mình thì mình chết cũng không lấy làm uổng đời!

45. CẢM TÌNH

Có một người nước Yên lúc sinh thì sinh ở nước Yên; lúc lớn lên thì sang ở nước Sở, lúc già lại trở về cố

quốc. Khi đi qua nước Tấn (gần nước Yên) bạn cùng đi đường chỉ vào cái thành mà nói dối anh ta: “Đây là thành nước Yên”. Anh ta buồn rầu, khác hẳn sắc mặt. Chỉ vào nền xã, nói: “Đây là nền xã làng anh”. Anh ta ngâm ngùi than thở. Chỉ vào cái nhà, nói: “Đây là nhà của ông cha anh”. Anh ta rũ rượi rơm rớm nước mắt. Chỉ vào cái gò, nói: “Đây là mồ mã ông cha anh”. Anh ta òa lên khóc.

Bọn cùng đi ai nấy phì cười, nói: “Chúng tôi nói đùa ấy. Đây mới là nước Tấn, chưa phải là nước Yên”. Anh ta nghe nói lấy làm bẽ lên.

Kịp khi về đến nước Yên, anh ta trông thấy thật là thành, là xã nước Yên, thật là nhà cửa, mồ mã của ông cha thì lòng cảm thương lại hờ hững không còn được như trước nữa.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Yên*: một nước mạnh trong bảy nước thời Chiến Quốc, tức là Phụng Thiên, Trực Lệ và một phần phía Bắc nước Triệu Tiên (Cao Ly bây giờ). *Sở*: (Xem bài số 9): *Tấn*: một nước đời Xuân Thu, đến đời Chiến Quốc bị họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy lấy mất và chia làm ba nước, ở vào tỉnh Sơn Tây và một phần Trực Lệ bây giờ. *Cố quốc*: nước nhà, khi mình ở nước ngoài thì gọi bản quốc là cố quốc. *Thành*: một nơi đắp cao, quân quan đóng ở trong để giữ cho một tỉnh hay một xứ được bình yên. *Xã*: nền đất đắp lên để tế hậu thổ.

LỜI BÀN: Thường con người ta, ai cũng sẵn mỗi cảm tình, khi gặp thời, gặp cảnh xúc động đến, thì mỗi cảm tình ấy tất chứa chan, đầy rẫy hiện ra bên ngoài. Tuy vậy, mỗi cảm tình đã dùng nhầm thì sau này không còn được như trước. Một người đã đem bụng trung thành thờ kẻ vô đạo, một người đã để lòng ân ái thương gái bất trinh, dù về sau, gặp được bậc anh quân hay người thực nữ, thì mỗi cảm tình cũng không còn được đậm thắm như xưa. Chẳng khác nào như người nước Yên này, đã đem hết nước mắt khóc chỗ giả dối mà không biết, đến khi gặp sự thực, thì lại hình như cạn hết nước mắt rồi. Cho nên đối với tính tình, người ta có thể lấy học thuật mà di dưỡng, lấy lễ nghĩa mà tiết chế, thì tính tình dùng mới chính đáng và thuần túy được. Xưa nay, thánh hiền hào kiệt đều là người biết lý hội tính tình cả.

46. VÌ NGHĨA CÔNG, QUÊN THÙ RIÊNG

Đời nhà Đường, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật cùng làm phó tướng của An Tử Thuận. Tính hai người vốn không ưa nhau; nhiều khi, tuy cùng đi với nhau một xe, ngồi với nhau một tiệc mà vẫn như *cừu địch*, không ai đàm đạo với ai cả.

Sau Tử Nghi được lên làm tướng thay Tử Thuận. Quang Bật sợ Tử Nghi hại mình, *quả cảm* đến nói rằng:

- Phần tôi dù chết cũng *cam tâm*, nhưng xin rộng lượng đừng hại đến vợ con tôi là kẻ vô tội.

Tử Nghi thấy nói, chạy ngay lại, cầm tay Quang Bật thưa rằng:

- Tôi đâu dám đem lòng oán hận riêng mà nữ hại ông. Hiện nay trong nước loạn lạc, vua tôi lo và nhục, không ông thì không ai gánh nổi *việc thiên hạ*...

Nói xong nước mắt giàn giụa, rồi lại lấy những điều trung nghĩa khuyên răn, và lập tức cất Quang Bật lên làm chức *Tiết độ sứ*.

Từ đó hai người *tuyệt nhiên* không chút nào ghen ghét, ngờ vực nhau, chỉ cùng nhau một lòng đánh giặc, yên dân, giúp vua trị nước.

GIẢI NGHĨA: *Đường:* một nhà thống trị nước Trung Hoa (618-901) sau CN. *Cừu địch:* người thù hằn đối đầu với mình. *Đạo:* *đàm:* bàn; *đạo:* nói. *Quả cảm:* bạo dạn không còn do dự, e sợ gì. *Cam tâm:* *cam:* ngọt; *tâm:* lòng; vui lòng mà chịu một việc gì thiệt hại khổ sở đến mình. *Việc thiên hạ:* đây là việc cả nước. *Tiết độ sứ:* tên quan đời nhà Đường được quyền tự chủ coi một địa phương về việc chính trị, lý tài. *Tuyệt nhiên:* thôi hẳn, không còn một tí nào nữa.

LỜI BÀN: Thù riêng cá nhân là việc nhỏ mọn, nghĩa công đối với cả nước là việc rất trọng. Biết quên thù riêng để làm nghĩa công như Quách Tử Nghi,

Lý Quang Bật, thật là đáng khen vậy. Nghĩ đến thân, đến nhà trước, đến quốc gia sau cũng là nghĩa, song nghĩa hẹp mà gọi là tư. Nghĩ đến quốc gia trước, đến thân, đến nhà sau cũng là nghĩa song nghĩa rộng mà gọi là công. Quốc gia hay, dở, một kẻ bình dân cũng có trách nhiệm, huống chi là người gánh vác được việc quốc gia như Tử Nghi và Quang Bật. Ôi! Nước là cái thành để giữ thân giữ nhà, không biết trọng nước tức là khinh thân, khinh nhà vậy. Tiếc thay cho những kẻ chức trọng, quyền cao, đối với bản thân, với nhà thì việc nhỏ mọn cũng lấy làm lo lắng quan tâm, mà đối với quốc gia thì việc dù to lớn đến đâu cũng xem thường, xem khinh, chỉ thù hằn nhau, khuynh loát nhau, không biết đồng tâm hiệp lực lo liệu việc dân việc nước, thật là nhầm to vậy.

47. DUNG NGƯỜI ĐƯỢC BÁO

Vua Trang Vương nước Sở cho các quan uống rượu. Trời đã tối, đang lúc rượu say, đèn nến bỗng bị gió tắt cả. Trong lúc ấy, có một viên quan *thừa cơ* kéo áo *cung nữ*. Người cung nữ nắm lấy, giật đứt dài mũ, rồi tâu với vua rằng:

- Có kẻ kéo áo ghẹo thiếp. Thiếp giật được dài mũ. Xin cho thắp đèn ngay để khám xem ai đứt dài mũ, thì chính là kẻ ghẹo thiếp...

Vua gạt đi nói:

- Thôi. Không làm gì! Cho người ta uống rượu, để người ta say, quên cả lễ phép, lại nở nào vì câu chuyện đàn bà mà làm sỉ nhục người ta!

Rồi lập tức ra lệnh rằng:

- Ai uống rượu với *quả nhân* hôm nay mà không say đến đứt đứt dải mũ là chưa được vui.

Các quan theo lệnh, đều đứt dải mũ cả. Nên suốt tiệc hôm ấy được vui vầy ổn thỏa.

Hai năm sau, nước Sở đánh nhau với nước Tấn. Đánh luôn năm trận, mà trận nào cũng thấy một viên quan võ liễu sống, liễu chết xông ra trước mà đánh rất hăng, làm cho quân Tấn phải lùi. Vì thế mà quân Sở được. Trang Vương lấy làm lạ cho đòi viên quan ấy lại hỏi:

- Quả nhân đãi nhà ngươi cũng như mọi người khác, cứ sao nhà ngươi lại hết lòng giúp quả nhân khác người như vậy?

Viên quan thưa rằng:

- Thần ráp tằm muốn đem tính mệnh để hiến nhà vua đã lâu. Mãi đến bây giờ mới gặp dịp báo đền nghĩa xưa, thực là may cho thần lắm... Thần là Tưởng Hùng, chính là người trước bị đứt dải mũ mà nhà vua không nở làm tội đấy...

Đào Ngột (Sở Sử)

GIẢI NGHĨA: *Dụng người được báo: rộng lượng tha lỗi cho người, được người tìm cách báo đền. Thưa*

cơ: nhân dịp tốt. *Cung nữ*: con gái đẹp hầu vua ở trong cung. *Quả nhân*: tiếng vua tự xưng với thần hạ và lấy ý khiêm tốn là người ít đức. *Tấn*: (Xem bài 45). *Hiển*: dâng biểu.

LỜI BÀN: Ông vua không làm tội người công thần ghẹo cung nữ thực là có độ lượng, bao dung được lỗi của người. Người ghẹo cung nữ không quên cái ơn đã chịu, tìm cách để báo đáp, thực là có nghĩa, tỏ được cái bụng trung thành với người gia ơn. Có vua ấy tất có tôi ấy, vua tôi như thế thì nước đời nào mất được.

48. NÓI THÍ DỤ

Có người bảo vua nước *Lương* rằng:

- Huệ Tử nói việc gì cũng hay *thí dụ*. Nếu nhà vua không cho thí dụ thì Huệ Tử chắc không nói gì được nữa.

Vua bảo:

- Ừ để rồi ta xem.

Hôm sau, vua đến thăm Huệ Tử, bảo rằng:

- Xin *tiên sinh* nói gì cứ nói thẳng, đừng thí dụ nữa.

Huệ Tử nói:

- Nay có một người ở đây không biết nó là cái gì, mới hỏi hình trạng cái nó thế nào. Nếu tôi đáp rằng: Hình trạng cái nó giống như cái nó, thì người ấy có hiểu được không?

Vua nói:

- Hiếu làm sao được?

- Thế nếu tôi bảo người ấy: Hình trạng cái nỏ giống như cái cung có cán, có lẫy, thì người ấy có biết được không?

Vua nói:

- Biết được

Huệ Tử nói:

- Ôi! Khi nói với ai là đem cái người ta đã biết làm thí dụ với cái người ta chưa biết, để khiến người ta biết. Nay nhà vua bảo tôi dùng thí dụ nữa thì tôi không sao nói được.

Huệ Tử

GIẢI NGHĨA: *Lương*: một nước chư hầu mạnh đời Chiến Quốc, tức là nước Ngụy ở vào địa phận Hà Nam và Sơn Tây bây giờ. *Thí dụ*: lấy cái này ví sang cái kia cho người nghe hiểu. *Tiên sinh*: bậc có tuổi, có tài, đạo đức đáng dạy được mình. Hay dùng chỉ riêng thầy dạy học hay người đáng quý.

Huệ Tử: tên một thiên sách của Huệ Thi, người thời Chiến Quốc, bạn với Trang Tử.

LỜI BÀN: Cái cung cái nỏ khác nhau nhiều, nhưng lấy cái cung nói với người đã biết cung để khiến cho biết được cái nỏ, thì may người ấy ý hội cũng được ít nhiều. Phàm dạy bảo người ta điều gì, là cốt ý làm cho

người ta hiểu được điều ấy, mà muốn cho người ta dễ hiểu, không gì bằng thí dụ, nghĩa là nhân cái người ta đã biết mà đưa dạy vào cái người ta chưa biết. Cái phương pháp giáo dục tối tân bây giờ “quy nạp” hay “phu diễn” cũng lấy sự thí dụ làm cốt. Người ta đã nói: *“Một quyển sách không có thí dụ chỉ là một bộ xương mà thôi”*. Câu Huệ Tử nói: *“Đem cái người ta đã biết làm thí dụ với cái người ta biết để khiến người ta biết”* thực là ám hợp với cái lối học tân tiến đời nay.

49. CÚ MÈO VÀ CHIM GÁY

Con cú mèo gặp con chim gáy.

Chim gáy hỏi:

- Bác sắp đi đâu đấy?

Cú mèo nói:

- Tôi sắp sang ở bên phương Đông.

- Tại làm sao lại đi thế?

- Ở đây người ta nghe tôi kêu, người ta ghét cho nên tôi phải đi chỗ khác.

Chim gáy nói:

- Bác có thể nào đổi tiếng kêu đi mới được. Chớ không đổi tiếng kêu thì sang phương Đông, người ta nghe tiếng, ai cũng lại ghét bác thôi, vì *nhân tình* đâu mà chả thế. Cứ như ý tôi, thì không gì bằng bác phải rụt cổ, thu cánh suốt đời không kêu nữa là hơn.

GIẢI NGHĨA: *Cú mèo*: loài chim dữ, mắt như mắt mèo, đêm đi bắt các chim nhỏ và chuột để ăn. *Chim gáy*: chính chữ là *cưu*, loài chim gáy, đầu nhỏ, đuôi ngắn mà cánh dài. *Nhân tình*: tình yêu ghét chung của loài người.

LỜI BÀN: Cú kêu ra ma, cú ở phương Tây, kêu người ta ghét, lấy gạch, ngói, mảnh sành ném. Cú tưởng sang ở phương Đông thì người ta ưa được, nhưng nếu tiếng kêu vẫn cứ như cũ, thì người phương Đông tất cũng ghét chẳng khác gì người phương Tây. Nếu cứ muốn người yêu thì một là phải đổi tiếng kêu, hai là thôi hẳn đừng kêu nữa, chớ không phải đổi chỗ ở mà được. Bài này cốt ý nói người ác thì đi đến đâu ai cũng ghét, không đâu người ta dung. Muốn cho người ta yêu thì phải cải ác, vì thiện, làm cho người ta đáng yêu mới được.

50. CON CÒ VÀ CON TRAI

Nước *Triệu* toan đánh nước *Yên*. Tô Tần vì nước *Yên*, sang nói với vua nước *Triệu* là Huệ Vương rằng:

- Vừa rồi tôi đi qua trên bờ sông Dịch Thủy, tôi trông thấy con trai đang há miệng phơi mình trên bãi, có con cò đâu đến mổ ngay vào thịt trai. Trai liền ngậm miệng cấp chặt lấy mỏ cò. Cò nói: "Hôm nay không mưa, ngày mai không mưa, thế nào trai cũng phải chết". Trai nói: "Hôm nay không rút được mỏ,

ngày mai không rút được mỏ, thế nào cò cũng phải chết”. Hai bên găng nhau, chẳng ai chịu ai. Bỗng đâu có người đánh cá đi qua, trông thấy chộp được cả trai lẫn cò... Nay mà nước Triệu đem quân sang đánh nước Yên, nước Yên tất phải chống lại. Hai bên đánh nhau lâu, hại người tổn của, chắc là suy yếu cả. Tôi e nước Tần *thừa cơ* ấy, đem quân chụp cả hai nước như người đánh cá chụp cả trai lẫn cò thì lúc bấy giờ *hối* cũng không kịp. Dám xin nhà vua thử nghĩ kỹ lại xem.

Huệ Vương cho là nói phải bèn *định* việc đánh Yên.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Triệu*: một nước thời Chiến Quốc ở vào tỉnh Trực Lệ và Sơn Tây bây giờ. *Yên*: (Xem bài số 45). *Dịch Thủy*: tên một con sông qua Trực Lệ. *Tần*: nước mạnh thời Chiến Quốc ở vào địa phận Thiểm Tây bây giờ. *Thừa cơ*: nhân dịp tốt. *Hối*: ân hận, ăn năn khi mình đã nghĩ hay làm một việc gì không phải. *Định*: thôi không làm gì nữa.

Chiến Quốc Sách: bộ sách còn gọi là Trường Đoàn Thư của Lưu Hưởng đời Hán làm, ghi chép những việc về đời Chiến Quốc.

LỜI BÀN: Trai, cò vì găng nhau mà hai con cùng bị hại trong tay người đánh cá. Cái bài “*Bạng duật tương tri, ngư ông đắc lợi*” này cũng như nhiều bài trong sách Tây: “*Con sò và hai người tranh nhau*”, “*Con khỉ chia phở mát cho hai con mèo*” đều có ý khuyên người

ta không nên tranh giành chọi lẫn nhau. Hai người tranh nhau thì tất sinh ra kiện cáo. Mà “*vô phúc đáo tụng đình*” thua, được chưa biết thế nào, hãy biết có bao nhiêu thầy kiện, thầy cò, những phường tham nhũng ở giữa thừa cơ dòm dò để cầu lợi, rất thiệt hại cho cả hai bên. Vậy ta chẳng nên găng nhau, chống nhau làm gì. Nhỏ thì tốn tiền. Lớn thì hại nhà, lớn nữa thì hại nước. Ta phải lấy câu “*Dĩ hòa vi quý*” mà cư xử nhún nhường nhau là hơn.

51. HỒ MƯỢN OAI HỒ

Vua Tuyên Vương làm vua nước Sở. Chiêu Hề Tuất chỉ là một người bấy tôi vua Tuyên Vương. Thế mà người phương bắc ai nghe thấy nói Chiêu Hề Tuất cũng phải kinh sợ. Vua lấy làm lạ, một hôm hỏi *quần thần* là vì có làm sao. Không ai trả lời nổi. Chỉ có Giang Nhất biết được thưa rằng:

- Con hổ hay bắt các giống thú để ăn thịt. Một hôm bắt được con hồ. Hồ bảo: “Liệu đó! Chớ có động chạm đến ta mà chết ngay bây giờ. Ta là trời sai xuống, cầm quyền coi hết cả *bách thú*. Người mà ăn thịt ta, là người trái *mệnh trời*, hại đến thân ngay lập tức... Không tin, thử để ta đi trước, người theo hầu sau, xem có con thú nào trông thấy ta mà lại không sợ hãi tìm đường trốn cho mau không!”. Hồ cho hồ là nói thật, bèn theo hồ đi. Quả nhiên, bách thú trông

thấy đều sợ mà chạy cả. Hổ vẫn không biết rằng bách thú sợ mình mà chạy, cứ tưởng là sợ hổ. Nay nhà vua nước mạnh, quân nhiều mà vua giao cả *quyền thế* cho Chiêu Hề Tuất, người phương bắc sợ Huề Tuất, nhưng kỳ thực là sợ vua cũng như bách thú sợ hổ vậy.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Hổ*: loài vật rừng bụng thon, tai dài, mõm nhọn, đuôi xù hay bắt gà vịt ăn và có tiếng là con vật tai quái, giảo hoạt. Xưa nay có nhiều người dịch hổ là *cáo*. *Sở*: (Xem bài số 9). *Người phương bắc*: chỉ những người ở phía bắc nước Sở bây giờ. *Quần thần*: các quan. *Bách thú*: *bách*: một trăm, chỉ tất cả các thú vật. *Mệnh trời*: đây là lệnh trời sai xuống làm một việc gì. *Quyền thế*: quyền hành, thần thế, chà đạp được người ta.

LỜI BÀN: Bài này cũng như bài ngụ ngôn “*Lừa đội lốt sư tử*” cốt ý nói những kẻ thần hạ mượn quyền thế người trên để hống hách, dọa nạt người ta. Nhưng nếu người ta không biết, thì người ta còn sợ, chứ khi “*hổ mà thêm cỏ, lừa mà thò tai*” thì chẳng những người ta đem lòng khinh bỉ, mà người ta còn làm cho đề nhục để cho bỏ ghét.

52. MẠNH THƯỜNG QUÂN VÀO NƯỚC TÂN

Mạnh Thường Quân là một nhà *nghĩa hiệp* nước Tề, muốn sang nước Tân để *du thuyết*. Có hàng nghìn

người can ngăn mà không được. Sau *Tô Tần* đến can, *Mạnh Thường Quân* bảo rằng:

- Việc người thì ta đây không còn sót gì nữa, chỉ có việc *quỷ thần* là ta chưa được rõ mà thôi.

Tô Tần đáp:

- Ấy chính tôi lại đây không phải là nói việc người, tôi cốt định đem việc *quỷ thần* nói để ông nghe.

Mạnh Thường Quân nói:

- Ủ, thế nói cho ta nghe.

Tô Tần nói:

- Vừa rồi tôi lại đây, đi qua con sông, tôi thấy một pho tượng đất nói chuyện với một pho tượng gỗ. Tượng gỗ bảo tượng đất: Người là đất nặn thành hình, đến mùa mưa nước sông lên, ngập lụt cả thì người bỏ tan ra mất. Tượng đất nói: Ta có tan ra nữa, ta vẫn là đất, thì đất lại hoàn đất mà thôi. Chớ như người là gỗ tạo thành hình, nước tràn ngập lên thì chưa biết người trôi dạt vào đâu mà rồi ra thế nào... Nay nước *Tần* là nước *hiểm trở*, vua *Tần* là vua bạo ngược, nếu ông vào đây thì chưa biết có ra thoát được không.

Mạnh Thường Quân nghe nói bèn thôi không sang nước *Tần* nữa.

GIẢI NGHĨA: *Mạnh Thường Quân*: con vua nước *Tề* thời *Chiến Quốc*, họ *Điền* tên là *Văn* làm tướng nước *Tề* có tiếng là người nghĩa hiệp, trong nhà lúc nào cũng tiếp đãi đến vài nghìn người khách. *Nghĩa hiệp*:

người thẳng tính, thích điều phải, hay giúp người hèn yếu, chống lại kẻ cường quyền. *Tấn*: tên nước đời Xuân Thu (tức là tỉnh Thiểm Tây bây giờ) đến Thủy Hoàng, nước Tấn chiếm được cả sáu nước mà nhất thống thiên hạ. *Du thuyết*: nhà ngôn luận giỏi đời Chiến Quốc thường dùng lời biện bác mà làm cho người ta xiêu lòng phải nghe. *Tô Tấn*: người thời Chiến Quốc, là một nhà du thuyết giỏi, có công đi liên hợp được sáu nước để chống lại nước Tấn. *Quý thần*: *quý*: bậc thiêng liêng ở dưới đất tức là người chết; *thần*: bậc thiêng liêng ở trên trời. Mạnh Thường Quân thấy Tô Tấn đến, đột ngột đem chuyện quý thần hỏi có ý làm cho khó khăn Tô Tấn không nói ra làm sao được nữa. Không ngờ Tô Tấn ứng biến nhanh, lấy ngay chuyện quý thần làm thí dụ mà nói đến mình. *Hiểm trở*: núi cao, sông sâu ngăn trở, đi lại hiểm nghèo.

LỜI BÀN: Mạnh Thường Quân cậy là tài giỏi, trước đã không chịu nghe ai, mà sau lại nghe Tô Tấn, là vì lời Tô Tấn đây thực là một bài học cho những kẻ có tính mạo hiểm mà không biết liệu sức mình. Mạo hiểm là một tính hay, nhưng, phải có biết mình, biết người thì mới thành được việc mà không đến nỗi thất bại.

53. THẬP BÌ NÓI CHUYỆN VỚI HUỆ VƯƠNG

Vua Huệ Vương nước Ngụy hỏi *Thập Bì* rằng:

- Người nghe người ta cho *quả nhân* là thế nào?

Thập Bì thưa:

- Thần nghe người ta cho nhà vua là *nhân từ* và hay *gia ơn* lắm.

Vua vui mừng hơn hờ nói rằng:

- Như thế thì cái *công đức* của quả nhân được đến thế nào?

Thập Bì nói:

- Cái công đức ấy rồi đến mất nước mất!

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Nhân từ và hay gia ơn là làm việc *thiện*, mà làm việc thiện đến nỗi mất nước là nghĩa thế nào?

Thập Bì thưa:

- Vua mà nhân từ, thì *bất nhân* trừng phạt; vua hay gia ơn, thì chỉ thích ban thưởng. Tính đã bất nhân thì kẻ có tội cũng không trị; tính hay ban ơn thì kẻ *vô công* cũng được thưởng. Đến kẻ có tội không phải phạt, kẻ vô công cũng được thưởng thì mất nước cũng không có gì là lạ.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Quả nhân*: (Xem bài số 47). *Nhân từ*: nhân đức, từ bi, có bụng tốt hay làm điều lành. *Gia ơn*: làm cho người ta được nhờ, được khỏi khổ, được sung sướng, đây là nói hay ban ơn cho cái này cái nọ. *Công đức*: công: việc lành giúp cho người ta; *đức*: lòng

lành nghĩ đến người ta. *Thiện*: lành, chỉ những sự làm có nhân đức. *Bất nhẫn*: không nỡ làm thẳng tay, có bụng ái ngại. *Vô công*: không có công lao.

LỜI BÀN: Nhân đức vốn là hay, tuy vậy cũng có cái nhân đức của kẻ trượng phu, cái nhân đức của người đàn bà. Ông vua cầm quyền một nước mà nhân đức như đàn bà, thương kẻ có tội, thương kẻ vô công, thì giờ sao cho trong nước trị an được. Phàm chúng các đức tính mà tăng lên quá độ, là hóa ra dở cả. Cho nên cứ cầm cân giá mực thẳng bằng phải chăng có lý lại có tình, có ân lại có uy thế mới là đạo trung dung được.

54. THAM LỢI TRƯỚC MẮT QUÊN HẠI SAU LÒNG

Vua nước Ngô muốn đem quân đi đánh nước Kinh. Đã nhiều người can ngăn, vua nhất định không nghe. Sau lại hạ lệnh rằng: “Ai can ta đánh nước Kinh thì phải xử tử”.

Có một viên quan trẻ tuổi muốn can ngăn mà không dám nói, luôn ba ngày cứ sáng sớm cầm cung tên đến đứng vườn sau nhà vua, sương xuống ướt đầm cả áo.

Hôm thứ ba, vua gặp mới hỏi rằng:

- Người đến đây làm gì mà để sương xuống ướt cả áo như thế?

Viên quan thưa:

- Trong vườn có một cây *cổ thụ*. Chót vót trên ngọn cây có con ve sầu hút gió, uống sương, rả rích kêu cả ngày, tưởng đã được yên thân lắm. Biết đâu, đằng sau có con bộ ngựa đang giơ hai càn chực bắt. Chính con bộ ngựa muốn bắt con ve sầu lại biết đâu có con chim sẻ nghiêng cổ chực mổ. Chính con chim sẻ muốn bắt con bộ ngựa lại biết đâu dưới gốc cây có tôi cầm cung tên chực bắn. Chính tôi đây muốn bắt con chim sẻ, mà không biết sương xuống ướt đầm cả áo... Như thế đều là chỉ vì tham cái lợi trước mắt mà quên hẳn cái hại ở ngay sau lưng vậy.

Vua nghe nói *tĩnh ngộ* bèn thôi không đánh nước Kinh nữa.

Thanh Lê Tử

GIẢI NGHĨA: *Ngô:* tên nước thời Xuân Thu bây giờ có địa phận phía Nam sông Hoài, sông Tự cho đến tỉnh Chiết Giang. *Kinh:* (Xem bài số 29). *Hạ lệnh:* truyền một điều gì xuống bắt người ta phải theo. *Xử tử:* xử tội chết. *Cổ thụ:* cây sống đã lâu năm. *Tĩnh ngộ:* biết rằng mình mê muội mà hiểu thấu lẽ phải trái.

Thanh Lê Tử: tức là Lưu Hưởng, người nhà Hán làm quan Giáp Nghị Đại phu, giỏi về văn chương lại kiêm cả kinh thuật và thiên văn.

LỜI BÀN: Ve sầu ở cao tường được yên thân ngờ đâu có bộ ngựa muốn bắt ve sầu; bộ ngựa lại ngờ đâu

có chim sẻ, người bắt bọ ngựa, chim sẻ lại ngờ đâu có người muốn bắt chim sẻ, người bắt chim sẻ lại ngờ đâu sương xuống ướt đầm áo! Thế mới hay ở đời, chẳng nói chỉ một loài người, đến cả muôn loài, cũng chỉ rình hại lẫn nhau, nuốt lẫn nhau mà thôi. Nhưng biết đâu, trong khi mình muốn nuốt người, lại có kẻ khác muốn nuốt mình, mình chỉ ham mê trục cái mối lợi trước mắt mà không phòng bị cái tai hại sau lưng. Mà khi tai hại nó đã xảy đến thì chẳng những không thấy lợi đâu, lại thiệt thân mình trước. Cho nên người khôn thấy cái lợi thì lo cả đến cái hại, lợi bất cập hại, thì không bao giờ làm.

55. TRƯỚC KHI ĐÁNH NGƯỜI PHẢI BIẾT GIỮ MÌNH

Văn Công nước Tấn đem quân sang đánh nước Vệ. Giữa đường gặp một ông lão đang bừa ruộng, cứ ngẩng mặt lên trời cười khanh khách mãi. Văn Công cho đòi lại hỏi:

- Người cười cái gì thế?

Ông lão thưa rằng:

- Tôi cười người láng giềng nhà tôi. Anh ta đưa vợ đi chơi nhà bà con. Giữa đường gặp người con gái hái dâu, hân thích quá, lén vợ, rẽ xuống ruộng dâu nói chuyện với người con gái. Một chốc, ngoảnh lên xem vợ đi đến đâu, thì thấy một chàng đang vẫy vợ anh ta

đi. Ấy câu chuyện chỉ có thế, tôi nghĩ mà không nhịn cười được.

Văn Công nghe nói, tự nhiên *tĩnh ngộ*, kéo quân về. Về chưa đến nơi, thì đã thấy báo có giặc ngoài vào xâm phạm trên mạn bắc trong nước.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Tân:* (Xem bài số 15). *Văn Công:* vua giỏi nước chư hầu đời Xuân Thu, đứng vào bậc ngũ bá. *Vệ:* tên một nước thời Xuân Thu ở vào vùng tỉnh Trực Lệ và Hà Nam bây giờ. *Tĩnh ngộ:* đang mê man việc gì mà tỉnh ra biết nghĩ lại.

LỜI BÀN: Phàm cái gì mình thích, tất người ta cũng thích. Nếu cứ theo lòng dục mà vợ năm, gặp mười không phòng bị thì có khi xói hỏng bồng không, chẳng những không lấy được gì của người ta, mà mình có gì cũng mất vào tay người ta nữa. Việc nước cũng thế, đi đánh nước ngoài mà không nghĩ giữ nước nhà, thế là bỏ nước mình cho giặc vây.

56. KHÔNG NÊN SÁT HẠI LẦN NHAU

Văn Quân đất *Lỗ Dương* sắp đem quân sang đánh nước *Trịnh*. *Mặc Tử* nghe thấy, đến *can* nói rằng:

- Ví bây giờ trong đất *Lỗ Dương* này, tỉnh lớn đánh tỉnh nhỏ, nhà lớn đánh nhà nhỏ, giết người lấy của lẫn nhau, thì nhà vua nghĩ ra thế nào?

Văn Quân nói:

- Bao nhiêu người ở đất Lỗ Dương đều là tôi con của ta cả. Ví tình lớn đánh tình nhỏ, nhà lớn đánh nhà nhỏ, để cướp lẫn của nhau thì ta tất đem tội thật nặng.

Mặc Tử nói:

- Bao nhiêu người trong *thiên hạ* đều là tôi con của Trời cũng như bao nhiêu người trong đất Lỗ Dương là tôi con của nhà vua, nay nhà vua đem quân đánh Trịnh, thì há lại tránh khỏi được vạ trời hay sao?

Văn Quân nói:

- Sao *tiên sinh* lại ngăn ta đánh Trịnh. Ta mà đánh Trịnh là thuận cái *chí* của trời. Vua nước Trịnh ba đời giết cha, trời đã *ra tai* làm mất mùa ba năm. Nay ta phải giúp trời mà diệt Trịnh.

Mặc Tử nói:

- Vua nước Trịnh ba đời giết cha, trời đã *ra tai*, làm mất mùa ba năm. Trời phạt như thế cũng là đủ. Nay nhà vua lại còn đem quân đánh Trịnh mà nói rằng: “Ta đánh Trịnh là thuận ý trời” thì là nghĩa thế nào? Ví như ngay đây có một đứa con *ngang ngạnh*, cha nó đã cầm roi đánh nó, người cha bên láng giềng lại còn vác gậy ra đánh hời, bảo rằng: “Ta đánh nó là thuận cái *chí* của cha nó”. Nói như thế thì có nghe được không?

Mặc Tử

GIẢI NGHĨA: *Lỗ Dương*: tên một ấp lớn của nước Sở về thời Xuân Thu, tức là huyện Lỗ Sơn, tỉnh Hà Nam bây giờ. *Can*: nói để ngăn ai đừng làm việc gì. *Thiên hạ*: đất dưới gầm trời, tức là cả thế giới. Người Tàu trước thường cho thiên hạ là chỉ có nước Tàu và mấy xứ chung quanh thôi. *Tiên sinh*: (Xem bài số 48). *Chí*: tâm để vào việc gì. *Ra tai*: làm cho thiệt hại khổ sở như lụt, đại hạn, bão, dịch lệ, đói kém, loạn lạc. *Phạt*: trừng trị cho lần sau chừa. *Ngang ngạnh*: không vâng lời bướng, chống lại.

LỜI BÀN: Khi mình cậy sức, cậy nhiều, cậy khôn, cậy tài mà hà hiếp kẻ kém mình, thường mình cứ hay viện lẽ nọ, có kia, để như cho mình là phải mà che mặt thế gian, lấp miệng thiên hạ. Nhưng dù viện lẽ gì, có gì, cũng vẫn không được chính đáng. Danh bất chính thì ngôn bất thuận. Mình đã rắp tâm đè nén người ta, tham lấy của người ta, là mình làm điều phi nghĩa rồi, không bao giờ rửa sạch được cái ô danh nữa. Làm việc bậy mà lấy câu nói phải để tế toái đi, có khác gì lấy vóc gấm phủ ngoài cái cành khô hay tượng đất mà bảo người ta là thần thánh đấy.

57. ĐIỀU GỖ

Mặc Tử làm cái *điều gỗ*, ba năm mới xong. Lúc thả cho bay, được một hôm thì điều hỏng.

Học trò khen rằng:

- Thấy làm điều gỗ mà bay được thật là khéo.

Mặc Tử nói:

- Ta làm cái điều ba năm mới xong, điều bay mới được một ngày đã hỏng, cho là khéo thế nào được! Sao bằng người làm cái xe gỗ chỉ tốn một ít, công không hết một buổi, mà chở được nặng đi được xa, dùng được lâu năm. Có thể mới gọi là khéo.

Huệ Tử nghe câu chuyện, bảo:

- Mặc Tử nói thế thật là người khéo.

Mặc Tử

GIẢI NGHĨA: *Điều gỗ*: cái điều làm bằng gỗ.

LỜI BÀN: Điều gỗ mà bay được, ai không chịu là khéo? Nhưng công làm mất ba năm, dụng chỉ được một ngày thì cái dụng tưởng không bõ với cái công. Cho nên Mặc Tử vốn là người tiết kiệm, chỉ vụ sự làm ăn thiết thực, không cần sự văn hoa vô dụng, ý cho một vật gì sở dĩ gọi là khéo, không phải chỉ là việc làm tinh xảo hơn người, nhưng cốt phải lợi dụng được việc cho người trước. Huệ Tử khen Mặc Tử là cũng theo một cái lý thuyết ấy. Tuy vậy, xét ra ở đời, cái khéo và cái dụng không cần gì cứ phải đi đôi với nhau. Thường cái khéo, cái đẹp không cần là hữu dụng hay vô dụng: miếng gỗ chạm cái tranh vẽ, giọng hát, bài đàn chỉ có khéo, không thiết dụng mà thực là có ích cho người lắm.

58. LÁ DÓ

Nước Tống có người lấy ngọc, tía làm một cái *lá dó* ba năm mới xong. Cái lá làm rất khéo, sống, cuống, cạnh sắc, lông tơ, màu mỡ giống như hết, đem trộn với những lá dó thật, không ai *phân biệt* được nữa.

Người ấy đem cái lá dâng vua Tống. Vua khen là khéo, cấp *lương bổng* cho.

Tử Liệt Tử nghe thấy chuyện nói rằng:

- Giá bây giờ những cây cối trong khoảng trời đất ba năm mới mọc được một cái lá, thời dễ không có mấy cây có lá nữa!

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Lá dó:* lá cây dó dùng để làm giấy, gân giống như lá trầu, nhưng xù xì và ram ráp hơn. *Phân biệt:* chia sẻ, tách bạch. *Lương bổng:* thóc gạo hay tiền bạc cấp để trả công cho ai.

LỜI BÀN: Bài này cũng gần một ý như bài trên, nói sự khôn khéo chỉ làm trò chơi được một lúc, không đáng chuộng bằng sự thực dụng làm lợi cho mọi người được lâu dài. Song tay người làm ra mà giống được như tạo hóa thì thật là khôn khéo. Mỹ thuật xưa nay thường lấy sự bắt chước hết được như hóa công làm mục đích. Liệt Tử vốn là người nhà Lão học, thì lại cho cái cảnh tự nhiên là đẹp hơn cả, chỉ một cái cảnh ấy cũng làm cho con người được hưởng thụ vui sướng.

59. CHỮ TÍN

Cái đỉnh

Nước Lỗ có một cái đỉnh rất quý. Nước Tề bắt phải đem dâng. Vua Lỗ tiếc lắm, cho làm một cái đỉnh giả đưa sang.

Vua Tề bảo:

- Phải có *Nhạc Chính Tử* đem đỉnh sang nói, thì ta mới tin.

Vua Lỗ cho gọi *Nhạc Chính Tử* đến, bảo đi.

Nhạc Chính Tử hỏi:

- Sao không đưa cái đỉnh thật?

Vua Lỗ nói:

- Ta quý cái đỉnh ấy lắm.

Nhạc Chính Tử chưa:

- Nhà vua quý cái đỉnh ấy thế nào, thì tôi quý cái đức “tín” của tôi như thế.

Sau vua Lỗ phải đưa đỉnh thật. *Nhạc Chính Tử* mới chịu đi.

Hàn Tử

Thanh gươm

Quý Trát là con vua Ngô đi *du lịch* các nước.

Khi qua nước Từ vào thăm vua Từ. Vua Từ thấy Quý Trát có thanh gươm báu, muốn xin, mà chưa dám

nói. Quý Trát trong bụng cũng định cho, mà chưa dâng được, vì cuộc du lịch chưa xong. Khi ở nước Tấn về, thì vua Từ đã mất rồi. Quý Trát không biết làm thế nào, đành phải đem thanh gươm đến treo chỗ gốc cây bên mộ vua Từ, rồi mới về.

Sử Ký

GIẢI NGHĨA: *Lỗ*: (Xem bài số 5). *Tề*: (Xem bài số 5). *Nhạc Chính Tử* người nước Lỗ thời Xuân Thu, học trò giỏi của thầy Tăng Tử. *Quý Trát*: con út vua Ngô, một bậc danh nhân thời Xuân Thu. *Du lịch*: đi chơi trải qua nhiều nơi để xem nhân dân phong tục. *Ngô*: (Xem bài số 54). *Tấn*: (Xem bài số 45).

LỜI BÀN: Nhạc Chính Tử không chịu đem cái đỉnh giả. Quý Trát không chịu về không cho gươm, đều là những người biết trọng chữ “Tín” cả. Giả không nói là thật đã là quý; mới hứa trong bụng mà cố làm cho được, lại quý hơn nữa. Ôi! Xưa nay chữ tín có giá biết ngần nào! Chữ tín liệt rõ trong ngũ thường; người ở đời giao thiệp cốt lấy chữ tín làm chủ. Cho nên cổ nhân có những câu như: “*Nhân vô tín bất lập*” (Khổng Tử) nghĩa là người không có tín thì không đứng được ở đời.

“*Tín vì quốc chi bảo*” (Tấn Văn Công) nghĩa là tín là vật báu của cả nước.

60. TỰ LẤY LÀM KHOAN KHOÁI

Khổng Tử đi chơi núi *Thái Sơn* gặp ông Vinh Khải Kỳ *ngao du* ở ngoài đồng, mặc áo cừu thắt lưng dây, tay gảy đàn *cầm*, vừa đi vừa hát.

Khổng Tử hỏi:

- *Tiên sinh* làm thế nào mà thường vui vẻ thế?

Ông Vinh Khải Kỳ nói:

- Trời sinh muôn vật, loài người quý nhất, mà ta được làm người, đó là một điều đáng vui. Trong loài người, đàn ông quý hơn đàn bà, mà ta được làm đàn ông, đó hai điều đáng vui. Người ta sinh ra có người dui què, có người non yếu mà ta *hoàn toàn* khỏe mạnh nay đã chín mươi tuổi; thế là ba điều đáng vui... Còn cái nghèo là sự thường của *thế gian*, cái chết là sự hết của đời người. Ta nay xử cảnh thường, đợi lúc hết, thì có gì là lo buồn?

Đức Khổng Tử nói:

- Phải lắm? *Tiên sinh* thế là biết cách tự làm cho *khoan khoái* mà hưởng sự vui thú ở đời.

GIẢI NGHĨA: *Thái Sơn*: tên một dãy núi cao ở tỉnh Sơn Đông. *Ngao du*: rong chơi ngắm phong cảnh. *Cầm*: một thứ đàn bảy dây giống như đàn thập lục ta. *Tiên sinh*: (Xem bài số 48). *Hoàn toàn*: trọn vẹn, đây nói thân thể toàn vẹn. *Thế gian*: cõi đời người ta ở. *Khoan khoái*: dễ chịu, thênh thang, vui vẻ.

LỜI BÀN: Cái sung sướng ở đời thực không biết lấy gì mà đo lường, không biết ở đâu mà tìm được. Ông vua sang giàu nhất bậc, mà không biết sướng, người chăn dê, cái áo lót mình không có, mà lấy làm sung sướng, cũng như Vinh Khải Kỳ đây chỉ được làm người, sinh làm đàn ông, không ốm đau tàn tật, cũng đủ lấy làm sung sướng. Thế mới hay cái sướng không ở đâu xa, mà ngay ở trong mình, không ở sự giàu sang, mà ở trong tâm yên vui, hề biết sung sướng thì được sung sướng, biết thỏa cái sở phận mình, nói tóm, biết “trí túc” ấy là sung sướng độ. Chớ những kẻ tham lam không chừng, mê man quá độ, thì bao giờ biết sướng thân được!

61. NGƯỜI KHÔN SỐNG LÂU

Vua Ai Công nước Lỗ hỏi Khổng Tử:

- Người khôn có sống lâu không?

Khổng Tử đáp:

- Có, khôn thì sống lâu, chớ dại thì sống lâu sao được? Người ta có ba thứ chết, tự mình làm cho mình chết, chớ không phải *số mệnh* đáng chết mà chết.

Ăn uống không có chừng mực, thức ngủ không có điều độ, làm lụng khó nhọc quá, lười biếng chơi bời quá, người như thế, thì phải chết về bệnh tật.

Phận là người dưới, mà *can phạm* người trên, lòng ham muốn không chừng, tính *yêu cầu* không chán, người như thế thì chết về *hành pháp*.

Mình ngu, mà *kinh địch* người khôn, mình yếu mà khinh bỉ người mạnh; không biết lượng sức mạnh, mà cứ giận dữ làm liều, người như thế thì chết về *binh đao*.

Ba thứ chết ấy, thực không phải là số mệnh, chỉ tự mình giết mình mà thôi.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA: *Số mệnh*: cái phận hay, dở, may rủi mà trời đã định cho *mình*. *Can phạm*: làm việc gì trái phép luật mà động chạm đến người trên. *Yêu cầu*: cày cục nài ép cho được việc gì. *Kinh địch*: không chịu ai, muốn chọi với người ta. *Lượng*: đoán mà biết. *Binh đao*: những đồ khí giới như gươm giáo, súng ống có thể giết chết người. *Hình pháp*: những luật, những phép người ta đặt ra để bắt buộc và trừng trị những kẻ can phạm.

LỜI BÀN: Xưa nay ta vẫn cho khôn ngoan thì chóng già, ngu xuẩn thì sống lâu; là lấy ý rằng: người khôn dùng trí, dùng sức nhiều, thì chóng suy; người ngu chỉ ăn no ngủ kỹ, không lo lắng gì, thì sống lâu. Nhưng xét một mặt khác, thì trái hẳn lại: khôn thì sống, dại thì mái, khôn ăn người, dại người ăn. Như Khổng Tử đáp vua Ai Công đây, chính là ngụ cái ý đó. Ôi! Sống chết tuy tại mệnh trời, nhưng thường khi người cũng có phần vào đấy: lắm người chỉ ngu xuẩn, không giữ vệ sinh, không hiểu pháp luật không biết tự lượng mà thành không đáng chết, cũng phải chết. Chết như thế, cũng là chết uống nên thương, thương vì ngu dại.

62. VỢ RẪN CHỒNG

Ấn Tử làm tướng nước Tề, một hôm đi việc quan, có tên đánh xe theo hầu.

Vợ tên đánh xe dòm qua khe cửa, thấy chồng tay cầm cái gù, tay cầm dây cương, mặt vác lên trời, *dương dương tự đắc*.

Lúc chồng về nhà, nàng xin từ bỏ nhà ra đi. Chồng hỏi: “Tại làm sao?”. Nàng nói:

- Ấn Tử, người *gầy thấp, bé nhỏ* làm đến tướng nước Tề, danh tiếng lừng lẫy khắp thiên hạ, thế mà thiếp xem ông vẫn có ý *trầm trọng*, khiêm nhường, như chưa bằng ai. Chớ như chàng cao lớn đầy đà, chỉ mới làm được một tên đánh xe tầm thường, hèn hạ, thế mà thiếp xem chàng đã ra dáng lấy làm *vinh hạnh*, tưởng không ai bằng nữa. Nên thiếp xin bỏ chàng, thiếp đi.

Từ hôm ấy, tên đánh xe bỏ được cái bộ vênh vào, chưa được cái tính nông nổi. Ấn Tử thấy thế lấy làm lạ, hỏi. Tên đánh xe đem việc nhà kể lại, Ấn Tử bèn cất cho làm *đại phu*.

Ấn Tử Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Dương dương tự đắc*: vênh vào lên mặt ta đây. *Gầy thấp, bé nhỏ*: Ấn Tử là người lùn, cao không đầy sáu thước (Tàu). *Trầm trọng*: sâu sắc, chín chắn. *Vinh hạnh*: vẻ vang, may mắn. *Đại phu*: chức quan đời cổ, dưới quan Khanh, trên quan Sĩ.

LỜI BÀN: Tên đánh xe của Ân Tử thực là sang vì vợ, nhờ người vợ giỏi, biết lấy cái địa vị hèn hạ cái dáng bộ nghênh của chồng làm xấu hổ, mà sửa được tâm tính chồng, và thành được thân danh cho chồng. Tiếc thay ở đời bây giờ, có biết bao nhiêu kẻ chỉ làm môn hạ người ta, đã vênh váo lên mặt, nghênh ngang tự đắc như tên đánh xe, mà lại không có được những người vợ như vợ tên đánh xe để răn lấy chồng, làm cho chồng biết tự sỉ mà phấn chí là cho ra người.

63. BÀ HUYỆN CAN ĐÀM

Đời nhà Đường giặc Lý Hy Liệt đã đánh được Châu Biện kéo đến đánh huyện Hạng Thành. Quan huyện Hạng Thành là Lý Khả muốn chạy trốn. Bà huyện người họ Dương nói:

- Giặc đến cướp thành thì phải hết sức giữ thành, giữ mà không được thì phải liều chết với thành, nay ông lại chực trốn, là nghĩa làm sao? Bây giờ cứ mộ quân cho nhiều, *khao thưởng* cho to, *thiếp* tưởng còn có thể giữ thành.

Nói rồi, chính bà huyện hội họp cả *nha lệ*, *sĩ dân* lại hiểu dụ rằng:

- Quan huyện là chủ các người thật, song chẳng qua chỉ ở đây độ năm, ba năm, rồi cũng *thiên* đi nơi khác, không *liên can* lắm bằng các người *sinh trưởng* ở đất này, gây dựng *cơ nghiệp* ở đất này, mồ mả ông cha

cũng ở đất này. Vậy sống, chết các người cũng phải hết sức giữ lấy thành thì mới được.

Ai nấy nghe đều cảm động, rơm rớm nước mắt và xin liều chết để giữ thành. Bà huyện *hạ lệnh* rằng:

- Ai lấy gạch đá đánh được giặc, thưởng tiền một nghìn, ai lấy gươm giáo giết được giặc, thưởng tiền một muôn.

Tất cả được hơn một trăm người kéo nhau ra giữ thành, chống lại giặc. Bà huyện thân đi trông nom *lương thực* cho quân lính. Khi *giao chiến*, quan huyện phải một mũi tên, lùi về, ý không muốn đánh nữa, bà huyện giận nói:

- Ông không ở đây, thì ai chịu chết? Cho ông giữ thành mà có chết nữa lại chẳng hơn chết ở xó giường ư!

Ông huyện nghe *cảm kích*, hăng hái hơn trước, lại chạy lên thành, liều đánh một trận nữa, quân giặc túng thế phải kéo đi. Huyện Hạng Thành nhờ thế được an toàn.

Đường Thư Liệt Nữ Truyện

GIẢI NGHĨA: *Đường*: (Xem bài số 46). *Lý Hy Liệt*: người Liêu Tây đời vua Đức Tôn nhà Đường sau làm quan Tiết Độ Sứ. *Khao thường*: cho ăn uống rồi ban đồ vật gì để khen ngợi quan quân. *Thiếp*: tiếng vợ tự xưng mình khi nói với chồng. *Nha lệ*: *nha*: những lại làm việc công giúp quan; *lệ*: lính các đội để sai đi việc quan. *Sĩ dân*: những dân có học tập chữ nghĩa. *Hiếu dụ*:

nói rõ cho ai nấy đều hiểu. *Thiên*: đổi đi nơi khác. *Sinh trưởng*: đẻ ra, lớn lên. *Cơ nghiệp*: cơ là nền, nghiệp là nghề nghiệp, nói gồm của cải, ruộng đất mình có, mình lấy nghề của mình mà gây nên. *Hạ lệnh*: ra một phép, một luật; một đạo công văn cáo giới gì mà bắt phải tuân theo. *Lương thực*: thóc gạo, đồ ăn nuôi quân lính. *Giao chiến*: hai bên đánh nhau. *Cảm kích*: ngầm nghĩ phát ra tư tưởng hay và hăng hái thêm lên.

LỜI BÀN: Làm quan không che chở cho dân lúc có giặc đến, lại sợ chết, muốn trốn tránh thì, chẳng là nhút nhát không hiểu cái nghĩa tận tâm với chức vụ là gì ư! Một ông như thế đáng khinh bao nhiêu, thì một bà huyện như vợ ông huyện ấy lại đáng trọng bấy nhiêu. Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh. Chỉ nhờ cái lòng can đảm của bà mà dân phải quả quyết, mà chống phải cảm kích, mà huyện được an toàn. Quý nhất câu bà nói: “*Giữ thành mà chết còn hơn chết ở xó giường*” thì cái chí khí có kém gì những bậc tu mi vừa anh hùng vừa khí phách.

64. THẾ NÀO LÀ TRUNG THẦN

Văn Quân đất Lỗ Dương bảo Mặc Tử:

- Có kẻ nói với ta rằng: “*Trung thần* là người bắt cúi thì cúi, bắt ngẩng thì ngẩng, để thì im, gọi thì thưa, như thế có cho là trung thần được không?”

Mặc Tử nói:

- Bắt cúi thì cúi, bắt ngẩng thì ngẩng, như thế khác gì cái bóng? Để thì im, gọi thì thưa như thế khác gì tiếng vang? Quan liêu mà dùng đến những kẻ như bóng, như vang, thì còn được ích gì? Cứ như tôi đây, mà gọi là trung thần, thì khi vua có nhâm lỗi, phải liệu cách ngăn mà đưa vào điều *thiện*; khi mình có điều hay, phải tìm đường bày tỏ, mà không *lộ ra ngoài*, trên thì thành thực một lòng, một dạ với vua; dưới thì *không a dua vào bè, kết đảng* với ai; những sự tốt lành yên vui thì để phần vua hưởng, những điều oán thù lo lắng thì mình hứng đựng. Có được như thế, thì tôi mới cho là trung thần.

GIẢI NGHĨA: *Trung thần*: người bầy tôi thật lòng và hết lòng với vua với nước. *Thiện*: điều lành, điều phải. *Lộ ra ngoài*: không giữ kín đáo, đem nói cho người ngoài biết, một là có ý khoe tài của mình, hai là có bụng bêu xấu nhà vua. *A dua, vào bè, kết đảng*: người trung thần không phải là không bè bạn với ai, nhưng không dựa theo phái nọ, đảng kia để tìm vây cánh cho mạnh, cầu lợi cho mình, người trung thần chỉ một lòng với vua với nước mà thôi.

LỜI BÀN: Người nào mà ngôn ngữ, hành vi đã theo mình như cái bóng, như tiếng vang, một là người ngu xuẩn, hai là người xiểm nịnh. Người ngu xuẩn là hạ giá kém làm không nên việc, người xiểm nịnh là có ý

chiều mình để kiếm lợi, hai hạng người ấy chẳng những mình không mong cậy gì được mỗ thường khi lại nguy hại đến mình nữa. Cho nên đạo làm vua, mà nói rộng cả đạo dụng người, phải biết kén những người dám can ngăn điều dở của mình, bày tỏ điều hay của họ, quên thân mà hết lòng với mình, thì mới là những kẻ có ích, giúp mình được việc vậy.

65. BÁO THÙ

Nước Ngô, nước Việt đánh nhau.

Vua Ngô là Hạp Lư thua trận, phải quân Việt đâm chết. Con Hạp Lư là Phù Sai nối ngôi làm vua, thế thế nào cũng *phục thù* được cho cha mới nghe. Phù Sai bèn sai người đứng ở sân, mỗi khi mình ra vào, người ấy phải nói to lên rằng:

- Phù Sai kia! Nước Việt nó giết cha mà mày mà quên ư?

Phù Sai thưa rằng:

- Dạ không dám quên.

Ba năm sau, *quả nhiên* Phù Sai đánh được Việt, báo được thù cho cha.

Lúc nước Việt thua, vua Việt là Câu Tiễn sai sứ sang cầu hòa. Tuy rằng được hòa, nhưng đêm ngày âu sầu, lo nghĩ nát gan, tan ruột. Chết củi làm giường nằm, treo cái mặt trước chỗ ngồi. Khi nằm, thì trông

cái mặt; khi thì ném cái mặt. Chính thân thì cày cuốc, vợ thì dệt vải, làm ăn lao khổ như thường dân. Ai là bậc hiền tài, thì trọng dụng, ai là kẻ khốn khó thì cứu giúp. Hơn hai mươi năm trời, lúc nào cũng như vậy. Sau Câu Tiễn xem chừng lòng dân đã khiến được, bấy giờ mới đem quân đánh Ngô, quả nhiên Ngô lại thua mà Việt được.

Chu Thư

GIẢI NGHĨA: *Phục thù*: báo lại được cái ác, cái nhục mà người cừu địch đã xử với mình hay với người can hệ của mình. *Quả nhiên*: thật y như thế. *Hiền tài*: người có đức, có tài, giỏi giang hơn quần chúng.

LỜI BÀN: Một bên vì cha mà báo thù, một bên vì nước mà báo thù, hai cái thù không đội trời chung, mà dụng tâm theo đuổi đến báo kỳ được mới nghe thực là chính đáng, khiến ai nghe thấy cũng phải kính phục. Nếu Phù Sai, Câu Tiễn gặp cái cảnh đau đớn như thế, mà cứ mặt dày mày dạn điểm nhiên như không, thì chẳng là đất đá, không biết nhục là cái gì ư! Có biết nhục, vậy sau mới rửa được nhục. Khi đã rửa được nhục, lại cần phải tu tỉnh luôn luôn và quý nhất là cảm hóa và nâng đỡ kẻ thù đã chịu lui bước hay đã đầu hàng để cho họ đỡ đau khổ, có địa vị, thì mới được yên lâu. Nếu rửa nhục xong mà kiêu căng, quên cả phòng bị thì lại chuốc lấy nhục mà oan oan tương báo, chỉ những tàn hại nhau hoài mà thôi!

66. CÁCH DỪNG PHÁP LUẬT

Quý Cao làm quan *sĩ sư* nước Vệ có làm án chặt chân một người.

Sau nước Vệ loạn, Quý Cao chạy trốn, ra đến cửa thành, gặp người giữ cửa thành, lại chính là người mình chặt chân ngày trước.

Người ấy bảo:

- Kia có chỗ tường đổ.

Quý Cao nói:

- Người quân tử không trèo tường.

Lại bảo:

- Kia có lỗ hổng.

- Người quân tử không chui lỗ hổng.

Lại bảo:

- Ở đây có cái nhà.

Lúc Quý Cao mới chạy vào nhà ẩn. Bởi vậy mà quân đuổi theo không thể bắt được.

Lúc Quý Cao sắp đi, bảo người giữ thành rằng:

- Trước ta theo phép nước mà chặt chân người, nay gặp nạn, chính là cái dịp để người báo thù mà người ba lần chỉ lối cho ta trốn, thương ta như thế là nghĩa làm sao?

Người giữ thành nói:

- Tội tôi đáng chặt chân, tránh sao cho khỏi. Lúc ông *luận tội*, xoay xở pháp luật, ý muốn nới tay, tôi

cũng biết. Lúc án đã định, đem ra *hành hình* nét mặt ông buồn rầu, tôi lại biết lắm. Ông làm như thế, há có vị riêng gì tôi, đó là *tâm địa* bậc quân tử tự nhiên như vậy... Thế cho nên tôi muốn cứu ông.

Đức Khổng Tử nghe truyện này, nói rằng:

- Cũng một cách dùng *pháp luật*, dùng mà có lòng *nhân từ*, thì gây nên ơn, dùng mà ra dáng *tàn bạo* thì gây nên oán. Như Quý Cao thật là người làm quan biết dùng pháp luật vậy...

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Sĩ sư*: tên một chức quan đời nhà Chu; coi xét việc hình ngục. *Vệ*: (Xem bài số 55). *Luận tội*: cân nhắc tội trạng nhẹ để khép vào án. *Hành hình*: trị tội thực sự. *Tâm địa*: tấm lòng. *Pháp luật*: *pháp*: những cách nhất định đặt ra, ai nấy cùng phải theo; *luật*: phép thường dùng để định phân cho khỏi tranh nhau và phòng người làm xằng. *Nhân từ*: lòng thương người, lòng muốn làm lành. *Tàn bạo*: hung ác quá lắm.

LỜI BÀN: Người ta gia hình đến chặt chân mình, mình thấy người ta gặp cơn nguy cấp, chẳng những không báo thù, lại còn tìm cách cứu người ta, thế chẳng là biết dĩ đức báo oán, sáng gọi là người nhân ru! Mình đang lúc nguy cấp, chết đến nơi mà còn không chịu trèo tường, chui lỗ, thế cũng chẳng là biết tự trọng phẩm giá đáng gọi là quân tử ru! Người canh cửa thành sở dĩ phục Quý Cao là vì Quý Cao biết dùng pháp luật.

Đã đành rằng pháp luật đặt ra là để trừng trị kẻ có tội, nhưng nếu cho như bất đắc dĩ phải khếp vào án, lúc hành hình lại có chút bụng nhân từ ở trong, thì kẻ chịu tội mới thực tâm phục được. Người cầm pháp luật, tuy giữ lẽ công bình khếp vào lý, nhưng ở trong còn có chút tình, thương kẻ mắc tội, thì mới là biết dùng pháp luật vậy. Nói rộng ra, trị kẻ tội ác mà kẻ tội ác ấy sau hóa ra người lương thiện, Quý Cao đây thật là một vị hình quan khôn ngoan trung hậu biết đem hình pháp giúp cho sự giáo dục vậy.

67. THẬT, GIẢ KHÓ PHÂN

Ở gò *Lê Khưu* có giống quỳ lạ. Nó bắt chước làm con cháu, anh em người ta thật là giống.

Có một ông *trưởng giả* gần vùng ấy, một hôm ở chợ về, chén say khướt. Lúc đi qua gò *Lê Khưu*, con quỳ hiện hình lên làm con ông ta, tay ôm đỡ dìu dắt, nhưng miệng cứ lẩm bẩm nhiech móc, kêu say sưa là xấu.

Trưởng giả về nhà, lúc tỉnh rượu, gọi con ra mắng:

- Tao là cha mày, tao có điều gì ác nghiệt mà lúc tao say, mày lại nở mĩa mai tao như vậy!

Người con khóc lạy cha và thưa rằng:

- Oan quá! Thật con không dám như thế bao giờ. Con nghe đâu ở gò *Lê Khưu* có giống quỳ khéo bắt chước hiện lên làm người, có lẽ đấy chăng.

Trưởng giả đi hỏi dò thì quả nhiên ai cũng bảo có như thế thật. Ông mới định bụng hễ gặp giống quý ấy là đâm chết.

Hôm sau, ông lại đi chợ, lại chén say khướt mới về.

Người con sợ cha lại gặp quý nó quấy nhiễu gì, bèn xăm xăm đi đón. Trưởng giả trông rõ con mình, nhưng cho là quý liền rút gươm ra đâm chết.

Lã Tử

GIẢI NGHĨA: *Lê Khu:* tên một cái gò cao, ở về địa phận huyện Ngụ Thành, tỉnh Hà Nam bây giờ. *Trưởng giả:* người đứng tuổi, thường chỉ những bậc có trí, có tài, có oai, có chức hay có của.

LỜI BÀN: Khó thật! Làm thế nào cho rõ giả thực mà phân biệt được. Cái trò đời, đã gian thì lại ngoan, kẻ gian phi, đã rắp tâm lừa ai, thì dùng phiên phương bách kế, làm cho phải mắc lừa mà vẫn có bụng tin. Cho nên khi ta ngờ điều gì, phải để cái trí sáng suốt mà dò xét cho đến nơi. Chớ có vội hành động, lấy giả làm thực, cho thực là giả, nhận quý làm con, giết con tưởng quý như trưởng giả nói trong truyện này sau có hối lại cũng không kịp. Đời này biết bao chuyện vợ chồng, chuyện phe cánh, nhờ nhau tàn hại nhau, một khi sự thực hiện rõ ra, chỉ còn có ôm hận suốt đời, lúc nào cũng bắn khoăn thương đến người đã khuất.

68. TRUYỆN ĐUÔI ƯƠI

Ở núi Phong Khê đất *Thục* có giống đuôi ươi, mặt như mặt người, biết cười, biết nói. Máu nó dùng để nhuộm màu, không bao giờ phai, nên người ta hay lừa bắt nó.

Tính đuôi ươi thích uống rượu, thích đi guốc. Người ta biết thế, đem rượu và guốc bày la liệt ở quăng đồng không, rồi đi nấp một chỗ. Đuôi ươi người hơi rượu, kéo nhau ra thấy rượu, thấy guốc biết rằng như mình, bèn chửi rủa người lập mưu đánh bẫy và nói *thậm tệ* đến cả ông cha người ấy. *Đoạn* bảo nhau đi, lăm nhăm nói chớ có mắc mưu cái loài khốn nạn chực hại mình. Song đã đi mà vẫn ngoảnh lại, rồi lại bảo nhau: “Ta thử ném xem tưởng không hại gì”. Tay chắm miệng mút, bén mùi làm mãi, thành say sưa mờ mịt, quên cả lời khôn, lẽ phải bấy lâu giữ gìn; chệnh choáng nghiêng ngả, nói nói, cười cười chân đưa vào guốc thất thủ đi...

Người nấp bấy giờ đổ ra thì đuôi ươi lao đảo chạy, con ngã nghiêng, con ngã ngửa, người ta bắt sạch không sót con nào.

Than ôi! Biết rõ người ta lừa gạt mình mà cứ tham lam mê muội để đến nỗi mắc lừa người ta mà mất mạng. Ngu lắm thay! Thật là ngu lắm thay!

Diêu Dung

GIẢI NGHĨA: *Thục*: tức là Thục Quận, ở về đất Tứ Xuyên bây giờ. *Thậm tệ*: quá chừng, không vị nể gì nữa. *Đoạn*: dứt hẳn, rồi thì.

LỜI BÀN: Rượu chè, thuốc phiện, cờ bạc, trai gái... ở đời bao nhiêu sự đam mê, tuy vẫn biết là tai hại, mà khôn cái tính ngây, cái máu mê, nó như có ma lực vẫn xui giục dun dủi ta rủ nhau, đua nhau mà tìm đến, mà say đắm, có khi tai hại cũng không chữa. Than ôi! Còn ở trên bờ vực sâu, mà không biết giữ thì đến lúc lẫn xuống, ăn năn sao cho kịp! Cổ nhân có câu: “*Nhất thất túc, thành thiên cổ hận; tái hồi đầu, thị bách niên thân*”, nghĩa là: Lỡ bước một phen, nghìn đời ân hận; quay đầu nghĩ lại, chín mươi năm ngậm ngùi. Thật đáng ghê thay cho nên người ta phải cẩn thận giữ mình, khi đã biết sự đam mê có thể tai hại mình được, thì cố tự chủ, tự trị mà hãm mình lại ngay, chớ để cho nhân dục thắng được thiên lý thì phí cả đời người.

69. THUẬT XEM TƯỚNG

Nước Kinh có người xem tướng giỏi, nói câu nào đúng câu ấy. Trong nước xa gần đâu cũng biết tiếng.

Vua Trang Vương thấy thế vội lại hỏi:

- Nhà người dùng thuật gì mà xem tướng giỏi như thế?

Người xem tướng thưa rằng:

- Thần không có thuật gì là lạ cả. Thần chỉ xem bạn người ta mà biết được người ta hay, hay dở. Như thần xem cho thường dân, mà thấy chơi với những người bạn *hiếu đễ, thuần cần* biết giữ phép nước, thì thần đoán người dân ấy là người hay; *thân* tất một ngày một vẻ vang, nhà tất một ngày một thịnh vượng. Như thần xem cho quan lại, mà thấy chơi với những bạn thành tín, có phẩm hạnh, thích điều phải thì thần đoán cho ông quan ấy là người tốt, làm quan tất mỗi ngày một *cao thăng*, giúp vua tất mỗi ngày một ích lợi. Như thần xem cho vua chúa mà thấy *quan gần* có lắm người hiền, *quan xa* có lắm người trung, lúc có lỗi, nhiều người can ngăn, thì thần đoán là ông vua giỏi, vua tất mỗi ngày một tôn trọng, nước tất mỗi ngày một trị yên, thiên hạ tất mỗi ngày một quy phục... Thần quả không có thuật gì lạ, chỉ xem người mà biết được người hay dở.

Vua Trang Vương cho nói là phải. Bấy giờ kíp thu dùng những người tài giỏi, sau nước Sở thành cường thịnh nhất đời *Chiến Quốc*.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Nước Kinh*: (Xem bài số 29). *Hiếu, đễ, thuần, cần*: *hiếu*: ăn ở hết lòng với cha mẹ; *đễ*: kính thuận với bậc huynh trưởng; *thuần*: chân thật tự nhiên; *cần*: không cầu thả. *Thân*: bản thân đối với nhà, với nước. *Cao thăng*: lên cao. *Quan gần*: quan tại triều,

ở gần vua. *Quan xa*: quan ở các tỉnh xa kinh đô cùng ở chỗ biên thùy. *Chiến Quốc*: Thời đại về cuối nhà Chu 425 - 249 trước Th.Ch., các nước hay đánh (chiến) nhau. Có bảy nước mạnh là: Tần, Sở, Yên, Tề, Hàn, Triệu, Ngụy.

LỜI BÀN: Đại ý bài này cốt nói làm bạn với ai, thì rồi giống người ấy; làm bạn với người hay, thì thành hay, làm bạn với người dở thì hóa dở, cũng như những câu phương ngôn của ta “*Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*”. “*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*”. Cái thuật xem tướng đây thực ám hợp với câu ngạn ngữ Tây: “*Dis mois qui tu hantes, je te dirai qui tu es*” nghĩa là: Anh nói anh chơi với ai, thì tôi nói được anh là người nào. Bài này lại còn có ý chú trọng khuyên những người cầm vận mệnh một nước phải tín nhiệm hiền tài, để đồng công cộng tác và sửa đổi luôn luôn những quá ác cùng công việc nhảm thì nội trị mới khá, ngoại giao mới hay được.

70. THEO AI PHẢI CẦN THẬN

Khổng Tử thấy kẻ đánh lưới chim sẻ chỉ đánh được *thuần* sẻ non *vàng mép*. Ngài bèn hỏi rằng:

- Không đánh được sẻ già là tại làm sao?

Kẻ đánh lưới nói:

- Sẻ già biết sợ, cho nên khó được, sẻ non tham ăn, cho nên dễ bắt. Nếu sẻ non mà theo sẻ già thì bắt sẻ

non cũng khó, nhưng nếu sè già mà theo sè non thì bắt là cũng dễ.

Khổng Tử nghe đoạn quay lại bảo học trò rằng:

- Biết sợ để tránh tai hại, tham ăn mà quên *nguy vong*, đều là tính tự nhiên vậy. Song *phúc* hay *họa* lại do cái theo khôn tuy theo dại. Cho nên người quân tử, khi theo ai, phải *cẩn thận*. Theo ai mà biết phòng xa như người *lão luyện*, thì được toàn thân, theo ai mà hay nông nổi như kẻ trẻ dại thì *bại hoại*.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Thuần*: chỉ có một thứ thôi. *Vàng mép*: chim ăn khi còn phải mớm thì mép vàng. *Nguy vong*: *nguy*: không được yên; *vong*: mất, chết. *Phúc*: sự tốt lành, sung sướng. *Họa*: sự tội vạ, không may. *Cẩn thận*: kín đáo, chu chỉ, không cấu thả. *Lão luyện*: bậc người có tuổi, từng trải việc đời. *Toàn thân*: giữ trọn vẹn được tính mệnh. *Trẻ dại*: kẻ trẻ người non dạ chưa hiểu việc đời. *Bại hoại*: hư hỏng, đổ nát.

LỜI BÀN: Chim sè thế, người ta cũng thế, thường thường chỉ vì theo khôn, theo dại mà gặp phúc hay họa. Cho nên trước khi theo ai, ta phải xem xét cho cẩn thận. Chớ có nhắm mắt theo liều, đến khi hối lại, thì sự đã rồi, ăn năn không kịp. Cò đã theo vào lưới, thì dù phân trần phải trái làm sao, người đánh lưới cũng không thả ra cho nữa.

71. SAY, TÌNH, ĐỤC, TRONG

Khuất Nguyên làm quan *đại phu* cho đời Hoài Vương nước Sở, bị kẻ *sàm báng* mà phải *phóng khí*. Mặt mũi tiêu tụy, hình dong khô héo, Khuất Nguyên vừa đi vừa hát trên bờ đầm.

Có ông lão đánh cá trông thấy, hỏi rằng:

- Ông có phải là *Tam Lư* đại phu đó không? Sao mà đến nỗi khốn khổ như vậy?

Khuất Nguyên nói:

- Cả đời đục cả một mình ta trong; mọi người say có một mình ta tỉnh; bởi vậy nên ta phải bị bãi chức.

Ông lão đánh cá nói:

- Thánh nhân không *câu nệ* việc gì, lại hay *tùy thời*. Có phải cả đời đục cả, sao không khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng cho đục một thể; loài người say cả, sao ông không ăn cả men, húp cả bã cho say một thể? Việc gì mà phải lo xa, nghĩ sâu, để cho đến nỗi phải phóng khí?

Khuất Nguyên nói:

- Tôi nghe: Mới gọi đầu tất phải chải mũ, mới tắm tất phải thay áo; có đầu lại chịu đem cái thân trong sạch mà để cho vật dơ bắn dính vào mình được? Chẳng thà nhảy xuống sông *Tương*, vùi xác vào bụng cá, chớ sao đang trắng lôm lổp, lại chịu để vấy phải bụi dơ.

Ông lão đánh cá nghe nói tùm tùm cười, quay bơi chèo đi, rồi hát rằng:

“Sông Tương nước chảy trong veo.

Thì ta đem giặt cái lều mù ta.

Sông Tương nước đục phù sa

Thì ta lội xuống để mà rửa chân”.

Hát xong, đi thẳng không nói gì.

Khuất Nguyên

GIẢI NGHĨA: *Đại phu:* chức quan thời cổ, dưới quan Khanh trên quan Sĩ. *Sàm báng:* gièm pha, chê mĩa. *Phóng khí:* đuổi đi nơi khác, bỏ không dùng nữa. *Tam Lư đại phu:* quan đại phu Tam Lư, Tam Lư họ của Khuất Nguyên. *Tương:* tức là sông Tương Giang, một con sông lớn chảy qua tỉnh Hồ Nam, nhập vào Động Đình Hồ. *Lều:* giải mù, mù thường có hai giải để buộc cho chặt (mù đời cổ).

LỜI BÀN: Bài này, tác giả chính là Khuất Nguyên, mượn lời lão đánh cá mà đặt lời vấn đáp. Mấy câu hát của lão đánh cá thì có ý khuyên Khuất Nguyên hòa quang đồng trần với đời, mấy câu Khuất Nguyên nói thì lại phản đối lại: Chết thời thôi chớ không chịu theo thời, không chịu dày dạn, sống đục, không bằng thác trong. Ôi! Không nỡ bỏ nước nhà mà lẩn lút đi ở nơi khác, lại cũng không chịu cùng tiểu nhân mà cầu thả sống cho qua đời, sau quả nhiên vùi xác vào bụng cá trong sông Mịch La, lấy nước sông Mịch mà tẩy uế sự nhơ bẩn, thật là nghìn thu trung nghĩa, dòng

nước trong xanh, khiến cho ai xem truyện Khuất Nguyên cũng ngậm ngùi thương nhớ và sinh lòng phấn khởi.

72. NHAN SÚC NÓI CHUYỆN VỚI TÊ VƯƠNG

Vua Tuyên Vương nước Tề đến chơi nhà Nhan Súc.

Vua bảo:

- Súc lại đây.

Nhan Súc cũng bảo:

- Vua lại đây.

Các quan thấy vậy, nói:

- Vua là bậc *chí tôn*, Súc là kẻ *thần hạ*, Vua bảo: “Súc lại đây”, Súc cũng bảo: “Vua lại đây”; như thế có nghe được hay không?

Nhan Súc nói:

- Vua gọi Súc, mà Súc lại thì Súc là người *hâm mộ thần thế*. Súc gọi vua mà vua lại thì vua là người *quý trọng hiền sĩ*. Nếu để Súc này mang tiếng *hâm mộ quyền thế* thì sao bằng để nhà vua được tiếng *quý trọng hiền tài*.

Vua nghe nói giận lắm, gắt lên rằng:

- Vua quý, hay kẻ sĩ quý?

Nhan Súc đáp:

- Sĩ quý, vua không quý.

Vua hỏi:

- Có sách nào nói thế không?

Nhan Súc thưa:

- Có, ngày trước, nước Tấn sang đánh nước Tề, có hạ lệnh: “Ai dám đến gần mộ ông *Liêu Hạ Quý* mà kiếm củi, thì phải xử tử”. Lại có lệnh: “Ai lấy được đầu vua Tề thì được phong *hầu* và thưởng nghìn lạng vàng”. Xem thế đủ biết cái đầu ông vua sống thực không bằng cái mã kè sĩ đã chết.

Vua Tuyên Vương nói:

- Than ôi! Người quân tử ai mà dám khinh? Quả nhân cam chịu lỗi. Nay quả nhân xin là đệ tử để tiên sinh dạy bảo cho. Tiên sinh mà về với quả nhân, thì được ăn sung mặc sướng, lên xe, xuống ngựa, vợ con được quần áo xênh xang tha hồ đẹp!

Nhan Súc từ chối, nói:

- Ngọc vốn ở núi, lấy ra mài dũa, chế làm đồ vật, tuy đem bày biện có phần quý báu, nhưng cũng là hỏng, vì *vóc ngọc* không còn. Kè sĩ sinh nơi thôn dã bỏ ra làm quan, tuy vinh hiển thật, song *hình thần* không còn được toàn. Súc xin ở nhà, lúc đói mới ăn, thì cũng ngon miệng như ăn cơm thịt; lúc đi cứ bước một khoan thai, thì cũng nhẹ nhàng như lên xe, xuống ngựa; suốt đời không tội lỗi cùng ai, thì cũng sung sướng như quan cao chức trọng. Hình thần lúc nào cũng được trong sạch chính đính, thế là đủ *khoan khoái* cho Súc rồi.

Nói đoạn, Nhan Súc tạ vua Tuyên Vương mà lui vào.

GIẢI NGHĨA: *Chí tôn:* vua gọi là chí tôn vì là bậc tôn trọng nhất trong một nước. *Thần hạ:* chỉ người tòng phục ở dưới quyền nhà vua. *Hâm mộ thần thế:* ao ước, ham mê chỗ có oai quyền thế lực. *Quý trọng hiền sĩ:* kính mến người giỏi. *Liễu Hạ Quý:* người hiền sĩ thời Xuân Thu. *Vóc ngọc:* nguyên hình hòn ngọc ở trong tảng đá. *Thôn dã:* quê mùa. *Hầu:* bậc thứ hai trong ngũ tước. *Hình thần: hình:* xác thịt; *thần:* là tinh thần. *Khoan khoái:* thư sướng, vui thích, không gì phiền lụy đến thân.

LỜI BÀN: Xem lời Nhan Súc đối đáp với vua Tuyên Vương thì đủ biết phẩm giá con người ta thực quý hơn ngôi vua chúa. Thế mà ở đời, nhiều kẻ ham mê phú quý, đến nỗi mất cả nhân cách, chôn cả lương tâm, thì thật là khờ dại, đem một sự rất quý mà đổi lấy những sự hão huyền bề ngoài rất đáng khinh. Người ta có vô cầu mà giữ được thiên tước, không mất bản tính thì suốt đời mới không nhục và nhân phẩm mới cao.

73. KHẤU CHUẨN THƯƠNG NHỚ MẸ

Ông *Khẩu Chuẩn* thuở nhỏ, tính hay *du đãng*, không giữ lễ phép lại thích chơi chim, chơi chó. Bà mẹ ông vốn là người *ngghiêm khắc*, thấy con thế quở phạt luôn, mà ông vẫn không chừa.

Một hôm, ông bỏ học đi chơi, bà mẹ giận lắm, cầm cái quả cân ném ông, trúng phải chân, máu chảy đầm

địa... Ông bị đau, ít lâu mới khỏi. Tự bấy giờ, ông không dám lêu lổng, *phóng túng*, chỉ *chuyên cần học tập*. Về sau thi đỗ, làm quan đến *Tể tướng*. Lúc ông *quý hiển*, thì mẹ ông đã *tạ thế* rồi. Mỗi khi ông sờ đến vết thương thương ở chân, thì ông lại nức nở khóc lóc và nói rằng: “Chính vết thương này làm cho ta nên người đây”.

Nhân Phả

GIẢI NGHĨA: *Khấu Chuẩn*: người đời nhà Tống đỗ Tiến sĩ, làm quan đời vua Chân Tông đến chức *Tể tướng*, có công đánh giặc Khiết, Đan. *Du đang*: chơi bời phóng túng, tự mình không chí thú. *Nghiêm khắc*: nghiêm: có oai nghi đáng sợ; khắc: khe khắt, chặt chẽ. *Phóng túng*: dông dài, liêu lĩnh. *Học tập*: học: bắt chước; tập: học rồi lại tập luyện. *Tể tướng*: bậc trọng đứng đầu hàng quan. *Quý hiển*: làm quan sang nên danh giá. *Tạ thế*: không còn ở đời nữa, nghĩa là chết.

LỜI BÀN: Mẹ làm cho con đến chảy máu chân, đến thành vết thương cũng là quá. Nhưng chẳng qua cũng là một cơn giận dữ, bất ngờ đến nỗi thế. Chớ thực bản tâm là có ý muốn bảo con, cố làm cho con chừa được những nét xấu đi, thực là một bà hiền mẫu biết dạy con vậy. Còn ông Khấu Chuẩn, vì cái vết thương ấy mà thành ra học tập trở nên một người quý hiển, mỗi khi trông thấy vết chân lại ngậm ngùi nhớ đến mẹ thì cũng là một người con khá biết nghe lời mẹ và thương mẹ suốt đời vậy.

74. TÌNH MẸ CON CỦA LOÀI VƯỜN

Ở đất *Vũ Bình* có giống vườn, lông đỏ như vang, nõn như tơ trông xa nhấp nhánh rất là *ngoạn mục*. Có hai mẹ con vườn, mẹ thì khôn ngoan, tai quái, con thì ngây ngô, nhẹ dạ, nhưng lúc nào cũng đi liền bên vườn mẹ.

Người đi săn không thể nào nhử mỗi đánh bẫy được, mới lấy thuốc độc xát đầu mũi tên, rình lúc vườn mẹ vô ý thì bắn ngay. Vườn mẹ biết mình không thể sống được, vắt sữa ra cho con uống, xong rồi lăn ra chết. Người đi săn quay về phía vườn con, cầm roi quất vào cái xác vườn mẹ. Vườn con thấy, kêu gào thương xót, chạy lại gần, người đi săn bắt sống được. Lúc về nhà cứ đêm đêm, vườn con nằm phục bên xác mẹ, thì mới yên; một đôi khi lại ôm lấy kêu gào vật vã rất thảm thiết. Không được mấy hôm vườn con cũng chết.

Than ôi! Vườn là giống vật còn biết thương mẹ, liều chết với mẹ, huống chi là giống người lại nỡ *nhấn tâm* quên mẹ, phụ lòng mẹ ư!

Tống Liêm

GIẢI NGHĨA: *Vũ Bình*: tên đất ở vào địa phận phủ Định Châu, tỉnh Phúc Kiến bây giờ. *Ngoạn mục*: trông vui mắt, thích xuất. *Nhấn tâm*: nỡ lòng làm điều trái với tình, lý.

Tổng Liêm: người đời nhà Minh, học giỏi, nhớ nhiều, từ lúc trẻ đến lúc già, không có hôm nào rời quyển sách văn chương dỗi dào, làm Sử nhà Nguyên 210 quyển.

LỜI BÀN: Vượn mẹ đến chết vẫn còn thương con, thực là “*người mẹ sinh ra chỉ để thương con*”. Vượn con thương mẹ đến nỗi phải chết, thực là đáng khen và đáng làm gương cho những mẹ bất tử, những con bất hiếu, ở vào thời đại phong hóa suy đồi này.

75. HỌC TRÒ BIẾT HỌC

Công Minh Tuyên đến học thầy *Tăng Tử*. Ở nhà thầy đã ba năm mà không mấy khi đọc sách.

Thầy *Tăng Tử* hỏi:

- Người đến đây học đã ba năm nay, ta xem ý người không mấy khi học tập sách vở như các anh em, là tại làm sao?

Công Minh Tuyên nói:

- Thừa thầy, con vẫn học. Con thấy thầy ở trong nhà, trước mặt *song thân* lúc nào cũng hiếu thuận hòa nhã, cho đến giống vật như chó, mèo, thầy cũng không quở mắng bao giờ; thầy ứng tiếp bạn bè cung kính ung dung, rất có lễ độ, kẻ dở người hay, ai nấy đều *thiếp phục*; thầy ở triều đình, đối với kẻ dưới bề ngoài rất là nghiêm trọng, mà trong bụng rất là nhân từ, không có

ý hại ai bao giờ cả. Ba điều ấy con lấy làm vui lòng mà mãi làm chưa được. Con đâu dám không học mà cứ ở cửa nhà thấy.

Thầy Tăng Tử nghe đoạn, *tạ* lại Công Minh Tuyên và nói rằng: “Ta nay không bằng nhà người”.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Công Minh Tuyên:* người nước Lỗ về đời Xuân Thu, học trò thầy Tăng Tử. *Tăng Tử:* (Xem bài số 12). *Song thân:* hai đấng thân, cha và mẹ. *Thiếp phục:* vui lòng chịu theo. *Tạ:* tự nhận lỗi mình.

LỜI BÀN: Học trò như Công Minh Tuyên, thầy dạy như Tăng Tử, mới thật là học trò biết học, ông thầy biết dạy, xứng đáng thầy trò vậy. Làm ông thầy, không những lấy trí thức mà truyền thụ, lại còn lấy đức tính để làm gương giáo hóa cho kẻ đi học nữa. Sách có câu: “*Dĩ ngôn vi giáo, dĩ thân vi giáo*”, cũng là lấy nghĩa ấy. Làm học trò không những bo bo ở việc học tập văn bài, lại phải học cả động, tĩnh, ngữ, mặc, thái độ, hình dung của thầy để bắt chước cho được như thầy nữa. Học như thế mới học được cái tinh hoa. Công Minh Tuyên chỉ học ba điều kể trong bài này, mà tức là học được đủ bốn phạm của một người đối với gia tộc và xã hội vậy. Đây là học ở trường học thường mà biết học còn hay như thế, huống chi học trường tự nhiên là trường thế giới mà biết học thì hay còn biết đến là chừng nào!

75. HỌC TRÒ BIẾT HỌC

Một người nhà quê, rải cỏ phơi ở sân giậu. Hôm sau ra vợ cỏ, nghe có tiếng kêu “tích-tích” lật lên xem, thì bắt ngay được một con *trĩ*.

Anh ta thấy thế, lại cứ để cỏ đấy, có ý mong ngày mai lại được con *trĩ* nữa. Mai ra, lắng tai nghe lại thấy tiếng “tích tích” như hôm trước, trong bụng mừng thầm.

Nhưng vừa bới cỏ lên, thì ra một con rắn, nó cắn ngay vào tay, anh ta bị thương rồi chết.

Úc Ly Tử nói rằng:

- Một việc nhỏ ấy đủ làm gương cho ta: Trong thiên hạ có cái *phúc* không tưởng được thế, mà may được thế, cũng có cái *họa* không ngờ đến thế, mà xảy ra thế!

Úc Ly Tử

GIẢI NGHĨA: *Trĩ*: giống chim có lông đẹp và thịt ăn ngon. *Phúc*: sự may, sung sướng. *Họa*: sự rủi ro, sự tai vạ.

LỜI BÀN: Sự may, sự rủi người ta không thể lường trước được. Trong cái may, biết đâu mà chẳng có cái không may. Trong cái chẳng may, biết đâu rằng không có cái may? Cũng một việc, bạn trước là chẳng may, bạn sau lại may, hay bạn trước may mà bạn sau chẳng may, như người trước gặp *trĩ* có lợi,

sau gặp rắn bị chết, nói trong truyện này! Chúng ta nên nhớ rằng: “*Tham thì thâm*”, đã đặc ý một lần, không nên lại đến nữa đến không những không được như lần trước mà lại còn bị khinh bỉ khổ nhục nữa.

77. HỌA PHÚC KHÔN LƯỜNG

Một ông lão ở gần cửa ải có con ngựa tự nhiên đi sang nước *Hồ* mất. Người quen kẻ thuộc đều đến hỏi thăm. Ông lão nói:

- Mất ngựa thế mà *phúc* cho tôi đấy, biết đâu!

Cách mấy tháng, con ngựa về lại *quyển* thêm được một con ngựa hay nữa. Người quen kẻ thuộc đều đến mừng rỡ. Ông lão nói:

- Được ngựa thế mà *họa* cho tôi đấy, biết đâu?

Từ khi được ngựa hay, con ông lão thích cưỡi, chẳng may ngã què chân. Người quen kẻ thuộc đều đến hỏi thăm. Ông lão nói:

- Con què thế mà *phúc* cho tôi đấy, biết đâu!

Cách một năm, có giặc *Hồ*. Nhà vua bắt lính đi đánh giặc. Quân lính mười người chết đến chín. Chỉ con ông lão, vì què, không phải đi lính, mà cha con vẫn có nhau.

Hoài Nam Tử

GIẢI NGHĨA: *Khôn lường:* khó lòng dò biết được. *Cửa ải:* chỗ hai nước giáp nhau mà có đường đi lại. *Phúc, họa:* (Xem bài trên). *Quyển:* rủ rê đem về. *Hổ:* tức là Hung Nô ở phía bắc nước Tàu hay vào nhiễu loạn nước Tàu. *Hoài Nam Tử:* tên là Lưu An, tôn thất nhà Tây Hán, tức Hoài Nam Vương, làm sách nói về đạo đức.

LỜI BÀN: Họa phúc xoay vần, khó lòng biết được. Trong cái phúc, thường khi có cái họa nấp sẵn ở đấy; trong cái họa thường khi lại có cái phúc nấp sẵn ở đấy. Cho nên, đối với sự họa phúc, ta không nên vội lấy việc chỉ có một thời mà quyết định cho là hay mãi, hay dở mãi được. Ta chỉ nên, khi gặp phúc, thì thao thủ cẩn thận, đừng có kiêu sa phóng túng, may mà giữ được phúc lâu dài; khi gặp họa, thì tu tỉnh lấy thân, đừng có ngã lòng, đừng có oán trách may mà qua được họa lại gặp được phúc chăng.

78. VẼ GÌ KHÓ

Có người thợ vẽ, vẽ cho vua nước Tề mấy bức tranh.

Vua hỏi:

- Vẽ cái gì khó?

Thưa:

- Vẽ chó, vẽ ngựa khó.

- Vẽ cái gì dễ?

- Vẽ ma, vẽ quỷ dễ.

- Sao lại thế?

- Chó ngựa ai cũng trông thấy, vẽ mà không giống thì người ta chê cười, cho nên khó vẽ. Ma quỷ là *giống vô hình*, không ai trông thấy, tùy ý muốn vẽ thế nào cũng được, không sợ ai bẻ, cho nên dễ vẽ.

Người nào bỏ những công việc *nhật dụng thường hành*, chỉ chăm làm những việc *kỳ dị quái gở* để lòe thiên hạ, thì cũng chẳng khác nào như người thợ chỉ vẽ ma, vẽ quỷ, nghĩa là tránh cái khó mà làm cái dễ vậy.

GIẢI NGHĨA: *Vô hình*: không có hình cho trông thấy, sờ thấy. *Nhật dụng thường hành*: hàng ngày dùng đến mà thường làm luôn. *Kỳ dị quái gở*: lạ lùng, khác hẳn sự thường.

LỜI BÀN: Trong bài nói chó, ngựa, mà thực bao rộng cả những vật hữu hình, mắt có thể trông thấy; chỉ nói ma quỷ, mà thực bao rộng cả những vật vô hình trí não tưởng tượng. Một đằng vẽ vật hữu hình là chép lại, một đằng vẽ vật vô hình là bày ra; ai chẳng cho chép dễ hơn bày. Nhưng xét thực, chèo cho hết khó bao nhiêu thì bày vu vơ lại dễ bấy nhiêu. Nên ta chớ nhầm, thấy kẻ làm kỳ quái khác thiên hạ đã vội coi thánh tướng lắm. Ta phải trọng những người quý thực tế, làm hết bốn phận mình hàng ngày. Nhiều khi ở đám bình dân mộc mạc quê mùa,

mà có bao nhiêu người trung, hiếu, tiết nghĩa, dũng cảm, hào hiệp, hơn là hạng tục học, vẽ ma, vẽ quỷ, chủ nghĩa... lòe đời mà kỳ thực tự tư, tự lợi, có hại không thể nói hết được.

79. CÁCH ĐÂM HỔ

Hai con hổ đang ăn thịt một con trâu. *Biện Trang* muốn ra đâm hổ. Có thằng trẻ con bảo rằng:

- Hãy hướm, ông ạ. Hổ là giống *tàn bạo*, trâu bò là mồi ngon ngọt. Bây giờ hai con hổ đang cùng ăn một con trâu, thấy thịt trâu rất ngon, tất tranh nhau đánh nhau. Đánh nhau thì hổ nhỏ chết mất mà hổ lớn cũng *bị thương*. Ông đợi đến bấy giờ hãy ra, thì có phải chỉ đâm một con, mà rồi được cả hai con không? Như thế thì chẳng là công dùng ít mà lợi được nhiều ư?

Biện Trang cho lời nói là phải, làm theo y như thế, *quả nhiên* bắt được cả hai con hổ.

GIẢI NGHĨA: *Biện Trang*: người nước Lỗ, thời Xuân Thu, làm quan Đại phu ở ấp Biện, là người khỏe có tiếng, thường hay đâm được hổ. *Tàn bạo*: ác nghiệt, hung tợn hay làm hại. *Bị thương*: phải dấu hay phải vết đau. *Quả nhiên*: đúng y như thế.

LỜI BÀN: Bài này cốt ý dạy ta làm việc gì biết thừa cơ mà làm, thì ít khi nhọc, mà lại dễ thành công.

Như Biện Trang đây, bắt hai con hổ ngay, công phu nhiều mà chưa chắc đã được. Đợi nó đánh nhau, một con chết, một con bị thương, thì ra chỉ mất công bắt một con hổ yếu (vì mới bị thương) mà rồi được cả hai con hổ vậy. Ý bài này cũng giống câu nói của Mạnh Tử: “*Tuy hữu trí tuệ; bất như thừa kế, tuy hữu ti cơ, bất như đãi thời*”. Nghĩa là tuy có khôn ngoan sáng suốt, chẳng bằng thừa được cái thế, lại dễ làm hơn; tuy có điền khí sẵn sàng, chẳng bằng đợi đến thời đáng làm mới làm thì lại được việc.

80. ÂM NHẠC

Âm là từ lòng người ta mà sinh ra. Lòng người có *cảm giác*, mới *phát động* ra âm. Âm tuy thành ở ngoài miệng, mà thực phát ra tự trong lòng.

Cho nên, nghe âm thanh mà biết được *phong tục*, xét phong tục mà biết được *chí hướng*, xem chí hướng mà biết được *đạo đức, thịnh, suy*, khôn, đại, hay, dở đều hiện ra *âm nhạc* không giấu được ai. Bởi vậy, cứ lấy âm nhạc mà *nghiệm* được một nước ra thế nào.

Đất xấu thì cây cối ngả nghiêng, nước đục thì tôm cá gầy còm. Đời suy thì lễ nghĩa *phiên* mà âm nhạc *dâm*. Những âm *dâm dăng, tà khúc*, những âm *trên bậc trong dẫu* mà dưới dân gian lấy làm thích là nước *loạn*, mà trên vua chúa lấy làm vui là đức *suy*.

Âm nhạc đã không có *tiết tấu*, không được *trang nghiêm*, thuần một màu *dâm dăng* đã xuất ra thời chỉ cảm được cái lòng *dâm dăng* tà khúc mà rồi sinh ra bao nhiêu việc tà khúc *gian nguy* vậy.

Cho nên người quân tử để tâm vào *đạo* mà sửa lấy *đức*, chỉnh lại *đức* để làm âm nhạc, hòa nhạc để cho *thành thuận*, mà nhạc có hòa, thì mới *chỉnh đốn* được mọi việc.

Tuân Tử

GIẢI NGHĨA: *Cảm giác:* thấm thía phát động và hiểu biết. *Phát động:* nảy hiện ra. *Phong tục:* những cái người trên làm cho người dưới bắt chước gọi là *phong*; thói quen kẻ dưới tập nhẫm nhau gọi là *tục*. *Chí hướng:* lòng thích muốn việc gì. *Đạo đức:* cách ăn ở hợp với cương thường, lẽ phải. *Thịnh, suy:* thịnh: hay hơn mãi lên; *suy:* kém dần đi. *Nghiêm:* ngắm xem mà biết. *Phiền:* nhiều quá. *Dâm dăng, tà khúc:* trai gái chơi bời, nghĩ xằng làm bậy. *Trên bậc trong dâu:* dịch ở bốn chữ: *Tang trung Bộc thượng*, nghĩa là trên ở bờ sông Bộc, ở trong bãi dâu, hai nơi này là chỗ trai gái chờ hẹn nhau. *Loạn:* rối lên, không được bình yên. *Tiết tấu:* điệu âm nhạc lúc mau, lúc khoan, lúc chìm, lúc bổng. *Trang nghiêm:* Đứng đắn, có vẻ oai vệ. *Gian nguy:* khốn khó nguy vong. *Thành thuận:* cảnh nào ra cảnh ấy, trên dưới có trật tự. *Chỉnh đốn:* thu xếp cho ngay ngắn.

LỜI BÀN: Nếu xem âm nhạc một nước, mà biết được nước ấy là thế nào, thì đủ biết âm nhạc có một cái quan hệ rất mật thiết với sự tồn, vong, thịnh, suy, của một nước. Ôi! Âm nhạc của nước ta hiện nay thế nào? Có nhiều người, nếu không chê rằng là ai oán chi âm, Trịnh Vệ chi thanh, thì cũng không cho được rằng có vẻ hùng dũng, cái khí cao xa ở trong ấy. Tiếc rằng người đánh đàn, kéo nhị thì nhiều, nhưng quanh đi, quẩn lại chỉ Lưu Thủy với Nam Ai, còn người thực am hiểu âm luật, có thể cải lương được âm nhạc chưa có mấy. Ước gì những bậc có tài nghề âm nhạc hằng lưu tâm đến, làm cho cái âm nhạc sâu não, éo lá kia được chỉnh đốn mà phấn chấn mãi lên, thì thực là bậc “lâm quốc” có công to đối với cả nước vậy.

81. TRÍ VÀ NHÂN

Thầy Tử Lộ yết kiến đức Khổng Tử.

Đức Khổng Tử hỏi:

- Thế nào là người trí? Thế nào là người nhân?

Thầy Tử Lộ thưa:

- Người trí là người làm thế nào để cho người ta biết mình; người nhân là người làm thế nào để người ta yêu mình.

Đức Khổng Tử bảo:

- Nhà người nói như vậy cũng khá gọi là người có học vấn.

Thấy Tử Lộ ra, thấy Tử Cống vào, đức Khổng Tử lại hỏi người trí, người nhân là thế nào.

Thấy Tử Cống thưa:

- Người trí là người biết người, người nhân là người yêu người.

Đức Khổng Tử bảo:

- Nhà người nói như vậy cũng khá gọi là người có học vấn.

Thấy Tử Cống ra, Thấy Nhan Hối vào, đức Khổng Tử lại đem trí nhân ra hỏi:

Thấy Nhan Hối thưa:

- Người trí là người tự biết mình; người nhân là người tự yêu mình.

Đức Khổng Tử bảo:

- Nhà người nói như vậy đáng gọi là bậc sĩ quân tử.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Tử Lộ*: học trò giỏi đức Khổng Tử có tiếng về khoa chính sự. *Yết kiến*: đến thăm, hầu người trên. *Học vấn*: học để cho biết nhiều, hỏi (vấn) để cho tinh. *Tử Cống*: học trò giỏi đức Khổng Tử có tiếng về khoa ngôn ngữ. *Nhan Hối*: học trò giỏi nhất đức Khổng Tử, có tiếng về khoa đức hạnh. *Sĩ luân tử*:

bạc người thượng lưu trong xã hội, có đức hạnh, có học vấn có kiến thức.

LỜI BÀN: Cùng một chữ Trí, một chữ Nhân mà ba người đáp mỗi người mỗi khác. Không phải là trí với nhân có lắm nghĩa, thay đổi khác nhau, đó là tùy theo cái trình độ học vấn, kiến thức của mỗi người, mà tư tưởng thuyết minh có phần hơn, kém nhau. Thấy Tử Lộ đáp như thế là người vụ ngoại, chỉ cần cho người ta biết mình yêu mà thôi. Thấy Tử Cống đáp như thế là người quên mình chỉ biết người, yêu người mà thôi. So với thầy Tử Lộ thì cao hơn một bậc. Song chưa bằng thầy Nhan Hối. Học như thế mới là học vị kỷ, nghĩa là học để tự biết mình và yêu mình trước, rồi mới suy rộng ra đến biết người, yêu người. Biết mình yêu mình, không phải là có lòng tư kỷ hẹp hòi. Có biết mình, thì mới tự tình được tâm thân, cái quá thiên thiện mà nên người hay, người khá, tức cùng như câu: *"Connais toi toi même"* của Tô Lạp Thị. Có yêu mình thì mới biết trọng tư cách của mình, quý phẩm giá của mình rồi mới ra đến thân dân, ái vật, tức cùng như câu tục ngữ Pháp: *"Charité bien ordonnée commence par soi même"*.

82. HẾT LÒNG VÌ NƯỚC

Vua Bình Vương nước Sở nghe lời gièm pha, giết chết đại tướng là Ngũ Xa. Ngũ Thượng là con cả Ngũ Xa, cũng bị hại. Người con thứ là Ngũ Viên, bèn bỏ

nước Sở, sang làm tướng Ngô. Trước khi đi có đến từ già một người bạn đang làm quan đại phu tên là *Thân Bao Tư* mà bảo rằng:

- Ba năm nữa, nước Sở không mất, thời tôi không trông thấy bác nữa.

Thân Bao Tư nói:

- Bác làm mất nước Sở, thì tôi tất phải giữ cho nước còn.

Ba năm sau, Ngũ Viên đem quân Ngô về đánh Sở. Vua Chiêu Vương nối ngôi Bình Vương, thua chạy phải trốn vào trong núi.

Thân Bao Tư đang ở trong núi, nghe nói Ngũ Viên *cường bạo*, bèn sang cầu cứu nước Tần, tâu cùng vua rằng:

- Nước Ngô *vô đạo* quân khỏe, người nhiều, sắp đánh cả *thiên hạ*, bây giờ mới bắt đầu đánh một nước Sở tôi trước. Vua nước tôi phải chạy trốn, hiện nay ở Vân Mộng, sai tôi đến *cáo cấp* với *thượng quốc*.

Vua nước Tần là Ai Công, bảo:

- Ủ! Để rồi ta liệu. Nhà ngươi hãy ra nghỉ ngoài sứ quán.

Thân Bao Tư nói:

- Vua nước tôi bây giờ đang khốn đốn, phận bây tôi đâu dám ăn nằm yên một chỗ.

Nói đoạn, cứ đứng ở giữa sân khóc lóc thảm thiết suốt bảy ngày đêm.

Ai Công thấy vậy, nói rằng:

- Một nước có người bấy tôi như thế, ta không cứu cũng không đành.

Rồi đem quân sang cứu nước Sở.

Quân Ngô nghe thấy tin, vội phải rút quân về.

Nước Sở nhờ thế mà không mất, vua Chiêu Vương lại lên ngôi, cho tìm Thân Bao Tư để thưởng công, thì không thấy đâu cả. Thân Bao Tư đã lánh đâu rồi.

Trước khi lánh, Thân Bao Tư nói rằng:

- Mượn quân, yên nước không phải là vị thân, cứu cấp, trừ hại không phải là vị danh. Bây giờ nước đã định rồi, thì ta còn cầu gì nữa?

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Sở:* (Xem bài số 9). *Đại tướng:* một chức quan to nhất. *Ngũ Xa:* người nước Sở thời Xuân Thu, thờ vua Bình Vương vì can vua mà phải giết. *Ngũ Thượng:* con cả Ngũ Xa, cha bị nạn, đi theo cha rồi cũng bị hại. *Ngũ Viên:* tức là Ngũ Tử Tư, con thứ Ngũ Xa, trốn chạy sang Ngô để mưu phục thù cho cha. *Thân Bao Tư:* người thời Xuân Thu làm quan đại phu thờ vua Bình Vương nước Sở mà chơi thân với Ngũ Viên. *Cường bạo:* ương ngạnh, tai ác. *Vô đạo:* ngang ngược không theo lẽ phải. *Thiên hạ:* (Xem bài số 56). *Cáo cấp:* báo cho biết có sự khẩn cấp. *Thượng quốc:* tiếng gọi tôn một nước ngoài.

LỜI BÀN: Ngũ Viên vì cha bị giết oan mà quyết chí muốn hại vua, làm cho vua mất nước, là trọng chữ hiếu hơn chữ trung, có phần đáng khen, cũng có phần nên chê. Thân Bao Tư muốn cứu nước chỉ lấy nước mắt, tiếng khóc mà nên công thực là người quá nhần nhục trong lúc kể cùng lực kiệt, để chuyển được người không có ý giúp cũng phải giúp, thế là có bụng rất trung, yêu vua, cứu nước vậy. Lại đáng khen hơn nữa là công to mà không lấy thưởng. Việc nghĩa phải làm là làm cho cả nước, làm được là hã, là sướng, chớ có cầu cạnh gì riêng cho thân mình?

83. MÃ VIỆN

Mã Viện mồ côi từ thuở nhỏ, tình cảnh rất nghèo khổ mà thật là người có *đại chí*. Thường khi nói chuyện với người ta rằng:

- Làm tài trai lúc cùng khổ, chí càng phải bền; khi tuổi tác khí càng phải tăng.

Mã Viện ra công, ra sức cày cấy, chăn nuôi, không bao lâu giàu có hàng ức triệu. Mà hình như chưa được phi chí, thường nói với người ta rằng:

- Phàm làm nên giàu, mà có biết đem của *thí chần* cho người *khốn cùng*, thì mới là quý. Bằng không, thì chỉ làm tôi tớ đồng tiền, suốt đời canh giữ đồng tiền, chớ có ích gì!

Sau Mã Viện đem hết tiền của chẩn cấp cho người nghèo, rồi ra làm quan giúp vua *Quang Vũ* nhà *Hán*. Bảy giờ đã già, mà cứ hay xin đi đánh Nam, dẹp Bắc. Mỗi khi thắng trận trở về, họ hàng bà con ra chào mừng đón rước, thì Mã Viện nói rằng:

- Làm tài trai, nên chết ở chốn *biên thủy*, lấy da ngựa bọc thây mà chôn mới là đáng trọng; chớ ốm nằm xó giường, chết ở trong tay lũ trẻ nâng đỡ, thì có hay gì?

GIẢI NGHĨA: *Mã Viện*: người đời nhà Đông Hán sau được phong làm Phục Ba tướng quân. *Đại chí*: chí cả, làm được những công việc to. *Thí chẩn*: đem tiền của chu cấp cho kẻ nghèo khó. *Khốn cùng*: khổ sở không còn có gì nữa. *Quang Vũ*: vua nhà Đông Hán (25-56 sau Th.Ch.) *Hán*: đây là Đông Hán (25-194 sau Th.Ch.). *Biên thủy*: chỗ hai nước giáp giới nhau.

LỜI BÀN: Đối với nước Việt Nam ta. Mã Viện là như người cừ địch, đáng ghét. Nhưng ta cũng không nên vì ghét mà không biết đến cái hay của người. Như Mã Viện mỗ côi nghèo khổ mà làm nên giàu có, là người có chí lập thân đáng khen. Giàu có mà biết dùng của, đem của cấp cho kẻ khốn cùng, lại là người có chí cứu khổ đáng trọng. Có tuổi mà vẫn đem thân ra chốn chiến trường để tận trung báo quốc lại là một người có chí ái quốc đáng phục, thật không phụ cái

tiếng anh hùng. Một người cùng khổ yếu đuối mà làm nên phú quý, lúc phú quý lại hiểu được cái nghĩa phú quý nên làm thế nào, thực chẳng đáng làm gương cho cả mọi người ru!

84. BỘ NGỰA CHỐNG XE

Một hôm, Trang Công nước Tề *xa giá* đi săn. Xe ra khỏi thành, đi trên đường cái, có con bộ ngựa cứ đứng giữa đường, giương càn chực chống lại với cái xe. *Tả, hữu* thấy thế, kêu lên rằng: “Chết! Chết!” Trang Công nghe tiếng, tưởng sự gì *nguy hiểm*, vội vàng bắt dừng xe lại, hỏi. *Tả, hữu* thưa:

- Có con bộ ngựa thấy xe sắp đến không tránh lại giờ càng lên muốn chống lại. Giống bộ ngựa quái lạ, chỉ biết tiến lên, chớ không lui, không chịu *lượng* sức mình khỏe hay yếu, hễ gặp *cừu địch*, thì xem thường, xem khinh, cứ lập tức xông vào đánh. Xin cứ để cho xe đi, xem bộ ngựa sống hay chết thế nào.

Trang Công nói:

- Hầy khoan. Giống bộ ngựa thế mà đáng kính. Giả sử bây giờ có một người bị kẻ *tàn bạo hà hiếp*, không ngại *gian nan*, không sợ *nguy hiểm*, *nhất quyết* chỉ tiến lên, chọi với *cường địch*, chết cũng không *thoái tị* thì là đáng tôn kính lắm ư!

Nói đoạn, Trang Công bảo tránh xe đi sang một bên.

Từ hôm đó, bọn *tướng sĩ* Trang Công nghe thấy câu chuyện, khi phải đi đánh giặc đâu, là liều chết tiến lên, không chịu không bằng con bộ ngựa.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA: *Xa giá:* xe vua đi. *Tả, hữu:* bên phải, bên trái, đây nói các quan theo hầu ở bên vua. *Nguy hiểm:* nguy cấp, hiểm nghèo, nói cái gì có thể hại mình được. *Lượng:* dẫn đo, cân nhắc để biết tài, sức của mình hay của người. *Cừu địch:* quân thù nghịch làm hại mình. *Tàn bạo:* phá hại, hung ác. *Hà hiếp:* đè nén, lấn át một cách nghiệt ngã. *Gian nan:* nhọc, khổ ải. *Nhất quyết:* khẳng khái một mực nhất định như thế. *Cường địch:* quân giặc mạnh. *Thoái tị:* lùi lại, lánh đi. *Nói đoạn:* nói xong câu chuyện. *Tướng sĩ:* quan quân.

LỜI BÀN: Có kẻ cừu địch trước mặt, không biết lượng sức người ta yếu hay khỏe thế nào, cứ liều xông vào chọi, có khi như trứng chọi với đá, nổi đất chọi với nổi đồng, thì cũng là khờ dại đáng tiếc. Tuy vậy, có kẻ hà hiếp mình thậm tệ, mà mình còn đủ chí khí chống lại, thế là mình hiểu được cái lẽ tự vệ, chết cũng không chịu nhục. Nhất là mình lại quả quyết phẫn chấn tiến lên, không chịu nhả nhục lùi lại, thế là có dũng khí đáng khen. Ôi! Giống bộ ngựa là giống sâu bọ còn thế, huống chi là giống người ta là bậc tinh anh lại chịu kém bộ ngựa hay sao! Trang Công thực là khéo biết dạy, mà tướng sĩ Trang Công thực là biết nghe ra vậy.

85. ỪNG ĐỐI LINH LỢI

Thiệu là con vua Nguyên đế nhà Tấn, lúc nhỏ đã cực kỳ thông tuệ.

Một hôm, có *sứ thần* ở *Trường An* lại, vua Nguyên đế hỏi thử rằng:

- Trường An gần hay mặt trời gần hơn.

Thiệu đáp:

- Trường An gần hơn.

- Tại làm sao?

- Tôi chỉ thấy nói có người ở Trường An lại, chứ chưa từng thấy nói có người ở mặt trời lại đây bao giờ.

Vua nghe câu nói lấy làm lạ.

Cách mấy hôm sau, vua đem câu chuyện kể lại cho quần thần nghe. Nhân Thiệu đứng hầu bên lại hỏi đùa rằng:

- Trường An gần hay mặt trời gần hơn?

Thiệu đáp:

- Mặt trời gần hơn.

Vua *ngạc nhiên* hỏi:

- Sao hôm nay lại trả lời khác hôm nọ như thế?

- Tôi ngừng đầu lên, trông thấy ngay mặt trời chớ không trông thấy Trường An đâu cả.

Vua nghe, lại càng lấy làm lạ.

Tấn Sử

GIẢI NGHĨA: *Tấn:* tên một triều đại bên Trung Quốc (265-419). *Thiệu:* sau nối ngôi Nguyên để làm vua gọi tên là vua Minh Đế. *Sứ thần:* một viên quan chịu mệnh vua một xứ nào đem tin tức hay đến cầu một việc gì với xứ khác. *Trường An:* một đô thành cũ bên Tàu, tức là tây bắc huyện Trường An, Thiểm Tây bây giờ. *Ngạc nhiên:* thảng thốt lấy làm kinh lạ. *Ứng đối:* trả lời, thưa lại cùng nghĩa như đáp lại, thưa lại. *Linh lợi:* mau mắn, nhanh trí khôn.

LỜI BÀN: Thiệu đối đáp lanh lợi như vậy, thực đáng khen là đỉnh ngộ. Khi ai hỏi gì, mà đối đáp được xác lý đã là khó, đã xác lý mà lại mau trí khôn lại càng khó hơn nữa. Lẽ phải không cùng, ứng đối mau mắn và xác đáng, thế mới là người thông tuệ có tài.

86. THỪA GIÀY

Nước *Trịnh* có kẻ định đi thừa giày, đo chân làm *no*, rồi cái *no* bên chỗ ngồi. Lúc đi chợ, quên không cầm. Đến hàng giày, mới sực nhớ ra nói rằng: “Thôi quên! Không cầm *no* đi rồi!”. Rồi mãi vội chạy về nhà lấy *no*. Khi trở lại, thì chợ đã tan, không thừa được giày nữa. Có người thấy thế, bảo rằng:

- Sao không đưa chân ra cho người đo có được không?

Anh ta cãi:

- Tôi chỉ tin cái *no* thôi, chớ không tin chân tôi được.

Ồi! Thừa giày cốt chỉ đi vừa chân là được mà không tin chân, chỉ tin cái no đo chân, chẳng là *câu nệ* quá lắm ư! Ở đời những kẻ làm công việc cứ bo bo giữ lễ lối cổ hủ, không biết thế nào là *hợp thời, thích nghi* thì có khác gì người đi thừa giày chỉ tin no đo chân, mà không tin chính chân mình hay chẳng?

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Trình*: (Xem bài số 34). *No*: các mẫu đo các chiều dài, ngắn của đồ vật gì. *Câu nệ*: bo bo giữ chặt, chỉ biết một bề. *Hợp thời*: đúng với cái thói đời chuộng. *Thích nghi*: đến thế mới là phải.

LỜI BÀN: Ở đời, bao nhiêu chế độ cũ cũng tự người ta đặt ra cả. Nếu người ta chỉ bo bo biết có một chế độ cũ ấy, không biết thế nào là hợp thời, thích nghi, tiện cho mình hơn, thì chẳng hóa là người câu nệ mà không biết biến thông hay sao! Cho nên đối với cái gì cũ mà hay, tiện có ta dùng, bằng không sẵn có, thì phải biến báo hay sáng kiến để cho được việc, chứ cứ chấp nhất, thì mất cơ hội và hỏng công việc ngay.

87. CỨU NGƯỜI LÚC NGUY CẤP

Trang Chu nghèo túng sang hỏi vay thóc *Ngụy Văn Hầu*. *Ngụy Văn Hầu* nói:

- Tôi có cái *ấp*, người ta sắp nộp tiền thóc, tôi sẽ cho vay ba trăm lạng, ông có bằng lòng không?

Trang Chu giận, nói:

- Khi Chu đến đây, đi giữa đường, nghe có tiếng gọi, ngoảnh lại trông thì thấy một con cá đang ngắc ngoải trong cái vết bánh xe. Chu này hỏi: “Cá ở đây làm gì thế?” Cá đáp: “Tôi là Thủy thần ở bể Đông mắc nạn tại đây, ông có thể cho tôi một bát nước để cứu tôi lúc nguy cấp này không?”. Chu này bảo rằng: “Để tôi qua chơi nước Ngô, nước Việt, rồi tôi lấy nước sông Tây Giang về đón người, người có bằng lòng không?”. Cá giận nói: “Tôi không cần đến nước, ông chỉ cho tôi được một ít là tôi sống. Nay ông nói như thế, đợi đến lúc ông về, thì có khi đến chỗ hàng cá khô đã thấy tôi đấy rồi”.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Nguy Văn Hầu:* Văn Hầu nước Ngụy. Cứ theo sách Trang Tử Tuyết thì là Giám Hà Hầu. *Áp:* một khu xưa vua cho những người có công được hưởng hoa lợi. *Thủy thần:* thần ở dưới nước. *Nguy cấp:* sự hiểm nghèo... đến ngay lập tức. *Tây Giang:* tức là Si Kiang chảy qua Quảng Tây và Quảng Đông bây giờ.

LỜI BÀN: Bài này có ý dạy khi người ta có việc cần cấp, nhờ cậy mình có thể giúp được, thì nên giúp ngay, chớ để chậm trễ mà về sau có muốn giúp, cũng không giúp được nữa. Như thế, chẳng là phí một cái lòng muốn giúp, để mất một cái dị làm lành ru! Cứu

cấp cần phải mau chóng, vớt kẻ ngã sông gọi người ngộ gió, chữa đám cháy nhà mà chậm chạp thì thật vô ích.

88. NGHÈO MÀ KHÔNG OÁN

Tử Dư làm bạn với Tử Tang. Tử Tang rất nghèo. Gặp khi trời mưa luôn mười hôm. Tử Dư nhớ đến bạn nghĩ bụng rằng: “Tử Tang đến *khốn* mất!”.

Mới bọc gạo đem lại cho.

Lúc đến trước cửa, thấy Tử Tang đánh đàn nửa như khóc nửa như hát, tiếng không ra hơi, giọng thì lúu nhúu, lắng tai nghe, như có câu rằng: “Cha ư! Mẹ ư! Trời ư! Người ư!”

Tử Dư bước vào hỏi:

- Bác đàn hát như thế là làm sao vậy?

Tử Tang nói:

- Tôi nghĩ mãi, mà không biết tự đâu đến nông nỗi *cùng cực* như thế này? Nào có phải cha mẹ tôi muốn cho tôi nghèo khổ đâu? Nào có phải trời đất để cho tôi nghèo riêng một mình đâu? *Trời không riêng che, đất không riêng chở* một ai... Thực tôi muốn tìm cho biết tự đâu tôi phải chịu *cùng cực* như thế này mà không ra. Vậy thì chẳng phải là cái *mệnh* nó xui khiến ra như thế ư?

Trang Tử Tuyết

GIẢI NGHĨA: *Tử Du, Tử Tang*: hai người đời Xuân Thu tính khoáng đạt, chơi thân với nhau. *Khốn*: cùng khổ quá. *Trời không riêng...*: câu này ý nói: trời đất đối với loài người thì coi ai cũng như ai. Như câu nói: Mặt trời sáng cho cả thế giới.

LỜI BÀN: Tử Tang nghèo mà cho là số mệnh thì ý giống câu ngạn ngữ của ta: “Số giàu của đến dừng dừng, số nghèo con mắt tráo trụng vẫn nghèo”. Phàm yên phận nghèo, hay không lo nghèo, hay quên cả cảnh nghèo, đó là nét cao quý của hiền triết, không để cho cảnh làm lụy được tâm, làm tổn được chí. Nhưng chúng ta chớ quên rằng những bậc hiền triết thường cần lao, hoặc cày ruộng hay câu cá, hoặc kiếm củi hay chăn nuôi cho có đủ sống, rồi các ngài mới sống cho ra sống. Cần lao để mưu sinh, đó là sự thường, nhưng cần, chúng ta phải có trước đã, để cho thoát khỏi cái nhục ký sinh, cái hạ cơ hàn thiết thân bất cố liêm sĩ. Khi chúng ta đã tự lập được, đã biết trọng liêm sĩ thì chúng ta mới có thể trở nên người không lo nghèo được.

89. THÂN TRỌNG HƠN LÀM VUA

Người nước Việt giết ba đời vua. Con vua đời thứ ba tên là Sưu lo sợ, phải trốn vào ở trong hang.

Nước Việt thành ra không có vua. Người Việt đi tìm con vua mãi, không thấy. Đến lúc tìm thấy ở trong hang, thì con vua không chịu ra. Người Việt một mặt

lấy lá *ngải* hun vào hang, một mặt đem xe đón. Con vua *bất đắc dĩ* phải ra. Lúc lên xe, ngửa mặt lên trời, kêu to rằng:

- Ôi làm vua? Ôi làm vua. Ta không muốn làm vua, cũng không được hay sao!

Con vua lo như thế, không phải là ghét làm vua, ghét là ghét cái *họa* làm vua. Không muốn làm vua tức là không chịu lấy cả một nước mà *phiên lụy* đến thân mình. Thân mình không muốn *phiên lụy* thì khi làm vua, tất không nỡ làm *phiên lụy* khổ hại ai. Mà chỉ bởi cái lẽ ấy, người Việt mới cố tôn lên làm vua cho được.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Ngải*: thứ cỏ sọc trắng lá xòe, nhà làm thuốc hay dùng để chườm người có bệnh. *Bất đắc dĩ*: không thể nào đừng được. *Họa*: tai vạ. *Phiên lụy*: bận bịu, vướng vít khó chịu.

LỜI BÀN: Làm vua thường tình ai chả muốn. Thế mà có người đến làm vua cũng không muốn. Không phải là ghét gì làm vua, nhưng ghét rằng làm vua, thường có khi không giữ được toàn tính mệnh. Bài này có ý cảnh tỉnh những kẻ ham danh ham lợi để hại đến thân. Cứ theo ý tác giả, thì chỉ người nào không có chút gì *phiên lụy* đến tấm thân, mới là không “thương sinh” nghĩa là hại đến đời mình, mà giữ được “toàn sinh” nghĩa là giữ được đời mình cho trọn vẹn. Còn như đây không muốn làm vua mà cứ bị tôn lên làm vua

là vì ông thông minh nhân hậu lại có đức độ cùng biết người và thương dân thì dân chúng nào chả muốn tôn lên làm quân trưởng.

90. THÂN TRỌNG HƠN THIÊN HẠ

Nước Hàn nước Ngụy muốn lấn đất nhau. *Tử Hoa* *Tử* đến ra mắt vua Chiêu Hi nước Ngụy, thấy vua có đáng lo buồn, mới hỏi rằng:

- Giá bây giờ, cả bao nhiêu nước hợp nhau, *đính ước* một câu và khắc câu ấy ở trước mặt vua rằng: “*Tay trái lấy được thiên hạ thì hồng mất tay phải; tay phải lấy được thiên hạ thì mất tay trái*”. Hồng mất một tay mới lấy được thiên hạ, thế thì nhà vua có bằng lòng lấy thiên hạ không?

Vua Chiêu Hi nói:

- Như thế ta chẳng lấy thiên hạ làm gì?

Tử Hoa *Tử* thưa:

- Nhà vua nói phải lắm. Cứ xem như thế, hai cánh tay ta trọng hơn cả thiên hạ, thì cái thân ta trọng hơn hai cánh tay ta lại đáng trọng hơn biết là bao! Nước Hàn so với cả thiên hạ bé nhỏ thấm vào đâu! Thế mà lao chỉ vì lo không tranh được một miếng đất nhỏ ấy, mà nhà vua đến nỗi ủ dột, buồn rầu, mất ăn, mất ngủ, *thương sinh* quá như vậy?

Vua Chiêu Hi nói:

- Phải lắm. Người dạy bảo quả nhân cũng nhiều, nhưng chưa từng thấy ai dạy bảo quả nhân được những lời như thế.

Tử Hoa Tử bàn như thế mới thực là người biết điều khinh, điều trọng ở đời vậy.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Hàn:* một nước lớn trong bảy nước thời Chiến Quốc ở vào Trung bộ Hà Nam bây giờ. *Ngụy:* cũng một nước lớn về thời đại ấy, ở vào Bắc bộ Hà Nam và phía tây nam Sơn Tây bây giờ. *Tử Hoa Tử:* một nhà học thuyết giỏi nước Ngụy đời vua Chiêu Hi. *Định ước:* định và công nhận một điều gì đã thỏa thuận với nhau và bắt nhau cùng giữ. *Thiên hạ:* thế giới khắp cả gầm trời, xưa người Trung Hoa gọi thiên hạ là chỉ riêng một nước Trung Quốc thôi. *Thương sinh:* hại đến sức khỏe, đến đời người.

LỜI BÀN: Mất một cánh tay mà được cả thiên hạ còn không muốn, huống chi hại cả cái thân mà được một miếng đất còn con lại muốn hay sao! Thế mới hay, tất cả mọi người, trên tự vua chúa dưới đến những thường dân ai ai cũng biết trọng cái thân mình, quý cái thân mình hơn cả ngoại vật, nhưng tiếc thay, những kẻ có quyền có thế trong tay thường chỉ biết mến một cái thân mình, còn thân của người, của bao nhiêu người, lại nỡ đem ra sát hại, để thỏa chút lòng tham muốn, cầu lợi rất đáng khinh bỉ. Nếu ai cũng

biết thương sinh là hại, sát sinh là bất nghĩa, thì còn đâu là những sự chiến tranh hại kẻ có đến muôn, triệu tính mệnh sinh linh!

91. CHÚC MỪNG

Vua *Nghiêu* đến chơi đất *Hoa*. Viên quan giữ bờ cõi đất *Hoa* *chúc* rằng:

- Xin chúc nhà vua sống lâu.

Vua *Nghiêu* nói:

- Đừng chúc thế.

Viên quan lại *chúc*:

- Xin chúc nhà vua giàu có.

Vua *Nghiêu* nói:

- Đừng chúc thế.

Viên quan lại *chúc*:

- Xin chúc nhà vua lắm con trai.

Vua *Nghiêu* nói:

- Đừng chúc thế.

Viên quan lấy làm lạ, hỏi:

- Sống lâu, giàu có, lắm con trai, người ta ai cũng muốn, một mình nhà vua không muốn, là có làm sao?

Vua *Nghiên* nói:

- Lắm con trai, thì sợ nhiều; giàu có thì công việc nhiều; sống lâu, thì nhục nhã nhiều. Ba điều ấy không

phải là những điều gây nên đức hay cho mình, nên ta từ chối.

Viên quan nói:

- Nhà vua nói như thế, thực là một bậc *quân tử*. Nhưng trời sinh ra người, mỗi người phải có một việc, thì có lo sợ gì? Giàu có mà biết đem của chia với người ta, thì còn công việc gì? Ăn uống có chừng, thức ngủ có độ trong bụng lúc nào cũng *thư thái* tự nhiên, thiên hạ hay ra thì cùng hay với thiên hạ, thiên hạ mà dở thì làm cho thiên hạ hay, trăm tuổi nhắm mắt về *cõi rất vui*, một đời không có tai họa gì thì còn *nhục nhã* làm sao được.

Viên quan nói xong, lùi ngay. Vua Nghiêu còn muốn nói nữa, thì cho theo không kịp.

Trang Tử Tuyết

GIẢI NGHĨA: *Nghiêu*: vua đời Đường (357-289 trước Th.Ch.). *Hoa*: chỗ vua Nghiêu đóng kinh đô. *Chúc*: cầu cho được hay. *Đức*: việc làm hợp với đạo lý và được hả lòng. *Quân tử*: người tài đức hơn người. *Thư thái*: khoan khoái dễ chịu. *Cõi rất vui*: là bờ chữ cực lạc, nơi Phật, Tiên ở. *Tai họa*: những sự làm khổ, hại cho người ta.

LỜI BÀN: Sống lâu, giàu có, lắm con, cứ kể ra ở đời, còn gì sướng hơn nữa, ai là người chẳng cầu, chẳng muốn, cho nên thói thường vẫn chúc tụng cho nhau.

Nhưng xét lại, có khi: sống lắm nhục nhiều. Của làm hại người. Có con khổ về con, thì mỗi cái cho là sướng kia chẳng lại hóa ra một cái khổ cho thân ru! Tuy vậy, nếu số đã được sống lâu, giàu có, lắm con, thì cũng không thể từ chối được. Tất phải làm theo như lời viên quan nói trong bài này thì mới thực được sung sướng lâu dài và mới nuôi được cái đức hay cho mình vậy.

92. NGƯỜI BÁN THỊT DÊ

Vua *Chiêu Vương* nước Sở mất nước, phải bỏ chạy. Có người hàng thịt dê tên là *Duyệt*, cũng chạy theo vua.

Sau vua *Chiêu Vương* lại trở về, lấy lại được nước. Vua bèn thưởng những người chạy theo khi trước, có cả anh chàng thịt dê nữa. Ai ai cũng nhận thưởng, chỉ một người hàng thịt dê từ chối, nói rằng:

- Trước nhà vua mất nước, tôi mất nghề bán thịt dê, nay nhà vua còn nước, tôi còn nghề bán thịt dê. Thế là tôi giữ được nghiệp cũ đủ ăn rồi, còn đâu dám mong thưởng gì nữa.

Vua có ép. Người hàng thịt dê thưa rằng:

- Nhà vua mất nước không phải là tội tôi, nên tôi không dám liều chết; nhà vua lấy lại được nước, không phải là công tôi, nên tôi không dám lĩnh thưởng.

Vua bảo:

- Để rồi ta đến nhà người chơi vậy.

Người hàng thịt dê nói.

- Theo phép nước Sở, phạm người nào có công to, được trọng thưởng thì vua mới đến nhà. Nay tôi xét mình tôi *trí mưu* không giữ được nước, *dũng cảm* không đủ giết được giặc. Quân giặc vào trong nước, tôi lánh nạn, phải theo nhà vua chớ có phải là cốt ý theo nhà vua đâu! Nay nhà vua muốn bỏ phép nước mà đến chơi nhà tôi, tôi e thiên hạ nghe thấy lại chê cười chẳng.

Chiêu Vương thấy nói, ngoảnh lại bảo Tư Mã Tử Kỳ rằng:

- Người hàng thịt dê này tuy làm nghề vi tiện mà giải bày *nghĩa lý* rất cao xa. Nhà người làm thế nào mời được người ấy ra nhận chức *tam công* cho ta.

Người hàng thịt dê nói:

- Tôi biết chức *tam công* là quý hơn cửa hàng bán thịt dê, bổng lộc nghìn vạn, giàu hơn tiền lãi bán thịt dê. Nhưng tôi đâu dám tham *tước lộc* mà để nhà vua mang tiếng là gia ơn không phải nghĩa. Tôi thực không dám nhận. Xin cho về giữ lấy nghề bán thịt dê.

Nói đoạn, lúi ngay ra.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Trí mưu*: khôn ngoan mẹo mực. *Dũng cảm*: hùng dũng và quả quyết. *Nghĩa*: việc nên làm hay phải làm. *Lý*: lẽ phải. *Tam công*: ba chức quan to, đời nhà Chu thì là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo,

đời nhà Tây Hán thì là Đại Tư Mã, Đại Tư Đồ, Đại Tư Không, đời nhà Đông Hán thì là Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không. *Tước*: ngôi thứ, có năm tước là công, tu bá, tử, nam. *Lộc*: lương bổng cấp cho quan lại.

LỜI BÀN: Vua Chiêu Vương muốn thưởng, là lấy cái ý khi mình gặp bước lưu vong mà người ta đi theo mình là người có lòng trung thành với mình. Người hàng thịt dê không nhận thưởng, là lấy cái nghĩa không đáng, vì không có công cán gì. Nếu ai cũng biết an phận thủ thường, quý trọng nghề nghiệp như người bán thịt dê, thì còn ai là kẻ ham mê phú quý, quyền thế và sự thưởng phạt ở đời chẳng là công minh lắm ru! Thực đáng làm gương cho những kẻ không biết liêm sỉ, tài năng công đức chẳng có gì, mà cũng cố cạy cục, chạy chọt lấy chút phẩm hàm chức vị để lòe đời vậy.

93. THÀNH THỰC

Vợ thấy Tăng Tử đi chợ. Con khóc đòi đi theo.
Mẹ bảo:

- Con ở nhà, rồi mẹ về, mẹ làm thịt lợn cho con ăn.

Lúc vợ về, thấy Tăng Tử đi bắt lợn làm thịt.

Vợ nói:

- Tôi nói đùa nó đấy mà!

Thấy Tăng Tử bảo:

- Nói đùa là thế nào? Đừng khinh trẻ thơ là không biết gì. Cha mẹ làm gì, nó thường hay bắt chước. Nay mình nói dối nó, chẳng là mình dạy nó nói dối ư!

Tăng Tử nói xong, làm thịt lợn cho con ăn thật.

LỜI BÀN: “Ấu tử thường thị vô cuống”; câu kinh Lễ đã dạy: ta không nên nói dối trẻ. Thấy Tăng Tử nhà nghèo, phải giết lợn, mẹ thấy Mạnh Tử cũng có mua miếng thịt lợn nhà láng giềng cho con ăn, đều là vì đã trót nói đùa với trẻ cho ăn thịt lợn, thì không muốn nói dối nó, để giữ lấy lòng thực của nó. Phàm cha mẹ, ai là không muốn cho con thành thực. Nhưng muốn vậy, tất mình phải giữ gìn, chớ có nói dối nó bao giờ. Lục Chí có câu nói rằng: *“Nếu mình không hết lòng thành mà mong người ta hết lòng thành, chắc người ta chán mình mà không theo mình nữa. Lần này mình không có lòng thành, mà bảo lần sau rồi có lòng thành, chắc người ta ngờ vực mà không tin được nữa”*. Cũng một ý với thầy Tăng Tử dạy con vậy.

94. MẸ HIỂN DẠY CON

Thầy Mạnh Tử, thuở nhỏ, nhà ở gần nghĩa địa thấy người ta đào, chôn, lăn khóc, về nhà cũng bắt chước đào, chôn, lăn khóc. Bà mẹ thấy thế, nói: “Chỗ này không phải chỗ con ta ở được”. Rồi dọn nhà ra gần chợ.

Thấy Mạnh Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán *điên đảo* về nhà cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán *điên đảo*. Bà mẹ thấy thế, lại nói: “Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được”. Bèn dọn nhà đến ở cạnh trường học.

Thấy Mạnh Tử ở gần trường học, thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở, về nhà cũng bắt chước học lễ phép, cắp sách vở. Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở được đây”.

Một hôm, thấy Mạnh Tử thấy nhà hàng xóm giết lợn, về hỏi mẹ: “Người ta giết lợn làm gì thế?”. Bà mẹ đùa: “Để cho con ăn đấy”. Nói xong, bà nghĩ lại, *hối* rằng: “Ta nói lỡ mồm rồi. Con ta *thơ ấu, trí thức* mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng ra ta dạy nói dối hay sao?”. Rồi bà đi mua thịt lợn, đem về cho con ăn thật.

Lại một hôm thấy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt cửi; trông thấy, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung, mà nói rằng: “Con đang đi học, mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt như vậy”. Từ hôm đó, thấy Mạnh Tử học tập rất *chuyên cần*. Rồi về sau thành một bậc *đại hiền*. Thế chẳng là nhờ cái công *giáo dục* quý báu của bà mẹ hay sao?

Liệt Nữ Truyện

GIẢI NGHĨA: *Nghĩa địa*: khu đất để mộ mả, tục ta còn gọi là mộ địa. *Điên đảo*: *điên*: nghiêng lệch; *đảo*:

lộn ngược; đây nghĩa là giả dối, lật lừa. *Thơ ấu*: bé dại. *Trí thức*: biết, hiểu rõ. *Chuyên cần*: để tâm vào việc làm và làm chăm chỉ. *Đại hiền*: bậc đức hạnh, học thức giỏi, nghĩa lý đầy đủ. *Giáo dục*: *giáo*: dạy cho điều nên làm; *dục*: gây nuôi cho theo lẽ tự nhiên; *giáo dục*: công việc nuôi trẻ và dạy trẻ cho hợp với lẽ phải để luyện tập cho đủ tư cách làm người.

LỜI BÀN: Mẹ thấy Mạnh Tử thực là biết dạy con. Mấy lần dọn nhà, thế là hiểu cái lẽ: gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Nói lỡ lời phải mua thịt cho con ăn, thế là hiểu cái lẽ, chớ nên nói dối trẻ. Thấy con bỏ học mà cầm dao cắt đứt tấm vải làm thí dụ, thế là hiểu cái lẽ: Học hành cốt phải chuyên cần. Người ta đã nói: Người mẹ là thầy giáo thứ nhất của trẻ, nên người mẹ phải biết cách dạy trẻ mới được. Dạy con từ thuở còn thơ, cái buổi ban đầu là cái buổi khó, mà cái buổi ấy là ở trong tay người mẹ, người mẹ tức là người có cái trách nhiệm gia đình giáo dục rất to. Không kém gì người cha, mà có lẽ hơn.

95. NGỌC BÍCH HỌ HÒA

Nước Sở, có người họ Hòa, được một hòn ngọc ở trong núi, đem dâng vua *Lệ Vương*. Vua sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: “Đá, không phải ngọc”. Vua cho người họ Hòa là nói dối, sai chặt chân trái.

Đến khi vua *Vũ Vương* nối ngôi, người họ Hòa lại đem ngọc ấy dâng. Vua sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: “Đá, không phải ngọc”. Vua lại cho họ Hòa là nói dối, sai chặt nốt chân phải.

Đến khi vua *Văn Vương* lên ngôi, người họ Hòa ôm hòn ngọc, khóc ở chân núi Sở Sơn suốt ba ngày ba đêm đến chảy máu mắt ra. Vua thấy thế, sau người đến hỏi. Người họ Hòa thưa: “Tôi khóc không phải là thương hại chân tôi bị chặt, chỉ thương về nỗi ngọc mà cho là đá, nói thật mà cho là nói dối”. Vua bèn sai người xem lại cho rõ kỹ, thì quả nhiên là ngọc thật, mới đặt tên gọi là “Ngọc *bích* họ Hòa”.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: Sở: (Xem bài số 9). *Lệ Vương, Vũ Vương, Văn Vương*: ba vua kế tiếp ở nước Sở. *Ngọc bích*: thứ ngọc rất đẹp, rất quý và hiếm có.

LỜI BÀN: Người ta ở đời thường mờ mịt của thật cho là của giả, sự phải ngỡ là sự trái. Hoặc có ai biết lẽ phải, muốn đem ra bày tỏ, mà thiên hạ không biết cho, lại còn mai mỉa, thì thật là khổ tâm. Người họ Hòa không đau vì nỗi hai chân lý chặt, chỉ đau vì nỗi ngọc mà cho là đá, nói thực mà cho là nói dối, quả là một người vì yêu cái thực, cái phải, cố làm cho sự thực, sự phải phá đổ được sự u mê của người đời.

96. NUÔI GÀ CHỌI

Vua Tuyên Vương sai Kỳ Sánh nuôi một con gà chọi.

Được mười hôm, vua hỏi:

- Gà đã đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa:

- Chưa được, gà hăng lắm, chưa thấy gà khác đã muốn chọi rồi.

Cách mười hôm, vua hỏi:

- Gà đã đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa:

- Chưa được. Gà còn hăng, mới thấy bóng gà khác đã muốn chọi rồi.

Cách mười hôm, vua lại hỏi:

- Gà đã đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa:

- Chưa được, gà còn hơi hăng, trông thấy gà khác đã muốn chọi rồi.

Mười hôm sau, vua lại hỏi:

- Gà đã đem chọi được chưa?

Kỳ Sánh thưa.

- Được rồi. Gà bây giờ, cho nghe thấy tiếng gà khác cũng không cho vào đấu. Trông, thì tựa như gà gỗ; mà thực, thì đủ các ngón hay. Gà khác coi thấy cũng đủ sợ, phải lùi chạy.

Trang Tử

LỜI BÀN: 1. Chưa trông thấy gà khác, đã muốn chọi, thế là tức khí hão, chớ vị tất chọi mà đã được.

2. Trông thấy bóng gà khác, đã muốn chọi thế là cậy khỏe, chớ vị tất chọi mà đã được.

3. Trông thực thấy gà khác đã muốn chọi, thế là còn hiếu thắng chớ vị tất chọi mà đã được. Chỉ đến lúc mất hết tất cả tức khí, cậy khỏe, hiếu thắng, luyện đã được hình toàn thân toàn đủ hết cả ngón hay, mà trông bề ngoài trơ ra như gỗ, là lúc ấy mới chọi được, có khi không phải đợi chọi, gà khác ngó thấy cũng đủ sợ mà trốn tránh rồi. Thế mới hay những bậc anh hiền chỉ thu cái tài vào khuôn phép nên cái khí vào an thần, chỉ cốt trong mình cho đầy đủ, không có ý gì tranh tự với ai, mà thiên hạ hồ đồ đã ai tranh cạnh nổi. Chớ những kẻ chỉ vụ bề ngoài, chăm chăm danh lợi, có tranh cạnh mới lấy làm vui lòng, có tham lam mới lấy làm mãn nguyện, còn những hạng tầm thường, có khi hại đến thân mà vẫn tự đắc cho là phải.

97. DỪNG CHÓ BẮT CHUỘT

Nước Tế có người xem tướng chó giỏi. Nhà láng giềng nhờ mua một con chó hay để bắt chuột. Một năm trời anh ta mới mua được, bảo nhà láng giềng: “Con chó tốt đấy”.

Nhà láng giềng nuôi con chó mấy năm mà không thấy nó bắt chuột mới nói chuyện với anh ta. Anh ta bảo:

- Con chó tốt lắm đấy. Nhưng cái *chí* nó chăm bắt hươu nai, cây, cáo, chó không muốn bắt chuột. Bây giờ, muốn cho nó bắt chuột thì phải cùm chân nó lại.

Nhà láng giềng làm theo như thế, quả sau con chó bắt chuột.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Nước Tề*: (Xem bài số 5). *Chí*: lòng chuyên để làm việc gì.

LỜI BÀN: Con chó trước không bắt chuột, là vì nó có tài bắt những hươu, nai, không thèm bắt chuột, sau nó bắt chuột, là vì người ta đã cùm chân, hãm cái tài nó lại không cho chạy nhanh quá. Cốt ý bài ngụ ngôn này nói kẻ có đại tài, mà đem dùng vào việc nhỏ, thì không được việc. Muốn cho được việc, thì người dùng tất phải biết hạn chế cái tài ấy lại. Nên người có tài mà làm được việc, hay không được việc, là cốt ở người biết dùng hay không biết dùng mà thôi. Nhưng muốn cho người có tài to làm việc nhỏ, mà phải làm cho mất cái tài to đi đã, thì chẳng đáng tiếc cho người có tài mà chẳng gặp được tri kỷ lắm ru?

98. LỜI NÓI NGƯỜI BÁN CAM

Ở *Hàng Châu* có người bán các thứ quả, khéo để dành cam, lâu mà không úng, vỏ vẫn đỏ hồng trông

đẹp như vàng, như ngọc, đem ra chợ bán giá đắt, mà người ta tranh nhau mua. Ta cũng mua một quả. Dem về, bóc ra, hơi xông lên mũi, mùi xác như bông nát. Ta liền đem ra chợ, hỏi người bán cam:

- Anh bán cam cho người ta để làm của cúng lễ, đãi *tân khách* hay là chỉ làm cho choáng bề ngoài để đánh lừa người ta? Tệ thật! Anh giả dối lắm!

Người bán cam cười nói:

- Tôi làm nghề này đã lâu năm để kiếm tiền nuôi thân. Tôi bán, người ta mua, chẳng ai nói gì, chỉ có ông kêu ca! Thiên hạ giả dối nhiều, chẳng phải gì một mình tôi? Ông thật không chịu nghĩ đến nơi... Này thử xem, người đeo *hổ phù*, ngồi *da hổ*, hùng dũng trông ra dáng *quan võ* lắm kỳ thực không biết có giỏi được như *Tôn, Tẫn, Ngô Khởi* không? Người đội mũ cao, đóng đai dài, *đường hoàng* trông ra dáng *quan văn* lắm, kỳ thực không biết có giỏi được như *Y Doãn, Cao Dao* không? Giặc nổi không biết dẹp, dân khổ không biết cứu, quan lại tham nhũng không biết trừng trị, pháp độ hống nát không biết sửa đổi, ngồi không, ăn lương, không biết xấu hổ. Thế mà lúc ngồi *công đường*, đi xe ngựa, uống rượu ngon, ăn của quý, *oai vệ, hách dịch* vô cùng!... Đó bề ngoài chẳng như vàng, như ngọc mà bề trong chẳng như bông nát là gì? Ông không chịu xét những hạng người ấy mà đi xét quả cam của tôi!

Ta nghe nói, nín lặng, không trả lời được ra làm sao. Ta nghĩ người ấy nói có giọng *khôì hài*. Dễ chừng

người ấy ghét kẻ *gian tà*, giận phường *thế tục* mới thác ra truyện bán cam để dạy người đời chăng?

Lưu Cơ

GIẢI NGHĨA: *Hàng Châu*: tên một phủ tức là tỉnh lỵ Chiết Giang bây giờ. *Tân khách*: đại tân tiểu khách. *Hổ phù*: mảnh ấn khắc con hổ. *Ngôi da hổ*: ngôi trên tấm da hổ đã thuộc dùng làm đệm. *Hùng dũng*: hăng hái mạnh mẽ. *Quan võ*: quan coi việc binh. *Tôn Tẫn*, *Ngô Khởi*: hai người làm tướng võ giỏi đời Chiến Quốc. *Đường hoàng*: khí thế coi ra vẻ hách dịch lắm. *Y Doãn*: tướng giỏi đời vua Nghiêu, vua Thuần. *Cao Dao*: tướng giỏi đời vua Nghiêu, vua Thuần. *Công đường*: chỗ quan lại làm việc quan. *Oai vệ*: nghiêm trang ra dáng. *Hách dịch*: làm bộ cho người ta sợ. *Khôi hài*: nói pha trò cười. *Gian tà*: đối trá lươn lẹo. *Thế tục*: thói thường của người đời.

LỜI BÀN: Người bán cam đây chẳng qua chính là tác giả. Mà cốt ý của tác giả là muốn lấy quả cam đẹp vỏ, thối ruột, mà bóc cả cái hách dịch, cái oai vệ bề ngoài của những bậc quan lớn, một đời suy đốn, để phơi bày cái thực tình bất tài, bài trí, bất dưng ở bên trong. Nói rộng ra, bài này có ý dạy ta không nên tin bề ngoài, cũng như những bài ngụ ngôn nói: cái thùng không, bông lúa lép, hay những câu ca dao: “*Trông anh ngô sao mai, biết rằng trong có như ngoài hay không*”, “*Nhắc trông ngô tượng tô vàng, nhìn ra mới biết châu chàng ngày xoan*” thật là có ý vị.

99. VỢ CHỒNG NGƯỜI NƯỚC TÊ

Người nước Tê có hai vợ, vợ cả và vợ lẽ. Ngày ngày, chồng cứ sáng ra đi, tối đến mới về, mà hôm nào về, cũng no say phè phỡn. Hai vợ thường hỏi:

- Đi ăn với ai mà đi luôn thế?

Anh ta nói:

- Ta đi ăn *toàn* với những bậc giàu có, sang trọng cả.

Một hôm vợ cả bảo vợ lẽ:

- Chồng ta chơi bởi toàn với những bậc giàu sang, mà sao không thấy một người nào giàu sang đến chơi nhà nhỉ? Ta thử dò xem chồng ta đi những đâu và chơi với những ai.

Hôm sau, vợ cả dậy sớm, lên đi theo chồng. Đi cùng làng này, xóm khác, chẳng thấy một người nào đứng lại nói chuyện với chồng mình cả. Khi đi đến phía đông ngoài thành, thấy có đám cát mả, người ta đang tế lễ, ăn uống, thì đánh thoáng một cái, đã thấy chồng lật đặt lại đấy xin những cơm thừa canh cặn, ăn lấy, ăn để. Ăn xong, lại ngong ngóng, đi chỗ khác...

Bấy giờ chị ta mới rõ cái cách chồng ngày ngày no say là thế, tui then vô cùng, ngậm ngùi trở về; kể chuyện cho vợ bé nghe, rồi than rằng:

- Chồng là người trông cậy suốt đời, ai ngờ chị em ta lại gặp phải một người chồng dê mặt quá đến như thế!

Nói đoạn, hai người ngồi trông nhau ở giữa sân sụi sụt khóc. Ngay lúc ấy, anh chồng ngắt ngưỡng ở đầu về, vắn ra bộ làm *kiêu* với hai vợ như những hôm trước.

Ôi! Đem con mắt tinh đời mà coi, thì ngày nay những kẻ cầu *công danh, phú quý* hồ dễ không mấy kẻ mà ở nhà vợ cả vợ lẽ không then không tui, không ngấm ngấm khóc với nhau như hai vợ người nước Tề này!

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Toàn*: hết thầy. *Kiêu*: ngông nghênh khinh người. *Công danh, phú quý*: công cán, danh dự, giàu có, quan sang.

Mạnh Tử: tên là Kha, lúc nhỏ được mẹ hiền dạy bảo, lúc lớn theo học thầy Tử Tư, lúc học thành, đi du lịch các nước Chư Hâu. Về sau, biết đạo không hành cùng làm sách với học trò là Nhạc Chính Khắc, Công Tôn Sửu, Vạn Chương. Đời sau nhặt những câu Mạnh Tử đối đáp với học trò và vua các nước chư hầu làm quyển “Mạnh Tử”, bảy thiên.

LỜI BÀN: Lấy đức, lấy tài, lấy học thức, đường đường, chính chính mà được công danh phú quý thì còn gì bằng. Nhưng nịnh nọt, luồn cúi, làm những việc đê hạ, mất cả phẩm giá con người, để chen chúc vào đám công danh để cầu lấy chút phú quý, thì tưởng không còn gì đáng khinh hơn nữa! Thế mà đến lúc được công danh, phú quý, lại còn vác mặt làm cao,

ra dáng hách dịch, thiên hạ người biết ra, thì còn ai chỉ vào đâu nữa! Tưởng rằng khuất một người để dè muôn ngàn người, nhưng dù người ta có e lệ bề ngoài, trong bụng người ta cũng không sao trọng được. Thầy Mạnh đặt ra câu chuyện người nước Tề này thật là phơi bày được cái xấu xa của những kẻ quen thói cầu công danh, phú quý "*Hôn dạ khát ai, kiệt nhân bạch nhật*" (Đêm khuya van lạy, ban ngày vênh vào khinh người) vào những thời buổi mạt tục vậy.

100. ĐẦY THÌ ĐỔ

Đức Khổng Tử vào xem *miếu* Hoàn Công nước Lỗ, có một cái lọ đứng nghiêng, bèn hỏi người coi miếu.

Người ấy nói rằng:

- Đó là một vật quý của nhà vua thường để bên chỗ ngồi chơi để *làm gương*.

Đức Khổng Tử nói:

- Ta nghe nhà vua có vật quý để làm gương, vật đó bỏ không thì đứng nghiêng, đổ nước vừa vắn thì đứng ngay, mà đầy quá thì lại đổ, có lẽ là vật này chẳng.

Ngài bèn sai học trò đổ nước vào. Quả nhiên nước đi vừa, thì lọ đứng ngay, nước đổ đầy thì lọ đổ; bỏ không thì lọ lại đứng nghiêng. Ngài chép miệng than rằng:

- Hỡi ơi! Ở đời chẳng cái gì đầy mà không đổ!

Thầy Tăng Tử nói:

- Dám hỏi có cách gì giữ cho đầy mà không đổ không?

Khổng Tử nói:

- *Thông minh thánh trí* nên giữ bằng cách ngu độn, công lao to hơn thiên hạ nên giữ bằng cách *khiêm cung*; sức khỏe hơn đời nên giá bằng cách nhút nhát; *giàu có bốn bề* nên giá bằng thói nhún nhường. Đó là cách đổ bớt đi để giữ cho khỏi quá đầy mà đổ.

Tuân Tử

LỜI BÀN: Mặt trời đứng bóng rồi xế, mặt trong tròn rồi lại khuyết; nhân sự cũng vậy, thăng rồi trầm, thịnh rồi suy, đó là luật tự nhiên khó mà tránh khỏi. Tuy vậy cứ theo lời dạy của Khổng Tử đây thì cũng có cách giữ được lâu dài mà không suy đổ. Cách ấy là “*Hữu nhược vô, thực nhược hư*” nghĩa là: Có mà như không, đầy đặc mà như trống rỗng.

101. ÔNG LÃO BÁN DẦU

Ông *Trần Nghiên Tư* làm quan đời nhà Tống bản cung giỏi có tiếng, đời bấy giờ không ai bằng. Ông cũng lấy thế làm *kiêu căng*.

Ông thường bán trong vườn nhà. Một hôm có ông lão bán dầu đi qua, thấy ông đang bán, đặt gánh xuống, ngáp ghé xem mãi. Ông lão thấy ông Nghiên Tư bán mười phát *trúng* được tám, chín thì hơi gật gù mỉm miệng cười. Nghiên Tư gọi vào hỏi:

- Nhà người cũng biết bắn à? Ta bắn chưa được giỏi hay sao?

Ông lão nói:

- Chẳng phải giỏi gì cả. Chẳng qua là quen tay thôi.

Nghiên Tư giận lắm, bảo:

- À nhà người dám khi ta bắn không giỏi à?

Ông lão nói:

- Cứ xem tôi rót dầu thì đủ biết.

Bèn lấy một bầu đặt xuống đất, để đồng tiền lên miệng, lấy cái môi từ từ rót dầu qua lỗ đồng tiền, mà không dây một tí dầu nào ra đồng tiền cả.

Rồi nói:

- Tôi cũng chẳng phải giỏi gì, chỉ quen tay mà thôi.

Nghiên Tư cười, chịu là phải.

Âu Dương Tu

GIẢI NGHĨA: *Trần Nghiên Tư*: người đời nhà Táng, làm quan Tiết Độ Sứ, là một người có khí tiết, viết tốt và bắn giỏi. *Kiều căng*: khinh ngạo, khoe khoang. *Trúng*: tới được mục đích không sai, không hỏng.

LỜI BÀN: Bắn, mà mười phát trúng cả mười, ai không chịu là giỏi? Nhưng rót dầu ra lỗ đồng tiền mà không dây ra đồng tiền tưởng cũng không ai chê được là không giỏi. Cho *nên* ông lão bán dầu, thấy ông Nghiên Tư tự phụ là bắn giỏi, mà cũng tự phụ là rót

dầu giỏi, ý muốn lấy cái tự phụ này đối lại với cái tự phụ kia, để dạy rằng: giỏi hay không giỏi, thường chỉ là ở cái quen hay không quen mà thôi. “*Trăm hay chẳng bằng tay quen*”, câu tục ngữ đã nói. Mình quen nghề mình, người quen nghề người, chớ đã chắc gì là mình giỏi hơn người mà kiêu căng với người.

102. GẶP QUỲ

Hoàn Công nước Tề đi săn ở ngoài đầm, có Quản Trọng theo hầu. Hoàn Công trông thấy quỳ, nắm tay Quản Trọng hỏi rằng:

- *Trọng phụ* có thấy gì không?

Quản Trọng thưa:

- *Thần* không thấy gì cả.

Hoàn Công về nghe trong người khó chịu, như là mất vía, rồi sinh ốm, mấy hôm không ra *chầu*.

Có người *học trò* tên là Cáo Ngao vào ra mắt nói rằng:

- Nhà vua đau, là tự mình làm ra cả chớ ma quỷ nào làm được! Phàm chứng *khí tán* mà không thu lại được, thì tinh thần *suy yếu*; cái khí ấy bốc lên trên, không thông xuống được, thì làm cho người ta hay giận dữ, cái chi ấy *tụ* ở dưới, không *vân* lên được thì làm cho người ta hay mê lú chóng quên, cái khí ấy không lên không xuống, *kết* ở giữa bụng thì sinh ra *hoảng hốt*.

Hoàn Công hỏi

- Thế nhưng có quý thực không?

Cáo Ngao thưa:

- Đất có *Thổ Công*, sông có *Hà Bá*, núi có *Sơn Thần*,
bể có *Long Vương*, đầm có thứ quý gọi là *Uy Di*.

Hoàn Công hỏi:

- Hình dạng *Uy Di* thế nào?

Cáo Ngao thưa:

- Quý *Uy Di* to như cái cối xe, dài như cái cày xe,
mặc áo tía, đội mũ đỏ, tính hay sợ tiếng sấm, tiếng xe,
hễ nghe thấy thì đứng sững, hai tay ôm lấy đầu. Ai
trông thấy thì... rồi làm nên đến nghiệp *bá*.

Hoàn Công vẫn có chí muốn làm *bá*, nghe nói hơn
hở cười rằng:

- Ấy ta trông thấy cũng như thế đấy.

Nói đoạn sửa mũ, mặc áo, ngồi dậy, chưa hết một
ngày bệnh đã khỏi tự bao giờ không biết.

Trang Tử Tuyết

GIẢI NGHĨA: *Hoàn công*: vua nước Tề, đứng đầu
Ngũ Bá thời Xuân Thu. *Đầm* chỗ nước đọng rất to và
trên bờ có cây nhiều. *Quản Trọng*: (Xem bài số 44).
Trọng phụ: *Trọng*: tên Quản Trọng; *phụ*: cha, gọi như
thế là có ý tôn Quản Trọng như cha. *Chầu*: nơi vua và
các quan tụ hội để làm việc nước. *Khí tán*: chân khí bốc

lên tán ra mọi nơi. *Suy yếu*: kém dần và nhọc mệt không được khỏe. *Thông*: trôi chảy không vướng đọng. *Tụ*: họp, đóng lại một chỗ. *Vận* xoay vần. *Kết*: buộc chặt, đóng hắt lại. *Hoảng hốt*: thần hồn không định mà trông ngơ không được đích thực. *Thổ Công*: thần đất. *Hà Bá*: thần sông. *Sơn Thần*: thần núi. *Long Vương*: thần làm ra mây mưa ở ngoài bể. *Bá*: quyền mạnh, thế to làm đầu cả các nước chư hầu khác về thời Xuân Thu.

LỜI BÀN: Hoàn Công thấy quỷ sinh lo ngờ mà thành bệnh, sau có người nói thấy quỷ làm được nghiệp bá thì khỏi bệnh ngay. Thế mới biết có quỷ hay không có quỷ, quỷ hại mình hay lợi cho mình, cũng là tự tâm mình tưởng tượng ra cả, rồi yên trí như thế mà thôi. “Đau là tại mình, chớ quỷ nào làm?”. Câu Cáo Ngao nói thật là xác lý. Cáo Ngao lại khéo biết trước, lấy lễ thuốc thang, làm như ông lang rõ bệnh của người ốm, khiến người ốm để tai nghe, sau lấy truyện vu vợ đầu đầu mà xử được việc mơ hoảng khiến người mơ phá được đi lòng lo ngờ mà hóa nên vui vẻ. Tiếc thay đời bấy giờ người mê như Hoàn Công thật lắm, mà người biết giải mê được như Cáo Ngao lại không được mấy người.

103. MUA NGHĨA

Mạnh Thường Quân nhà giàu có, cho vay mượn nhiều. Một hôm, sai *Phùng Huyền* sang đất *Tiết* đòi nợ. Lúc sắp đi, *Phùng Huyền* hỏi:

- Tiền nợ thu được, có định mua gì về không?

Mạnh Thường Quân nói:

- Người xem trong nhà ta còn thiếu thứ gì thì mua.

Khi đến đất Tiết, Phùng Huyền cho gọi dân lại bảo rằng:

- Các người công nợ bao nhiêu, Thường Quân đều cho cả.

Rồi đem văn tự ra đốt sạch.

Lúc về, Phùng Huyền thưa với Mạnh Thường Quân rằng:

- Nhà *tướng công* châu báu đầy kho, chó ngựa đầy chuồng, *người đẹp* đầy nhà, không còn thiếu thứ gì nữa. Chỉ còn thiếu một cái “nghĩa”, tôi trộm phép vì tướng công đã mua về.

Mạnh Thường Quân nghe thấy nói thế, cũng không hỏi gì đến tiền nữa.

Sau Mạnh Thường Quân phải *bãi quan* về ở đất Tiết, dân đất Tiết nhớ đến ơn xưa ra đón rước đầy đường.

Mạnh Thường Quân bảy giờ mới ngoảnh lại bảo Phùng Huyền rằng:

- Trước tiên sinh vì tôi mua “nghĩa”, nghĩa ấy ngày nay tôi mới trông thấy.

Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Mạnh Thường Quân*: (Xem bài số 25). *Phùng Huyền*: người khách lúc ở nhà Mạnh Thường

Quân muốn gì được nấy, nên giúp Thường Quân được nhiều việc, khi Thường Quân bị bãi về, cũng nhờ có Phùng Hoan mà được phục chức. *Tiết*: tên một nước nhỏ đời Chiến Quốc, sau bị nước Hồ lấy mất, nay là huyện Đằng, tỉnh Sơn Đông. *Tướng công*: tiếng để xưng những người làm quan to đáng trọng. *Người đẹp*: tục xưa những nhà giàu sang thường nuôi con gái đẹp làm tì thiếp để hầu hạ. *Bãi quan*: đang làm quan phải về.

LỜI BÀN: Cửa là trọng, mà nghĩa lại đáng trọng hơn. Vì cửa có khi hết, chứ nghĩa còn mãi mãi. Người ta ở đời, lúc đã giàu có, thường cứ hay vợ vét gian tham, tưởng như thế là được lâu dài, bền chặt. Nhưng ta nên hiểu cái lẽ “*Tài vi oán thù*” nghĩa là cửa là cái kho oán, lắm khi chỉ vì lắm cửa mà gây nên những chuyện làm cho thiên hạ bất bình, ghét bỏ, thù oán ghen hờn, cho nên người ta lúc giàu có, cũng nên ăn làm sao mua chuộc lấy chút “nghĩa” để phòng khi suy biến, có chốn nương nhờ. Việc nghĩa tức là việc phải, việc nghĩa là việc từ thiện. Việc nghĩa tức là việc ích chung, việc nghĩa tức là việc công bình ơn đức, chỉ có nghĩa để thấm lòng người và làm cho người nhớ dai mà thôi.

104. ỨNG ĐỐI GIỚI

Án Tử sắp sang sứ nước Sở, vua nghe thấy bảo *cận thần* rằng:

- Ân Tử là một tay ăn nói giỏi nước Tề, nay sắp sang đây, ta muốn làm nhục, có cách gì không?

Cận thần thưa:

- Đợi bao giờ Ân Tử sang, chúng tôi xin trối một người dẫn đến trước nhà vua.

- Để làm gì?

- Để giả làm người nước Tề.

- Cho là phạm tội gì?

- Tội ăn trộm.

Lúc Ân Tử đến nơi, vua Sở làm tiệc thiết đãi tử tế. Rượu uống ngà ngà, bỗng thấy hai tên lính điệu một người bị trối vào.

Vua hỏi:

- Tên kia tội gì mà phải trối thế?

Lính thưa:

- Tên ấy là người nước Tề phải tội ăn trộm.

Vua đưa mắt nhìn Ân Tử hỏi rằng:

- Người nước Tề hay trộm cắp lắm nhỉ!

Ân Tử đứng dậy thưa rằng:

- Chúng tôi nghe cây quất mọc ở đất *Hoài Nam* thì là quất ngọt, đem sang trồng ở đất *Hoài Bắc* thì hóa quất chua. Cành lá giống nhau mà quả chua, ngọt khác nhau là tại làm sao? Tại *thủy thổ* khác nhau vậy. Nay dân sinh trưởng ở nước Tề thì không ăn trộm, sang ở nước Sở thì sinh ra trộm cắp, có lẽ cũng tại vì cái *thủy thổ* khác nhau nó xui khiến ra như thế chăng?

Vua Sở cười nói:

- Ta muốn nói đùa thành phải chịu nhục. Thế mới hay kẻ cả không nên nói đùa bao giờ.

Án Tử Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: Sở: (Xem bài số 9). *Cận thần*: bày tôi gần. *Tề*: một nước to trong bảy nước về đời Chiến Quốc ở vào tỉnh Sơn Đông bây giờ. *Hoài Nam, Hoài Bắc*: hai đất ở về phía nam, phía bắc sông Hoài ở vùng Giang Tô, An Huy bây giờ. *Thủy thổ*: vốn nghĩa chỉ nơi người ta ở, như bây giờ dùng cho *hoàn cảnh*. Sau dùng để chỉ những sự nực, rét, ướt của một địa phương.

LỜI BÀN: Vua Sở lập mưu làm nhục Án Tử mà không ngờ lại bị Án Tử nói lại. Thực đáng khen Án Tử có cái tài khẩu biện, đối đáp được giỏi như thế. Không có câu đối đáp như thế chẳng những một mình Án Tử chịu nhục mà lại để nhục đến cả quốc thể; chẳng những nước Tề khỏi nhục mà lại làm cho vua tôi nước Sở phải nhục. Rõ ràng: “*Kẻ cắp gặp bà già*”, “*Vô quyết dày có móng tay nhọn*”, “*Quyết lòng ngậm máu phun người, bỗng đâu gió thổi máu rơi lại mình*”. Xem truyện này, thì ta chẳng nên cố lấy lời nói cay đắng, độc ác mà làm trò đùa châm chích ai bao giờ. Nhưng hoặc khi có kẻ châm chích ta, muốn làm nhục ta, nhục nhà, nhục nước thì ta cùng phải tìm cách đối đáp lại, may mới

tránh được cái mũi nhọn đầu lưỡi thường khi châm chích người ta đau đớn hơn cái mũi nhọn gươm giáo, cái mũi nhọn ngòi bút vậy.

105. HÀ CHÍNH MÃNH Ư HỒ

Đức *Khổng Tử* khi sang nước *Tề*, đi qua núi *Thái Sơn*, thấy một người đàn bà khóc ở ngoài động, nghe *thê thảm* lắm. Ngài nói rằng: “Người đàn bà này xem như trong nhà có *trùng tang*”. Rồi sai thầy *Tử Cống* đến hỏi.

Người đàn bà thưa rằng:

- Ở đây lắm hổ, bố chồng tôi đã chết về hổ, chồng tôi đã chết về hổ, bây giờ con tôi lại chết về hổ nữa. Thảm lắm ông ạ!

Thầy *Tử Cống* bảo:

- Thế sao không bỏ chỗ này đi ở chỗ khác?

Người đàn bà nói:

- Tuy vậy nhưng ở đây chính sách quan trên không đến nỗi hà khắc, tàn bạo như các nơi khác.

Thầy *Tử Cống* đem câu chuyện thưa lại với đức *Khổng Tử*.

Đức *Khổng Tử* nói:

- Các người nhớ đây: “Chính sách hà khắc khốc hại hơn là cọp dữ”.

Lê Ký

GIẢI NGHĨA: *Khổng Tử:* (Xem bài số 1). *Tử Cống:* (Xem bài số 81). *Thái Sơn:* (Xem bài số 60). *Thê thâm:* lạnh lẽo, buồn bã sâu khổ. *Trùng tang:* hai cái tang liền nhau. *Chính sách:* những cách thức xếp đặt để cai trị dân. *Tàn bạo:* tàn nhẫn, hung ác. *Hà khắc:* phiền nhiễu, ác nghiệt.

LỜI BÀN: Người đàn bà ở một nơi lắm hổ, hổ ăn thịt mất bố chồng, mất chồng, lại mất con, đáng lẽ phải bỏ nơi ấy mà đi nơi khác. Nhưng không. Là tại làm sao? Tại người đàn bà cho chính sách nơi khác là hà khắc dữ hơn là hổ. Ôi! Hổ có hại chỉ một số ít người, chớ hà chính hại cả muôn dân; hổ có hại chỉ hại một phương chớ hà chính hại cả toàn quốc, hổ lại còn có bầy, cạm trừ bỏ được, chớ hà chính hại, trừ bỏ rất khó lòng. Thật vậy, kẻ dùng hà chính hại dân đã dữ quá hổ, lại còn bao nhiêu thần tử bè cánh họ a dua phụ họa, phần làm cho hổ có thêm cánh, phần mượn oai hổ đi ăn thịt người. Hà chính một khi trừ bỏ được thì đâu cũng đã điều tàn và nước cũng đã hao kiệt. Vậy ai là người có chút quyền chính trong tay mà chẳng nên lấy câu "*Hà chính mãnh ư hổ*" để làm cảnh giới thống thiết cho dân được nhờ ư!

106. HANG NGU CÔNG

Vua *Hoàn Công* nước *Tề* đi săn, đuổi con hươu chạy vào trong cái hang, thấy có một ông lão, bèn hỏi rằng:

- Hang này tên gọi là hang gì?

Ông lão thưa:

- Tên là hang *Ngư Công*.

- Tại làm sao mà đặt tên như thế?

- Tại kẻ *hạ thần* đây mới thành có tên ấy.

- Coi hình dáng lão không phải là người *ngu*, có gì lại đặt cái tên như thế?

- Để *hạ thần* xin nói: Nguyên *hạ thần* có con bò cái đẻ được một con. Khi bò con đã lớn, *hạ thần* đưa đi bán, lấy tiền mua một con ngựa con đem về cùng nuôi với bò cái. Một hôm, có một chàng thiếu niên đến lấy lý "*Bò không đẻ ra được ngựa*", bèn bắt con ngựa con đem đi. *Thần* chịu mất, không cãi được. Vì thế xa gần đều cũng cho *thần* là *ngu* mới gọi hang *thần* ở đây là hang *Ngư Công*.

Hoàn Công nói:

- Lão thế thì *ngu* thật!

Buổi chiều hôm sau, Hoàn Công đem câu chuyện kể lại cho *Quản Trọng* nghe.

Quản Trọng nói:

- Đó chính là cái *ngu* của *Di Ngô* này. Nếu được vua giỏi như vua *Nghiêu*, bầy tôi mình như *Cao Dao*, thì khi nào lại có kẻ dám ngỗ ngược, lấy không ngựa của người ta như vậy. *Ngư Công* mà đành để mất ngựa, chắc là rõ hình pháp ngày nay không ra gì. Xin nhà vua kíp *chỉnh đốn* các *chính sự* lại.

Đức Khổng Tử nghe thấy, nói:

- Đệ tử ta đâu, ghi lấy việc ấy! Hoàn Công là *bá quân*. Quản Trọng là *hiển thần*. Tuy đã vào bậc khôn ngoan, mà còn tự cho là ngu dại.

Khổng Tử Tập Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Hoàn Công*: (Xem bài số 102). Tề: một nước thời Xuân Thu ở vào tỉnh Sơn Đông bây giờ. *Lão*: người đã có tuổi. *Ngư Công*: ông ngu dại. *Hạ thần*: tiếng thần dân tự xưng với vua. *Ngư*: khờ dại không biết gì. *Thiếu niên*: người trẻ tuổi. *Quản Trọng*: (Xem bài số 44). *Di Ngô*: tên của Quản Trọng. *Nghiêu*: (Xem bài số 91). *Cao Dao*: quan coi hình án giỏi đời nhà Đường. *Chỉnh đốn*: sửa sang xếp đặt lại. *Chính sự*: công việc cai trị. *Đệ tử*: học trò. *Bá quân*: vua giỏi đứng đầu vua các nước chư hầu. *Hiển thần*: bày tỏ hay và giỏi.

LỜI BÀN: Ông lão cam tâm mất ngựa, lại chịu cả cái tiếng “ngu” là ý lão nghĩ gặp phải thời buổi người trên tham nhũng, kẻ dưới hung nghịch, đành chịu để êm chuyện đi, còn hơn dờ khôn đi kiện, chẳng những mất ngựa mà có khi lại mất cả bò và bao nhiêu tiền của, thời giờ vào đấy nữa. Hoàn Công thấy chuyện mà lưu tâm đến, thế là ông vua có bụng với dân. Quản Trọng nghe truyện mà biết nhận ngay cái lỗi ấy tại mình, thế cũng là hai bậc minh quân, lương tướng hiểu rõ cái trách nhiệm chăn dân của mình. Nên đức Khổng Tử

có lời khen thực là đáng lắm. Vì rằng giữ vận mệnh một dân tộc mà không hiểu thấu ân tình của dân thì tuy có lòng thương dân, dân vẫn khổ và nước vẫn không yên được.

107. TRUNG HIẾU VỆ TOÀN

Đời vua Chiêu Vương nước Kinh, có người *Thạch Chủ* làm quan rất *công bình chính trực*.

Một hôm, đang đi tuần trong hạt, thấy ở ngoài đường có kẻ giết người. Thạch Chủ đuổi bắt, thì ra chính cha mình, bèn quay xe trở lại. Rồi chạy đến trước *sân rồng*, nói rằng:

- Kẻ giết người là cha tôi. Bắt cha làm tội thì tình không nỡ; vì cha mà bỏ *phép* thì lý không xuôi. Làm quan đã không giữ phép thì phải chịu tội.

Vừa nói, vừa kể gươm vào cổ, xin vua cho *hành hình*.

Vua nói:

- Nhà ngươi đuổi theo mà không bắt được đã là biết phép, còn tội gì. Cứ yên tâm làm chức vụ.

Thạch Chủ thưa:

- Làm con không biết ủy khúc thờ cha, không gọi là trời con hiếu, làm tôi không công bằng giữ phép nước, không gọi là bầy tôi trung. Bao dong mà xá tội là ơn của *Quân thượng*; trái phép mà chịu tội là phạt của tôi con.

Nói đoạn, cầm gươm tự sát.

Không giữ phép nước thì chết; cha phạm tội không bắt, vua tha tội không chịu nhận, người Thạch Chử làm quan như thế, thật là người trung hiếu *lưỡng toàn* vậy.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Thạch Chử*: tức là Thạch Xa, tướng giỏi của Chiêu Vương, người thanh liêm chính trực. *Công bình*: không vị, không thiên lệch. *Chính trực*: ngay thẳng. *Sân rông*: sân nhà vua. *Phép*: đây là phép luật của nước. *Hành hình*: làm tội. *Quân thượng*: vua trên. *Lưỡng toàn*: *lưỡng*: hai; *toàn*: vẹn; cả hai bề.

LỜI BÀN: Đồng thời bấy giờ có kẻ, vì thù cha, quật mả vua lên mà đánh vào xác, thật là người có hiếu nhưng không trung. Lại có kẻ, vì phép nước mà làm chúng, nói thẳng là cha ăn trộm dê, thật là người có trung nhưng không có hiếu. Sao bằng Thạch Chử đây, giết cha đã không nỡ, đối vua lại không đành, cam chịu trái phép để cứu cha, thí thân để giữ phép. Thực là mới trọn được cả đôi niềm trung hiếu vậy. Ta cũng nên biết khổ tâm của Thạch Chử có khi là: Được vua tha cho mà cứ cầu thả sống, sống chỉ càng làm to cái hung ác của cha, giết người không tội vạ, kết cục liệu cha có thoát tử hình không, sống chỉ tăng cái tư tình của vua để cho vua khinh lờn phép nước, biết đâu sau không gây ra cuộc rối loạn trị an, thì thà một chết còn hơn, đối với gia đình đủ làm cho cha hối hận mà tuyệt được

mâm ác; đối với Tổ quốc đủ làm cho vua tỉnh ngộ mà tự mình giữ phép để trọng tính mệnh dân. Thạch Chử không những trung hiếu mà còn là nhân nữa.

108. MONG LÀM ĐIỀU PHẢI

Nước *Lỗ* có người ở một mình một nhà. Bên láng giềng có người đàn bà góa cũng ở một mình một nhà.

Một đêm, mưa to, gió lớn, nhà người đàn bà đổ, người đàn bà sang xin ngủ nhờ nhà người láng giềng. Người láng giềng đóng cửa, không cho vào. Người đàn bà đứng trước cửa sổ, nói rằng:

- Người sao *bất nhân* thế! Không cho ta vào ư?

Người láng giềng đáp:

- Ta nghe đàn ông, đàn bà sáu mươi tuổi trở lên mới ở chung được. Nay người còn trẻ, mà ta cũng còn trẻ, cho nên ta không cho người vào ngủ nhờ được.

Người đàn bà nói:

- Người sao không làm như ông *Liêu Hạ Huệ* ừ người con gái ngồi vào lòng mà không tai tiếng gì?

- Ông *Liêu Hạ Huệ* thì thế được, ta đây thật chưa được. Ví ta cho người vào mà ta không được như ông *Liêu Hạ Huệ* thì thà rằng, ta không cho người vào, mà ta cũng giữ không tai tiếng gì được như ông *Liêu Hạ Huệ*. Thế chẳng là ta không làm theo như *Liêu Hạ Huệ* mà cũng được như *Liêu Hạ Huệ* ư?

Khổng Tử nghe chuyện, nói:

- Phải lắm! Kẻ muốn học ông Liễu Hạ Huệ, chưa ai giống được như người nước Lỗ này: *Mong làm điều rất phải không bắt chước cách làm, rồi mà làm được, thế mới thật là khôn.*

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: Lỗ: (Xem bài số 5). *Bất nhân*: không có lòng thương người. *Liễu Hạ Huệ*: (Xem bài số 72). *Mong làm điều rất...*: bắt chước tâm địa hay mà ủy khúc làm một cách khác đến được hay bằng, thế thực là khôn ngoan.

LỜI BÀN: Cái tình cảnh éo le khó xử thật! Đêm khuya, mưa gió, một người đàn ông trẻ tuổi có nên tiếp một người đàn bà trẻ tuổi vào nhà không? Không tiếp thì là bất nhân, vì không chịu cứu giúp một kẻ yếu đuối đang gặp lúc mưa gió khổ thân. Tiếp, thì là bất nghĩa và không khỏi cái tiếng trai gái có ý, mang cái tội tà dâm bất chính. Một đảng bất nhân, một đảng bất nghĩa, chọn đảng nào vì cái tình cảnh không sao giữ trọn vẹn được cả đôi đảng? Dễ chỉ có làm như ông Văn Trường đốt đuốc, cầm suốt đêm chỗ trước cửa cho hai chị dâu ngủ, họa mới rõ là người nghĩa sĩ mà thôi. Như người nước Lỗ đây đành là bất nhân, cố giữ lấy cái “nghĩa” là theo lý tưởng rất nghiêm bên Á Đông ta là: “*Nam nữ hữu biệt*”.

109. KẸ BẤT CHÍNH

Nước Sở có người có hai vợ. Vợ cả và vợ lẽ cùng đẹp, cùng xinh.

Anh láng giềng ghẹo người vợ cả. Người vợ cả giận và mắng thậm tệ. Anh láng giềng lại ghẹo người vợ lẽ, người vợ lẽ bằng lòng và đi lại.

Không bao lâu, người có hai vợ ấy chết. Anh láng giềng muốn *tính cuộc vương tròn* lại dạm hỏi người vợ cả.

Có người hỏi rằng:

- Người vợ cả trước đã mắng anh, người vợ lẽ vẫn có tình với anh, sao bây giờ anh lại định lấy người vợ cả?

Anh ta đáp:

- Lúc người ta còn là vợ người, thì thích kẻ *tư tình* với mình; lúc người ta đã là vợ mình thì thích kẻ không tư tình với ai. Kẻ trước đã tư tình với tôi thì rồi ai nó cũng tư tình được, thiên hạ ai cũng là chồng nó được. Cho nên bây giờ tôi không lấy nó.

Thế mới hay con người bất chính đi làm tôi tớ người ta, dù làm cho người ta bằng lòng đến đâu, người ta vẫn rẻ rúng khinh bỉ.

GIẢI NGHĨA: *Bất chính*: nghĩ, làm không ngay thẳng, thường hay tráo trở hai lòng. *Nước Sở*: (Xem bài số 9). *Tính cuộc vương tròn*: suy nghĩ đắn đo về

việc lấy vợ, lấy chồng. *Tư tình*: có tình riêng với người ngoài.

LỜI BÀN: Ở đời, những kẻ dễ đổi lòng như người vợ lẽ nói trong truyện này là những kẻ bất chính. Đã bất chính thường hay bất trắc rất nên khinh bỉ.

Còn những kẻ chính trực như người vợ cả nói trong truyện này thì lúc nào cũng thuần thực thẳng băng dù chẳng may gặp sự khó khăn, thiên hạ như có phần không ưa, mà thực trong bụng vẫn kính phục vô cùng. Ta có hiểu rõ cái tâm lý ấy như người lấy vợ đây thì mới gần được người quân tử mà xa được kẻ tiểu nhân.

110. NHÂN TRUNG DÀI SỐNG LÂU

Một hôm vua Vũ Đế nhà Hán nói với các quan rằng:

- Ta xem trong *sách tướng* có nói: “Người ta *nhân trung* dài một *tấc* thì sống lâu một trăm tuổi”.

Đông Phương Sóc đứng bên, phì cười. Các quan *hắc* là vô phép.

Đông Phương Sóc cất mồm, tạ rằng:

- Muôn tâu *bệ hạ*, kẻ hạ thần không dám cười *bệ hạ*, chỉ cười ông *Bành Tổ* mặt dài mà thôi.

Vua hỏi:

- Sao lại cười ông Bành Tổ?

Đông Phương Sóc nói:

- Tục truyền ông Bành Tổ sống tám trăm tuổi, nếu quả thực như câu trong sách tướng bệ hạ vừa nói thì nhân trung ông dài tám tấc, mà nhân trung dài tám tấc thì cái mặt ông ta dễ phải dài đến một trượng.

Vua Vũ Đế nghe nói, bật cười tha tội cho.

Sử Ký

GIẢI NGHĨA: *Vũ Đế:* vua nhà Hán trị vì bên Tàu 140-88 trước Th.Ch. *Sách tướng:* sách dạy cái thuật xem hình, sắc, thân, thái (vẻ, dạng) người ta mà đoán người ta hay hay dở. *Nhân trung:* chỗ trũng từ dưới mũi xuống đến hết môi trên. *Tấc:* đây là một tấc Tàu. *Đông Phương Sóc:* bấy tôi vua Vũ Đế nhà Hán là người ăn nói giỏi, tính hay khôi hài. *Bành Tổ:* tên ông lão, đời cổ cho là sống lâu lắm. *Hặc:* đem cái tội người ta ra mà xin trừng trị. *Cắt mũ:* khi quan có tội phải lột mũ ra. *Bệ hạ:* bệ: thêm; hạ: dưới; bấy tôi gọi vua, không dám chỉ chính vua, chỉ dưới thêm nhà vua là có ý kính. *Hạ thần:* bấy tôi tự xưng trước mặt vua. *Trượng:* một trượng là mười thước.

LỜI BÀN: Vua Vũ Đế nhắc câu trong sách tướng là có lòng mê tín tướng thuật. Đông Phương Sóc cười, rồi nói như thế tuy là khôi hài, nhưng thực có ý làm cho phá được sự quá tin của vua. Nhân trung cho có phải là cái thước đo sự thọ, yếu của người ta, người ta cũng trước hết phải ăn ở cho nhân từ, làm việc cho chăm chỉ, ăn uống có tiết độ và biết tiết dục, thì mới có cơ sống lâu được.

111. THUỐC BẤT TỬ

Thời *Chiến Quốc*, có người đem dâng vua nước Sở một vị thuốc bất tử. Người ấy bưng vị thuốc vào, có viên quan canh cửa hỏi rằng:

- Vị thuốc này có ăn được không?

Người ấy đáp:

- Ăn được!

Túc thì viên quan giật lấy vị thuốc mà ăn.

Truyện nói đến tai vua. Vua phán bắt viên quan đem giết.

Viên quan kêu rằng:

- Thần đã hỏi người đem dâng thuốc. Người ấy nói rằng: “Ăn được”, nên thần mới dám ăn. Thế là thần vô tội mà lỗi ở người dâng thuốc. Vả chẳng người đem dâng thuốc nói là bất tử, nghĩa là ăn vào thì không chết nữa. Thế mà thần mới ăn, đã sắp phải chết, vậy là thuốc tử chứ sao gọi là bất tử được? Nhà vua giết thần, thực là bất tội một người vô tội mà tỏ rằng thiên hạ dối được nhà vua mà nhà vua vẫn tin.

Vua nghe nói có lý, bèn tha cho viên quan ấy, không giết nữa.

Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Chiến Quốc*: (Xem bài số 69). *Bất tử*: chẳng bao giờ chết. *Túc thì*: ngay lúc bấy giờ. *Thần*: bầy tôi.

LỜI BÀN: Có sinh phải có tử. Không vật nào đã sinh mà lại ra ngoài vòng tử. Kẻ dăng thuốc bắt tử, vua Sở có lòng mê tín, không hiểu thấu cái lẽ đó. Viên quan canh cửa làm ra thế, là có ý lấp cái lối lừa đảo của kẻ nịnh, phá cái bụng mê hoặc của vua, khiến cho vua phải tỉnh ngộ. Lời nói tựa giọng khôì hài, nhưng thật là có lý thú.

112. LỄ SỐNG CHẾT

Mạnh Tôn Dương hỏi *Dương Tử*:

- Có kẻ mến đời, yêu thân, cầu cho không chết có nên không?

Dương Tử nói:

- Có sống thì phải có chết, lẽ nào mà không chết được?

- Thế cầu sống lâu có nên không?

- Lẽ nào sống lâu được? Người ta không phải thích sống mà sống mãi được, yêu thân mà thân còn mãi được. Và chẳng, sống lâu để làm gì? *Thế tình* hay dở, xưa cũng như nay; thân thể *an nguy* xưa cũng như nay; việc đời vui khổ, xưa cũng như nay; biến đổi *trị loạn* xưa cũng như nay; cái gì cũng đã nghe thấy, đã trông thấy, đã từng trải cả rồi, thì sống trong khoảng trăm năm cũng đủ lấy làm chán, huống còn cầu lấy sống lâu để cho khổ làm gì?.

Mạnh Tôn Dương nói:

- Nếu như thế, thì chóng chết còn hơn là sống lâu. Ta nên xông vào gươm giáo, nhảy vào nước lửa để chết ngay đi có thỏa không?

Dương Tử nói.

- Không phải thế. Đã sinh ra đời thì lúc sống cứ tự nhiên mặc, muốn làm gì thì làm, cho đến lúc chết. Lúc sắp chết, cũng tự nhiên mặc, muốn hóa ra gì thì hóa cho đến lúc cùng. Lúc sống, lúc chết, lúc nào cũng tự nhiên như không, hà tất phải quan tâm sống lâu hay chóng hết làm gì?

Dương Tử

GIẢI NGHĨA: *Thế tình:* tình thường người đời. *An, nguy:* *an:* khỏe mạnh; *nguy:* đau ốm. *Cùng:* đến hết không còn gì nữa. *Trì:* yên ổn thái bình. *Loạn:* giặc giã rối loạn. *Dương Tử:* Người thời Chiến Quốc tên tự là Tử Cư, tôn chỉ học thuyết là: “*Mất một cái lông mà lợi thiên hạ cũng không cho, được cả thiên hạ phụng sự một mình cũng không làm, người nào cũng không chịu thiệt, người nào cũng không ham lợi thì thiên hạ tự nhiên thái bình*”. Học thuyết ấy rất thịnh hành thời Chiến Quốc và người đời bây giờ cho là học thuyết “*Vị ngã*”.

LỜI BÀN: Người ta ở đời, kẻ thì mến đời không muốn chết, hoặc có kẻ lại chán đời không muốn sống. Như thế đều là nhầm cả. Sự sống chết không phải tự

mình có chủ quyền được, thì mình đem tâm lo nghĩ, cầu khẩn về việc sống, chết, mà có ích gì!

Thà rằng: Tự lúc sống đến lúc chết, việc mình, mình làm, ngoại giả phó mặc ở sự tự nhiên cho gọi là Số, là Mệnh, là Tạo hóa, cũng không cần. Thói đời, thường tình vẫn tham lam sợ chết. Nhưng chết, vị tất là khổ hẳn. Mà sống, cũng không ai bảo là toàn sướng được! Như xưa có kẻ sống hơn trăm tuổi, ai chẳng cho sống lâu là quý! Thế mà người ấy thường vẫn ca thán rằng: “*Sống làm chi cho nhọc!*”. Sống lâu vô ích cho đời mà chỉ trông nhiều cảnh tang thương thì có hay gì.

113. NÓI VỀ CÁI CHẾT

Người thì cho sống là sướng, chết là khổ, như thế là *phái mền đời*; người lại cho chết là sướng, sống là khổ, như thế là *phái chán đời*.

Cứ theo ý ta, thì ta tưởng ai tuy còn sống, thân thể khỏe mạnh, mà *chí khí suy đồi*, thì sống cũng như chết; ai thân thể tuy chết, mà chí khí vẫn còn ở *tâm não* tai mắt người ta, thì chết cũng như sống. Cho nên bậc *quân tử* đối với sự sống chết, không bằng ở phần xác có hay không, bằng ở phần hồn còn hay mất. Kẻ *tiểu nhân* thì không thế: đương lúc sống, *mê muội* về tài lợi, nhọc nhằn về *bôn tẩu*; đến lúc người ta *thóa mạ* thì lại nói rằng: “Đã sinh ra làm người, chẳng để được tiếng

hay trăm lời, thì cũng để lại tiếng dờ muôn năm”. Than ôi! Kẻ nói như thế thì biết làm sao được cái lẽ sống, chết.

Khuyết Danh

GIẢI NGHĨA: *Phái:* những bọn người nghĩ, làm giống nhau. *Chí khí:* khí hướng khí phách, cố tới mục đích và có nghị lực, không cam chịu hèn. *Suy đối:* kém dần và đổ nát. *Tâm nã:* *tâm:* mìm; *nã:* óc, đây nói người ta còn ghi nhớ sâu xa vào trong bụng, trong óc, không quên được. *Quân tử:* (Xem bài số 91). *Tiểu nhân:* (Xem bài số 7). *Mê muội:* *mê* là không tỉnh, *muội* là tối tăm, đây nói tài lợi nó làm cho người ta say đắm, mờ mịt, không còn biết gì nữa. *Bôn tẩu:* hai chữ cùng nghĩa là chạy, đây nói chạy xuôi, chạy ngược, vào luồn ra cúi để mưu danh lợi. *Thóa mạ:* *thóa* là nhỏ, *mạ* là mắng, ý nói vừa nhỏ vừa mắng làm cho nhục nhằn thậm tệ.

LỜI BÀN: Người ta tuy chia hai phần: xác thịt và linh hồn, nhưng hai phần thật có liên lạc với nhau là một, xác có khỏe, hồn mới còn; hồn có mạnh, xác mới có giá. Vậy ta không bảo khinh hãn một bên nào, mà chỉ trọng một bên nào được. Nhưng bài này không chú ý nói về tâm lý hay vệ sinh. Bài này chỉ cốt nói rõ thế nào là sống, thế nào là chết mà thôi. Những kẻ sống không ai biết, chết chẳng ai hay thì tuy sống cũng là vô ích. Còn những bậc ích quốc lợi dân, thì dầu chết đi nữa nhưng thiên hạ vẫn còn nhớ đến, vẫn

còn sùng bái thì cũng kể như là còn sống. Ngoài ra, còn hạng đê mạt di xú, thì nói mà làm chi! Nếu ở đời chẳng để tiếng hay lại được, thà không để tiếng gì nữa, còn hơn là để tiếng xấu, chỉ làm cái bia cho thế gian chê cười mà thôi.

114. BIẾT DỖ SỬ NGAY

Đái Doanh Chi làm quan *đại phu nước Tống*, nói chuyện với thầy Mạnh Tử rằng:

- Cứ theo lệ cũ, thì ruộng đánh thuế theo phép *tỉnh điền*, chợ và *cửa ải*, chỉ xét hỏi không mà thôi. Như thế thực là hay, song ta chưa làm ngay trước. Bây giờ ta hãy đánh nhẹ bớt thuế đi, đợi đến sang năm mới bãi hẳn, thì nhà thầy nghĩ thế nào?

Thầy Mạnh Tử nói:

- Nay có người mỗi ngày ăn trộm một con gà của hàng xóm. Có kẻ bảo anh ta: “Làm thế không phải là cái cách của con người *lương thiện*”. Anh ta đáp: “Ông nói phải lắm nhưng tôi chưa thể chữa ngay trước. Xin để chữa dần, từ nay mỗi tháng, tôi ăn trộm một con thôi, đợi đến sang năm tôi sẽ chữa hẳn”. Phỏng nói như thế, thì có nghe được không?

Phàm làm việc gì cũng vậy, chưa biết là *phi nghĩa* thì thôi, chớ đã biết là *phi nghĩa* thì phải bỏ cho mau, cho chóng, sao lại còn đợi đến sang năm?

GIẢI NGHĨA: *Đại phu:* (Xem bài số 71). *Tống:* (Xem bài số 3). *Tinh điền:* phép đánh thuế đời xưa, thửa đất ruộng một dặm, chia làm chín khu như chữ tinh, giữa là ruộng công, chung quanh tám thửa ruộng là ruộng tư, tám nhà cày giúp ruộng công, thì không phải nộp thuế cho ruộng tư của mình nữa. Cũng có nơi cho là tám nhà chung quanh phải cày ruộng của mình và miếng ruộng công ở giữa, tất cả được hoa lợi bao nhiêu thì lấy một phần mười nộp cho quan. *Cửa ải:* lối đi hiểm yếu, chỗ hai nước giáp giới nhau. *Lương thiện:* hiền lành thật thà, không làm điều gì trái phép hay thiệt hại đến ai. *Phi nghĩa:* không hợp với lẽ phải.

LỜI BÀN: Phàm nghĩa với lợi không cùng đi được với nhau. Nếu làm nghĩa mà tính lợi, cứ tìm cách trì hoãn mãi lại, thì biết đến bao giờ mới nên? Cho nên việc đã trót làm, biết là dở, có thể sửa lại được, thì phải sửa ngay. Đừng có nấn ná do dự, mà có khi dờ chẳng những không sửa được lại mà còn tệ mỗi ngày một to thêm mãi ra, nhỏ thì hại việc tu thân, tể gia, lớn thì hại đến việc trị quốc, bình thiên hạ. Câu nói: “*Cái gì làm được hôm nay, chớ để đến ngày mai*”, ta nên ghi nhớ lấy.

115. HỌ DOÃN LÀM GIÀU

Đời nhà *Chu*, có người họ *Doãn* chỉ chăm làm giàu. Tới tớ trong nhà khó nhọc, vất vả, thức khuya dậy sớm.

Có một tên đầy tớ tuổi già, sức yếu, nhưng phải làm nhiều, ban ngày tối mắt không kịp thở, ban đêm mệt đi ngủ say, tinh thần *tán loạn*. Nhưng đêm nào, cũng mơ màng được làm vua một nước, đứng đầu cả muôn dân, cầm quyền chủ mọi việc ở gác tía, lầu son, ăn của ngon vật lạ muốn gì được nấy, vui vẻ sung sướng thực không ai bằng. Sáng bừng mắt dậy, thì vẫn *hoàn* là tên đầy tớ già, làm không kịp thở... Có người thấy lão ta vất vả khó nhọc, lấy lời *yên ủi*.

Lão ta nói rằng:

- Đời người trăm năm, có ngày, có đêm: ban ngày, ta chỉ là một tên đầy tớ kẻ ra khổ thực, nhưng ban đêm, ta đã làm vua cả một nước, vui sướng không ai bằng, thì còn *oán hận* gì nữa?

Họ Doãn gây dựng cơ nghiệp, lo lắng làm giàu, nát gan tan ruột, cứ đêm mệt đi ngủ, thì nằm mơ lại thấy đi làm đầy tớ người ta, việc gì cũng phải làm, lại gặp nhà chủ cay nghiệt quở mắng đánh đập khổ cực muôn phần, nên lúc ngủ trằn trọc thổn thức, sáng dậy mới thôi.

Họ Doãn lấy làm lo, nói chuyện với bạn.

Bạn bảo:

- Được cái *địa vị* như bác giàu có hơn người, ban ngày sung sướng vẻ vang biết là bao, đêm đến có nằm mơ đi làm đầy tớ người ta, thì cũng là sướng khổ *đắp đổi số phận chi thường*. Nếu lúc thức, lúc ngủ cũng muốn vui sướng cả, thì làm thế nào được?

Doãn thị nghe bạn nói, từ hôm đó nói tay cho người ăn kẻ ở và mình cũng bớt lo nghĩ, nên mỗi ngày bệnh một bớt dần.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Chu:* tên một triều đại Trung Hoa cách nay hơn 3.000 năm. *Tán loạn:* phân vân rối rít. *Hoàn:* lại y như cũ. *Yên ủi:* khuyên giải cho đỡ lo, đỡ phiền. *Oán hận:* căm tức, giận dữ. *Cơ nghiệp:* cơ: nền; nghiệp: công việc, cửa nhà, của cải mình làm kiếm ra mà gây nên. *Cực khổ:* cay đắng quá chừng. *Địa vị:* bề thế hiện đang có, đang được, như học vấn, danh dự, sự nghiệp, phú quý. *Số phận chi thương:* vận mệnh người ta hay như thế, không có gì là lạ.

LỜI BÀN: Bài này bày ra hai cảnh ngày, đêm của hai người giàu nghèo khác nhau. Tác giả có ý nói người ta được cái này, thường hồng cái kia. Hễ ai được thế nào, hay thế, mà tri tắc thì tự có cái sướng ở đó rồi. Ở đời, giàu nghèo chẳng qua chỉ có lúc thức là phân biệt nhau, chớ đến lúc ngủ, đợi cái giấc ngủ trăm năm hai con mắt đã nhắm lại hỗn vĩa đã đi đâu, thì ai cũng như ai. Tuy vậy, cũng không nên viện lẽ ấy mà cam chịu nghèo khổ. Cần kiệm làm ăn để gây dựng cơ nghiệp, để làm giàu, thật là chính đáng. Nhưng, nếu bòn công bòn của người để làm giàu hay bắt người làm thuê làm mướn làm ăn quá lao khổ để làm giàu thế là bóc lột, làm giàu

vô nhân đạo. Vô nhân đạo thì không những không được hưởng giàu, mà còn khổ hại về giàu nữa.

116. TÀI VÀ BẤT TÀI

Một hôm, Trang Tử cùng với học trò đi chơi ở trong núi. Thấy một cây to, cành lá rườm rà, có người đốn gỗ chống búa đứng ở bên, mà không chặt.

Trang Tử hỏi:

- Sao không chặt cây này thế?

Người đốn gỗ đáp:

- Cây này tuy thế mà gỗ xấu không dùng được việc.

Trang Tử hỏi:

- Cây này chỉ vì không ra gì mà sống lâu được mãi?

Ra khỏi núi, Trang Tử vào chơi nhà một người quen. Chủ nhà vui mừng, bảo người nhà đem chim nhạn làm thịt.

Người nhà hỏi:

- Một con gáy được một con không gáy thì làm thịt con nào.

Chủ bảo:

- Làm con không gáy.

Hôm sau, học trò hỏi Trang Tử rằng:

- Cái cây ở núi vì *bất tài* mà được sống lâu, con nhạn ở nhà chủ vì *bất tài* mà phải giết chết. Giá như *tiên sinh* thì xử vào *địa vị* tài hay bất tài?

Trang Tử cười, rồi nói:

- Ta xử vào trong cái khoảng giữa tài và bất tài.

Như vậy, thì tránh khỏi được *tai nạn* song chưa phải là *kế vẹn toàn*. Chỉ những bậc *đạo đức* cao siêu, không quản khen chê lúc như rồng, lúc như rắn, không hẳn rõ ra tài hay bất tài, lúc lên, lúc xuống chỉ cốt lấy *đức hòa* làm mực, *siêu việt* cả muôn vật, tuy là người mà lại khác người... Những bậc như thế, thì còn gì *lụy* đến thân được! Còn thói đời thường tình nào có thể? Hợp với người, thì có lúc lìa tan, làm nên việc thì có người nghị luận; ngay thẳng thì bị dè nén; tôn trọng thì bị chê bai; làm, thì có kẻ phá; giỏi, thì có kẻ ghen; không ra gì thì thiên hạ lại khinh bỉ... Nhân tình như thế, làm thế nào được? Thương ôi. Các người nên ghi lấy: Chỉ có *đạo đức* mới khỏi *lụy* mà thôi.

Trang Tử Thuyết

GIẢI NGHĨA: *Nhạn*: thứ chim giống như ngỗng, mỏ dài, hoe vàng, sắc tro, cánh xanh biếc, ngực lốm đốm, tiếng kêu líu nhíu và hay bay từng hàng. *Bất tài*: không có ngón gì giỏi giang. *Xử*: đứng vào, ở vào. *Địa vị*: bề thế, cảnh ngộ. *Tai nạn*: sự thiệt hại không may. *Vẹn toàn*: được cả mọi bề. *Đạo đức*: đây là nói đạo đức bên Lão học. *Đạo* là lý tự nhiên, cái tinh thần của Tạo hóa; *đức* là việc của đạo làm ra, hay là theo cái lý của đạo mà làm. *Đạo đức*: *đạo*: con đường hay, ai cũng nên theo mà đi; *đức*: cái lẽ, cái phép, cái hành vi ai cũng nên

theo, cái cách cư xử ở đời hợp với luân thường. *Đức hòa*: các đức hòa thuận êm ái vừa phải, không cứng, không *mềm*. *Siêu việt*: cao xa vượt hơn quá người. *Lụy*: vướng víu làm cho bận bịu khó chịu.

LỜI BÀN: Tài cũng khổ; quân tử đa nạn, tài liên với tai. Bất tài cũng khổ: khôn trổng đại mái, đại để người ăn. Vậy con người ta phải làm thế nào cho ở vào cái khoảng giữa tài và bất tài thì mới gọi là khôn khéo, nghĩa là thông minh, thánh trí mà như ngu thì mới sinh tồn được. Tuy vậy, vẫn chưa bằng, người có đạo đức, nghĩa là người chỉ lấy một cái bụng ăn ở theo thiên lương mà ra ngoài vòng được cái tài, bao bọc được hết cả thiên hạ mà không gì lụy đến thân. Thế mới hay: chữ “Tâm” kia mới thực là thu liễm được cái tài mà bổ cứu được cái bất tài vậy.

117. QUÊN CẢ CÁI THÂN

Vua Ai Công hỏi đức Khổng Tử:

- *Quả nhân* nghe nói có người tính hay quên lúc dọn nhà, quên mất vợ, có thật không?

Khổng Tử thưa rằng:

- Có người quên như thế cũng chưa lấy làm tệ. Còn người tệ hơn nữa; quên cả đến cái thân của mình.

Vua Ai Công hỏi:

- Thế nào mà lại đến quên cả cái thân của mình nữa.

Khổng Tử nói:

- Ngày xưa vua *Kiệt* nhà *Hạ* giàu có cả bốn bể, sang làm đến *thiên tử*, chỉ vì xao lãng *cơ đồ* của *tổ tiên*, hủy *điển pháp* của nước nhà, tin dùng kẻ *xiêm nịnh*, ghét bỏ kẻ trung lương, ngày ngày say đắm *sắc dục*, sẵn bản rượu chè, *hoang vu vô độ*, sau đến nỗi bị ông *Thang* giết chết mà mất... Thế chẳng phải có thân mà quên cả thân là gì?

Khổng Tử Tập Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Ai Công:* vua nước Lỗ. *Quả nhân:* người ít đức, tiếng vua tự xưng với thần dân. *Kiệt:* vua cuối đời *Hạ*, tàn dân, hại vật đến nỗi mất nước. *Hạ:* một triều đại bên Trung Quốc hơn bốn trăm năm (2205-1818). *Thiên tử:* con trời, chỉ vua thay mệnh trời mà trị thiên hạ. *Cơ đồ:* nền nếp gây dựng. *Hủy hoại:* làm cho hư hỏng đổ nát. *Điển pháp:* *điển:* công việc cũ đáng theo; *pháp:* chế độ đặt ra để cai trị. *Xiêm nịnh:* hót ngon hót ngọt, xui hay xui dở. *Sắc dục:* say mê đàn bà, con gái. *Hoang du vô độ:* chơi bời phóng túng không biết thế nào mà kể. *Thang:* vua đầu nhà Thương giết vua *Kiệt* nhà *Hạ*.

LỜI BÀN: Dọn nhà không ai dọn vợ. Nhưng thí dụ có kẻ dọn nhà, hoặc quên mất vợ, thì thiên hạ tất lấy làm lạ lùng là buồn cười lắm. Thế mà những kẻ quên thân, rất nhiều và đáng sỉ tiểu, thì lại không mấy người nghĩ đến. Phàm chừng ai đã có một sự ham mê

gì rượu chè, thuốc phiện, trai gái, cờ bạc đến quên cả tính mệnh, cửa nhà, xã hội đều là quên thân, rất đáng tiếc. Nhất là những bậc thông minh tài trí có quyền thế trong tay, mà quên thân, thì lại đáng tiếc hơn nữa! Nền Khổng Tử kể chuyện vua Kiệt mà chính là có ý muốn cảm họ Ai Công vậy. Chúng ta đây nhất là thanh niên như hoa mới nở, có thân không biết giữ thân, lỗ mà thất thân thì trụy lạc xuống ngay vực thê thảm, nghĩ lại thì đã xong đời!

118. ĐẠI ĐỒNG

Đường lối *chính trị* rất cao cả mà thực hành thì thiên hạ phải là của chung của thiên hạ, không một người nào hay một nước nào được nhận thiên hạ làm của riêng mình. Kén chọn người có *đức vọng* để làm lãnh đạo tuyển cử người có tài năng để ra gánh vác. Giao thiệp đi lại với nhau cho có “tín”, lỗ có hiểu lầm nhau phải *phân trần* ngay. Ăn ở đối đãi với nhau cần phải “hòa”, lỗ có chênh lệch phải sửa đổi ngay. Có thể, tự khắc ai ai cũng đều tôn quý cha mẹ người như cha mẹ mình, ai ai cũng thân yêu con cái người như con cái mình.

Của ở trên mặt đất hay ở dưới mặt đất, đáng ghét nhất là ngu dại bỏ phí bỏ hoài, không biết *tăng gia*, không biết *khai thác*, không biết *lợi dụng*. Có biết mà làm được, cần phải cùng dùng, cùng hưởng, chớ có vơ cả làm của riêng.

Đã là người thời chẳng nhiều thì ít, ai cũng có sức lực và năng lực, đáng ghét nhất là lười biếng, chỉ thích ỷ lại hay thích *đài đẽ*, không chịu dùng sức mình để *tự cung cấp*, không chịu đem *năng lực* để đảm nhiệm công chung. Như việc dùng sức lực hay năng lực, cần phải cống hiến cho quần chúng, chớ có làm hay riêng cho bản thân là *cá nhân*...

Có thể thời cơ mưu gian trá mới không nảy ra và trộm cướp tự nhiên tiêu diệt.

Đại khái như thế mới gọi là “đại đồng”.

GIẢI NGHĨA: *Đại đồng*: chủ nghĩa, tất cả thế giới như một, không phân tách giai cấp, dân tộc, quốc gia gì cả. *Chính trị*: tiếng gọi chung công việc sắp đặt và thi hành cùng sửa đổi để mưu tính hạnh phúc chung. *Thực hành*: làm ra thực sự. *Thiên hạ*: tất cả gầm trời, tức là thế giới. *Đức vọng*: đạo đức và danh vọng ai cũng tôn quý. *Tài năng*: giỏi giang, làm được công việc khó khăn. *Tín*: làm đúng như lời nói, lời hứa hẹn. *Phân trần*: chia tách ra và bày tỏ rõ ràng. *Hòa*: hòa thuận yêu quý nhau, hòa bình không đánh nhau. *Tăng gia*: làm thêm nhiều mãi ra. *Khai thác*: khai khẩn và đào bới lấy lên. *Lợi dụng*: nhân thế hay thừa cơ mà biết dùng. *Ỡ lại*: nương nhờ không có tính tự lập. *Đài đẽ*: huênh hoang, kiêu hãnh sai khiến vô ý nghĩa. *Tự cung cấp*: tự mình lo cho mình, không làm phiền người. *Năng lực*: cái sức, cái tài tiềm tàng tích trữ sẵn

ở trong người. *Đảm nhiệm*: gánh vác. *Cá nhân*: riêng một người, tự kỷ.

LỜI BÀN: Thuyết đại đồng nêu ra tự đời Xuân Thu mấy nghìn năm về trước cũng lấy làm vui sướng, hướng chỉ đến đời chúng ta ngày nay, cái đời cạnh tranh sống chết kịch liệt, ta được nghe thì lấy làm vui sướng và ao ước là chừng nào! Lý tưởng đại đồng sống chung với nhau đầy tín nghĩa thân ái, người với ta như một, sung sướng hưởng chung, chỉ những hòa thuận và hòa bình bỗng lai và nát bần thật. Lý tưởng quý báu cao cả ấy có thực hiện được không? Ai ai cũng có chân tâm mà làm thực sự, sao lại không thực hiện được. Khốn nỗi, người sẵn chân tâm mà làm thực sự, có nhưng mà rất hiếm; kẻ giả danh giả nghĩa, khéo lợi dụng thì lại quá nhiều. Và lại, nhân loại truy nguyên ra thì trong đầu óc vẫn rớt lại những thú tính, tham dâm hung tàn và ích kỷ. Đa số chỉ có nghĩ lành, nói lành, ước ao lành, cần người làm lành, bắt người làm lành, mà chính thân thì ác. Thậm chí người ta phải nói: *“Người là giống rất tàn ác hơn cả loài mãnh thú”*. Xem thế, muốn thực hiện đại đồng, không phải dễ.

119. CẦU Ở MÌNH HƠN CẦU Ở NGƯỜI

Nguy Văn Hầu hỏi Hồ Quyền Tử:

- Cha hiền có nhờ cậy không?

Hồ Quyền thưa:

- Không đủ.

- Con hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ!

- Em hiền có đủ nhờ cậy không?

Không đủ!

- Bấy tôi hiền có đủ nhờ cậy không?

Không đủ!

Văn Hầu đổi sắc mặt, gắt rằng:

- *Quả nhân* hỏi nhà ngươi năm điều mà điều nào ngươi cũng cho là không đủ, tại có làm sao?

Hồ Quyền nói:

- Cha hiền không ai hơn vua *Nghiêu* mà con là *Đan Chu* phải bị đuổi. Con hiền không ai hơn vua *Thuấn*, mà cha là *Cổ Tẩu* thực *ngoan ngạnh*. Anh hiền không ai hơn vua *Thuấn* mà em là *Tượng* rất *ngạo mạn*. Em hiền không ai hơn ông *Chu Công* mà *Quản Thúc* bị giết. Bấy tôi hiền không ai hơn ông *Thang*, ông *Vũ* mà vua *Kiệt* vua *Trụ* mất nước... Mong người không được như ý; cậy người không được bền lâu. Nhà vua muốn cho nước được bình trị, thì phải cậy ở mình trước, hơn là mong nhờ người.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA: *Ngụy Văn Hầu*: vua nước *Ngụy*. *Hồ Quyền*: người nước *Ngụy*. *Hiển*: người có phẩm hạnh, có học thức tài năng. *Quả nhân*: (Xem bài số 17). *Nghiêu*:

(Xem bài số 91). *Đan Chu*: con vua Nghiêu tên là Chu, phong cho ở đất Đan, tên gọi Đan Chu. Vua Nghiêu phải bỏ Đan Chu, vì Đan Chu là đứa con bất hiếu. *Thuấn*: tên Đào họ Ngu, nối vua Nghiêu mà đi thiên hạ (nhà Ngu). *Cổ Tấu*: cha vua Thuấn. *Ngoan ngạnh*: người ngu mà ương khó hòa được. *Tượng*: em vua Thuấn nhưng khác mẹ, là người ngạo mạn vô lễ. *Ngạo mạn*: kiêu ngạo, khinh lờn. *Chu Công*: tên Đán, em là Vũ Vương, phong ở nước Lỗ, lúc vua Vũ Vương mất, vua Thành Vương còn bé lên ngôi giúp việc, nên thiên hạ đại trị. *Quản Thúc*: tên là Tiên, anh Chu Công, được phong ở đất Quang, về bề dư đảng nhà Ân, phản nhà Chu nên bị Chu Công giết chết. *Thang*: họ Tự tên Lý, trước là chư hầu vua Kiệt nhà Hạ, nhưng vì vua Kiệt vô đạo, nên mới nổi đánh lấy nước mà lập ra nhà Thương. *Vũ*: tên là Phát, con của vua Văn Vương bầy tôi vua Trụ và Thương nhưng vì vua Trụ bạo ngược, Vũ Vương đánh lấy nước, lên ngôi Thiên Tử đặt ra nhà Chu.

LỜI BÀN: Cốt ý Văn Hầu nước Ngụy là chỉ muốn hỏi có thể nhờ cậy được bầy tôi không, nhưng lúc đầu có mượn mấy câu hỏi đến cha con, anh, em rồi mới dẫn vào đến vua tôi Hồ Quyền Tử đáp như thế là rất phải. Cha tuy tử với con, con tuy hiếu với cha, anh tuy yêu em, em tuy kính anh, bầy tôi trung với vua, nhưng mỗi người vị tất đã là hay được đủ mọi vẻ. Nếu mình không chịu cầu ở mình, chỉ biết cầu những bậc ấy để đến nỗi thất đức, thì chẳng những không lợi gì mà lại

còn hại đến mình nữa. Ta mong người, nhưng người ai cũng có thân, không ai bỏ cái thân mình, để giúp cho ta; ta cậy người, nhưng người cũng có lúc cùng, không thể suốt đời mà đỡ đần cho ta được. Vậy ta ở đời chẳng nên chỉ biết mong cậy vào người. Ta phải biết tự chủ, tự lập, chớ có bỏ mình mà cầu người. Câu “*Quân tử cầu chư kỷ*” trong Luận Ngữ và câu “*Aide toi le Cie t’aidera*” của Pháp, thực đáng làm cái phương châm cho cách lập chí ở đời vậy.

120. HÒA THUẬN VỚI MỌI NGƯỜI

Lưu Ngưng Chi đang đi giày. Có người đến nhận, ông đưa ngay. Sau người ấy tìm thấy giày, đem giày ông lại trả. Ông nhất định không nhận nữa.

Thẩm Lâm Sĩ đang đi giày. Cũng có người đến nhận. Ông cười hỏi:

- Giày của bác đấy à?

Rồi ông đưa ngay.

Sau, người láng giềng tìm thấy giày, đem giày lại trả. Ông nói:

- Không phải giày của bác à?

Ông cười rồi nhận.

Việc này tuy là việc nhỏ mọn. Song ở đời, ta nên cư xử như ông Lâm Sĩ, không nên như ông Ngưng Chi.

Tô Thức

GIẢI NGHĨA: *Lưu Ngưng Chi*: người đời Tống (Nam Triều), tính khảng khái, phần gia tài của mình nhường cả cho anh em mà tự thực kỳ lực, vua triệu ra làm quan, không chịu ra, chỉ thích ngao du sơn thủy. *Thẩm Lâm Sĩ*: người đời Nam Tề, học thức rộng, không chịu ra làm quan, chỉ thích dạy học và trước thuật.

Tô Thúc: tức là Tô Đông Pha, một nhà đại thi sĩ nước Tàu, làm quan đời nhà Tống, văn hay chữ tốt, sách làm kể có hàng vài trăm quyển lưu truyền ở đời.

LỜI BÀN: Giày của mình, mình đang đi, có người đến nhận mà mình cũng đưa, không thềm cãi “của tao, của mày” như Ngưng Chi và Lâm Sĩ thực ở đời cũng là hiếm có vậy. Kịp khi người ta tìm thấy giày của người ta, đem giày mình trả lại, người đã biết nhầm lỗi. Nếu mình khăng khăng không chịu nhận, là mình quá ư nghiêm khắc mà làm ngăn trở cái lòng quá của người ta. Sao bằng nhận mới tỏ rõ tấm lòng bao dung được người, mới thực là người đầy hòa khí để cư xử với quần chúng vậy.

121. MẤT CUNG

Vua *Cung Vương* nước Sở đi săn, giữa đường đánh mất cung. Các quan theo hầu cố xin tìm cho được. Vua *Cung Vương* nói:

- Thôi tìm làm gì nữa! Người nước Sở đánh mất cung, lại người nước Sở bắt được cung, nào có thiệt đi đâu. Khổng Tử nghe chuyện bảo:

- Đáng tiếc cho cái chí vua nước Sở không làm to hơn được nữa! Hà tất phải nói: “Người nước Sở?”. Giá nói: Người đánh mất cung, lại người bắt được cung thì chẳng hơn.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: Sở: (Xem bài số 9). *Thiệt:* mất sự tiện lợi của bản thân.

LỜI BÀN: Vua đánh mất cung, không nghe lời các quan, bắt tìm cung, thế là đã có lòng thương dân không muốn phiền nhiễu đến dân. Vua lại nói một người nước Sở mất cung bị thiệt, thì một người nước Sở được cung có lợi, thế là đã có lòng muốn lợi cho dân cả một nước. Tuy vậy, đức Khổng Tử chê là hẹp, là vì vua Sở chỉ biết có người nước Sở, lấy bờ cõi nước Sở mà làm giới hạn cho lòng nhân ái của mình. Cứ như câu ngài nói, mới thực rõ cái nghĩa bác ái, tức là lòng rộng yêu hết cả nhân loại, không phân di chủng hay ngoại quốc gì nữa. Cũng một ý với câu thầy Tử Hạ nhắc lời ngài mà đáp Tư Mã Ngưu lo không có anh em rằng: “*Người trong bốn bể đều là anh em cả*”.

122. MUÔN VẬT MỘT LOÀI

Người họ Điền *nước Tề* sắp phải đi xa, làm tiệc để cáo biệt anh em. Khách mời kể có nghìn người. Cô bàn

đủ các thứ *sơn hào, hải vị*. Lúc ăn đến món chim, món cá, người họ Điền trông thấy, nói rằng:

- Trời đãi người hậu thật! Sinh ra thóc lúa, sinh ra chim cá, không thiếu thứ gì, để cho người dùng.

Bao nhiêu khách ăn đồng thanh khen câu nói ấy là phải. Duy có đứa con họ Bảo, tuổi mới mười hai, đứng dậy nói rằng:

- Cứ như ý tôi thì câu nói ấy là không phải. Muôn vật trong trời đất là cùng sinh với ta, cùng một loài như ta, không có gì sang hay hèn cả. Sang hèn mà phân biệt, chẳng qua là các loài *chế* lẫn nhau, lớn nuốt nhỏ, khôn đè dại, khỏe lấn yếu mà thôi. Chớ nào có phải lời vì loài này mà sinh ra loài khác đâu! Người ta cái gì ăn được thì lấy mà ăn, chớ trời nào lại vì người mà sinh ra thứ nọ thứ kia? Cứ theo lý ấy, ruồi muỗi hút máu người, hổ lang ăn thịt người, thì có nói được rằng trời vì những giống ấy mà sinh ra người không?

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Nước Tế*: (Xem bài số 106). *Cáo biệt*: nói cho người ta biết mình sắp đi nơi khác. Tục xưa, khi đi đâu xa, người ta thường làm lễ để tế Thần đường cầu cho đi được bình yên. *Sơn hào hải vị*: những món ăn lấy ở trên núi, dưới bể. *Hậu*: đãi một cách trọng vọng, quý hóa, đầm thắm, dồi dào. *Chế*: ngăn giữ, đè nén.

LỜI BÀN: Người ta ở trong khoảng trời đất thường hay tự phụ mình làm chủ trương cho cả muôn vật:

vì mình mà muôn vật phải sinh, vì mình mà cây thóc mọc, mà con lợn béo, mà con tằm nhả tơ, con ong gây mật, cho đến cả mặt trời sáng ban ngày, ngôi sao lóng lánh ban đêm. Nhưng xét lại, thì loài người chẳng qua cũng chỉ là một loài cùng sinh, cùng sống như muôn loài trong trời đất. Loài người sở dĩ hơn muôn vật là chỉ hơn có một chút trí khôn mà thôi. Nên câu nói như đứa bé họ Bảo mới thực là cao, rộng, hiểu được cái lẽ vạn vật, tịnh sinh ở đời vậy.

123. LÚC NÀO ĐƯỢC NGHỈ

Thầy Tử Cống hỏi Khổng Tử:

- Tử này mệt về *học*, khốn về *đạo*, bây giờ muốn nghỉ để thờ vua có nên không?

Đức Khổng Tử nói:

- Phận làm tôi thờ vua, sớm tối kính cẩn, mà cho trọn được *chức trách* cũng là việc khó, nghỉ thế nào được.

- Vậy xin nghỉ để thờ *song thân*?

- Lòng con hiếu thờ cha mẹ thật là vô cùng, lại có thể lấy sự hiếu thảo của mình cảm hóa được lòng người cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để vui chơi với vợ con?

- Đạo làm chồng phải làm gương cho vợ, lại để cho anh em và thiên hạ trông vào mà bắt chước cũng làm việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để chơi với bầu bạn?

- Nghĩa bầu bạn phải giúp đỡ nhau, hết lòng hết sức với nhau, cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để làm ruộng?

- Công việc *nhà nông* phải cày, cấy, gặt hái *hai sương một nắng*, chân lấm tay bùn, cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Như thế thì *Tứ* này không lúc nào được nghỉ ư?

- Có chứ. Lúc nào ngắm thấy cái huyết đào nhẵn nhụi, trông thấy cái mỗ đập chắc chắn, ngó thấy người đi đưa cách biệt hẳn mình, ấy lúc bấy giờ mới là lúc được nghỉ đó.

Thầy Tử Cống nói:

- Như thế cái chết chẳng là cái hay à! Người quân tử đến bây giờ mới được nghỉ; kẻ tiểu nhân đến bây giờ mới *chịu thôi*, cái chết thật là hay vậy!

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Tử Cống*: học trò giỏi của Khổng Tử. *Tứ*: tên thầy Tử Cống. Theo lẽ tục, khi hầu chuyện những người bề trên như cha, như thầy, thì phải xưng tên. *Học*: chịu lời dạy bảo và bắt chước. *Đạo*: lẽ phải người ta nên theo. *Chức trách*: *chức*: việc phận mình phải làm; *trách*: việc phải làm như thế mới được. *Song thân*: hai đấng thân: cha, mẹ. *Nhà nông*: người trồng trọt cày cấy. *Hai sương một nắng*: hai

sương: sương buổi sáng và sương buổi chiều, ý nói người làm ruộng phải chăm làm, sáng dậy lúc sương chưa tan đã ra đồng, suốt ngày chịu nắng ở ngoài đồng, đến chiều sương đã xuống mới ở đồng về. *Nghỉ*: ý nói người quân tử, lúc chết mới là thôi làm việc có ích, mới nghỉ phần xác, phần hồn. *Chịu thôi*: ý nói kẻ tiểu nhân, lúc chết mới chịu yên hẳn không làm xằng nữa.

LỜI BÀN: Học tập một môn học, nghiên cứu một đạo lý càng đi, càng thấy dài, càng lên, càng thấy cao. Lập chí không bền không khó mà thôi (nghỉ) thì bán đồ nhi phế ngay lập tức. Thân hạ đối với quân trường, con cái đối với cha mẹ, vợ chồng, bầu bạn ăn ở với nhau đều có bốn phận phải sao cho đầy đủ không tận tâm tận lực (nghỉ) thì thiếu bốn phận và rối loạn ngay lập tức.

Canh nông hay thương mại, thuyền thợ hay quân nhân, v.v... ai nấy có một chức nghiệp, chênh mảng không chu đáo (nghỉ) thì thiếu lương tâm nhà nghề ngay lập tức.

Làm cho đầy đủ, phần ấm cho thân, phần ích cho người, tất phải lao tâm lao lực. Thế thì muốn nghỉ sao được. Vì nghỉ là đứng lại thì muôn sự đình trệ ngay. Người ta hay ở tiến lên cố tiến lên, tiến lên mãi mãi, tiến đến lúc hơi thở cuối cùng, rồi ta trở về cái nhà đại đạo mà nghỉ ngơi yên tĩnh, lại chả hoan hỷ lắm ru!

124. CÓ CHỊU LO, CHỊU LÀM MỚI SỐNG ĐƯỢC

Ở đời chết vì thuốc độc, muôn người *họa* mới phải một người, chớ chết về ăn không, ngồi rồi, thì thật nhiều. Cái độc “ăn không ngồi rồi” rất thảm, rất hại. Nay ta hãy đem một vài sự đáng sợ để *thí dụ* mà nghe.

Xe đi trên mặt đất, đi chỗ gập ghềnh, thường được chắc chắn hơn chỗ phẳng phiu. Thuyền đi trên mặt nước, đi chỗ ghềnh thác, thường được vững vàng hơn đi giữa dòng sông. Tại sao vậy? Tại vì, biết là khó khăn, mà giữ gìn thì được yên cho là dễ dàng, mà khinh thường, thì phải hỏng (bại vong).

Người đời thường sống về những khi lo lắng, *cần khổ*, mà chết về những lúc sung sướng *yên nhàn*. Lẽ ấy rất rõ, mà người đời không biết sợ là bởi không chịu xét đến nơi.

Những lúc thư nhàn, thử nghĩ mà coi. Vì đâu mà *chí khí* ta phải suy kém? Vì đâu mà công việc ta phải hư hỏng? Vì đâu mà uống mất một đời rồi cùng nát với cỏ cây? Vì đâu mà hóa ra hôn mê, không biết quay đầu lại, rồi lại đeo thêm cái tiếng xấu về sau? Vì đâu thành chênh mảng không biết lo xa rồi đến nỗi mắc vào tội vạ? Ấy rút lại mấy điều là chỉ bởi ăn không ngồi rồi mà ra cả. Sự ăn không ngồi rồi quả là cái cửa những điều ác. Cửa ấy người giỏi vào, đến lúc ra thì đỡ, người tình vào, đến lúc ra thì mê, người *cương trực*

vào, đến lúc ra thì *liệt nhược*, người *thanh khiết* vào, đến lúc ra thì *ô uế*, sự ăn không ngồi rồi hại thân, hại nhà, hại nước, nghĩ chẳng đáng sợ lắm ru!

Lã Đông Lai

GIẢI NGHĨA: *Họa*: thịnh thoàng mới có. *Thí dụ*: ví cái kia sang cái này khiến cho người ta hiểu. *Cần phổ*: chăm chỉ chịu khó. *Yên nhàn*: bình yên thư thả. *Chí khí*: chí: cái lòng khuynh hướng về việc gì; *khí*: cái khí hăng hái. *Cương trực*: rắn rỏi, ngay thẳng. *Liệt nhược*: hèn kém yếu đuối. *Thanh thiết*: trong sạch. *Ô uế*: dơ bẩn.

Lã Đông Lai: tức Lã Tổ Khiêm, làm quan đời nhà Tống học rộng, biện bác giỏi cùng với Chu Hi và Trương Thúc gọi là Tam Hiền, học trò xưng là Đông Lai tiên sinh và làm bộ sách tên là Đông Lai Tập.

LỜI BÀN: Không lo, không làm, thực tâm lại người ta hơn là thuốc độc. Chẳng nói gì không lo, không làm thì không có cơm ăn, áo mặc, tiền tiêu, không giữ được phẩm giá, không làm hết bốn phận. Không lo, không làm, thân thể yếu đi, tâm chí cùn lại và thường hay sinh ra làm càn, làm bậy hại đến thân, đến nhà, đến nước. Quả vậy, câu trong bài: “Ăn không ngồi rồi là cái cửa những điều ác” và bao nhiêu câu, như: “Sự ăn nhưng ở rồi là mẹ đẻ ra các nét xấu”. “Cái thìa khóa không dùng thành rì hoen”, “Nhàn cư vi bất thiện”, cũng cùng nghĩa nói đến cái tai hại của sự

không lo, không làm cả. Cho nên người ta bất cứ nghèo hèn hay giàu sang, ai cũng phải có lo có làm mới đáng sống và mới sống được. “Sinh ư ưu cần, tử u *dật lạc*” nghĩa là sống là do ở ưu hoạn cần lao, chết là do ở yên nhàn *dật lạc*. Câu cổ nhân nói thật không sai chút nào.

CỔ HỌC TINH HOA

(QUYỂN HẠ)

1. CHÍNH DANH

Vua Cảnh Công nước Tề hỏi đức Khổng Tử về việc *chính sự*.

Đức Khổng Tử thưa rằng:

- Cội rễ việc chính sự là cốt nhất phải làm cho sáng rõ *luân thường đạo lý*. Ở chốn triều đình vua hết *đạo* làm vua, tôi hết *đạo* làm tôi; ở trong gia đình, cha hết *đạo* làm cha, con hết *đạo* làm con. Vua tôi, cha con ai nấy đều hết *đạo* của mình, thì chính sự mới có thể làm hay được.

Vua Cảnh Công nói:

- Phải lắm! Câu nói ấy thật là *thiết yếu*. Mà quả như thế, nếu vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, thì *cương kỷ* rối loạn mà nước phải *diệt vong*. *Thóc gạo* tuy có nhiều, liệu có ở yên mà ăn được chẳng.

Luận Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Chính danh*: chỉnh đốn lại những danh phận, danh nghĩa cho đúng với thực. *Chính sự*: công việc trị dân trong nước. *Luân thường, đạo lý*: *luân*

thường: đạo thường cha con, anh em, vợ chồng, bầu bạn, vua tôi ăn ở với nhau; *đạo lý*: lối phải, lẽ phải theo thì hay, mà trái thì dở. *Đạo*: bốn phận nên làm, phải làm. *Thiết yếu*: thiết thực cốt cách cần phải có. *Cương kỷ*: *cương* là dây to để tóm cả cái lưới, *kỷ* là đồ dùng để gỡ tơ cho khỏi rối, đây là nói điển chương, pháp độ dùng để cai trị. *Diệt vong*: hết giống, mất nước. *Thóc gạo*: đây có ý nói nước giàu có.

LỜI BÀN: Vua Cảnh Công hỏi về chính sự mà đức Khổng Tử đáp là chính danh là ngài nói đúng ngay vào cái bệnh của vua đối với quốc gia, làm mất chủ quyền, đối với gia đình dong túng con cái mà lại giảng được cái học thuyết chính danh của ngài. Tiếc thay vua Cảnh Công biết là phải mà không liệu cách mau mau thực hành sửa đổi ngay để đến nỗi về sau nước Tề quả có tai vạ, vua thì bị giết, đất thì mất về tay người.

Như nói đến chính sự thời nay, thì chắc còn bao nhiêu sự khó khăn, phiền phức có phải là dễ đâu. Song sự cốt yếu cũng không ra được ngoài câu nói rất giản dị của đức Khổng phu tử. Ta thử ngẫm mà xem suốt xưa nay, khắp đông tây có nước nào vua (hoặc người cầm quyền, lãnh đạo mà gọi tên khác) kém sáng suốt, thần hạ gian nịnh mà nước không nguy vong, có nhà nào cha mẹ bạc ác, bất nhân, con cái ngỗ nghịch bất hiếu mà nhà không suy bại không?

2. NÊN XỬ THẾ NÀO?

Thầy Mạnh Tử hỏi vua Tuyên Vương nước Tề rằng:

- *Giả sử có người bầy tôi nhà vua, đem y thực của vợ con ký thác cho người bạn thân, nhờ trông nom giúp đỡ sang chơi nước Sở có việc; kịp đến lúc về, mới biết bạn để vợ con đói rét thì người ấy nên xử với bạn thế nào?*

Vua nói:

- *Nên tuyệt giao.*

Thầy Mạnh Tử hỏi lại:

- *Giả sử có người làm quan sĩ sư không trông nom nổi được thuộc viên, để cho hình ngục sai lầm, công việc phế khoáng, thì nhà vua nên xử thế nào với viên quan ấy?*

Vua nói:

- *Nên bãi đi.*

Thầy Mạnh Tử nhân đấy, hỏi luôn câu nữa:

- *Thế thời làm vua một nước mà không sửa sang việc chính trị, việc giáo dục để đến nỗi trong nước không được bình trị, thì trách nhiệm tại ai và nên xử trí như thế nào?*

Vua nghe nói, ngảnh sang bên tả, bên hữu, nói lảng sang chuyện khác, có ý vừa chữa thẹn, vừa tránh không ra lời.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Mạnh Tử*: người nước Châu, đời Chiến Quốc, tên là Kha, học thuyết của ông cốt ở điều “*Nhân nghĩa*” “*Tình Thiện*”; đời sau tôn ông là Á thánh. *Tề*: một nước chư hầu mạnh đời Chiến Quốc ở về tỉnh Sơn Đông bây giờ. *Giả sử*: ví phỏng ví bằng như có. *Y thực*: quần áo mặc, lương thực ăn. *Ký thác*: ủy cho ai việc gì nhờ người ta lo liệu thay mình. *Sở*: một nước chư hầu to và mạnh thời Chiến Quốc ở vào vùng tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô bây giờ. *Tuyệt giao*: bỏ đứt không chơi bởi đi lại với nhau nữa. *Sĩ sư*: chức quan coi cực hình ngục tựa như hình bộ Thượng thư hay Án sát. *Thuộc viên*: quan lại nhỏ làm việc dưới quyền một quan to. *Phế khoáng*: trề nải, bỏ thiếu không làm cho đầy đủ. *Chính trị*: hết thảy những công việc sắp đặt và thi hành để sửa sang quản trị một nước. *Giáo dục*: sự dạy bảo cho dân cái lối nên theo, cái việc nên biết để khỏi ngu dại và thành người. *Bình trị*: thái bình, dân yên, nước trị. *Trách nhiệm*: việc gì phải làm mà làm cho đầy đủ không ai nói được. *Bên tả, bên hữu*: những người hầu cận bên vua.

LỜI BÀN: Thấy Mạnh Tử, đầy chỉ vì việc nước mà có ý khuyên vua Tuyên Vương nước Tề. Hai đoạn trên câu hỏi của thầy hữu tâm mà câu trả lời của vua vô tâm. Đoạn thứ nhất nói vì “tình bạn” kể nghĩa cũ cũng đáng tiếc, song đã nhận lại ký thác của anh em mà ra lòng phụ bạc thì thật là người bạn đáng tuyệt giao. Đoạn

thứ nhì nói về “phép nước” kể thực buộc vào tội, chưa có gì là nặng, song làm quan mà đến nỗi không trông nom được kẻ dưới để phé khoáng việc công, thì thật là viên quan không nên dụng.

Còn đoạn thứ ba, tuy ông nói qua, mà đã ngụ sẵn cái ý thuế má quá nặng để dân đói rét, hình phạt sai lầm để dân oan khổ, làm vua mà đối với dân, với nước như vậy, thì cái tội to biết chừng nào. Thế mà tiếc thay vua Tể Tuyên Vương gặp được người chính trực cảm ngôn như thế mà lại không chịu rộng hỏi để sửa lỗi của mình, thật là mất một dịp tốt.

3. CHIẾC THUYỀN ĐỤNG CHIẾC ĐÒ

Một chiếc đò sang sông. Có chiếc thuyền không có người, trôi đến đâm phải. Người lái đò tuy hẹp bụng đến đâu cũng không lấy làm giận. *Giả sử* trên chiếc thuyền có người ngồi, thì người lái đò tất phùng mang, trợn mắt *tru tréo* một lần không nghe tiếng, tất *tru tréo* đến hai lần, hai lần không nghe tiếng tất *tru tréo* đến ba, bốn lần, rồi đến buông lời chửi rủa thậm tệ nữa.

Một việc xảy ra cũng giống nhau, mà như lúc trước thì không giận, như lúc sau lại giận là tại làm sao?

Tại lúc trước chiếc thuyền không có người mà lúc sau chiếc thuyền có người.

Người ta mà cứ *thản nhiên*, không có chút *tư ý* gì thì ở đời có ai hại mình nữa.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Giả sử*: ví phỏng. *Tru tréo*: kêu âm lên mà kêu một cách tức bực, căm giận. *Thản nhiên*: trong tâm bằng phẳng tự nhiên như không. *Tư ý*: ý riêng chỉ biết có mình.

LỜI BÀN: Ta đã sinh ra làm người, tất phải chung đụng với loài người. Ta đã chung đụng với loài người, mà chính ta sinh ra có nhiều sự cần dùng, thì tài nào tránh khỏi những sự xô xát, sự ghen ghét, đâm chém nhau rất là tàn hại. Cho nên ở đời tuy cạnh tranh mới là hay, mới tiến hóa được, nhưng đã cạnh tranh thì dễ sinh ra nghi kỵ, thù oán mà hóa ra bao nhiêu chuyện rắc rối lôi thôi, lắm khi làm cho ta phải phiền muộn khổ sở. Bởi vậy những bậc muốn an thân, cư xử với đời, thường *thản nhiên vô tâm*, bỏ hết *tư ý*, coi người với ta như một, để cố tránh cái hại người làm khổ người.

4. RẼN DỜI CHỖ Ở

Trời nắng, ao cạn, hai con rắn muốn dời đi ở chỗ khác.

Rắn con bảo rắn lớn:

- Anh đi trước, tôi theo sau, người ta biết là rắn kéo nhau đi tìm chỗ ở thì thế nào cũng tìm cách giết chết. Sao bằng anh để tôi ngậm vào mình anh, còn anh thì công tôi mà đi, người ta *tất nhiên* cho là rắn thần, không dám đụng đến.

Nói xong, hai con rắn làm y như thế mà đi qua đường cái. Quả nhiên, người ta trông thấy ai cũng tránh sợ bảo nhau là “Rắn thần”.

Những kẻ nường tựa nhau, *thông đồng* với nhau làm điều gian xảo, lừa dối đời, *mê hoặc* người thì có khác gì hai con rắn công nhau đây mà giả làm rắn thần không?

GIẢI NGHĨA: *Tất nhiên*: chắc như thế không sai. *Thông đồng*: nói nhiều người cùng mưu mẹo xép đặt với nhau để làm một việc gì. *Mê hoặc*: lừa người ta tin những việc giả dối.

LỜI BÀN: Những quân gian xảo định đánh lừa thiên hạ, khi chỉ có một mình, thiên hạ cũng mắc lừa chán, huống chi là chúng kết bè, kết đảng, đồng tâm bầy mưu mà gạt lừa thiên hạ, thì ai dù khôn ngoan đến đâu dễ đã tránh cho được. Đoàn kết với nhau để làm điều lành, hay cho thiên hạ, thì bè đảng với nhau để làm điều ác, nguy cho thiên hạ bấy nhiêu. Vậy ta thấy những điều gì lạ tai, lạ mắt, trái hẳn nhân tình thì một là đánh lừa, hai là lợi dụng, ta trước nên suy xét kỹ đã, rồi sau hãy tin theo.

5. NHƯỜNG THIÊN HẠ

Vua *Nghiêu* nhường thiên hạ cho *Hứa Do* có nói rằng:

- Khi mặt trời, mặt trăng đã mọc mà cứ cầm đóm đuốc soi sáng như thế, chẳng cũng khổ lắm ru! Khi đang mong mưa, trời đã mưa mà cứ còn gội nước, tắm tưới như thế, chẳng cũng nhọc lắm rồi. Nay có ngài ra đời, thịnh tài cao, thiên hạ tự khắc *cảm hóa* bình trị, thế mà tôi cứ giữ lấy thiên hạ, thì tôi tự nghĩ lấy làm kém. Xin nhường thiên hạ cho ngài.

Hứa Do nói:

- Nhà người trị thiên hạ đã được *bình trị*, mà ta còn thay nhà người, như thế chúng là ta không có cái “thực”, cho thiên hạ bình trị mà ta lại nhận lấy cái “danh” bình trị thiên hạ. Vả cái “danh” là người khách của cái “thực”, nếu không có thực mà lại đương lấy danh, thì chẳng hóa ra ta làm người khác không có chủ ư? Con chim làm tổ ở rừng chẳng qua chỉ một cành cây, con chuột trong nước ở sông chẳng qua chỉ đến no bụng. Thôi, xin nhà người cứ về mà trị lấy thiên hạ, ta có dùng thiên hạ làm gì! Người nhà bếp mà chẳng trông nom việc bếp, thì người giữ việc tế tự cũng chẳng có thể bỏ đèn hương, mà làm thay cho được.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Nghiêu*: tên một bậc Thánh để đời nhà Đào Đường. *Hứa Do*: một bậc cao sĩ thời thượng cổ, ẩn ở núi Cự. *Cảm hóa*: cảm động mà hóa ra hay. *Bình trị*: yên ổn và có trật tự.

LỜI BÀN: Ý vua Nghiêu nghĩ thiên hạ là của chung, của thiên hạ, cho nên vua mới tìm người hiền tài để truyền ngôi, miễn là thiên hạ được bình trị là mình được sung sướng.

Ý Hứa Do thì nghĩ mình không có tài mà nhận lấy cái tài của người làm của mình thì không gì xấu bằng. Và ông lại có cái thú vô danh hơn là hữu danh, nên ông lấy việc có thiên hạ làm phiền chứ không phải là sướng.

Một bên quên lợi, một bên quên danh, đáng quý thay!

Thời buổi ngày nay giá được những người tài giỏi không có lòng tư, không cậy công, cậy của, không hiếu lợi, hiếu danh, thì lo gì thiên hạ chẳng bình trị.

6. RỬA TAI

Đời *thượng cổ* có ông *Hứa Do* là một nhà *ẩn dật* ở trong chằm *Bái Trạch*.

Vua *Nghiêu* nghe tiếng là người giỏi, mời ra, xin nhường cả *thiên hạ*. *Hứa Do* từ chối, lui về ẩn tại núi Trung Nhạc, phía nam sông Dĩnh Thủy.

Sau, vua *Nghiêu* lại tìm đến cố mời *Hứa Do* ra làm *Tổng trưởng cả chín châu*. *Hứa Do* thấy vậy, không muốn nghe chuyện nữa, ra bờ sông *Dĩnh Thủy* rửa tai. Ngay lúc bấy giờ, *Sào Phủ* đang dắt trâu xuống bờ sông gặp *Hứa Do*, hỏi:

- Vì việc gì mà bác phải rửa tai như vậy?

Hứa Do thuật chuyện, *Sào Phủ* liền gò cổ trâu lại mà nói rằng:

- Ta toan cho trâu uống nước đây, lại e bẩn cả miệng trâu.

Nói đoạn, dắt trâu lên quăng sông trên cho trâu uống nước.

Cao Sĩ Truyện

GIẢI NGHĨA: *Thượng cổ*: đời xưa, đã xa ta lắm. *Hứa Do*: bậc cao sĩ đời thượng cổ. *Ẩn dật*: người tránh xa danh lợi, ở lánh một nơi cho yên nhàn. *Bái Trạch*: chỗ có cây mọc bùm tum gọi là *bái*, chỗ có nước động nhiều gọi là *trạch*. *Nghiêu*: (Xem bài trên). *Thiên hạ*: mặt đất ở khắp gầm trời, người Tàu xưa cho nước mình và mấy nước chung quanh là thiên hạ. *Tổng trưởng*: chức quan to đứng đầu cả các quan, thay vua hành chính. *Chín châu*: đời thượng cổ nước Tàu chia ra làm chín khu để cai trị (Duyên, Kỳ, Thanh, Từ, Dự, Kinh Dương, Ung, Lương). *Sào Phủ*: bậc cao sĩ đời thượng cổ, không ưa thế lợi, ẩn ở trong núi, lấy cây làm tổ nằm ở trên cho nên gọi là *Sào Phủ* (*Sào* nghĩa là tổ).

Cao Sĩ Truyện: sách của Hoàng Phủ Mật đời nhà Tấn toàn kể chuyện những bậc cao sĩ ẩn dật đời xưa bên Tàu.

LỜI BÀN: Có cả thiên hạ mà cố nhường cho người là lạ. Người nhường thiên hạ cho, mà không nhận cũng là lạ. Nghe thấy câu chuyện nhường thiên hạ cho làm chuyện bẩn, phải đi rửa tai, lại lạ hơn. Không để cho trâu uống cái nước đã rửa tai ấy, sợ bẩn miệng trâu, càng lạ quá nữa!

Ôi! Đọc bài này, tưởng như Hứa Do với Sào Phủ là hai người, nếu chẳng ngông cuồng thì cũng gàn dở. Nhưng vì Hứa Do với Sào Phủ hiểu thấu danh lợi nó hại người ta dễ làm cho mất hết liêm sỉ cho nên hai ông không muốn để cái danh lợi đến thân, chỉ ưa chuộng sự sống tự nhiên làm vui sướng, thì cũng là những bậc cao sĩ thờ một cái chủ nghĩa cao quý vậy. Chả bù cho những phường tham danh, trục lợi thường say mê danh lợi, thậm chí đến chết vẫn chưa tỉnh cho!

7. CHẾT ĐÓI ĐẤU NÚI

Khi Vũ Vương đem quân đi đánh vua Trụ, *Bá Di*, *Thúc Tề* nghe thấy, ra nắm dây cương ngựa, cản lại và nói rằng:

- Cha chết chưa chôn, mà đã chăm việc chinh chiến, thế có gọi là “hiếu” được không? Bấy tôi giết vua để cướp nước, thế có gọi là “nhân” được không?

Những người “*thân cận*” của Vũ Vương, tức giận toan giết Bá Di và Thúc Tề. *Thái Công* can nói rằng:

- Không nên, hai ông là “*người nghĩa*”.

Rồi bảo quân lính ôm hai ông mà đẩy ra.

Đến khi Vũ Vương đã lấy được thiên hạ của vua Trụ, thiên hạ ai cũng tôn nhà Chu; Bá Di và Thúc Tề lấy việc nước mất làm xấu hổ, đến nỗi coi thóc gạo cũng là tài sản của nhà Chu, buồn bực không ăn nữa.

Hai ông lên ẩn ở núi *Thúi Dương* làm bài ca “*Thái vi*” rằng:

*Ta lên núi Tây Sơn,
Ta hái nhóm rau vi.
Kẻ bạo thay kẻ bạo,
Còn biết phải trái gì!
Đời cổ thoáng qua rồi,
Biết đâu mà quy y.
Than ôi đành chết vậy.
Thật vận mệnh ta suy¹.*

Rồi hai ông nhịn ăn đành chết đói ở trên núi.

Chu Sử

¹ Chính bài chữ Hán là:

*Đăng bĩ Tây sơn hể, thái kỳ vi hĩ,
Dĩ bạo địch bạo hể, bất tri kỳ phi hĩ
Thần nông, Ngu, Hạ hốt yêu một hể, ngã sư thích qui hĩ
Vua ta hồ hể, mệnh chi suy hĩ.*

GIẢI NGHĨA: *Bá Di, Thúc Tề*: hai con vua Cô Trúc đời nhà Thương. *Hiếu*: ăn ở hết lòng với cha mẹ khi người mất cũng như khi người còn. *Nhân*: thương yêu người mà không có chút gì tư tâm. *Thân cận*: người thân thiết gần gũi luôn bên mình. *Thái Công*: tức là Lã Vọng, một người hiền thần nhà Chu, trước câu cá ở sông Vị, sau gặp vua Văn Vương đón về, vua Vũ Vương dùng làm tướng. *Người nghĩa*: người chính trực khí khái. *Vì*: thứ cỏ sống hàng năm, dọc cao và thẳng, ngọn lá cuộn lại lúc còn non ăn được. *Thái vi*: hái rau vi. *Thú Dương*: tức cũng là Tây Sơn, tên núi ở về huyện Vĩnh Thanh, tỉnh Sơn Tây bây giờ. *Kẻ bạo thay kẻ bạo*: đây nói vua Trụ đã bạo ngược, vua Vũ thay vua Trụ cũng là bạo ngược. *Quy y*: nương nhờ.

LỜI BÀN: Xem bài này, hoặc có nói “Bá Di, Thúc Tề nắm ngựa mà can Vũ Vương là phải. Song can, mà người ta không nghe sao không thí thân chết theo với nước, lại đi lên núi Thú Dương hái rau vi. Than ôi! Sau ngày giáp tí (là ngày vua Trụ mất thiên hạ) Vũ Vương đã đánh được nhà Thương, núi Thú Dương có còn là đất của nhà Thương, rau vi ở núi Thú Dương còn là đồ ăn của nhà Thương nữa hay không Bá Di, Thúc Tề lầm rồi!” Nói như thế kể cũng có lý, nhưng có phần quá về nghiêm khắc. Ta chỉ biết Bá Di, Thúc Tề thân cô mà dám ngăn cản thiên binh vạn mã, thế là trong lòng rất can đảm, biết vua Trụ là người không tốt, mà cũng giữ

một niềm thủy chung, thế là nghĩa, bất sự nhị quân, đáng tôn trọng quý báu biết chừng nào. Và chẳng hăng hái mà liều chết, việc ấy còn dễ; chớ thung dung mà làm điều nghĩa, việc ấy mới là khó. Bá Di, Thúc Tề lên ẩn trên núi mà còn để lại bài ca Thái vi, mà còn lưu lại hai tiếng “Hiếu, Nhân” lúc ra can Vũ Vương; thật là những bậc có thể phù thực được cương thường muôn đời khiến cho người sau ai xem đến truyện, ngu ngoan cũng thành có trí thức, liệt nhược cũng hóa ra cương cường mà có chí tự lập vậy.

8. ĐỜI NGƯỜI

Sống bảy mươi năm đã mấy người!

Trước thì tuổi trẻ, sau, già lão.

Thì giờ quăng giữa được bao lâu?

Lại còn viêm lương cùng phiến nào

Hoa quá mùa xuân, hoa kém tươi;

Trăng quá mùa thu, trăng kém sáng.

Hoa tươi trong sáng, ta ngâm nga.

Rượu năm, ba chén say chuểnh choáng.

Tiền của càng nhiều, càng oán to,

Quan chức càng cao, càng nhọc xác,

Quan to, tiền nhiều, lòng những lo,

Chỉ tổ làm cho đầu chóng bạc.

*Xuân đi, hạ lại, thu sang đông,
 Chóng như thổi đưa, như nước chảy.
 Vừa tiễn buổi chiều, chuông chùa kêu.
 Đã báo rạng đông, gà sáng gáy.*

*Ta thử tính xem, người nhân tiên.
 Một năm đã thấy khuất vô số.
 Lô nhô nắm đất canh đồng hoang.
 Quá nửa không ai người tảo mộ.*

Dương Bá Hổ

GIẢI NGHĨA: Viên lương: nông nàn, lạnh nhạt, thói đời biến cải không nhất định. *Phiền não*: buồn bã khổ sở. *Say chũech choáng*: say ngã nghiêng, đứng ngồi không vững. *Chỉ tổ*: chỉ càng làm ra như thế. *Người nhân tiên*: người hiện đang sống, đồng thời với mình. *Khuất*: kiệt hết, nói người khuất và nói người chết không còn thấy nữa.

Dương Bá Hổ: người đời nhà Tống tên là Trường Nhụ ở Đan Lang, chuyên học kinh Dịch, kinh Xuân Thu, trị gia rất có phép; ông có bài ca “Nhân sinh” mà đây dịch ra.

LỜI BÀN: Đời người trăm năm sống được sáu, bảy mươi đã hiếm. Trong khoảng sáu, bảy mươi năm ấy, trước lúc tuổi chưa khôn, tuổi già hết khỏe, quãng giữa còn được vài ba mươi năm có là bao, mà lại còn

gặp biết bao nhiêu những sự đau đớn phiền não!
Ồi đời người rút lại như thế có mấy lúc là sống cho
ra sống!

Nên chi, hàng năm, hễ gặp được thắng cảnh, lương
thời, thì ta kíp nên vui chơi cho sung sướng thỏa thích,
hơi đâu mà cứ mãi miệt theo đuổi lấy cái sang giàu giả
dối chốc lát để mà lụy đến tấm thân.

Lúc sống thì người chóng già, khó giữ lâu được cái
thân, lúc chết thì thiên hạ chóng quên, khó giữ lâu
được mồ mả. Thời giờ mau chóng, thói đời viển vông,
vậy người ta lúc sống, mà từ khổ thân quá, tưởng cũng
là khờ vậy! Đối với cái thời gian, không gian vô cùng,
vô hạn thì một người và một đời người kể có thấm
vào đâu?

9. BA ĐIỀU KHÓ HỌC

Thầy *Tăng Tử* nói với đức Khổng Tử:

- Tôi biết thầy có ba điều, tôi học mãi mà chưa làm
được thầy:

1/ Thấy người ta có được một điều phải mà quên
cả trăm điều trái của người ta, thế là thầy *dễ tính*;

2/ Thấy người có điều gì phải, thì vui vẻ như là
mình có, thế là thầy không ghen tị;

3/ Nghe thấy điều gì phải, *nhất quyết* tâm, rồi sau
mới nói, thế là thầy chịu khó thực hành.

Thầy là người dễ tính, là người không ghen tị, là người chịu khó, tôi học mãi ba điều ấy của thầy mà chưa có thể làm được.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Tăng Tử*: tức là Tăng Sâm, người thành thực và rất có hiếu, học trò giỏi của đức Khổng Tử truyền được đạo đức Khổng Tử có thuật sách Hiếu Kinh và sách Đại Học. *Nhất quyết*: định bụng cố làm cho kỳ được.

LỜI BÀN: Lấy một điều phải mà quên trăm điều trái, thế là có bụng khoan dung người ta, lại có ý gây cho người ta làm nên điều phải. Thấy người làm phải cũng vui như chính mình làm điều phải, thế là có lòng vô ngã muốn giúp cho người phải ưa làm điều phải. Thấy điều phải làm ngay rồi mới nói, thế là vụ cái thực làm chứ không chỉ có một cái nói giỏi mà thôi. Ba điều này mới nghe tưởng dễ, mà làm thực khó! Thói thường người đời chỉ hay bới xấu nhau, ghen tị nhau, nói giỏi mà làm càn, cho nên mới ghét bỏ nhau, lừa dối nhau, hãm hại nhau, đưa nhau đến tử vong mà không gỡ ra được.

10. BA ĐIỀU VUI

Người quân tử có ba điều vui, tuy cho làm vui cả thiên hạ là sướng mà cũng không kể vào trong ba điều vui ấy được.

Cha mẹ còn sống, anh em bình yên là một điều vui.

Ngửa lên không tui thẹn với trời, cúi xuống không xấu hổ với người là hai điều vui.

Được những bậc *anh tài* trong thiên hạ mà dạy dỗ, gây dựng cho ra người là ba điều vui.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Anh tài*: người khôn ngoan, giỏi giang.

LỜI BÀN: Xử trong gia đình, trên thì cha mẹ còn mạnh khỏe để ta được hết lòng phụng dưỡng, dưới thì anh em hòa thuận để ta được hết đạo hữu ái, thật là cái cảnh khó được mà ta được, thì còn gì vui hơn nữa?

Xử với thân mình, mà tu dưỡng đến việc gì cũng có thể, trên tỏ cho trời biết được, dưới đối với người nói được, thân thể nhẹ nhàng, tâm thần khoan khoái, thì còn gì vui hơn nữa?

Xử với xã hội mà được luyện tập những bậc *anh tài* để có nhiều người truyền đạo cho thiên hạ, hậu thế được nhờ, thì cũng còn gì vui hơn nữa?

Ba cái vui này: hai cái về gia đình và bản thân, một cái về thiên hạ hậu thế là ba cái vui về “tính phận” vui bên trong, nghĩa là cái vui thực vậy. Chớ còn cái vui về “thể phận”, vui bên ngoài, thì dù cho làm đến vua cả một nước, so với cái vui kia cũng không sao bằng được.

11. THƯƠNG MẸ GIÀ YẾU

Hàn Bá Du ăn ở với mẹ rất có *hiếu*. Những khi có lỗi mẹ thường đánh đòn. Một hôm Bá Du phải đòn, khóc mãi. Mẹ thấy vậy hỏi:

- Mọi khi mẹ đánh, con biết lỗi, con *cam chịu* ngay. Lần này sao con khóc dai như thế?

Bá Du thưa:

- Mọi khi mẹ đánh, con thấy đau, con biết mẹ còn mạnh khỏe. Lần này mẹ đánh con, con thấy không đau mấy, con biết sức mẹ đã yếu, cho nên con nghĩ, con thương mẹ mà con khóc.

Ồi! Con ăn ở với cha mẹ, tuy khó nhọc, khổ sở cũng không dám *oán*. Như Bá Du trong truyện này, không những không oán mẹ, lại còn thương mẹ già yếu, tình con yêu mẹ thế mới thật là *thân thiết*.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Hàn Bá Du*: người đất Lương, đời nhà Hán. *Hiếu*: đạo ăn ở hết lòng với cha mẹ. *Cam chịu*: vui lòng mà chịu. *Oán*: tức giận lấy làm không bằng lòng. *Thân thiết*: sâu xa thiết thực.

LỜI BÀN: Cha mẹ sinh con hy vọng và trông cậy vào con rất nhiều cho nên ôn tồn khuyên răn con là muốn cho con hay, mà dữ dội quở phạt con cũng là muốn cho con giỏi. Thực tình thì thế, nhưng cũng nhiều khi vì gia đình quẩn bách hay cảnh ngộ éo le, cha

mẹ đối với con, lỡ nặng lời hay quá tay, thì dễ gây ra bất hòa và oán hận. Nếu gặp phải con ngỗ nghịch thì sinh biến ngay.

Còn con ra con thì bao giờ chả thương cha mẹ, chả thể tất cái khổ tâm cho cha mẹ. Như Bá Du đây bị đòn không những không oán mẹ, lại còn thương mẹ mới thực là người có hiếu đáng làm gương cho những kẻ làm con nông nổi vậy. Bá Du đây như có cái thâm tâm cảm hóa mẹ thì lại càng đáng phục lắm nữa.

12. ÁO ĐƠN MÙA RÉT

Mãn Tử Khiên mồ côi mẹ từ thuở nhỏ. Mẹ kế sinh được hai con trai, chỉ yêu con đẻ mà ghét Tử Khiên.

- Mùa đông tháng giá, mẹ kế không cho Tử Khiên mặc áo mền bông, chỉ cho mặc áo mền hoa lau. Một hôm Tử Khiên đánh xe hâu cha, cha thấy co ro run rẩy liền quở mắng. Tử Khiên nín không dám nói. Cha giận đánh, ngờ đâu áo rách, bật hoa lau ra.

Cha thấy thế căm giận người vợ kế *bạc đãi* con mình, muốn đuổi đi.

Tử Khiên khóc mà van rằng:

- Di con mà còn ở lại, thì chỉ một mình con rét; còn mà phải đuổi đi, thì ai may vá cho chúng con, ba anh em con đều không có áo, phải chịu rét cả.

Cha nghe nói cảm động, bèn thôi không đuổi vợ kế nữa. Và từ đó người vợ kế cũng có lòng thương yêu Tử Khiên như thương yêu con đẻ vậy.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Mẹ kế:* tức là mẹ ghẻ. *Bạc đãi:* xử với ai một cách đơn bạc không còn chút tình nghĩa nào nữa.

LỜI BÀN: Thói thường di ghẻ đối với con chồng phần nhiều là hay bạc ác. Đó là hạng nan hóa, ta chẳng nói làm chi. Đến như con chồng, không kể những đứa thơ dại, có nhiều đứa lớn tuổi, hoặc vì ghen tức, hoặc vì kình địch mà gây ra cái nết loạn trong nhà, cái mối khổ cho cha, thực cũng không phải là ít. Bởi vậy lắm khi cái tội không thể quy cho cả một mình di ghẻ được.

Như truyện Mẫn Tử Khiên đây, nếu cứ theo thể tình mà xử, thì chồng bỏ vợ, con mất mẹ, anh em sau này hóa ra cừ thù, gia đình tránh sao khỏi nổi tan nát. Nhưng Mẫn Tử Khiên lại là một người con biết cách ăn ở mà cảm được lòng cha, hóa được nét xấu của di ghẻ, gây được tình thân anh em dị bào. Thực là một cái gương sáng cho đám con chồng thiên hạ muôn đời về sau vậy.

13. DÂNG THƯ CỨU CHA

Thuần Vu Ý làm quan ở Tề Trung phải tội sắp đem *hành hình*, giải đến *Trường An*.

Ông không có con trai, chỉ sinh được năm con gái. Lúc bị bắt đi, ông mắng con rằng:

- Để con chẳng để con trai, những khi *nguy cấp* thật không có ai đỡ đần công việc.

Người con gái út là Đề Oanh thương khóc theo cha đến Trường An, dâng tờ thư, đại ý nói:

“... Cha tôi làm quan, cả miền Tế Trung ai cũng *ca tụng* là *thanh liêm*, công bình, nay bất hạnh phải tội, thật là oan quá. Và chẳng, tôi trộm nghĩ người đã chết thì là không sống lại được, đã chém thì không liền lại được. Nên dù có muốn đổi lỗi, theo điều phải trở nên hay, nên tốt cũng không có cách nào nữa. Tôi xin bán mình làm đứa ở chỗ *quan phủ*, chuộc tội cho cha, để cho cha tôi được *tự tân*...”

Thư tâu lên vua. Vua xem, tha cho Thuần Vu Ý. Rồi xuống chiếu, trừ các *nhục hình*...

Sử Ký Hán Văn Đế

GIẢI NGHĨA: *Hành hình*: đem ra làm tội hay chém giết. *Trường An*: nơi đô thành đời cổ ở vào huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây ngày nay. *Nguy cấp*: tai nạn đến nơi, khó lòng chống lại. *Ca tụng*: khen ngợi một việc gì. *Thanh liêm*: trong sạch không có tiếng xấu, không lấy của phi nghĩa. *Quan phủ*: tiếng gọi cả một nhà quan. *Tự tân*: tự mình hối lại mà sửa đổi thành hơn như một người mới. *Nhục lạnh*: hình phạt làm cho đau khổ thân thể hay giết chết.

LỜI BÀN: Bên phương Đông ta, thường tình cha mẹ vẫn quý con trai hơn con gái, vì cứ kể trong nhà, con trai bao giờ vẫn được việc hơn con gái, nhất là những khi nguy cấp. Nên Thuần Vu Ý đây tức mình mà gắt như thế cũng là phải. Nhưng Thuần Vu Ý có biết đâu là được người con gái như Đề Oanh thực là hết lòng với cha, cứu cha được ra ngoài vòng tội hình, lại có phần giúp được cả nhân dân trong nước, vì vua bỏ các nhục hình.

Thế mới hay con gái hay con trai cũng như vậy thôi, quý hồ là ăn ở hết đạo với cha mẹ, giúp đỡ có ích cho xã hội, thì cũng là quý giá không bên nào khinh, bên nào trọng. Cổ ngữ có câu:

Gái mà chi, trai mà chi,

Con nào có nghĩa, có nghị là hơn.

Thực là phải lắm!

14. NUÔI MẸ BẰNG ĐIỀU PHẢI

Doãn Thuần lúc nhỏ học ông *Trình Di*, thường chỉ cốt theo nghề khoa cử.

Có một khoa thi Tiến sĩ, ông đã vào đến kỳ *văn sách* đầu bài ra có câu: “Chu Nguyên Hựu chư thần” nghĩa là giết các bầy tôi đời Nguyên Hựu. Ông bỏ bài không làm, đi ra.

Khi về, ông thưa với thầy là ông *Trình Di* rằng:

- Từ nay, con không đi thi Tiến sĩ nữa.

Ông Trình Di nói:

- Người còn có mẹ già kia mà.

Doãn Thuần về thưa chuyện thi cử với mẹ và nhắc lại cả câu thầy học bảo.

Bà mẹ nói:

- Ta muốn con lấy “điều phải” mà nuôi ta hơn là lấy “bổng lộc không ra gì” mà nuôi ta.

Ông Trình Di nghe thấy câu ấy, khen rằng:

- Giỏi thay một người mẹ như thế!

Tống Sử Doãn Thuần Truyện

GIẢI NGHĨA: *Doãn Thuần*: người đời Tống, học giỏi nét tốt, mấy lần vua triệu, từ chối không ra làm quan. *Trình Di*: tức là Trình Y Xuyên một bậc nho đời Tống. *Khoa cử*: dùng từng khoa để chọn lấy người. *Văn sách*: bài hỏi để học trò giải quyết. *Tiến sĩ*: người tài giỏi đáng tiến lên để chịu tước lộc, tiếng thường dùng để gọi người thi đỗ ở kinh. *Bổng lộc*: tiền thóc Nhà nước cấp cho quan lại.

LỜI BÀN: Như Doãn Thuần đây sở dĩ mà không muốn đi thi, là vì đầu bài ra trái ngược hẳn với lẽ phải. Bấy tôi đời Nguyên Hựu vốn là người giỏi, mà lại bảo đem giết, đầu bài mà ra như thế là có ý muốn cho bọn đi thi đỗ, sau này tức là bọn quan trường, phải bác đời

Tổng Triết Tông đi để nâng cái đời bấy giờ là đời Tĩnh Khang lên.

Còn như Trình Di đây sờ dĩ như có ý khuyên bảo nên đi thi, là vì bụng nghĩ Doãn Thuần còn mẹ già phải phụng dưỡng. Thói thường cha mẹ cho con ăn học, ai là người không muốn cho con đi thi lấy đỗ, đã kiếm được chút lương bổng nuôi nấng mình, lại còn làm nên chút công danh vẻ vang cho cả nhà cả họ.

Kịp đến bà mẹ sờ dĩ bảo Doãn Thuần như thế, là bà biết trọng việc nghĩa hơn là danh lợi. Một câu bà dạy con khiến cho Trình Di là một nhà hiền triết còn phải phục, phải khen, thì há chẳng đáng làm gương cho những cha mẹ có con thi đỗ, chỉ mong cho con được chút danh phận, bất phân danh phận ấy thật hay giả, hay hay dở phải suy xét cân nhắc rồi hãy đặt để cho con ru!

15. SAY BẮN CHẾT TRÂU

Ngưu Hoảng, Ngưu Bật, hai anh em ở chung với nhau.

Bật có tính hay chén, mà hễ chén vào, thì thường khi nát rượu.

Một hôm, anh đi vắng, Bật ở nhà uống rượu say túy lúy bắn chết mất con trâu của anh.

Kịp lúc anh về, người vợ đón cửa, xăm xăm bảo rằng:

- Này này! Chú nó ở nhà bắn chết trâu rồi!

Hoảng nói:

- Trâu chết thì bảo cho đem làm thịt.

Hoảng vào nhà, ngồi vừa yên, vợ lại chạy đến hăm hờ nói:

- Chú nó bắn chết trâu là việc to lắm, có phải việc thường đâu...

Hoảng nét mặt vẫn hòa nhã tự nhiên nói:

- Phải, tôi đã biết rồi mà.

Rồi lấy sách giở xem như không có chuyện gì cả.

Vợ thấy thế nguôi cơn giận, không dám nói gì nữa.

Tùy Kỳ

GIẢI NGHĨA: *Ngưu Hoảng*: người đời nhà Tùy làm quan đến Lại bộ thượng thư, đời bây giờ xưng là “*Đại nhĩ quân tử*”. *Say túy lúy*: say mê, nói trong lúc say không biết gì nữa. *Hòa nhã*: êm ái, vui vẻ. *Tùy kỷ*: sách chép việc đời nhà Tùy.

LỜI BÀN: Anh em một nhà mà ghét bỏ xa cách nhau phần nhiều là chỉ tại chị em dâu. Không phải chị em dâu có bạc ác gì đâu; tại thường tình đàn bà, phần thì suy hơn tính thiệt, tý chút cũng so kè, làm cho chữ “lợi” đè mất chữ “nghĩa”, phần thì đêm ngày trò chuyện, bao nhiêu cái hay như muốn vợ cả vào mình,

thành ra anh em hóa dờ, làm cho chữ “tình” lẫn được chữ “thân”. Đám nam nhi ta muốn ăn ở cho trọn nghĩa anh em, tình vợ chồng, tướng cũng không khó.

Ngưu Hoàng đây lấy thái độ ôn hòa, trầm tĩnh đối với vợ khi vợ đang bực tức căm giận, thật là biết đường lửa cháy cát dầu, cơm sôi bớt lửa mà biết đâu Hoàng lại chả nghiêm trách em mà không ai biết. Vì thế mà vợ mất giận, em được toàn, thế chẳng phải là biết cách ăn ở rất khéo trong chốn gia đình.

16. TÊN TÙ NƯỚC SỞ

Chung Nghi là người nước Sở bị nước Trịnh bắt nộp sang nước Tấn. Nước Tấn đem bỏ vào tù. Một hôm, vua Cảnh Công đòi ra, cho cỡi trói, gọi đến tận nơi *ủy lạo*, rồi hỏi:

- Ông cha nhà ngươi xưa nay làm nghề gì?

Chung Nghi thưa:

- Ông cha tôi xưa nay làm nhạc quan.

- Thế ngươi có biết nhạc không?

- Cha tôi xưa làm chức ấy, tôi nay vẫn giữ nghiệp nhà, đâu dám xao lãng.

Cảnh Công đưa cho đàn cầm, bảo gảy một khu khúc. Chung Nghi gảy thuần tiếng Nam, tức là tiếng nước Sở. Nghe xong, Cảnh Công hỏi:

- Vua Sở là người thế nào?

Chung Nghi thưa:

- Tôi trí khôn hèn kém, không đủ biết được thịnh đức của quân vương nước tôi.

Cảnh Công hỏi đi hỏi lại hai, ba lần.

Sau Chung Nghi phải thưa:

- Quân vương tôi khi làm *thái tử*, nghe lời quan *Sư*, quan *Bảo* dạy dỗ, buổi sáng đến chơi với *Anh Tể*, buổi chiều chơi với *Tử Phàn*. Tôi biết có thể, còn việc khác tôi không được rõ.

Cảnh Công đem chuyện ấy nói cho Phạm Văn Tử nghe. Văn Tử thưa:

- Tên tù nước Sở như thế thật là một bậc quân tử. Chức nghiệp vẫn giữ nước nhà, là người không quên gốc; âm nhạc vẫn giữ tiếng Nam, là người không quên nước; khen vua Sở mà khen tính tự nhiên là vô tư; nói với nhà vua đây, mà gọi hẩn hai tên quan *khánh* là *tôn quân*. Không quên gốc là “nhân” không quên nước là “tín”, vô tư là “trung”, tôn quân là “mãn”. Nhân, thì xử được việc; tín, thì giữ được việc; trung, thì nên được việc; mãn, thì xong được việc. Có bốn đức ấy, việc to đến đâu làm cũng xuôi, sao nhà vua không giao trả tên tù cho nước Sở, để hẩn về *yêu kết việc hòa hiếu* của nước Tấn nước Sở với nhau?

Cảnh Công theo lời Văn Tử, *hậu đãi* Chung Nghi, đưa về Sở để cầu việc hòa hiếu.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA: *Sở:* một nước lớn thời Xuân Thu ở vào vùng Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ. *Tấn:* cũng là một nước lớn thời Xuân Thu ở vào tỉnh Sơn Tây và một phần Trực Lệ bây giờ. *Úy lạo:* dùng lời êm ái để yên ủi người ta. *Nhạc quan:* chức quan giữ việc âm nhạc. *Thịnh đức:* đức tốt, đức hay. *Thái tử:* con cả vua. *Su, Bảo:* hai chức quan dạy thái tử học. *Vô tư:* không có lòng tà khúc. *Khanh:* một chức quan to đời cổ. *Tôn quân:* kính trọng vua nước mình. *Mãn:* mau mắn, nhanh chóng. *Yêu kết:* cầu thân muốn liên hợp với nhau. *Hòa hiếu:* thỏa thuận và yêu mến nhau. *Hậu đãi:* xử một cách rất tử tế.

LỜI BÀN: Tên tù này không phải vì phạm tội thường mà bị tù, nhưng vì việc nước mà bị nước khác bắt tù. Khi đã bị bắt người ta tra hỏi, không rồi trí, cứ ung dung đối đáp rất thông hoạt, và có ý vị khiến cho vua tôi nước ngoài nghe thấy phải khen, phải phục, như thế thì chẳng là vì một cái trí lự khí khái của mình, mà mình được thoát nạn, nước mình cũng được nhân đấy mà thêm tôn lên ru! Ôi! Một nước được một tên tù giỏi mà kiến trọng hướng chi là có bao nhiêu hiền tài thì nước được mong cậy biết là bao. “*Quốc hữu phân tặc thực*”: Nghĩa là nước có người giỏi, thì nước mới đầy đủ vững chắc, câu trong sách dạy quả là đúng lắm.

17. BỆNH NHÂN

Nước Tống có anh đứng tuổi, tự nhiên mắc phải bệnh quên; buổi sáng lấy gì của ai, buổi chiều đã quên;

ngày nay cho ai cái gì, ngày mai đã quên; ra đường quên cả đi, ở nhà quên cả ngồi, trước có làm những gì bây giờ quên hết. Bây giờ đang làm gì, sau này cũng quên hết.

Cả nhà anh lấy làm lo. Xem bói không tốt, đi cúng không đỡ, đón thầy chữa thuốc cũng không khỏi.

Sau có ông đồ người nước Lỗ đến xin đám nói rằng chữa được.

Vợ người có bệnh hứa với ông đồ sẽ chữa khỏi thì chia cho nửa *cơ nghiệp*.

Ông đồ nói:

- Bệnh này bói không ra được, cúng không khỏi được, thuốc không chữa được. Nay tôi thử *hóa* cái tâm tính *biến* cái *trí lự* anh ta, may mà khỏi chăng.

Nói đoạn, ông đồ liền sai lột áo để cho rét, thì thấy anh ta xin áo; sai cấm ăn, để cho đói, thì thấy anh ta xin ăn; sai đem vào chỗ tối, thì thấy anh ta xin ra chỗ sáng.

Ông đồ hớn hờ bảo con anh ta rằng:

- Bệnh chữa được, song môn thuốc của tôi bí truyền không thể nói cho ai biết.

Rồi ông đuổi cả người chung quanh đi, chỉ một mình ông ở với người có bệnh trong bảy ngày. Chẳng ai biết ông đồ chữa chạy ra thế nào, mà cái bệnh lâu năm như thế *nhất đán* khỏi phăng.

Khi anh có bệnh đã tỉnh như thường, anh liền nổi cơn giận, chửi vợ đánh con, cầm giáo đuổi cả ông đồ.

Người ta bắt anh hỏi vì có gì mà anh giận như vậy, thì anh ta nói:

- Lúc trước ta có bệnh quên, thì trong lòng ta *thần nhiên khoan khoái*, trời đất có hay không, ta cũng chẳng biết. Nay ta hết bệnh, ta lại nhớ cả những việc vài mươi năm về trước, việc còn, việc mất, việc được, việc hỏng, việc buồn, việc vui, việc yêu, việc ghét trong lòng lại muôn mối ngổn ngang bởi bởi nổi lên vậy. Ta e sau này, những việc còn mất, được, hỏng, buồn, vui, yêu, ghét ấy cứ vướng vít trong lòng ta mãi mãi, thì bấy giờ dù muốn quên cả đi một phút, một lát liệu còn có được nữa chăng?

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Tống*: nước chư hầu đời Xuân Thu ở vào huyện Thương Khư, tỉnh Hà Nam bây giờ. Ông đồ người nước *Lỗ*: đây ám chỉ Khổng phu tử. *Xin đám*: nói với người ta để xin việc mà làm. *Cơ nghiệp*: tiếng chỉ chung của nhà, ruộng nương, tiền của, đồ đạc. *Hóa*: đổi hẳn tính này ra tính khác, hình nọ ra hình kia. *Biến*: cái gì đang có mà mất hẳn đi. *Trí lự*: cái lòng lo toan mưu tính công việc gì. *Bí truyền*: để lại cho cái gì một cách bí mật không cho người khác biết. *Nhất đán*: một buổi, dùng như nghĩa chốc lát. *Thần nhiên*: bằng phẳng thoáng nhẹ như không có gì. *Khoan khoái*: thư thái, vui vẻ dễ chịu trong tâm thần.

LỜI BÀN: Lòng người đen trắng, việc đời đảo điên lắm nổi ngang tai, trái mắt làm cho người ta không muốn nghe, thậm chí không muốn biết đến, chỉ muốn quên sạch. Bởi thế Liệt Tử thành ra chán đời, mới đặt ra câu chuyện này để tỏ hết cái nổi bức tức, đau thương trong lòng. Ôi? Chẳng vì cái đời cổ tự Liệt Tử cũng còn chất phác, mà đã khát khe đáng chán như thế, huống chi cái đời bây giờ là cái đời mỗi ngày gian quá ác thêm sinh, thì phỏng còn có gì làm cho người biết đáng yêu, đáng quý nữa:

*Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo dẫu bến mê!*

18. BỆNH MÊ

Nước Tần có con nhà họ Bàng, lúc nhỏ thông minh khôn ngoan sớm, đến lúc lớn tự nhiên mắc phải bệnh mê; nghe hát cho là khóc, trông trắng cho là đen, ngửi thơm cho là thối, ăn ngọt cho là đắng. Tính hạnh anh dở mà cứ cho là phải, bao nhiêu cái anh ta nghĩ đến, trời, đất, bốn phương, nước, lửa, nực, rét, không cái gì là không đảo ngược sai lầm cả.

Có người bảo cha anh rằng: *Bạc quân tử nước Lỗ có lắm thuật, nhiều nghề* họa may chữa được chăng, sao không đưa đi mà hỏi.

Người cha sang nước Lỗ. Khi qua nước Tần gặp ông Lão Đàm, nhân nói chuyện chứng bệnh của con.

Lão Đam nói:

- Nhà người há biết được cái bệnh mê của con nhà người đâu. Nay thiên hạ ai ai cũng ù ở phải trái, mờ mịt về lợi hại, kẻ mắc phải bệnh mê như con nhà người rất nhiều, chẳng có ai tỉnh cả.

Vả lại, một mình không mê đủ *làm ly* một nhà, một nhà mê không đủ *làm lụy* một nước, một nước mê không đủ *làm lụy* cả thiên hạ. Thiên hạ ai ai cũng mê cả, thì còn ai *làm lụy* ai được nữa.

Giả sử thiên hạ ai ai cũng mê như con nhà người mà chỉ nhà người muốn chữa bệnh mê, thế thì chính nhà người hóa ra mê mất.

Ở đời những sự buồn, vui, lẽ phải, trái, những cái mất trông, tai nghe, mồm nếm, mũi ngửi, ai nấy là người chắc cứ cho như thế mới là phải. Nay ngay như lời nói ta đây, vị tất đã khỏi mê hướng chi người quân tử nước Lỗ lại là người quá u mê, thì chữa sao được bệnh mê của người.

Nhà người đem bao nhiêu tiền đi tìm thầy chữa chạy chẳng bằng cứ nghe ta trở về ngay còn hơn.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Tấn*: tên một nước về đời Xuân Thu ở vào đất Thiểm Tây ngày nay. *Quân tử nước Lỗ*: tức là ám chỉ đức Khổng Tử. *Lắm thuật nhiều nghề*: lắm cách nhiều lối. *Trần*: tên một nước Xuân Thu ở

khoảng phủ Khai Phong (Hà Nam cho đến châu Bạc (An Huy) bây giờ). *Lão Đàm*: tức là Lão Tử, họ Lý tên Nhị, người thời Xuân Thu có làm sách Đạo Đức Kinh, tổ đạo Lão. *Làm lỵ*: làm cho vương vít, phiền nhiễu.

LỜI BÀN: Bài này cũng như bài trên có ý chê đức Khổng Tử, bác hẳn cái nếp đã thành ở đời, xưa nay ai nấy tự lúc biết đời cũng cứ cho như thế mới là phải. Nhưng xét đến nơi, cái nếp ấy chẳng qua cũng chỉ là ước định mà thôi. Ấy là không nói ở đời lắm kẻ lại lợi dụng cái đẹp ấy làm điều giả dối để ngu hoặc người ta, lắm khi đến nỗi chỉ còn có danh mà không có thực. Giả sử bây giờ ta thử đổi cái trắng là đen, cái đen và trắng, cái ngọt là đắng, cái đắng là ngọt, nếu lâu ngày quen nếp đi, thì tất thiên hạ lại cho thế mới là thuận mà chính như bây giờ là nghịch vậy. Ôi! cái thanh, sắc, khứu, vị rõ rệt như thế, người đời cho ngược hẳn lại được, thì cái nhân tâm, thế đạo là cái vô hình, vô trạng người đời họ lại không dám ngược lại hay sao! Nay những đời loạn, cản trở thì cho là tòng quyền, hà hiếp thì gọi là bệnh vực, cái phận trên dưới không phân minh, đến cả cha con cũng bằng đẳng; cái mối luân thường đã rối loạn, đến cả vợ chồng cũng tự do; mà cứ càng ngày càng đắm đuối mãi vào, thì có gọi đời là tỉnh được hay không? Hay chính là mê, mê quá không biết nữa vậy. Bệnh mê thực làm hại người ta, hầu hết cả một nước, cả loài người như điên, như cuồng, ai chữa cho khỏi, mà ai là kẻ có cách chữa được khỏi. Than ôi biết làm thế nào?

19. VỢ LỄ PHẢI ĐÒN

Xưa có người đi làm quan xa. Vợ ở nhà có *ngoại tình*; ít lâu có tin người chồng sắp về, đứa *gian phu* lấy làm lo. Đứa *gian phu* bảo rằng:

- Không việc gì mà sợ. Tôi đã làm sẵn thứ rượu thuốc để đãi nó đây rồi.

Hai hôm sau chồng về tới nhà, đang khi chuyện trò vui vẻ, người vợ sai người thiếp rót chén rượu dâng chồng, bảo cố mời uống. Người thiếp biết rõ chén rượu ấy có thuốc độc, nghĩ trong bụng rằng:

- Ta mà dâng chén rượu này, thì ta là người giết chồng, ta mà nói ra, thì ta lại làm cho vợ cả ghét ta.

Bèn giả cách ngã, làm cho chén rượu đổ xuống đất.

Chồng thấy vậy, giận lắm, đánh cho người thiếp mấy chục roi.

Than ôi! Người thiếp này đánh đổ chén rượu, phần thì làm cho chồng được còn sống, phần thì làm cho vợ cả được khỏi tội. *Trung tín* đến như thế mà chẳng khỏi đòn mà phải chịu tội.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Ngoại tình*: nói người đàn bà đã có chồng mà còn đi lại ăn ở tư tình với trai. *Gian phu*: người đàn ông đi lại vụng trộm với một người đàn bà đã có chồng. *Trung tín*: hết lòng, hết sức ăn ở chân thật với ai chẳng quản gì đến thân.

LỜI BÀN: Thân danh được là bà quan mà có ngoại tình rất là xấu xa nên tội. Đã có ngoại tình, lại còn những toan giết chồng, cái tội càng nặng biết để vào đâu cho hết. Ngoan thay! Thế mà vẫn chẳng ai biết, vẫn ra ngoài vòng pháp luật.

Phận hèn tiểu thiếp mà biết giữ cho chồng khỏi chết, vợ cả khỏi tội, hết lòng ủy khúc, chỉ cốt giữ cho gia đình được êm ấm, khỏi ô uế, không quan gì đến thân, cái chí cao như thế, cái đức dày như thế mà lại đến nỗi vừa phải đòn vừa bị người ghét. Than ôi! Tình cảnh khắt khe, nỗi oan ai tỏ.

Trong gia đình ông quan này, có một câu chuyện như thế, nhưng trong cả nước, cả thiên hạ, còn có bao nhiêu câu chuyện cũng như thế. Xưa nay đã có biết bao nhiêu chí sĩ chân nhân, trung thần liệt nữ chỉ vì chân lý, chỉ vì cứu người mà phải tù ngục oan ức đau khổ đến thân. Khổ nhục, oan ức, những bậc ấy có coi vào đâu miễn là đạt được mục đích, dù không ai biết, cũng lấy làm vui, có sá kể chi thế thái nhân tình của thế tục. Tấm lòng trung nghĩa tinh thành của những bậc ấy đáng quý, đáng trọng biết là đường nào.

20. TIẾT PHỤ

Vương Ngưng đi làm quan ở châu Quắc, chưa được bao lâu thì mất, nhà *thanh bạch*, con *thơ ấu*.

Sau vợ là Lý thị lo liệu đem con và mang *di hài* ông về quê đi qua huyện *Khai Phong*, đến một nhà trọ, người chủ trọ, thấy đàn bà con trẻ, có ý ngờ, không cho trọ. Còn Lý thị thấy trời đã tối cứ kêu nài xin trọ, khoan chịu đi. Người chủ dặt tay được ra. Lý thị giữa mặt trời, nức nở kêu rằng:

- Ta làm đàn bà chẳng hay *thủ tiết* để đến nỗi người ngoài cầm được cái tay này! Ta chẳng nỏ để vì một tay mà bắn lây cả nhân ta.

Nói đoạn lập tức lấy búa tự chặt ngay cánh tay.

Người chung quanh đổ đến xem, ai trông thấy cũng *kinh hãi* cảm động. Quan huyện Khai Phong đem việc ấy tâu lên với triều đình, rồi đưa thuốc chữa, cấp *tiền tuất* cho Lý thị và phạt người chủ nhà trọ.

Ngũ Đại Sử

GIẢI NGHĨA: *Vương Ngưng*: người đời nhà Tùy. *Thanh bạch*: ý nói của cải không có gì, nghèo túng. *Thơ ấu*: trẻ dại ít tuổi. *Di hài*: xác người chết đã tiêu đi ít nhiều, còn xương cốt sót lại. *Khai Phong*: tên huyện ở tỉnh Hà Nam bây giờ. *Trinh tiết*: giữ trọn vẹn được cái tiết hạnh với chồng, khi chồng đã mất. *Kinh hãi*: sợ khiếp. *Tiền tuất*: số tiền công cấp cho vợ con người quan lại quá cố.

Ngũ Đại Sử: Bộ sử chép việc năm nhà: Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy.

LỜI BÀN: Người đàn bà đã gọi thủ tiết với chồng thì tất phải giữ không một người đàn ông ngoài nào mó vào được đến mình. Như Lý thị đây để cho người chủ nhà trọ mó được vào tay, không phải vì người ấy có tình ý gì, chính vì người ấy xưa đuổi không muốn chứa, mà cũng lấy làm dơ bẩn, chặt ngay cánh tay, thì tưởng như có phần câu nệ quá. Tuy vậy, cái tình đối với chồng vẫn là rất hậu đáng khen. Chẳng bù với những hạng đàn bà voi giày chồng chết chẳng những lấy quạt quạt mồ, còn lấy vỗ mà đập sưng, hay chồng còn sống cũng có biết bao người ngoại tình, năm, bảy chồng khác, lúc nào cũng nhớ chồng thì ít mà nhớ trai thì nhiều. Ở đời vật chất càng bành trướng thì nhân đức càng hoành lưu. Rồi đây chuyện nam tử coi như sự khát nước, khát vớ được nước là uống, không cần nước nhà hay nước ngoài, nước sạch hay nước bẩn. Nguy lắm thay!

21. KHOÉT MẮT

Lư phu nhân, vợ ông Phòng Huyền Linh là người đẹp và có đức hạnh.

Ông lúc tuổi trẻ hàn vi lắm. Một khi bệnh nặng tưởng đã sắp chết, ông gọi Lư thị đến bảo rằng:

- Tôi bệnh nguy quá, nàng tuổi còn trẻ, không nên ở vậy, liệu mà ăn ở tử tế với người chồng sau.

Lư thị nghe nói, nức nở khóc. Đoạn vào trong màn khoét một mắt bỏ đi, có ý tỏ cho chồng biết rằng dù chồng *bất hạnh* có chết, cũng không chỉ lấy ai nữa.

Không bao lâu, ông Huyền Linh khỏi bệnh.

Sau ông thi đỗ, làm quan đến chức Tế tướng. Ông một niềm yêu mến, kính trọng Lư thị vô cùng, không hề lấy người tì thiếp nào nữa.

Người ngoài cho thế là tại ông sợ Lư thị có tính hay ghen.

Chính vua Đường Thái Tông, muốn thử Lư phu nhân, một hôm cho Hoàng hậu gọi vào bảo:

- Theo phép thường các quan to vẫn có tì thiếp. Quan nhà ta tuổi đã cao, vua muốn ban cho một mỹ nhân.

Lư thị nhất quyết không nghe. Vua nổi giận, mắng rằng:

- Nhà ngươi không ghen thì sống, mà ghen thì chết.

Rồi sai người đưa cho một chén rượu, giả làm chén thuốc độc, phán rằng:

- Đã vậy thì phải uống chén thuốc độc này.

Lư thị không ngần ngại chút nào, cầm chén, uống hết ngay.

Vua thấy thế, nói:

- Ta cũng phải sợ, nữa là Huyền Linh.

Phu Nhân Truyện

GIẢI NGHĨA: *Phòng Huyền Linh*: danh tướng đời nhà Đường. *Hàn vi*: nghèo hèn không có thế lực gì. *Bất hạnh*: chẳng may mà xảy ra. *Tể tướng*: chức quan đứng đầu cả trăm quan. *Mỹ nhân*: người đàn bà có nhan sắc.

LỜI BÀN: Tướng mình sắp chết, thấy vợ trẻ trung, không muốn để cho ở vậy, thế là quá thương yêu vợ, thế tất cho vợ lắm. Sợ chồng tiếc đẹp, chết đi không dứt, mà khoét mắt để tỏ ra thành tật cho yên lòng chồng, thế là chí tình và nhất tâm với chồng lắm.

May khỏi bệnh, sau lại làm đến Tể tướng, ông chỉ biết có bà mát khoét, không thiết gì đến tì thiếp xinh đẹp, thế là ông muốn giữ cho được trọn vẹn cái tình đối với bà. Còn bà không muốn để cho ông có tì thiếp, tuy gọi là thói ghen thường tình, nhưng cũng là vì chung tình với ông, không muốn cùng ai san sẻ mối tình nữa. Quý thay đôi vợ chồng này, chân tình và chí tình, suốt đời kính yêu nhau, vợ chỉ biết có chồng, chồng chỉ biết có vợ, chồng một vợ một, không những thoát khỏi cái nạn đa nhân duyên nhiều đường phiền não mà còn gây được cái hạnh phúc lâu dài cho thân, cho gia đình, cho con cháu sau nữa.

22. VỢ XẤU

Vợ *Hứa Doãn* là Nguyễn thị *nhan sắc* kém lắm. Khi *Hứa Doãn* mới lấy về, làm lễ cưới xong, trông thấy vợ xấu, muốn lập tức bỏ đi thẳng, bèn hỏi Nguyễn rằng:

- Đàn bà có “tứ đức”, nàng được mấy đức?

Nguyễn thị thưa:

- Thiếp đây chỉ kém có “dung” thôi.

Rồi liền hỏi:

- Kê sĩ có “*bách hạnh*”, dám hỏi chàng có mấy hạnh?

Hứa Doãn đáp:

- Ta đầy đủ cả *bách hạnh*.

Nguyễn thị nói:

- *Bách hạnh* thì “Đức” là đầu, chàng là người *hiếu sắc*, không *hiếu đức*, sao lại bảo là có đủ *bách hạnh* được?

Hứa Doãn nghe nói, có sắc thẹn. Tự bấy giờ hai vợ chồng bèn yêu mến, kính trọng nhau suốt đời.

Thế Thuyết

GIẢI NGHĨA: *Hứa Doãn*: người đời nhà Tống, có tài văn chương thi đỗ Tiến sĩ, làm quan chính sách rất hay, lòng dân cảm phục. *Nhan sắc*: sắc đẹp ngoài mặt. *Tứ đức*: bốn đức của đàn bà: 1) *Hạnh* (tinh hạnh). 2) *Ngôn* (lời ăn cách nói). 3) *Dung* (dáng điệu vẻ người). 4) *Công* (việc làm ăn). *Kê sĩ*: nói người có học thức. *Bách hạnh*: trăm nét hay. *Đức*: việc làm mà trong lương tâm được yên thỏa sung sướng. *Hiếu sắc*: ưa thích gái, say mê gái đẹp.

LỜI BÀN: Thường tình người ta tự xưa đến nay, ai cũng thích đẹp, chuộng đẹp. Xem như câu đức Khổng

Tử nói: “Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã” thì đủ rõ. Tuy vậy, cái đẹp có hạn, cái nét vô cùng. Thế gian, những kẻ đem cái đẹp mà thờ người, mua chuộc lòng người, đến khi cái đẹp kém xuân, thường phải người ta cư xử ra tình phụ bạc. Đến như cái nét thì êm đềm thấm thía, cảm hóa được người, khả dĩ làm cho người ta càng biết càng thân yêu, càng thân yêu càng kính phục, vì thế mà thường được trọn vẹn suốt đời.

Vợ Hứa Doãn đây lanh trí khôn lắm thật. Chỉ một câu nói mà làm cho tan hết được nổi bất bình của chồng và khiến cho chồng suốt đời phải yêu vì cái duyên lặn vào trong. Thế chẳng phải là “*cái nét đánh chết cái đẹp*” là gì.

Nhưng được những người như vợ Hứa Doãn rất là hiếm vậy.

Ở đời kẻ đã được mấy tay có thể lấy đức mà thay sắc hay thường khi đã xấu người lại thêm xấu cả nét nữa.

23. GHEN CŨNG PHẢI YÊU

Hoàn Ôn trước đã có vợ là Nam Khang công chúa con gái vua Minh đế nhà Hán. Sau Hoàn Ôn sang đánh dẹp được nước Thục lại lấy con gái của Lý Thế là một *nhà quyền quý* nước Thục mang về làm thiếp.

Lúc về nhà, công chúa biết chuyện, nổi cơn ghen liên cầm gươm và đem theo mấy người nàng hầu, xăm

xăm đến chục chém chết Lý thị. Lúc đến nơi, công chúa thấy Lý thị ngồi trước cửa sổ chải đầu, tóc rũ chấm đất, dung nhan tư mạo đoan trang tươi đẹp. Lý thị thông thả vấn tóc lượm tay, đến trước công chúa thưa rằng:

- Nước tôi mất, nhà tôi tan, tôi quả vô tâm mà hóa ra đến đây. Được bà chém cho, thật cũng thỏa lòng tôi mong mỏi.

Lý thị khi nói, mặt trông *nghiêm chính* ung dung, tiếng nghe êm đềm thấm thía.

Công chúa thấy vậy, ném gươm xuống đất, ôm lấy nàng, mà nói rằng:

- Này em ơi! Chì đây thấy em còn phải yêu, phải thương, huống chi là lão già nhà ta.

Rồi tự đẩy, công chúa rất trọng đãi Lý thị.

Thế Thuyết

GIẢI NGHĨA: *Hoàn Ôn*: người đời nhà Tấn, làm quan đến chức Đại Tư mã uy quyền lừng lẫy, thường hay nói câu: "*Tài ai chẳng có thể để tiếng thơm trăm đời cũng không nên để tiếng xấu muôn năm*"¹. *Thực*: nước ở vào vùng Thành Đô, thuộc tỉnh Tứ Xuyên ngày nay. *Nhà quyền quý*: người quyền thế sang trọng. *Dung nhan*: dáng điệu, vẻ mặt. *Tư mạo*:

¹ Câu chữ Hán là: *Nam tử bất năng lưu phương bách thế; diệc đương dĩ khữu (xú) vạn niên.*

vẻ người, nét mặt. *Đoan trang*: ngay ngắn, nghiêm trang. *Nghiêm chính*: nghiêm trang, đứng đắn. *Trọng đãi*: xử một cách rất tử tế hậu hĩ.

Thế Thuyết: pho sách của Lưu Nghĩa Thánh đời Tống soạn nói những chuyện vụn vặt từ đời Hậu Hán đến Đông Tấn.

LỜI BÀN: Phận hồng nhan số bạc mệnh đã phải cảnh nước phá, nhà tan, quân cừ địch bắt hiếp về làm tì thiếp, mà nào đã yên lại còn nổi gặp tay vợ cả phũ phàng, xăm xăm đến những chực mổ mề, móc gan, róc xương, lột xác. Đau đớn thay phận đàn bà thật! Thương thay! Lý thị nào phần thù riêng, nào phần nghĩa công lo phiền uất ức, trăm mối bên lòng, sống cũng là thừa người yêu ta xấu, thì thà rằng chết còn hơn. Cho nên câu Lý thị nói với công chúa khí khái tràn ra ngoài lời nói, tưởng một liều, ba bảy cũng liều cho xong. Nào ngờ, vì chính câu nói khí khái mà mềm dẻo ấy lại thêm được cái vẻ nghiêm nghị mà khiến cho người đang giận dữ phải dẹp ngay nổi bất bình, đang ghét ghen lại hóa ngay ra chiều thân ái.

Ta chắc xem chuyện này, chẳng những các bà có tính ghen với cây, hờn cùng bông, thành ra có lượng bao dung rộng rãi, mà nam nhi ta, những phường giá áo túi cơm, cội gốc, quên nguồn, cũng phải sinh lòng khàng khái vậy.

24. LỜI CON CAN CHA

Điền Văn là con Điền Anh, ít tuổi mà cực khôn ngoan, thấy cha làm quan hay vụ lợi riêng, một hôm *thừa nhân* hỏi cha rằng:

- Con đứa con gọi là gì?
- Gọi là cháu.
- Cháu đứa cháu gọi là gì?
- Gọi là chút.
- Chút đứa cháu gọi là gì?
- Ai biết gọi là gì được...

- Cha làm tướng một nước Tề đến nay trái đã ba đời vua, giàu có hàng ức vạn mà *môn hạ* không thấy có một người nào là *hiển tài* cả. Con nghe nhà quan tướng võ rất có quan tướng võ giỏi, của quan tướng văn, tất có quan tướng văn giỏi. Nay cha áo mặc gấm vóc mà người giỏi trong nước vẫn rách rưới, *tôi tớ* thừa ăn mà người giỏi trong nước vẫn đói khát. Cha quên hết việc công ích hiện thời của dân, của nước, chỉ chăm chăm *súc tích* của cải muốn để dành cho những kẻ sau này không biết gọi nó là gì! Con trộm nghe như thế thì thật là quái lạ lắm...

Sử Ký Mạnh Thường Quân Truyện

GIẢI NGHĨA: *Thừa nhân*: nhân dịp thư thả. *Môn hạ*: những người làm thần hạ, một nhà quyền quý. *Hiển tài*: người có đức người làm được việc. *Tôi tớ*: đây

là chỉ cả người nhà, cùng bọn tì thiếp. *Súc tích*: chứa chất cho nhiều.

LỜI BÀN: Người ta ai là người chẳng vì con vì cháu mà cố sức làm ăn, mà súc tích tiền của. Cái sự lo cho mình xong đến lo cho con cái cháu chất họ hàng là cái lối đi rất có thứ tự tự nhiên. Tuy vậy, ai cũng nên biết có nhà, có họ, nhưng lại con có nước, có xã hội nữa. Cho nên cái sự mưu cho nhà, cho họ cũng có hạn chế để còn có tâm, có sức mưu cho người cùng giống, cùng nòi, cùng ở chung một nước, cùng sống trong một thời với mình. “*Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào*” ta lo quá xa mà cứ đem thân làm trâu ngựa giúp cho đến đứa cháu mấy mươi đời sau này, sao cho bằng ta lo ngay cho bao nhiêu sinh linh mắt ta trông thấy khốn khổ hàng ngày. Để của lại sau này, sâu xuống không biết đến đâu là đáy, mà của ấy thường một hai đời đã hết so với làm ơn rộng ra ngay hiện thời, ơn ấy đến đâu thấm đến đáy, thì chẳng nào hơn. Cậu Diên Văn hỏi cha rồi giảng giải như bài này thực là một bài học hay cho những người có tính cách cá nhân, chỉ biết có người máu mủ trong một nhà mà không có độ lượng biết đến những người trong cả làng, cả nước, cả xã hội, nhân loại vậy.

25. MỘT CÁCH ĐỂ LẠI CHO CON CHÁU

Bà Công tính *điểm đạm*, không mấy khi bước chân tới chốn tỉnh thành. Hai vợ chồng ở nhà chăm chỉ làm ăn và thường *kính nhau như khách* vậy.

Một hôm, Lưu Biểu tìm đến chơi. Bàng Công đang cày dưới ruộng bỏ cày lên bờ nói chuyện, còn vợ vẫn cứ ở dưới đồng.

Lưu Biểu thấy thế, hỏi rằng:

- Sao tiên sinh *khổ thân* cày cuốc, chẳng chịu ra kiếm chút *quan lộc*, sau này lấy gì để lại cho con cháu?

Bàng Công nói:

- Người đời ai cũng lấy “nguy” để cho con cháu, duy chỉ tôi đây là lấy “an” để cho con cháu mà thôi. Cách để lại cho con cháu, tuy khác nhau nhưng thực thì đảng nào cũng gọi là để cả.

Lưu Biểu nghe nói, than thở rồi từ đi.

Hậu Hán Thư

GIẢI NGHĨA: *Điểm đạm*: yên tĩnh không cấp bách nông nản. *Bàng Công*: tức là Bàng Đức, người hiền ở đất Tương Dương đời Đông Hán không chịu ra làm quan vào ẩn ở núi Lộc Môn hái thuốc và làm ruộng kiếm ăn với vợ con. *Kính nhau như khách*: yêu mến mà không dám khinh lờn, cư xử với nhau như bậc khách quý vậy, điều này lấy ở câu: *Phu phụ tương kính như tân*. *Lưu Biểu*: người đất Cao Bình đời Đông Hán làm Thứ sử ở Kinh Châu có bụng yêu dân, trọng người tài giỏi. *Khổ thân*: để cho thân mình khó nhọc, vất vả. *Quan lộc*: lương bổng của một chức quan. *Nguy*: nghèo nàn, hiểm hại. *An*: yên ổn vững bền.

LỜI BÀN: Ông cha ai là chẳng lo để tài sản lại cho con cháu. Nhưng là cũng tùy cách, tùy thời. Thói thường ở đời ai nấy lo để cho con cháu, đều theo như câu của Lưu Biểu chỉ cốt lo sao cho chúng có chút danh phận, tài sản tương đã là mãn nguyện lắm. Cách lo ấy cũng là chính đáng. Nhưng khi sinh vào thời loạn như cái thời Bàng Công, Lưu Biểu, Tam Quốc phân tranh thì tương lo như thế, là chỉ mới biết lo cái ngọn mà không chịu nghĩ đến cái gốc. Phàm ở thời loạn: *"Khó làm thế nào giữ được giàu, giàu làm thế nào giữ được của"* quan càng to, của càng nhiều thì nguy càng lắm. Trong khi bè này đảng nọ xô xát nhau, hay ngoại xâm tàn phá, cướp trộm tứ tung đòi tiền bắt cóc, thì cha mẹ để cho con cháu bao nhiêu của cải, bao nhiêu kho tàng, phỏng có chắc rằng con cháu giữ nổi được không? Chi bằng làm như Bàng Công đây chỉ lo dạy cho chúng có nghề nghiệp, biết giữ phận, cố tiến thủ, thế cũng yên vui sung sướng rồi. Cái cách để lại cho con cháu ấy ở thời loạn là hay mà ở thời bình cũng là hay lắm vậy!

26. MỘT CÁCH LO XA CHO CON CHÁU

Sơ Quảng đời nhà Hán, làm quan *trí sĩ* về, được vua ban cho nhiều vàng lụa.

Con cháu cụ thấy thế, bèn cậy những người già cả trong họ đến nói với cụ lập nhiều *cơ nghiệp* và mua ruộng đất.

Một hôm, nhân lúc *thư nhàn*, những người già cả đem câu chuyện làm giàu cho con cháu thưa lại để cụ nghe, thì cụ nói rằng:

- Ta tuy già lão, há lại không nghĩ đến con cháu hay sao. Hiện ta cũng đã có ít ruộng nương, cửa nhà cũ của *tiền nhân* để lại. Con cháu ta mà chăm chỉ vào đấy thì cũng đủ ăn, đủ mặc bằng người được rồi. Nếu bây giờ, ta lại làm giàu thêm cho chúng để cho thừa thái dồi dào, thì là ta chỉ làm cho chúng lười biếng thêm ra thôi. Người giỏi mà sẵn có nhiều của, thì kém mất chí hay, người ngu mà sẵn có nhiều của thì càng thêm tội lỗi. Vả chẳng của cải mà chứa nhiều thì chỉ tổ làm cho người ta oán. Ta đã không có gì *giáo hóa* được con cháu ta thì ta cũng không nên làm cho chúng có nhiều tội lỗi và để thiên hạ ai oán chúng cho thêm phiền.

Những của cải ta đang có đây là ơn của vua *trên hậu đãi* người bấy tôi già lão, ta chỉ muốn cùng cả anh em, con, họ hàng, làng nước cùng hưởng chung cái ơn ấy để trọn tuổi trời, chẳng cũng là phải ư?

Người trong họ nghe nói thế, ai nấy đều cảm phục.

Hán Thư Sơ Quảng Truyện

GIẢI NGHĨA: *Trí sĩ*: thôi làm quan về nghỉ. *Cơ nghiệp*: của nhà, ruộng và công việc làm ăn. *Thư nhàn*: không có việc bận, được rỗi thời giờ. *Tiền nhân*: ông cha trước ta. *Giáo hóa*: dạy dỗ cảm hóa. *Hậu đãi*: xử một cách hậu hĩ. *Cảm phục*: cảm động và thật chịu là phải.

LỜI BÀN: Con cháu mà ngày sau chúng được bằng mình hay hơn mình, thì mình không cần phải làm giàu cho chúng. Ngược bằng chúng kém mình, mà mình lại đem thân làm trâu ngựa để làm giàu cho chúng thì chẳng những khổ cái thân mình và không được việc gì cho chúng mà lại còn khiến cho chúng phạm vào bao nhiêu tội ác nữa.

Như Sơ Quảng đây không phải là không biết lo cho con cháu, nhưng cái lo của cụ chỉ là lo cho chúng đủ ăn, đủ mặc, giáo hóa cho nên người, biết làm ăn, biết lo nghĩ, biết tiến thủ thôi. Tuy cụ không để nhiều của cho con cháu, tránh được cái mối oán của thiên hạ, mà cụ lại còn đem cái dư ra để cùng hưởng với cả mọi người họ hàng, làng nước, thì tức là cụ để cái đức là của vô hình và vô giá lại cho con cháu sau. Người ăn thì còn, con ăn thì hết. Lo cho con cháu như thế chẳng là một cách biết lo xa và lo sâu ư?

27. THẦY TRÒ DẠY NHAU

Thường Tung yếu.

Lão Tử đến thăm, hỏi rằng:

- Tôi xem ra *tiên sinh* mệt nặng. Dám hỏi tiên sinh còn có câu gì để dạy *đệ tử* chúng con nữa không?

Thường Tung nói:

- Qua chỗ cổ hương mà xuống xe, người đã biết điều ấy chưa?

Lão Tử thưa:

- Qua chỗ cố hương mà xuống xe, có phải nghĩa là không quên nơi quê cha đất tổ không?

- Ủ phải đấy? Thế qua chỗ có *cây cao* mà bước rảo chân người đã biết điều ấy chưa?

- Qua chỗ *cây cao* mà *bước rảo* chân, có phải là kính những bậc già cả không?

- Ủ phải đấy!

Thường Tung há miệng ra cho Lão Tử coi và hỏi rằng:

- Lưỡi ta còn không?

Lão Tử thưa:

- Còn.

Thường Tung lại há miệng cho Lão Tử coi nữa và hỏi:

- Răng ta còn không?

Lão Tử thưa:

- Rụng hết cả.

- Ôi! Lưỡi mà còn lại, có phải tại lưỡi mềm không? Răng mà rụng hết, có phải tại răng cứng không?

- Ủ phải đấy! Việc đời *đại để* như thế cả. Ta không còn gì để nói cùng các người nữa.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Tiên sinh*: tiếng học trò gọi thầy, hay gọi người đáng yêu, đáng quý. *Đệ tử*: học trò.

Cổ hương: chỗ làng mình sinh trưởng ở đấy. *Cây cao*: đời cổ, lúc một nước mới lập thành: thì phàm những miếu, xã đường, đàn đều có trồng những cây quý cả. Nước càng lâu dài, thì cây càng cao và có bởi thế nên quý cây cao. *Bước rảo*: bước đi mau. *Đại để*: tóm lại, như nghĩa chữ đại khái.

LỜI BÀN: Quê hương nơi ông cha mình ở đây, chính mình cùng sinh trưởng ở đấy. Biết kính quê hương, tức là biết xứ sở mình mà không quên nguồn gốc. Cây cao tức là cây mọc đã lâu năm, trông thấy cây cao bóng cả ở miếu xã đường đàn mà tỏ lòng kính trọng, tức là nhờ công khai thác của tiền nhân mà tỏ tâm ái quốc. Người đã biết hai điều ấy tất là người có bản lĩnh, có thể trông cậy được rồi. Tuy vậy vẫn chưa đủ. Người ta ở đời không phải chỉ quay mắt nhìn về trước là xong, cốt phải liên can với những người hiện thời nữa. Mà trong cách liên can ấy ở ấy thì không gì bằng khiêm nhả mềm dẻo. Xưa nay thường dạy như thế: “*Dịu hơn là xắt*”, “*Lạt mềm buộc chặt*”. Đến như bài này, lấy cái răng, cái lưỡi làm thí dụ, lại đặt vào lúc người hấp hối dặn lại, thực là một bài dạy ta thấm thía đến nơi, khiến ta phải cảm động mà biết cố thực hành vậy.

28. LƯỖI VẪN CÒN

Trương Nghi lúc hàn vi, thường hay hầu rượu tướng nước Sở.

Một hôm, tướng nước Sở mất *ngọc bích*, môn hạ ai nấy đều ngờ cho Trương Nghi, và đánh đập Nghi tàn nhẫn. Trương Nghi không phục tình. Lúc được tha trở về nhà, vợ thấy thế bảo rằng:

- Than ôi! Giá chàng học hành biết *du thuyết*, thì không đến nỗi nhục nhằn như thế này!

Trương Nghi há mồm to, hỏi vợ rằng:

- Nàng thử xem cái lưỡi của ta có còn không?

Vợ cười, nói:

- Lưỡi vẫn còn.

Trương Nghi bảo:

- Thế thì được:

Rồi sau Trương Nghi quả nhiên thành ra một nhà du thuyết giỏi có tiếng thời bấy giờ.

Trương Nghi Truyện

GIẢI NGHĨA: *Trương Nghi*: người nước Ngụy, là một nhà du thuyết giỏi đời Chiến Quốc. *Hàn vi*: lúc còn nghèo hèn, không ai biết đến. *Ngọc bích*: thứ ngọc đẹp, nhẵn hình tròn và có lỗ. *Phục tình*: chịu cho thế là phải, là đúng sự thực. *Du thuyết*: ngôn luận một cách khôn khéo, khiến người phải xiêu lòng nghe theo. Tiếng xưa dùng để chỉ những người có tài biện luận về việc chính trị, giao thiệp các nước chư hầu đời Chiến Quốc.

LỜI BÀN: Phàm người ta thường có bị sỉ nhục, thì mới phấn chí. Khi đang phấn chí mà có ai khích

cho một câu, thì tất phải cố công, gắng sức làm cho rửa được cái nhục và nên công, nên việc mới nghe.

Trương Nghi đây sở dĩ mà thành được một nhà du thuyết giỏi, tuy là tự tài mình làm nên, nhưng cũng là vì có kẻ làm nhục lại nhờ có vợ khuyến khích thêm cho nữa. Vậy nên, ở đời những kẻ thù nghịch sỉ nhục mình thường có khi lại chính là kẻ giúp cho mình làm nên vậy.

29. KHÔNG CHỊU NHỤC

Đời vua Trang Công nước Tề, có một chàng tên là Tân Ti Tụ đêm nằm thấy một người to lớn mặc quần gai, áo vải, đội mũ trắng, đi giày mới, đeo thanh gươm tự đứng vào tận nhà vắng, rồi nhổ vào mặt.

Chàng ta giật mình sức tỉnh dậy, tuy biết là chuyện chiêm bao, chàng ta vẫn tức, rồi suốt đêm lấy làm bực dọc khó chịu lắm.

Sáng hôm sau, chàng ta mời một người bạn thân đến nói rằng:

- Bác ơi! Từ thuở bé đến giờ, tôi vẫn là người *hiếu dũng*, đến nay đã sáu mươi tuổi, chưa hề phải đứa nào *tỏa nhục* bao giờ. Thế mà đêm qua phải một đứa nó làm nhục. Tôi định tìm kỳ được đứa ấy để báo thù mới nghe. Nếu tôi tìm thấy nó thì hay, nếu không tìm thấy thì tôi chết mất!

Rồi từ hôm đó cứ sáng nào chàng ta cũng cùng người bạn ra đứng ngoài đường cái để rình. Rình đã ba ngày mà không thấy đâu, chàng ta về nhà *uất* lên mà chết.

Như câu chuyện này mà ta cho là phải thì chưa chắc đã là phải. Tuy vậy, cứ xem một cái tâm không chịu nhục ở trong chuyện, thì đã có gì hơn được thế chưa?

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Hiếu dũng*: thích dùng sức khỏe không chịu kém người. *Tỏa nhục*: làm ức, làm cho mất thể diện. *Uất*: bức tức quá chừng, không hãm lại được.

LỜI BÀN: Tác giả kể chuyện rồi bàn một câu ở dưới thế thế cũng là đủ.

Quả vậy, xem chuyện này, không cho là phải được, là vì tức ai, chớ tức một người gặp trong lúc chiêm bao mơ ngủ thì là tức hão huyền, tức cái không đáng tức.

Nhưng tựu trung, câu chuyện lại có một điều thật rất đáng phục là chính thâm ý câu chuyện muốn nâng cao cái lòng biết nhục, biết lấy liêm sỉ làm trọng. Ôi! trong khi giấc ngủ mơ màng, bị người làm nhục, còn không chịu được, thì trong khi thật tỉnh táo rõ ràng mà bị người làm nhục, thì đáng như thế nào? Thế mà lạ thay, ở đời có lắm kẻ hoặc ham mê danh lợi, hoặc quen thói đòi đòi, chồn hết ca liêm sỉ chịu hết mọi nỗi nhục

nhân đề nén, không bút nào cả cho xiết được mà vẫn hớn hở như không. Đối với những hạng không lo biết nhục. Tân Tì Tụ thực đáng là một cái gương soi sáng sâu vào đến tâm não họ vậy.

30. CÂU NÓI CỦA NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Vua *Văn Công* nước *Tấn* đi săn ham đuổi một con thú mãi theo quá chân, thành lạc vào trong cái *châm* lớn không biết lối ra.

Vua gặp một người đánh cá bèn bảo rằng:

- Ta là vua đây. Ta lạc đường, nhà ngươi chỉ lối cho ta ra rồi ta *hậu thưởng*.

Người đánh cá nói:

- Bấy tôi muốn dâng nhà vua một câu.

Vua bảo:

- Cứ đưa ra khỏi *châm* đã, rồi muốn nói gì hẵng nói.

Khi người đánh cá đưa vua ra khỏi *châm*, vua phán rằng:

- Nào, câu gì nhà ngươi muốn nói với *quả nhân* lúc này thì nói nghe đi.

Người đánh cá thưa:

- Chim *hồng*, chim *hộc* ở bờ sông bờ bể, chán sông bể mà vào đầm thời tất mắc phải dò bẫy. Thuồng luồng, ba ba ở đáy vực sâu, chán vực sâu mà ra chỗ bãi

nông thời tất bị phải chài lưới. Nay nhà vua đi săn, sao quá chân vào đến tận đây như thế.

Vua Văn Công bảo:

- Người nói phải lắm.

Đoạn, ngoảnh lại truyền quan hầu ghi tên người đánh cá để sau ban thưởng.

Người đánh cá nói:

- Nhà vua bảo ghi tên bầy tôi làm gì. Xin nhà vua cứ tôn kính, thiên địa, *xã tắc*, phòng giữ *biên thùy*, thương yêu muôn dân, đánh nhẹ thuế má, tự khắc là bầy tôi được dự hưởng ơn huệ của nhà vua rồi. Nếu nhà vua chẳng tôn kính thiên địa, *xã tắc*, chẳng phòng giữ *biên thùy*, chẳng chăm công việc bên ngoài không khéo xử với các nước, bên trong mất cả lòng muôn dân, để đến nước mất, dân khổ, thì dù bầy tôi có được hậu thưởng cũng không thể giữ mà hưởng một mình được.

Người đánh cá cố từ, xong rồi lại nói:

- Xin vua mau mau về nước, tôi đây cũng về chỗ kiếm cá của tôi.

Tân Tự

GIẢI NGHĨA: *Văn Công*: vua giỏi nước Tấn về đời Xuân Thu. *Tấn*: nước to đời Xuân Thu ở vào tỉnh Sơn Tây ngày nay. *Châm*: một lần nước rộng xung quanh có nhiều cây cỏ. *Hậu thưởng*: thưởng một cách

hậu hĩ. *Quả nhân*: người ít đức, tiếng vua dùng để tự xưng mình một cách khiêm tốn. *Hồng*: loài chim ở bờ sông, bãi bể, lưng xám, cánh đen, bụng trắng, tính hùng dũng và nhanh nhẹn. *Hộc*: loài ngỗng trời, toàn thể sắc trắng hay vàng, bay cao tiếng kêu to. *Xã tắc*: *xã*: nền đất để tế Hậu thổ (Thần đất), *tắc*: nơi tế Thần lúa. *Xã tắc* dùng có nghĩa như quốc gia. *Biên thủy*: chỗ bờ cõi hai nước giáp giới nhau.

LỜI BÀN: Người đánh cá đây là người hiền có ý khuyên vua Văn Công hai điều là: không nên say mê chơi bởi săn bắn quá độ mà có khi hại đến tính mệnh; hết đạo làm vua cho dân được nhờ và nước khỏi mất.

Còn người đánh cá không nhận thưởng nói cái lẽ như thế cũng là lo xa nghĩ sâu và phải lắm vậy. Quả thế khi tổ chim đã đổ thì trong còn có cái trứng nào lành; nước đã bị phá tan hay xâm chiếm thì nhà toàn vẹn sao được để mình còn hòng riêng hưởng cuộc yên vui: đời được thái bình thì quý bằng bao nhiêu ân thưởng, tâm không phiền lụy thì sung sướng bằng bao nhiêu công danh.

31. VUA TÔI BÀN VIỆC

Vũ Hầu nước Ngụy cùng với quần thần bàn việc gì vua bàn cũng phải, quần thần không ai giỏi bằng.

Lúc lui chầu, Ngụy Hầu ra đáng hơn hờ lắm.

Ngô Khởi bèn tiến lên nói:

- Cận thần ai đã đem câu chuyện Sở Trang Vương nói cho nhà vua nghe chưa?

Vũ Hầu hỏi:

- Câu chuyện Sở Trang Vương thế nào?

Ngô Khởi thưa:

- Khi Sở Trang Vương mà bàn việc phải hơn quần thần, thì lui châu lo lắng. Có người hỏi: Sao vua lại lo?

Sở Trang Vương nói: “Ta bàn việc mà quần thần không bằng được ta, cho nên ta lại lo. Cổ nhân có câu: “Các vua chư hầu ai có thầy giỏi thì làm được vương; ai có bạn giỏi thì làm được bá; ai có người quyết đoán cho mọi việc ngờ vực, thì còn nước; ai bàn việc không còn ai bằng mình, thì mất nước”. Ta nghĩ ngu như ta mà quần thần cũng không ai bằng thì nước ta có lẽ mất mất. Bởi thế ta lo...”

Ấy cũng một việc giống nhau. Sở Trang Vương thì lo mà nhà vua thì mừng.

Vũ Hầu nghe nói áy náy vái tạ và nói rằng:

- Trời sai nhà thầy đến bảo cái lỗi cho ta.

Tử Tuân

GIẢI NGHĨA: Ngô Khởi: người nước Vệ, thời Chiến Quốc trước làm tướng vua nước Ngụy, sau làm tướng vua nước Sở, là một nhà dùng binh giỏi có tiếng.

Cận thần: những bầy tôi gần vua. *Vương*: chúa tể. *Bá*: vua đàn anh các vua nước chư hầu.

LỜI BÀN: Người làm chúa tể một nước tất là người tài giỏi hơn người, sáng công việc hơn người. Tuy vậy, khi đã dùng quần thần, là muốn mong cậy quần thần, còn có nhiều khi giúp được mình như người ngoài giúp nước cờ vậy. Nếu mà quần thần không có ai hơn mình cả, thì là bọn a dua ăn hại còn mong cậy gì được mà chẳng đáng lo. Nên lời Ngô Khởi nói đây rất là phải. Đã hay rằng người ta ở đời phải cầu ở mình hơn nhờ ở người, nhưng lắm lúc cũng phải có tả phụ hữu bật mới lo toan được công việc lớn. Những bậc vua chúa cần phải có thầy giỏi, tôi hay là vì cái lẽ ấy.

Truyện này cũng giống câu trong Quốc Sách có nói: “*Để giả cùng ở với thầy, vương giả cùng ở với bạn, bá giả cùng ở với bầy tôi; vua vong quốc chỉ cùng ở với hạng đầy tớ*”.

32. KHÓ ĐƯỢC YẾT KIẾN

Tô Tần sang nước Sở, châu chực suốt ba ngày mới được vào yết kiến vua Sở.

Đến khi được yết kiến, nói xong câu chuyện là cáo biệt ngay.

Vua bảo:

- Quả nhân nghe tiếng *tiên sinh* quý như nghe tiếng một bậc *cổ nhân*. Nay *tiên sinh* đã không quản

xa xôi đến chơi với quả nhân, lại không chịu ở lại là có làm sao?

Tô Tần thưa:

- Tôi xem ra bên nước Sở ta đồ ăn đắt hơn ngọc, củi thổi đắt hơn quế, quan khó được trông thấy như ma, vua khó được yết kiến như trời. Nhà vua nay muốn bắt tôi ở lại ăn ngọc, thổi quế, nhờ ma để thấy trời hay sao?

Vua nói:

- Xin mời tiên sinh cứ ở lại. Quả nhân nghe đã hiểu ra rồi.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Tô Tần*: một nhà du thuyết giỏi thời Chiến Quốc đi nói sáu nước đồng minh để kháng cự nước Tần. *Yết kiến*: xin vào hầu, vào ra mắt. *Cáo biệt*: nói để từ biệt về. *Tiên sinh*: (Xem bài số 27). *Quả nhân*: (Xem bài số 30). *Cổ nhân*: đây là nói người hiền tài đời cổ.

LỜI BÀN: Lắm người có được chút quyền chức khiến cho người khác phải cần đến mình thì tự làm ra khó khăn hình như không muốn cùng ai tiếp xúc nữa. Họ làm như thế, tưởng là nâng giá trị mình cho lên cao, có biết đâu lại làm cho chức quyền mình kém đi vậy. Vì khi đã làm khó, ít cho người đến gần, tức là lấp đường không cho chân lý, không cho điều khuyết điểm của chức vụ mình đạt được đến mình nữa. Ôi!

Như Tô Tần là bậc tài giỏi mà vua Sở làm cho khó yết kiến thì chỉ có phần thiệt cho vua, chứ có hại gì cho Tô Tần. Thế mới hay người chúa tể một quốc gia, lãnh đạo một dân tộc, cần phải chiêu hiền đãi sĩ, trọng dụng nhân tài để đồng tâm hợp tác thì mới mong thành công được, nếu thông minh tự dụng thì chỉ hại cho dân cho nước mà thôi.

33. KHÔNG PHỤC NƯỚC TÂN

Nước Tân đến đánh nước Ngụy.

Vua Ngụy sợ, sai *Tân Viên Diễn* sang nói với vua Triệu, ý muốn cùng tôn nước Tân lên làm đế để đỡ việc chiến tranh.

Lỗ Trọng Liên được tin ấy, đến báo Diễn rằng:

- Nước Tân là nước bỏ hết cả lễ nghĩa, chỉ chăm dùng võ lực chinh chiến, như thế mà tôn lên làm đế, thì thực là không còn ra sao nữa, sau này mà *thắng thế*, có làm được đế, thì Liên đây đành bước ra bể đông mà chết, chứ không chịu làm dân nước Tân.

Diễn đứng dậy, nói rằng:

- Tôi nay mới biết tiên sinh là bậc *thiên hạ sĩ*. Từ rày tôi không dám nói tôn nước Tân làm đế nữa.

Chu Thư

GIẢI NGHĨA: *Tân Viên Diễn*: tướng quân nước Ngụy về thời Chiến Quốc. Đế: hiệu gọi một người làm

vua nhất thống cả nước Tần. *Lỗ Trọng Liên*: người nước Tề về thời Chiến Quốc, tính khảng khái, cao thượng, thích vì người bài phân, giải nạn, vua Tề phong tước ông không nhận, khi Tần nhất thống, ông ra ẩn ở bể Đông. *Thắng thế*: thế mạnh, lấn át được các nước khác. *Thiên hạ sĩ*: bậc học thức tài đức có tiếng trong thiên hạ.

LỜI BÀN: Khi thấy một nước mạnh hơn nước mình, mà mình cần giao hiếu, thì cũng là thường tình, và như thế tức là vừa giữ cho mình còn lại, vừa được thêm vây cánh nữa. Nhưng mình phải biết khi giao hiếu với nước tàn bạo mà chiều họ tức là như mình muốn xui giục cho họ càng tàn bạo thêm lên. Điều ấy rất không nên, vì như thế chẳng những không lợi gì cho mình mà lại thường nguy cho mình nữa. Họ đã tàn bạo, tất họ không để mình yên, mà dù cho họ có để mình yên nữa thì cái trò tàn bạo không bền được lâu, chẳng bao lâu họ đổ thì mình tất cũng phải đổ theo.

Lỗ Trọng Liên nói trong bài đây, dù sau có phải tự đem thân ra ẩn bể Đông, thế nhà Tần quả cũng như lời Trọng Liên đã nói, không được bền lâu, chỉ qua hai đời trong vòng bốn mươi năm là mất.

34. CẬY NGƯỜI KHÔNG BẰNG CHẮC Ở MÌNH

Văn Công nước Đổng hỏi thầy Mạnh Tử rằng:

- Nước Đổng ta là một nước nhỏ ở vào khoảng giữa nước Tề và nước Sở là hai nước lớn. Kế phận thì phải

chiều cả hai nước, nhưng kể sức thì không thể chiều được cả. Chiều nước Tề chẳng? Chiều nước Sở chẳng? Ta thực không biết nên nương tựa vào nước nào để cho nước ta được yên ổn, thấy *mưu tính* hộ cho ta.

Thấy Mạnh Tử thưa:

- Phàm việc gì mà cứ trông cậy vào người thì không thể chắc được. Chiều Tề thì Sở giận, chiều Sở thì Tề giận; mưu ấy chúng tôi không thể nghĩ kịp. Xin nói một cách là tự giữ lấy nước, đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, cai trị một cách *cố kết* lòng dân, cùng dân giữ nước. Hoặc nhờ có *biến cố* gì xảy ra, vua đã liều chết để giữ nước, thì chắc dân cũng liều chết để giữ nước, không nỡ bỏ vua. Thế là ta dùng cái lòng dân để giữ lấy đất nước tự cường mà lo toan lấy việc nước. Còn chiều Tề hay chiều Sở thì tôi không thể quyết được.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Đặng:* tên một nước nhỏ thời Chiến Quốc tức là huyện Động, tỉnh Sơn Đông bây giờ. *Mưu tính:* trù liệu dẫn đo một việc gì rồi mới làm. *Cố kết:* buộc chặt lại với nhau. *Biến cố:* hoạn nạn bất thường xảy ra. *Tự cường:* tự làm cho có sức mạnh, hết sức cố gắng cho hùng mạnh.

LỜI BÀN: Người làm vua, điều cần nhất là phải giữ hết nghĩa làm vua, và thương yêu giáo hóa dân. Cái chính sách giao hiếu với kẻ mạnh chỉ là cái thế phải thế,

cái chính sách tự lo cho mạnh mới là toàn bằng cái lý ở mình. Vì rằng mình tựa vào người, tất người khinh mà mình phải e nể. Đã gặp cái cảnh khinh, cảnh e nể không chóng thì chày an toàn sao được. Đã đành rằng nước nhỏ phải nể nước lớn, cũng là một cách giao tế không thể thiếu được. Nhưng đây vì Văn Công chỉ chăm chăm việc thờ kẻ mạnh, mà không có chí tự làm cho mình mạnh, nên ông Mạnh mới bảo như thế. Mà phải thật, người lãnh đạo dân đã cùng dân đồng sống chết, cả dân cũng cam tâm cùng sống chết. Thế là cả nước một lòng, cái sức mạnh vô hình ấy, hồ dễ nước nào đã dám xâm phạm. Đã đưa như thế có việc gì phải sợ hãi ai.

Tuy vậy, thời thế ngày nay, có phần khác xưa, nội trị dù có đầy đủ, ngoại giao càng cần phải sáng suốt khôn ngoan nước mới đứng vững ở trên thế giới này được.

35. PHẨM TRẬT ÔNG QUAN, PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

Phẩm trật ông quan là phẩm trật có một đời, *phận* có khắc có. *Phẩm giá* con người là phẩm giá *lưu truyền* trăm đời, tự mình không cố gây dựng cho mình, thì không bao giờ có.

Sĩ, quân tử ta trông thấy cái trời ở ngoài trời, biết rõ cái người ở trong người, hiểu thấu đến cái vật ngoài vật ở đời, nghĩ xa đến cái thân sau thân hiện tại, thì biết

đẳng nào ngắn, đẳng nào dài, đẳng nào còn, đẳng nào mất, chắc không ham mê cái này mà quên bỏ cái kia.

Chúc Tử

GIẢI NGHĨA: *Phẩm trật:* bậc trên dưới của hàng quan lại từ tòng cửu đến chánh nhất. *Phận:* số mệnh trời phú cho người ta tốt hay xấu. *Phẩm giá:* tư cách và danh dự của từng người. *Lưu truyền:* để được đời này sang đời khác. *Trăm đời:* ý nói lâu dài mãi mãi. *Sĩ, quân tử:* nói người có học thức. *Cái này:* tức chỉ quan phẩm. *Cái kia:* tức chỉ nhân phẩm.

LỜI BÀN: Cái phẩm giá của người ta đối với cái phẩm trật ông quan, thì cái phẩm giá người đáng tôn quý lắm. Cho nên, người làm quan đã có phẩm trật ông quan mà lại có được phẩm giá con người thì mới là đáng trọng. Chớ nếu làm quan mà để cho cái danh lợi làm mất hết cái nhân cách, phẩm trật quan làm trôi mất phẩm giá người, thì danh tuy gọi là quan mà thực không bằng người bạch đình vẫn còn giữ trọn phẩm giá. Ôi! Người làm quan chẳng nên đọc Chúc Tử, cân nhắc hai bên phẩm trật và phẩm giá mà tư tưởng hành động cho phải hay sao!

36. BÀI TRÂM CỦA NGƯỜI LÀM QUAN

1. Sĩ, đại phu nên vì đời mình mà tiếc danh, không nên vì đời mình mà mua danh.

Có học thức, chuộng *khí tiết*, thủ dũ (lấy hay cho) phải cẩn thận, uy nghi phải *trang trọng*, ấy thế là tiếc danh.

Tâng bốc lẫn nhau, a dua những kẻ quyền quý, làm ra kiểu cách khác thường, lờ mờ hai mặt, ấy thế là mua danh.

Người tiếc danh thì yên lặng mà hay, kẻ mua danh thì rục rờ mà dở.

2. Sĩ, đại phu nên vì con cháu gây phúc, không nên vì con cháu cầu phúc.

Nghiêm giữ *phép nhà*, chuộng sự *tiết*. Liêm, chất phác, dạy cho chúng biết chữ, cho chúng có nghề, chứa nhiều *ân đức*, ấy thế là gây phúc.

Mua nhiều nhà cửa, ruộng đất, giao kết với những người quyền thế, tranh lợi nhỏ mọn với dân, mua công danh cho con cháu, ấy thế là cầu phúc.

Người gây phúc thì thanh đạm mà lâu dài, kẻ cầu phúc thì nông nản mà ngắn ngủi.

3. Sĩ, đại phu nên vì một nhà mà dùng của, không nên vì một nhà mà hại của.

Giúp cho họ hàng, làng nước, tiêu rộng rãi về việc học, cứu kẻ khốn cùng, chăm làm việc nghĩa, ấy thế là dùng của.

Ăn mặc hoang, xướng hát nhiều, yến hội luôn, *tụ tập* lắm đồ châu báu, ấy thế là hại của.

Người biết dùng của tuy thiệt mà vẫn có thừa, kẻ không biết dùng của tuy thừa mà vẫn thiếu.

4. Sĩ, đại phu nên vì thiên hạ nuôi thân, không nên vì thiên hạ tiếc thân.

Bớt *thị dục*, giảm lo phiền, ít *phẫn nộ*, tiếc ẩm thực, ấy thế là nuôi thân.

So kè lợi hại, xa tránh khó nhọc, tham quyền cố vị chỉ chăm chăm việc vợ con, nhà cửa, ấy thế là tiếc thân.

Người nuôi thân thì im lặng mà to, kẻ tiếc thân thì thỏa thuê mà nhỏ.

Trương Đông Sơ

GIẢI NGHĨA: *Trâm:* lời nói hay thể văn dùng để khuyên răn người ta. *Sĩ, đại phu:* người có chức tước làm quan. *Khi tiết:* chí khí và tiết tháo. *Uy nghi:* oai đáng sợ, dáng điệu đáng bắt chước. *Trang trọng:* đoan chính và cẩn thận. *Phép nhà:* phép độ, quy tắc trong một nhà nào, kẻ trên người dưới đều phải tuân theo. *Tiết kiệm:* vừa phải và tần tiện. *Chất phác:* thật thà mộc mạc. *Âm đức:* công việc phúc đức mà làm không để ai biết. *Tụ tập:* góp nhặt vơ vét chứa lại cho nhiều. *Thị dục:* những điều ham muốn ưa thích. *Phẫn nộ:* bực tức giận dữ.

LỜI BÀN: Bốn đoạn bài này dạy người làm quan muốn vì thân mình, vì con mình, vì nhà mình, vì thiên hạ, nên làm như thế nào là phải. Mỗi đoạn cân nhắc tách bạch lợi hại, rồi lại bày tỏ tình tường kết quả của cả đôi đường hay dở thực là xác đáng lắm. Ta tưởng

bài trăm này không những riêng cho người làm quan mà ai nấy đã có chút công danh, của cải muốn cho được yên vui sung sướng cũng nên ngắm đọc, hãy viết ra mà treo luôn bên mình mà soi ngắm hàng ngày để mà cố thực hành, tưởng cũng nên lắm.

37. CƯỜI NGƯỜI TA KHÓC

Cảnh Công nước Tề đi chơi núi *Ngưu Sơn*, trèo lên mặt thành, đứng ngắm trông rồi tràn nước mắt vừa khóc vừa nói:

- Đẹp quá chừng là nước ta! Thật là *sầm uất*, thịnh vượng! Thế mà nỡ nào một tuổi một già bỏ nước này mà chết đi. Giả sử xưa nay, người ta cứ sống mãi, *quả nhân* quyết không nỡ bỏ nước Tề mà đi nơi khác.

Lữ Sử Không, *Lương Khuu Cự* thấy vua khóc cũng khóc và nói rằng:

- Chúng tôi đội ơn vua có cơm rau mà ăn, có ngựa hèn, xe xấu mà cưỡi, cũng còn chẳng muốn chết, huống chi là nhà vua.

Một mình *Án Tử* đứng bên cạnh cười.

Cảnh Công gạt nước mắt, ngoảnh lại hỏi *Án Tử* rằng:

- Quả nhân hôm nay đi chơi thấy cảnh mà buồn. Không với *Cự* đều theo quả nhân mà khóc, một mình nhà người cười là có làm sao?

Án Tử thưa:

- Nếu người giỏi mà giữ được nước này thì *Thái Công, Hoàn Công* đã giữ mãi. Nếu người mạnh mà giữ được nước này, thì *Linh Công, Trang Công* đã giữ mãi. Mấy vua ấy mà giữ mãi, thì vua nay chắc cũng mặc áo toại, đội nón lá đứng ở giữa cánh đồng lo việc làm ruộng, có được đâu chỗ này đứng, còn rồi đâu mà lo đến cái chết. Chỉ vì hết đời này đến đời kia, thay đổi mãi mới đến lượt nhà vua mà nhà vua lại than khóc thì thật là bất nhân. Nay tôi thấy vua bất nhân, lại thấy bấy tôi xiêm ninh cho nên tôi chối.

Cảnh Công nghe nói lấy làm then, rót chén rượu tự phạt, rồi phạt Không, Cứ mỗi người một chén.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Ngưu Sơn*: tên nói ở huyện Lâm Chi, tỉnh Sơn Đông ngày nay. *Sấm uất*: rậm rạp, đông đúc. *Lữ Sự Không, Lương Khưu Cư*: cận thần của Cảnh Công. *Án Tử*: người nước Tề thời Xuân Thu làm tướng vua Cảnh Công, ông là người kiệm phác, trung thành, giỏi việc chính trị có tiếng thời bấy giờ. *Thái Công, Hoàn Công, Linh Công, Trang Công*: các bậc tiền quân của Cảnh Công.

LỜI BÀN: Tham sinh là cái thói thường người đời. Nhưng cứ mong sống ở đời mãi, tiếc đời đến nỗi than thở khóc lóc như Cảnh Công đây cũng là tham quá. Trong vũ trụ cái gì là cái có sinh mà không có diệt? Vậy đời người cũng phải chịu luật chung ấy, bé

rồi lớn, lớn rồi già, già rồi chết, thấm thoát có là bao! Lẽ đó mà không hiểu, lại chả ngu lắm ư! Nèn Ân Tử cười Cảnh Công rất là phải lắm, Ân Tử bác cả Sử Không và Khuất Cự lại là phải lắm nữa.

Thảm thương thay! Xưa nay những nước gặp phải vua ngu và bầy tôi a dua xiểm nịnh!

38. HIẾU TỬ TRUNG THẦN

Vương Tôn được bổ làm *Thứ sử* châu Ích.

Quan Thứ sử trước ở đấy là Vương Dương, lúc đi *kinh lược* trong hàng châu, qua một con đường núi rất cheo leo, than rằng:

- Thân ta là thân của cha mẹ ta. Ta nữ nào xông pha vào những nơi *nguy hiểm* này. Bèn quay lại, không đi, rồi cáo bệnh về nhà.

Lúc Vương Tôn đến thay Vương Dương đi *tuần phòng*, cũng phải qua con đường ấy, hỏi *nha* lại rằng:

- Có phải con đường này là con đường quan Thứ sử trước sợ không dám đi không?

Nha lại thưa:

- Phải.

Vương Tôn bảo xe cứ đi và nói rằng:

- Vương Dương trước là người *hiếu tử*; Vương Tôn đây là người *trung thần*.

Hán Thư Vương Tôn Truyện

GIẢI NGHĨA: *Thứ sử*: chức quan cai trị một châu, một quận đời cũ. *Ích*: tên của một châu tức là Tử Xuyên đời này. *Kinh lược*: đi xét qua việc trị an trong hạt mình cai trị. *Nguy hiểm*: cheo leo, không được yên ổn vững vàng. *Cáo bệnh*: có bệnh không làm được việc quan xin về nghỉ để chữa. *Tuần phòng*: đi tuần để phòng bị sự xảy ra. *Nha lại*: những người theo làm việc tại dinh các quan. *Hiếu tử*: người con ăn ở hết lòng với cha mẹ. *Trung thần*: bấy tôi hết lòng đem thân giúp vua, giúp nước.

LỜI BÀN: Đối với gia tộc, Hiếu là trọng, đối với quốc gia, Trung là quý. Người ta ở đời, đáng lẽ ai cũng phải cố giữ cho trọn cả Trung lẫn Hiếu. Nhưng khôn nổi có lắm cảnh ngộ khiến cho người ta thực khó mà giữ cho cả Trung, Hiếu được lương toàn; được Hiếu thì mất Trung, được Trung thì mất Hiếu.

Kể như bài này, Vương Dương vì gia tộc mà giữ thân cũng phải, nhưng so với Vương Tôn, thì Vương Tôn phải hơn. Vì theo cái chủ nghĩa “Ở đời thân ta không phải là của riêng của ta, lúc nhỏ là thân của của mẹ, lúc lớn là thân của quốc gia, lúc già là thân của thiên hạ; hậu thế trông mong vào đấy” thì lúc ta đã ra làm việc nước là chính lúc thân ta thuộc về quốc gia, ta há lại còn tiếc mà không làm cho trọn vẹn nghĩa vụ của ta đối với quốc gia hay sao! Đã đem thân phụng sự Tổ quốc, thì Tổ quốc phải để trên hết, chính thế cũng là hiếu lắm, vì cha mẹ ta cũng kỳ vọng cho ta phải thế kia mà.

39. ĐỌC SÁCH CỔ

Vua *Hoàn Công* đọc sách ở nhà trên. Có người thợ mộc đang đeo bánh xe ở nhà dưới, nghe tiếng học, bỏ chàng, đực chạy lên thưa vua rằng:

- Cả dám hỏi nhà vua học những câu gì thế?

Hoàn Công nói:

- Những câu hỏi của *thánh nhân*.

- Thánh nhân hiện nay còn sống không?

- Đã chết rồi.

- Thế thì những câu nhà vua học chỉ là những *tao phách* của cổ nhân đấy thôi.

- À anh thợ! Ta đang đọc sách, sao dám *được nghị luận*? Hễ nói có lý thì ta tha, không có lý thì ta bắt tội.

Người thợ mộc nói:

- Tôi đây cứ lấy việc tôi làm mà suy xét, khi đeo cái bánh xe, để rộng thì mộng cho vào dễ, nhưng không chặt; để hẹp, thì mộng cho vào khó, và không ăn. Còn làm không rộng, không hẹp, vừa vặn đúng mực, thì thật tâm tôi liệu mà nẩy ra tay tôi làm, như đã có cái phép nhất định, chớ miệng tôi không thể nói ra được. Cái khéo ấy tôi không thể dạy được cho con tôi, con tôi cũng không thể học được tôi. Bởi thế, tôi năm nay đã bảy mươi tuổi mà vẫn giữ nghề đeo bánh xe.

Người đời cổ đã chết thì cái hay của người đời cổ khó truyền lại được, tưởng cũng đã chết cả rồi. Thế thì

những câu nhà vua học thật chỉ là những tao phách của cổ nhân mà thôi.

Vua cho người thợ mộc nói là phải.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Hoàn Công*: vua giỏi nước Tề, đời Xuân Thu. *Thánh nhân*: bậc người nhân cách rất cao làm khuôn phép cho người ta được. *Tao phách*: cặn bã rượu, vật thừa thãi không dùng nữa. *Nghị luận*: bàn bạc chê khen.

LỜI BÀN: Đọc sách cũng như xem người, xem người mà cứ câu nệ hình, sắc, danh, thanh, thì không bao giờ biết rõ được “tình” người, mà có khi lại phải người ta làm cho ngu nữa. Ta học mà cứ bo bo ở ngôn ngữ, văn tự thì bao giờ biết hết được sách, vì cái hay nhiều khi miệng không thể nói ra được, bút không thể tả hết được. Ta đọc sách mà tâm ta không lĩnh hội được cái ý ở ngoài câu nói của cổ nhân; thì ta không thể tu kỹ, không thể trì nhân được, chẳng qua chỉ làm cho toàn cái tính của ta thôi. Những kẻ hay mượn bã giả của cổ nhân để buông ra những học thuyết dông dài làm ra sách vở để dạy đời, tưởng cũng lắm lắm.

Trong bài này ý Trang Tử cũng như ý Tuân Tử, muốn phản kháng lại cái tôi học của đời bấy giờ chỉ biết tay “cổ” làm cốt, mà quên bỏ mất “kim”, chỉ biết cho những thánh nhân như Nghiêu, Thuấn...

tự đời nào là phải, chớ không cho người chính thời nay còn được địa vị nào nữa. Như thế thì không khỏi gọi là thiên vậy. Câu nói của người lao công này chính xác và thực tế lắm. Người đi học chỉ chuông hũ văn, không có thực học tưởng cũng thẹn lắm thay!

40. MẤT DÊ

Người láng giềng nhà Dương Chu mất một con dê, đã sai hết cả người nhà đi tìm, lại sang nói Dương Chu mượn một người nhà cho đi tìm hộ.

Dương Chu nói:

- Ôi! Sao mất có một con dê mà cho những bao nhiêu người đi tìm?

Người láng giềng đáp:

- Vì đường có lắm "ngã ba".

Khi các người tìm dê đã về, Dương Chu hỏi:

- Có tìm thấy dê không?

Người láng giềng nói:

- Không.

- Sao lại không tìm thấy?

- Tại đường đã lắm ngã ba, theo các ngã ba đi một chốc lại có nhiều ngã ba khác. Thành không biết đi đường nào để tìm thấy dê, phải chịu về không cả.

Ấy đường cái, chỉ vì lăm ngã ba mà dễ mất không tìm thấy. Người đi học cũng vậy, chỉ vì dễ mê muội, mà mất cả *lượng tâm*.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Dương Chu*: người thời Chiến Quốc xướng lên học thuyết “Vị ngã” trái lại với học thuyết “Kiềm ái” của Mặc Tử. *Ngã ba*: chỗ con đường đi ra ba ngã khác nhau. *Lượng tâm*: lòng lành trời phú cho người ta, tự nhiên như thế

LỜI BÀN: Người đi học mà không suy xét cho tinh cứ cái gì nói cũng tham muốn cả, thì không bao giờ học cho thực đến nơi đến chốn được? Vì cái tâm con người, sức hoạt động của người cũng có hạn, nên phân tán ra nhiều nơi, dùng sự hoạt động vào nhiều loại, tuy rằng học nhiều biết nhiều thật, nhưng chẳng qua chỉ hời hợt trên mặt, gọi là biết qua loa chút ít thôi. Sao cho bằng chỉ chuyên tâm học về một mặt nào, mà học cho đến kỳ cùng, thì sự học, sự biết mới là chắc chắn, sâu xa và có giá trị vậy. Sự học cũng như nhiều sự khác “*quý hồ tinh bất quý hồ đa*”.

41. THỰC HỌC

Hết thầy mọi việc, việc gì cũng có *tình hình* thực sự. Làm thì làm thực sự, chớ vụ *hư danh*.

Hết thầy câu nói, câu gì cũng có *điểm màu nhiệm*. Nói thì nói cho ra nói, chớ có *vọng ngôn*.

Hết thầy mọi vật, mỗi vật có một lý rất phải. Nếu không hiểu rõ lý ấy, thú nhận xét dễ sai lầm mà thành *mê muội*.

Hết thầy mọi người, mỗi người, ta có một cách để cư xử đối phó. Nếu không biết xử thì dễ sinh ra *bất hòa*, tôi chán ghét nhau. Người ta đi học cái gì, chỉ cần học *làm* cho có sự thật, học *nói* cho khỏi vọng ngôn, học *biết* mọi vật cho tinh, học *xử* với mọi người cho phải... Học chỉ học thế thôi. Không chỗ nào là không phải là chỗ học, không lúc nào là không phải là lúc học, không tâm niệm nào không phải là tâm niệm để học. Cố học cho được hiểu trọn vẹn, chớ hiểu dở dang, cố học cho kỳ được, đến nơi đến chốn, chớ có tự mãn, tự túc. Thế mới đáng gọi là người *học giả*.

Khuyết Danh

GIẢI NGHĨA: *Tình hình:* cái ý tứ bên trong, cái thái trạng bên ngoài. *Hư danh:* tiếng hão. *Điểm màu nhiệm:* tinh thần của câu nói, cương hay nhu, chân thành hay trí thuật, làm cho người nghe hiểu hay thấm hay cảm. *Vọng ngôn:* nói càn, nói nhảm, nói dối... *Mê muội:* mờ mịt, tối tăm không biết sự thực. *Bất hòa:* không cùng một chiều một nhịp, mà trái ý nhau. *Tự mãn, tự túc:* tự cho mình là đã khá, đã giỏi mà thôi không chịu học nữa. *Học giả:* người có thực học.

LỜI BÀN: Thực học là lối học thực tế, học cho mở mang trí thức, học cho dày dặn năng lực, để thành tài, để ra ngoài, để làm người hữu dụng: nhỏ thì hữu dụng cho gia đình, to thì hữu dụng cho quốc gia, xã hội.

Thực học trái ngược với lối học hư văn là lối tục học, phù hoa khinh bạc, lòe đời, nịnh đời, chỉ tổ tự hại và hại tha, tuyệt không có gì là hữu dụng cả. Thế cho nên người đi học thì nhiều, người hữu dụng thì ít; đời mới than phiền: “Hiếm nhìn tài”!

42. ĐÂY MỚI THẬT LÀ THẦY

Từ Tuân Minh, người ở Hoa Âm, thân thể to lớn, mồ côi từ thuở nhỏ, tính *hiếu học*, mười bảy tuổi theo Mao Linh Hòa sang học Vương Thông ở Sơn Đông. Học một năm thì từ biệt. Rồi sang yên, Triệu lại học ông Trương Ngô Quý. Học trò ông Ngô Quý rất đông. Tuân Minh *dụng tâm* học, vài tháng sau nói chuyện riêng với người bạn rằng:

- Thầy ta đây danh tiếng tuy lừng lẫy, song nghĩa lý không được *quán triệt*. Phàm những câu ngài *giảng thuyết*, phần nhiều nghe chẳng được thỏa *tâm* ta. Ta muốn lại tìm thầy khác.

Rồi bèn cùng Diên Mãnh Lược sang Phạm Dương thụ nghiệp ông Tôn Mai Đức. Nhưng học vừa được một năm, lại muốn bỏ đi. Mãnh Lược bảo Tuân Minh rằng:

- Anh tuổi còn trẻ, theo thầy học hành, chẳng chịu chuyên học một thầy, cứ nay thầy này, mai thầy khác, nay tìm đến, mai bỏ đi, nghìn dặm xa xôi, sách vở mang cấp, học hành như vậy, sợ không thành được.

Tuân Minh nói:

- Ta nay mới biết chỗ ở của ông thầy đích thật ông thầy.

Mãnh Lược nói:

- Ở đâu?

Tuân Minh chỉ vào “tâm” nói:

- Đây chính ở chỗ này.

Rồi tự bấy giờ Tuân Minh học lấy một mình, hết sức suy nghĩ, sáu năm không ra khỏi nhà. Khi mỏi mệt, thường đàn địch để di dưỡng tính tình. Sau thành một bậc đại nho.

Ngụy Thu Từ Tuân Minh Truyện

GIẢI NGHĨA: *Từ Tuân Minh:* một bậc đại nho đời hậu Ngụy. Cả Mao Linh Hòa, Vương Thông, Trương Ngô Quý, Điền Mãnh Lược, Tôn Mãi Đức cũng là mấy bậc đại nho thời bấy giờ. *Hiếu học:* thích học. *Sơn Đông:* tên tỉnh vào hạ lưu sông Hoàng Hà. *Từ biệt:* từ già ai để đi nơi khác. *Dụng tâm:* Chăm chăm định bụng để làm một việc gì. *Quán triệt:* thấu suốt không sót lẽ gì. *Giảng thuyết:* giảng giải và nói rõ ràng cho người ta nghe ra. *Phạm Dương:* tên đất ở vào tỉnh

Trực Lệ ngày nay. *Thụ nghiệp*: đến học một nghề gì của thầy. *Tâm*: quả tim, đời cổ cho là một cơ thể: tư tự, ý thức, tinh thần của người ta đều ở đấy ra cả. *Di dưỡng tính tình*: làm cho tính tình vui vẻ và một ngày một phát triển.

LỜI BÀN: Học cần phải có thầy, cần phải có sách, đó là lẽ thường, ai đi học cũng khó vượt được hai điều ấy. Song khi học đã cao, nhất về mặt tâm học, bảo muốn tìm cho thực có thầy giỏi để thụ nghiệp, không phải là dễ. Bấy giờ tất nhiên phải như Từ Tuân Minh đây, lấy “tâm” làm thầy là hơn cả. Vì cội rễ muôn nghìn điều phải, điều lành đều đo ở tâm. Đem tâm chính trực trị tâm gian tà, đem tâm trung hậu trị tâm bạc ác, đem tâm ôn hòa trị tâm táo bạo, đem tâm cần lao trị tâm lười biếng, v.v..

Học thế nào cho tâm được thư thái, tâm được yên thỏa, tâm được quang minh như gương sáng trong, như nước im lặng, ngoại vật lại chẳng loạn được tâm, ngoại vật đi chẳng lưu lại ở trần; thế mới gọi là có tâm học vậy.

43. BỎ QUÊN CON SINH

Họ Công Sách sắp tế. Trong các lễ vật bỏ quên không đặt con *sinh*. Đức Khổng Tử nghe thấy chuyện, nói rằng:

- Trong hai năm nữa, họ Công Sách thế nào cũng mất quan.

Năm sau, họ Công Sách quả nhiên mất quan thật.

Môn nhân hỏi rằng:

- Trước họ Công Sách sắp tế bỏ quên con sinh mà thấy nói trong hai năm nữa thì mất quan, nay sự quả nhiên. Dám hỏi vì lẽ gì mà thấy biết trước như vậy?

Đức Khổng Tử nói:

- Việc tế là việc người con có hiếu tỏ hết lòng thương nhớ cha mẹ, mà lúc sắp tế bỏ quên con sinh, thì cái công việc khác bỏ quên; bỏ sót chắc nhiều lắm. Như thế mà không mất thì không có lý.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Công Sách:* học trò một ông quan đời Xuân Thu. *Lễ vật:* những thứ dùng để tế lễ. *Sinh:* con muông dùng làm việc tế lễ, như lợn, dê trâu, bò. *Môn nhân:* học trò của một ông thầy.

LỜI BÀN: Việc tế lễ là việc rất thận trọng, tức là việc giao tế thần minh. Chỉ có người tận tâm và tận thành thì mới cảnh cách được, con sinh là lễ vật rất thiết yếu mà đến lúc tế lại quên cả con sinh thì sự sơ suất không phải là nhỏ ấy. Người như thế không thành tâm, công việc như thế là công việc không chu đáo. Xét một sự mà suy ra muôn sự, đức Khổng Tử suy xét mà biết, há có phải là tiên tri đâu. Nhưng suy xét chắc chắn mà phán đoán trúng việc thì có khác gì tiên tri.

44. CHỌN NGƯỜI RỒI SAU HÃY GÂY DỰNG

Dương Hồ làm tướng nước Vệ, phải tội, chạy trốn sang nước Tấn, vào yết kiến Triệu Giản Tử, nói rằng:

- Từ nay trở đi, ta nhất quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu Giản Tử hỏi:

- Vì có gì mà ông lại nói thế?

Dương Hồ nói.

- Khi tôi ở nước tôi, các quan hầu cận nhà vua, tôi gây dựng cho quá nửa, các quan ở triều đình, tôi cũng gây dựng cho quá nửa, đến cả các quan ở biên thùy, tôi cũng gây dựng cho quá nửa. Thế mà bây giờ các quan hầu cận nhà vua thì gièm pha tôi, các quan triều đình thì đem pháp luật trị tội, các quan biên thùy thì dùng binh khí hiếp tôi. Thế cho nên từ nay trở đi, tôi nhất quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu Giản Tử bảo:

- Ông nói câu ấy thì lầm. Ai trồng cây đào cây mận thì mùa hè được bóng mát nghỉ, mùa thu được quả ngon ăn. Ai trồng cây tật lê thì mùa hè bóng mát không có, mùa thu chỉ được những chông gai. Cứ như vậy, thì có phải là tại do cây mình trồng lúc trước không? Nay ông sở dĩ đến nỗi thế, là vì ông gây dựng toàn cho những kẻ không ra gì cả. Cho nên người quân tử phải chọn người trước, rồi sau mới gây dựng.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA: *Dương Hồ:* tức là Dương Hóa, người nước Lô thời Xuân Thu làm quan nước Lô, là người quyền thần chuyên chính. *Vệ:* tên một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào một phần tỉnh Trực Lệ ngày nay. *Tần:* tên một nước lớn đời Xuân Thu, ở vào tỉnh Sơn Tây ngày nay. *Triệu Giải Tử:* một người danh thần nước Triệu đời Xuân Thu. *Yết kiến:* đến chào và thăm người tôn trưởng. *Nhất quyết:* khẳng khẳng giữ một mực. *Hầu cận:* ở gần nhà vua. *Triều đình:* nói các quan châu vua để bàn việc nước. *Biên thủy:* nơi bờ cõi hai nước giáp nhau. *Hiếp:* dùng sức mạnh bắt phải theo. *Tật lê:* loài cây mọc ở chỗ bãi bể, lan xuống mặt đất thân nhỏ, lá đối nhau, quả có gai vì dùng làm vị thuốc.

LỜI BÀN: Dương Hồ gây dựng cho người ta, mà về sau, lại bị người ta quay lại hại mình, thật chẳng khác nào như nuôi ong tay áo, nuôi hổ để chịu vạ lây, đáng tức giận lắm thay. Cho nên Hồ phàn nàn với Triệu Giản Tử và có ý như thể rằng, thôi từ rày không làm ơn cho ai nữa. Vì loài người đã bội bạc lại còn thêm độc ác. Triệu Giản Tử bác đi và giảng giải thế, là có ý quy cái tội cho Dương Hồ tức là cái tội làm đại thần mà tham tàn mà ưa nịnh, chỉ trích gây dựng cho tiểu nhân để lo bè đảng thì khi thất thế, phải chịu lấy cái vạ của tiểu nhân.

Có người nói: Làm ơn mà phải chọn người trước, kể cũng là hẹp hòi. Nhưng làm ơn là một việc vì Tổ quốc mà chọn người, gây dựng cho người để giúp nước

giúp dân là một việc. Như kéo bè kéo đảng, gây dựng cho cả kẻ gian ác có địa vị, có quyền thế để chúng làm mưa làm gió gieo tai gieo vạ cho nhân dân thì không những không được báo ơn, mà còn hại đến thân và đắc tội với Tổ quốc nữa.

45. CƠ TÂM

Thầy Tử Cống đi qua đất Hán Âm thấy một ông lão làm vườn đang xuống giếng gánh từng thùng nước, đem lên tưới rau.

Thầy Tử Cống nói:

- Kìa có cái máy một ngày tưới được hàng trăm khu đất, sức dùng ít mà *công hiệu* nhiều. Cái máy ấy đẳng sau nặng, đẳng trước nhẹ, đem nước lên rất dễ và tên gọi là “Máy lấy nước”.

Ông lão làm vườn nói:

- Máy tức là *cơ giới*, kẻ có *cơ giới* tất có *cơ sự*, kẻ có *cơ sự* tất có *cơ tâm*. Ta đây có phải không biết cái máy ý đâu, chỉ nghĩ xấu hổ mà không muốn dùng vậy.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Tử Cống*: học trò đức Khổng Tử giỏi về khoa ngôn ngữ. *Hán Âm*: tên đất hiện ở vào phủ Hưng An, tỉnh Thiểm Tây bây giờ. *Công hiệu*: kết quả của công việc làm. *Cơ giới*: đồ dùng có máy móc. *Cơ sự*: những việc đối trá, tai quái bày ra để lừa gạt người

ta mắc phải. *Cơ tâm*: lòng gian trá, bí hiểm nghĩ để hãm hại người ta để có ích mình.

LỜI BÀN: Cái đời gọi là văn minh, Âu Mỹ bây giờ chính nhờ ở máy móc cả. Bao nhiêu đồ vật cần dùng từ cốc uống, cái kim may áo cho đến cây súng, trái phá, máy bay trên không, tàu ngầm dưới bể, nghĩa là tự các đồ gây dựng cho đến cái đồ phá hoại đều là tự máy móc chế ra rất là tinh xảo, thiên hạ đua nhau khen cho là thần diệu, thiên hạ xô nhau dùng cho là tiện lợi, tưởng như chỉ có thế, loài người mới sung sướng, có nhờ đâu cũng do đấy mà thảm hại.

Sao vậy? Vì rằng phàm người đã đặt ra máy móc, tất là người phải có cơ tâm, mà khi đã có cơ tâm, nhờ nhau từng ly, lừa nhau từng miếng, thì đời nào mà hòa thuận, tin yêu nhau được. Ôi! Trang Tử đây thác vào kẻ làm vườn mà nói lấy “cơ tâm” làm xấu hổ cũng là có nghĩa ấy. Người ta quý nhất là giữ được thiên chân, toàn được bản tính, thì mới còn là người mà có thú sống. Nếu không, thì tư tưởng, hành vi làm sao tránh khỏi được điều trí trá, kiêu sức, quỷ quyệt, nham hiểm; gian mà giống như ngay, nịnh mà giống như trung, giả mà giống như thật, trái mà giống như phải, thực là tai hại cho người mà tai hại cho chính cả mình nữa. Cơ tâm mình tự dối mình trước để sau dối người, hay trái lại mình đã dối người quen, sau thành dối cả mình, thì còn đâu là lương tâm để làm lành, để gây hạnh phúc cho thân và cho người nữa.

46. KHÔNG ĐỢI TRÔNG CŨNG BIẾT

Hứa Kính Tôn có tính kiêu ngạo khinh người, tiếp ai xong nhiều khi quên ngay, sau người ta có đến lại không rõ là ai nữa.

Hoặc có kẻ chê *Kính Tôn* là người không được *thông minh*.

Kính Tôn nói:

- Cái đó là tự người ta làm cho người ta khó nhớ đấy thôi. Ví bằng ta gặp được những bậc tài giỏi như *Hà, Lưu, Thẩm, Tạ*, thì dù sờ trong xó tối, ta cũng biết mà nhớ ra được.

Tùy Đường Nhai Thoại

GIẢI NGHĨA: *Hứa Kính Tôn*: người đời nhà Đường đỗ Tú tài, văn chương giỏi làm quan đến Tế tướng. *Kiêu ngạo*: khoe mình khinh đời. *Thông minh*: nghe hiểu ngay, trông biết ngay. *Hà, Lưu, Thẩm, Tạ*: bốn nhà hiền tài cùng thời với *Hứa Kính Tôn*.

LỜI BÀN: *Kiêu ngạo* là thói xấu, đến nỗi người ta có câu: "*Ai mà kiêu ngạo là kẻ sắp đi đến bước cuối cùng*". Vậy người ta dù thông minh tài giỏi cao quý đến đâu cũng không nên kiêu ngạo. *Hứa Kính Tôn* đây văn chương đã giỏi, quan chức lại to, giao tiếp nhiều người, nhớ sao cho xiết, mà chẳng quên. Nên ta cũng chưa thể cho cái quên ấy là thực khinh người. Xem ngay như

câu nói của Hứa Kính Tôn, thì ta lại có thể cho là người biết người và có bụng trọng những người tài giỏi.

Vả chẳng ở đời, cái thói khinh người tuy không nên có, những cái cách biết phân biệt người đáng trọng, kẻ nên khinh, không nên rằng không có. Câu cổ “*Tố nhân bất khả hữu ngạo thái, nhiên bất khả vô ngạo cốt*” (Làm người không nên có cái dáng khinh ngạo, nhưng cũng không nên không có cái cốt khinh ngạo) cũng âm hợp với câu của người Pháp: “*It ne faut pas mépriser, mais il faut savoir dédaigner*”.

47. KHINH NGƯỜI

Tử Kịch là một bậc *quyển quý*, gặp Diên Tử Phương là một người *hàn sĩ* ở giữa đường, liền xuống xe chào. Tử Phương làm lơ không đáp lại.

Tử Kịch giận, hỏi Tử Phương rằng:

- Kẻ *phú quý* hay khinh người đã đành, kẻ *bần tiện* có khinh người được không?

Tử Phương nói:

- Kẻ *bần tiện* mới có thể khinh người; kẻ *phú quý* sao dám khinh người.

Vua nếu mà khinh người thì mất nước, quan nếu mà khinh người thì mất chức. Còn kẻ có *học thức* xử cảnh *bần tiện*, đi đến đâu mà lời nói vua quan không dùng, việc làm vua quan không theo, thì xỏ chân vào

giày, ta ngay lập tức, đến chỗ nào chẳng được bản tiện, còn có lo sợ gì, mà không dám khinh người?

Tử Kịch nghe ra, bèn xin lỗi Tử Phương.

Chu Thư

GIẢI NGHĨA: *Tử Kịch*: một nhà quyền thế đời Chiến Quốc. *Bạc quyền quý*: người có uy quyền thế lực thiên hạ phải kinh sợ. *Điền Tử Phương*: người nước Ngụy về đời Chiến Quốc có tiếng là bậc hiền nhân. *Hàn sĩ*: người học trò nghèo khổ ít ai biết đến. *Phú quý*: giàu có, quan sang. *Bản tiện*: nghèo khổ, hèn hạ. *Học thức*: học vấn uyên bác, kiến thức cao xa.

LỜI BÀN: Tử Kịch muốn lấy quyền thế, mà khinh người; Tử Phương muốn lấy học thức mà khinh người. Đến cùng thì học thức khinh nổi được quyền thế. Mới hay ở đời nào cũng vậy phú quý không bao giờ bằng được học thức. Có lẽ Tử Phương đây muốn chữa cái bệnh cho người quyền thế quá kiêu căng đời bấy giờ, cho nên nói những câu quá khích như thế. Ta cũng không nên quên cách phục thiện của Tử Kịch đáng trọng và đáng yêu. Nay ta cứ bình tĩnh mà nói: Khinh người tức là “kiêu” mà chữ kiêu là cái nguồn gốc làm bại hoại cả đức tính. Phú quý chẳng nên kiêu, thì bản tiện đâu có kiêu được, cũng không lấy gì làm phải. Kẻ xử sĩ đời Chiến Quốc phải cái phong khí nó chuyển đi, cho nên thường hay mắc cái thói kiêu như Tử Kịch đây, không thoát khỏi tục, cũng là đáng tiếc. Người có

học thức mà kiêu, là hạng người khinh thế ngạo vật, coi đời như không quan thiết gì đến mình. Ôi! Đã gọi là học thức mà có tính kiêu, thì vô bổ cho đời, đời có người ấy cũng như không vậy.

48. HAI CÔ VỢ LỄ NGƯỜI NHÀ TRỢ

Dương Chu sang nước *Tống*, đến ở trọ một nhà kia.

Người chủ nhà trọ, có hai người *thiếp*, một người đẹp, một người xấu. *Dương Chu* thấy trong nhà ai cũng quý người *thiếp* xấu mà khinh người *thiếp* đẹp, lấy làm lạ bèn hỏi dò thẳng trẻ con trong nhà trọ, thì nó trả lời rằng:

- Người *thiếp* đẹp tự lên là đẹp mà mất đẹp, tôi chẳng biết cái đẹp của họ nữa, người *thiếp* xấu tự biết là xấu mà quên xấu, tôi chẳng biết cái xấu của họ nữa.

Dương Chu gọi học trò ra bảo:

- Các con nhớ lấy câu ấy. Người ta giỏi mà bỏ được cái nét “tự cho mình là giỏi”, thì đi đến đâu ai mà chẳng tôn trọng, chẳng thân yêu.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Dương Chu*: người đời Chiến Quốc, xướng lại cái thuyết “Vị ngã”. *Tống*: nước chư hầu đời Xuân Thu sau phải nước Tề lấy mất, ở vào địa phận tỉnh Hà Nam bây giờ. *Thiếp*: vợ lẽ, cô hầu.

LỜI BÀN: Đàn bà đẹp mà tự cậy mình lên đẹp, thì người ngoài chỉ thấy cái bộ khoe khoang đáng ghét chứ không thấy còn gì là vẻ đẹp đáng yêu nữa. Đàn bà xấu tự thẹn mình là xấu, thì chỉ thấy cái nét dịu dàng đáng thương, không còn thấy cái gì xấu xí đáng ghét nữa. Đấy người đẹp mà bị khinh, người xấu mà được quý là tại thế.

Ôi, đẹp chỉ vì lên đẹp mà mất đẹp, xấu chỉ vì biết xấu mà quên xấu, thế thì những người giỏi mà tính tự lên là giỏi, thì sinh thời nào, đi đến đâu cũng không mong thiên hạ kính yêu được. Vì như thế tức là kiêu, mà kiêu thì không ai chịu được, sự khiêm nhã bao giờ vẫn là hơn vì “*Thiên đạo, ích khiêm lưu khiêm, quý thân phục khiêm, nhân đạo, hiếu khiêm*”. Khiêm hay là dương nào! Dương Chu lấy câu chuyện ấy ra dạy học trí rất là phải lắm.

49. BA ĐIỀU PHẢI NGHĨ

Đức Khổng Tử nói:

- Người *quân tử* có ba điều phải nghĩ, ta chẳng nên chẳng xét đến:

1/ Lúc nhỏ nếu mà chẳng học, thì đến lúc lớn, ngu dốt không làm được việc gì;

2/ Lúc già nếu mà không đem những điều mình biết để dạy người, thì đến lúc chết chẳng ai thương tiếc;

3/ Lúc giàu có nếu mà chẳng *bố thí*, thì đến lúc *khốn cùng* chẳng ai cứu giúp.

Cho nên, người quân tử lúc nhỏ nghĩ đến lúc lớn thì chăm học, lúc già nghĩ đến lúc chết thì chăm dạy, lúc có nghĩ đến lúc không thì chăm cứu giúp người nghèo khổ.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Quân tử*: bậc tài đức học thức hơn người. *Bố thí*: đem của mình để cứu giúp người khốn khổ. *Khốn cùng*: khốn quẫn cùng khổ của ăn không có, chỗ ở thì không.

LỜI BÀN: Lúc nhỏ mà nghĩ đến lúc lớn, lúc già mà nghĩ đến lúc chết, đang giàu mà nghĩ đến nỗi nghèo khổ, ba điều người quân tử phải nghĩ đến ấy tức là ba điều lo xa. Phàm người ta có chịu trông xa như thế mới là biết phòng bị những cái ưu hoạn trước khi nó xảy ra vậy. Đức Khổng Tử có nói:

*"Người ta không nghĩ xa, tất có sự ưu hoạn gần"*¹ cũng là có cái nghĩa dự phòng như lời nói trong bài này vậy.

50. LO, VUI

Thấy Tử Lộ hỏi đức Khổng Tử rằng:

- Người quân tử cũng *lo sợ* ư?

¹ Câu chữ Hán là: *Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu*.

Đức Khổng Tử nói:

- Người quân tử chỉ cốt suy nghĩ định liệu công việc của mình, lúc chưa làm được vui rằng mình có ý đã định làm, lúc đã làm được thì lại vui rằng mình có *trí* làm được việc. Thế cho nên người quân tử có cái vui thú suốt đời, không có cái lo sợ một ngày nào cả.

Kẻ tiểu nhân thì không thế, lúc chưa làm được việc thì lo sợ rằng không được, lúc đã làm được việc thì lo sợ lỗ hỏng mất. Thế cho nên kẻ tiểu nhân có cái lo sợ suốt đời, không có cái vui thú nào cả.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Lo sợ:* buồn bực, rầu rĩ và sợ sệt. *Ý:* tâm tư suy nghĩ đắn đo để nói, để làm việc gì. *Trí:* biết trước mà biết sâu xa rõ ràng cái lẽ của mọi việc.

LỜI BÀN: Đã muốn làm nên việc tất phải để tâm nghĩ vào đấy nhưng nghĩ mà cứ theo thiên lý chớ không có chút tâm tư nào, việc hỏng hay việc nên cũng không bận đến lòng. Cho nên người quân tử không hề sợ bao giờ, bao giờ cũng bận việc mà cũng thản nhiên như không vậy. Kẻ tiểu nhân thì trái lại thế, làm việc gì cũng chỉ cốt cầu tự tư, tự lợi cho nên dù được, dù hỏng trong bụng lúc nào cũng áy náy không sao quên được, nghĩa là chưa được, thì lo sợ rằng chưa được, đã được lại lo sợ rằng lỗ hỏng mất chẳng!

51. THẤY LỢI NGHĨ ĐẾN HẠI

Liệt Tử nghèo khổ, có khi đói khát không có gì mà ăn uống.

Có người nói với vua Tử Dương nước Trịnh rằng:

- Liệt Tử là một người *cao thượng*, nay ở nước nhà vua mà phải bán cùng, thì chẳng hóa ra nhà vua không biết quý chuộng người giỏi ư?

Tử Dương nghe nói sai *sứ giả* đưa cho Liệt Tử vài mươi xe thóc.

Liệt Tử ra *yết kiến* sứ giả, vái hai vái, xin từ không nhận.

Sứ giả đi, Liệt Tử vào nhà trong. Vợ ngóng trông bực tức, tự đập vào ngực mà nói rằng:

- Thiếp nghe vợ con những bậc đạo đức cao thượng đều được an nhàn vui vẻ, nay vợ chồng tiên sinh túng đói, vua ban cho tiên sinh thóc gạo, tiên sinh lại từ. Thế chẳng phải là *số mệnh* xui ra vậy hay sao!

Liệt Tử cười, bảo vợ rằng:

- Vua mà biết ta không phải là chính vua biết ta, tại nghe có người nói mới biết ta mà cho ta thóc, thì lúc bắt tội ta, tất vua cũng lại nghe người nói mà thôi. Vì thế mà ta không nhận thóc. Vả chẳng chịu bổng lộc của người hoặc khi người mắc hoạn nạn, không liều chết giúp người là bất nghĩa. Mà nếu liều chết giúp kẻ *vô đạo* thì lại còn gọi là nghĩa thế nào được.

Tử Dương sau quả bị nạn chết.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Trịnh:* tên một nước nhỏ đời Xuân Thu thuộc tỉnh Hà Nam bây giờ. *Cao thượng:* thanh cao, tự trọng không chịu làm những điều hèn hạ khuất phục. *Sứ giả:* người thay mặt và nhận lời người trên để đi nói hay làm một việc gì với ai. *Yết kiến:* đi chào người trên. *Số mệnh:* những sự hay, dở, được, hỏng của đời người hình như định sẵn tự trời, không phải sức người làm nổi. *Vô đạo:* ăn ở không theo lẽ phải.

LỜI BÀN: Dương lúc túng đói, gặp được vua chúa quý trọng, lại cho vài mươi xe thóc, người ta được thế, chắc lấy làm vinh hạnh sung sướng, mà còn lên mặt với đời là khác. Liệt Tử đây khác hẳn, vài sứ giả hai vái, nói xin từ. Thái độ khiêm nhã thật đáng trọng! Xin từ mà không lộ vẻ tự ái, tự cao, không có một lời nghị luận đến thời sự, thậm chí phải vợ con giày vò mà Liệt Tử vẫn thản nhiên, chỉ ôn tồn nói qua mấy câu “ăn ở cần phải biết lui biết tới, biết ân biết nghĩa”. Người sao sáng suốt, khôn ngoan mà như ngu dại, thật đáng phục lắm thay! Vì không thể không sống còn được ở đời loạn, Liệt Tử đây phần biết người hay dở, phân hiểu việc sâu xa. Thật là bậc “minh triết bảo thân”¹ vậy.

Ở đời sẵn có máu tham, thấy của tối mắt, đồ đâu bầu đầy, sống chết mặc bay, đó là bệnh thông thường. Anh em chúng ta như muốn tránh bệnh ấy, tưởng nên học Liệt Tử đây biết ra nghĩa lợi hiểu đường lui tới thì mới là hơn.

¹ Ý nói là: Đã khôn ngoan lại sáng suốt để bảo toàn tấm thân.

52. THỦY CHUNG VỚI VỢ

Vua *Cảnh Công* có cô con gái yêu, muốn gả cho *Án Tử*. Một hôm, vừa đến ăn tiệc nhà *Án Tử*, thấy vợ *Án Tử* hỏi:

- Phu nhân đấy phải không?

Án Tử thưa:

- Vâng, phải đấy.

Vua nói:

- Ôi! Người trông sao vừa già, vừa xấu! Quả nhân có đứa con gái trẻ đẹp muốn cho về hầu, *khánh* nghĩ sao?

Án Tử đứng dậy thưa rằng:

- *Nội tử* tôi nay thật già và xấu; nhưng lấy tôi và cùng tôi ăn ở đã lâu kể từ lúc còn trẻ và đẹp. Xưa nay đàn bà lấy chồng lúc trẻ cốt để nhờ cậy lúc già, lúc đẹp lấy cốt để nhờ cậy lúc xấu. *Nội tử* tôi thường nhờ cậy tôi mà tôi cũng đã nhận sự nhờ cậy ấy. Nay nhà vua tuy muốn ban ơn chắc cũng không nỡ để cho tôi ăn ở bội bạc với những điều *nội tử* tôi đã nhờ cậy tôi bấy lâu nay.

Nói đoạn *Án Tử* lạy hai tay, xin từ không lấy.

Án Tử

GIẢI NGHĨA: *Cảnh Công*: vua hiền nước Tề đời Xuân Thu. *Án Tử*: tức là *Án Anh*, làm tướng đời vua

Cảnh Công. Ông là người trung thành, tiết kiệm có tiếng đời bấy giờ. *Nội tử*: tiếng để gọi vợ cả mình. Tiếng đời cổ dùng để gọi vợ các quan to. *Khanh*: tiếng vua gọi một bậc quan to hay một vị đại thần. *Bội bạc*: phụ lòng người ta, ăn ở không được thủy chung như nhất.

LỜI BÀN: Vợ chồng là bạn trăm năm đã phải duyên phải lứa lấy nhau từ lúc còn trẻ, kính yêu nhau thì đến lúc già lại có nữ phụ nhau. Ngán thay thói đời giàu hay quên bạn, sang hay phụ vợ. Lắm kẻ lúc còn hàn vi vợ nuôi cho ăn đi học, một mai được chút tiền của, chức tước, đã phụ ngay vợ cũ mà kiếm vợ mới, hoặc kiếm vào chỗ giàu, hoặc kiếm vào chỗ sang, hoặc kiếm người trẻ tuổi xinh đẹp hơn. Những kẻ như thế dù viện lẽ gì, tổng chi cũng cho là phụ bạc cả. Nào đã mấy người được như Ân Tử đây: Gặp cảnh giàu sang như nhà vua, trẻ đẹp là công chúa, lại như muốn lấy uy quyền bức bách mình, mà mình nhất định cố từ. Ông là người ăn ở thủy chung vợ tấm cám thật!

Bạn quần thoa đọc chuyện này cũng nên ngẫm nghĩ, chớ nên tham tài tham danh mà lấy những kẻ đã đem lòng phụ vợ tào khang. Vì rằng người vợ xưa, nuốt được nghèo khổ, chịu được cay đắng, ở với họ đã bao lâu, mà họ còn phụ, thì họ có lấy ta hoặc vì lợi chẳng, hoặc vì thế chẳng, hoặc vì sắc chẳng, một khi lợi kém thế hết, sắc suy, thì cái tình vợ chồng lúc bấy giờ lại hóa ngay ra cảnh người đứng nước lã.

53. MA NÓI CHUYỆN

Có người trốn tránh quân *thù nghịch* đi ẩn núp ở chỗ núi thẳm, hang cùng.

Một đêm gió mát, trăng trong, người ấy bỗng thấy một con ma vắn vớ quanh quẩn ở dưới cây *dương liễu*, sợ quá cứ nằm phục xuống, không dám trở dậy.

Con ma thấy thế lại tận nơi bảo:

- Sao không ra đây mà chơi?

Người kia run cầm cập mà trả lời:

- Thưa ông, con sợ ông lắm.

Con ma nói:

- Sao mà gan thế! Việc chi mà sợ! Kể mà đáng sợ thì chi có giống người là đáng sợ hơn cả mà thôi. Bác thử nghĩ xem. Ai làm cho bác đến nỗi *điên bái cơ cực* như thế này, người hay ma?

Ma nói xong cười một hồi rồi biến mất.

Duyệt Vi

GIẢI NGHĨA: *Thù nghịch*: kẻ căm giận thù hằn chỉ muốn làm hại. *Dương liễu*: loài cây cao, lá đẹp và dài, đầu lá nhọn, quả nó thành bông trắng bay rải rác mọi nơi. Lá dương thì giơ lên, lá liễu thì rũ xuống. Nay thường gọi gồm hai thứ là một. *Điên bái*: nghiêng ngửa không được yên ổn. *Cơ cực*: khổ sợ quá chừng. *Duyệt Vi*: tên bộ sách của Kỳ Quân đời nhà Thanh làm.

LỜI BÀN: Ma quỷ tuy ai cũng có lòng ghê sợ nhưng chẳng qua chỉ là một điều huyền hoặc không đâu. Nếu sợ ma quỷ là một sự mê tín vu vơ, sợ hãi, sợ huyền, sợ một cái thực không đáng sợ. Loại mà đáng sợ là chỉ có chính người mà thôi. Trong bài đây, tác giả thác vào con ma mà nói như thế là cốt để phơi bày cái lòng nham hiểm tàn ác của loài người. Chỉ có người mới thực hại được người, làm cho người điêu đứng khổ sở trăm đường nghìn nõi. Bao nhiêu sự quấy nhiễu lẫn nhau, khổ nhục lẫn nhau, hãm hại giết chóc lẫn nhau chẳng phải tự người sinh ra để hại người cả sao! Nên nói: “*Người là loài tàn bạo hạng nhất trong các loài tàn bạo*” cũng là đáng lắm vậy.

54. ĐÁNG SỢ GÌ HƠN CẢ

Tại lầu nhà sách kia, có con *hồ tinh* không hiện hình ra bao giờ, nhưng thường vẫn hay trò chuyện. Chuyện nói rất *lý thú*, nghe cũng phải phục.

Một hôm, *tân khách* họp đồng, có con hát mời rượu ước với nhau rằng:

- Ai sợ gì thì phải nói, mà nói vô lý thì phải phạt rượu.

Bấy giờ, cử tọa lần lượt nói, nào sợ người học rộng, nào sợ người nhà giàu, nào sợ người quan to, sợ người nịnh giỏi, nào sợ người khiêm tốn quá, sợ người lễ phép câu nệ quá, nào sợ người thận trọng ít nói, sợ người hay nói nửa chừng...

Sau cùng hỏi đến hồ tinh, thì hồ tinh đáp:

- Ta chỉ sợ hồ tinh.

Ai nấy đều cười, bảo rằng:

- Người ta sợ hồ tinh mới phải, anh là *đồng loại* can gì mà sợ? Phật anh một chén rượu.

Hồ tinh cười nói:

- Thiên hạ duy có đồng loại là sợ nhau. Con cùng cha mới tranh *gia sản*; gái cùng chồng mới hay ghen tuông; kẻ tranh quyền nhau, tất là quan lại *đồng triều*; kẻ tranh lợi nhau tất là lái buôn một chỗ. Bức nhau *trở ngại* nhau, trở ngại nhau thì *khuyh loát* nhau. Nay lại còn người bắn con trĩ thì dùng con trĩ làm mồi, không dùng con gà, con ngỗng; người săn hươu thì dùng con hươu làm mồi, không dùng con dê, con lợn. Phàm những việc *phản gián* đều là phải dùng đồng loại cả. Cứ thế mà suy thì tài nào hồ mà chẳng sợ hổ?

Cử tọa đều cho câu nói của hồ tinh là *xác đáng*.

Duyệt Vi

GIẢI NGHĨA: *Hồ tinh*: tục truyền cho giống hồ sống nghìn năm thành hồ tinh hay quấy nhiễu người. *Lý thú*: hợp lẽ phải là cho người nghe vui tai không chán. *Tân khách*: chỉ gồm những người đến thăm nom vui chơi với chủ. Nói tách ra là quý khách và khách thường. *Cử tọa*: tất cả bao nhiêu người cùng ngồi một chỗ. *Đồng loại*: cùng một loài, một giống với

nhau. *Gia sản*: ruộng đất, nhà cửa, tiền của của một nhà. *Đồng triều*: nói những người cùng làm quan một triều, cùng thờ một vua. *Trở ngại*: làm cho ngăn ngừa vướng víu. *Khuynh loát*: làm cho nghiêng đổ không đứng vững. *Phản gián*: nhân cái mưu kế của người chực hại mình mà mình khéo dùng, lại hóa ra chính mưu kế ấy để hại người. *Xác đáng*: đích thực, hợp lẽ ai cũng cho là phải.

LỜI BÀN: Loài yếu sợ loài khỏe, kẻ đại sợ kẻ khôn như chó sợ hùm, muông mọi sợ người văn minh. Những cái sợ ấy mới là cái sợ họa hoằn. Chớ cái sợ kẻ đồng loài, người đồng nghiệp mới là sợ thường có luôn, cái sợ thực đáng sợ luôn vậy. Người phải sợ người hơn sợ hùm beo, sư tử; người đồng loại, kẻ đồng nghiệp sợ lẫn nhau hơn là sợ người ngoài. Tại sao? Tại chỉ có cùng nhau một loài, cùng nhau một nghề mới phải cạnh tranh đá chọi lẫn nhau. Mà đã cạnh tranh nhau, tất hay dòm dò nhau, tìm cách hại lẫn nhau để cầu lợi cho mình, thậm chí tàn sát nhau đến chôn sống hàng vạn quân, giết chết hàng triệu người, mà vẫn không chán. Thảm thương thay! Người lại hại người!

55. CHỈ BIẾT CÓ MÌNH

Người ta sờ dĩ đến nỗi phạm phải nghìn muôn tội lỗi là chỉ vì cái bệnh “chỉ biết có mình”. Vì có mình chỉ biết có mình, mình mới suy tính *thiên phương bách kế*,

chỉ muốn cho mình giàu, chỉ muốn cho mình sang, chỉ muốn cho mình sống, chỉ muốn cho mình vui, chỉ muốn cho mình yên, chỉ muốn cho mình thọ...; còn người ta nghèo hèn, nguy khổ, lụn bại, chết chóc, *nhất thiết* là chẳng nghĩ gì đến cả. Bởi thế mà *sinh ý* chẳng liên can, *thiên lý* đến *tuyệt duyệt*, tuy có hình người, kỳ thực không khác gì cảm thú.

Ví bằng trừ bỏ cái bệnh “chỉ biết có mình”, tâm địa rộng rãi công minh, giàu, sang, nghèo, hèn, vui, khổ, sống chết đều cùng chung với cả loài người, thì *sinh ý quán triệt*, ai nấy được hả lòng mà *thiên lý* giữ được trọn vẹn. Thế là thân ta cùng với muôn vật là nhất thể vậy.

Tiết Huyền

GIẢI NGHĨA: *Thiên phương bách kế*: nghìn lối, trăm cách. *Nhất thiết*: cắt phăng một phát không cần là ngay lệch; nghĩa bóng là hết thầy, một loạt. *Sinh ý*: cái cơ sinh hoạt của muôn loài. *Thiên lý*: lẽ phải tự nhiên, ai cũng nên theo. *Tuyệt duyệt*: dứt đời, tắt ngấm đi. *Tâm địa*: tấm lòng tất. *Quán triệt*: thông suốt.

LỜI BÀN: Chỉ có biết mình, tức là ích kỷ, tức là có bao nhiêu cái hay muốn vơ vét vào cho một mình hết cả. Khi người đã có tính ích kỷ, là người để mình ra ngoài nhân loại, chẳng những không làm gì lợi cho thiên hạ, lại còn như chỉ làm hại thiên hạ, vì khi mình chỉ cầu lợi cho mình, tất, thiên hạ phải phần thiệt vào

đấy. Nên người ích kỷ là người mất hết nhân nghĩa, không còn ai trông cậy được nữa, Voltaire xưa có nói: “*Chỉ hay cho mình, tức là không hay cho ai nữa*”. Cái tính tự kỷ nó làm cho cạn ráo hết cả nhân tình rồi còn đâu. Ví bằng bề được cái tính ích kỷ, thì đời người sao có như bây giờ.

56. THỜ DÀI

Ông *Hải Tiểu Tử* lúc thư công việc, thường hay thờ dài.

Môn nhân hỏi:

- Tiên sinh hay thờ dài như vậy là có làm sao?

Ông nói:

- Ta ước gì các nước trên mặt đất thân yêu nhau để cho bao nhiêu *binh cách* phải xếp bỏ cả một chỗ.

Ta ước gì người quân tử lại tiến dẫn người quân tử để cho bao nhiêu quân tiểu nhân phải lui về hết sạch.

Ta ước gì những trai có vợ, gái có chồng, ai nấy đều yên phận để cho *giáo hóa* được rõ ràng.

Ta ước gì nhân dân biết giữ gìn tính mệnh mà chăm làm ăn để cho hàng năm được mùa sung sướng.

Ta ước gì ai ai cũng biết con đường phải mà noi theo để không phụ cái chí *thánh hiền* đời cổ.

Ta ước mãi mà chưa được, nên ta mới thờ dài.

Hải Tiểu Tử

GIẢI NGHĨA: *Hải Tiểu Tử*: tức là Vương Sùng Khánh người đời nhà Minh đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Lại bộ Thượng thư là một nhà trước thuật có tiếng bấy giờ. *Môn nhân*: học trò. *Binh cách*: đồ khí giới y phục nhà binh. *Giáo hóa*: cái sức dạy dỗ làm cho người ta phải cảm hóa. *Thánh hiền*: nói những bậc nhân cách tối cao cùng những bậc có tài có đức hơn người.

LỜI BÀN: Các nước mà tàn bạo sát phạt lẫn nhau để tranh giành, cướp đất của nhau. Những quân gian ác mà cầm quyền giữ chính để cho những bậc hiền tài phải vùi dập. Nam nữ mà dâm ô mất hết liêm sỉ, làm cho phong hóa suy đồi. Nhân dân mà ngu dốt lười biếng để đến nỗi phải đói rách. Học thuật mà sai lầm để đến nỗi đi vào con đường không hay. Cuộc hòa bình, sự kén nhân tài, nên phong hóa, việc dân sinh, sự giáo dục của loài người mà đời đời đến nỗi như thế thì còn gì mà không khiến cho người ta phải chán ngán, phiền bức cho đời nữa. Ôi! năm câu ước của Hải Tiểu Tử đây bao giờ mới thành, để cho ông cùng cả bao nhiêu người có chút quan niệm đến quốc kế dân sinh, giáo hóa phong tục, không đến nỗi phải cất tiếng lên mà thở dài nữa?

57. THẮNG ĐIÊN

Các anh có trông thấy người phải *bệnh điên* bao giờ không?

Đương lúc *hôn mê* rõ đại, người điên lẫn xuống nước, giẫm lên lửa, đâm vào chông gai, mặt hớn hờ, miệng *ngheo ngao*, vẫn *tự tín* cho mình là phải.

Đến khi gặp thấy thuốc hay, hết cách chạy chữa người điên khỏi dần và tỉnh lại.

Bà con kể chuyện người ấy lắm lúc đang có bệnh điên thì người ấy rùng mình lấy làm khổ. Bà con kể chuyện người ấy lúc uống thuốc tỉnh dần, thì người ấy vui vẻ lấy làm mừng và *ân hận* gặp thấy, gặp thuốc muộn quá.

Ấy người phải bệnh điên vừa còn chữa bệnh được thì như thế. Chớ nếu là người phải bệnh điên nặng không thể chữa được, thì người ấy không những không chịu phục *thuốc* lại còn mắng thấy thuốc làm cho mất *tính thường* của mình đi nữa.

Dương Minh Tử

GIẢI NGHĨA: *Bệnh điên:* bệnh mất trí khôn. *Hôn mê:* tối om mờ mịt không biết phải, trái là gì? *Ngheo ngao:* nói hay hát một cách đông dài. *Tự tín:* mình cho mình là phải. *Ân hận:* lấy làm giận và tiếc. *Phục thuốc:* uống thuốc. *Tính thường:* tính tự nhiên trời sinh.

LỜI BÀN: Bệnh điên nói trong bài đây tức là cái lòng tư dục nó làm cho con người mê lú như điên cuồng không còn biết phải, trái là gì nữa. Nếu người mắc bệnh tư dục còn nhẹ, may có người dạy bảo cho, thì còn có thể hối ngộ sửa nét lại mà sửa dần tính xấu

đi được. Nhưng nếu là người mắc bệnh tư dục nặng quá hoặc có ai muốn giáo hóa cho, thì người ấy chẳng những không hối ngộ sửa nét lại được mà lại còn trách oán cả người giáo hóa, bảo người ấy là làm mình mất cá tính thường đi. Ôi đáng sợ lắm thay! Lương tâm mất một vài phần, thì còn có thể cứu được, chớ lương tâm mà đã tán tận thì còn gì là người mong hóa đi được nữa. Cho nên ta cố giữ lấy lương tâm. Chớ bảo một cái lỗi nhỏ có phạm vào cũng không can chi. Cái nét đã quen đi rồi, thì khác nào như xuống dốc, chỉ có phần lăn xuống, thụt sa lầy, chỉ có phần thụt xuống, chớ không có tài nào lăn trở lại hay ngồi lên được nữa.

58. NGƯỜI XUẤT TỤC

Tiếng sấm, tiếng sét không thể nào làm cho nhỏ được tiếng để hòa với tiếng chuông, tiếng khánh. Mặt trời, mặt trăng không thể nào cho cong được, để ánh sáng thấu đến ngõ hẻm, hang cùng. Sông to không làm thế nào mà thu bờ hẹp lại để vừa ý kẻ muốn lợi qua. Núi cao không làm thế nào mà rút được ngọn thấp xuống để chiều lòng kẻ muốn trèo chơi...

Cho nên, cũng như cái xe to không thể thu nhỏ bánh để tạm đi qua đường hẹp, người *cao sĩ* không chịu *khuyết khúc* để hòa đồng với *thế tục*.

Bảo Phác Tử

GIẢI NGHĨA: *Xuất tục:* kiến thức cư xử một cách hơn người thường. *Cao sĩ:* bậc người cao thượng. *Khuất khúc:* cong queo, bỏ mình theo người. *Hòa đồng:* tức là hòa quang đánh đồng trần nghĩa là hòa cái sáng của mình với cái bụi của đời để hỗn hợp với trần tục. *Thế tục:* thói thường của người đời.

Bão Phác Tử: tức là ông Cát Hồng, người đời nhà Tấn, có làm pho sách nhan là Bão Phác Tử, vừa nói về thần tiên, vừa nói về chính trị.

LỜI BÀN: Chính ý bài này cốt tỏ rõ thế nào là một người cao sĩ xuất tục. Nhưng tác giả không định nghĩa người xuất tục là gì, tác giả tìm mấy sự ở ngoài mà ví vào người, khiến cho ta đọc hiểu rõ ngay, tục với xuất tục đại để khác nhau như thế nào. Tiếng sấm với tiếng chuông, ánh sáng mặt trời với ngô hém, sông to với người muốn lợi, núi cao với người muốn trèo, xe bánh rộng với đường hẹp khác nhau xa làm sao, không giống được nhau thế nào, thì người xuất tục khác người tục và không hòa đồng với người tục cũng như thế.

59. VỢ THẦY KIỆN

Có một người thầy kiện rất giỏi. Mỗi khi thảo đơn kiện cho ai, định buộc tội gạt lỗi cho nhiều người, mà ý nghĩ chưa được sâu sắc, lời nói chưa được chặt chẽ, thì cứ muốn ngồi yên một chỗ để cấu tứ.

Những lúc ấy thường dặn người nhà, có khách hỏi, không được cho vào, cả đến vợ cũng phải lánh xa ở một buồng khác.

Vợ người thầy kiện trước kia cũng vẫn đã cùng người láng giềng đấu mày cuối mắt chỉ vì không dịp, không chỗ cho nên dòm dò đã hơn một năm, mà chưa được thân cận với nhau. Bấy giờ biết thế, mỗi khi gặp người thầy kiện cấu tứ, thì người vợ bèn lại trò chuyện quấy rối để đến phải mắng, phải đuổi tránh đi chỗ khác.

Thành vì thế mà người vợ với người láng giềng được bao nhiêu *cơ hội* đi lại với nhau luôn, kể hàng bao nhiêu năm mà không ai biết.

Sau người thầy kiện vì cấu tứ mãi mà chết. Người vợ chữa hoang phải nhà chồng kiện.

Quan tra xét *căn do* việc đi lại với ai. Vợ người thầy kiện phải thú thực.

Quan vỗ bàn, thở dài nói:

- Ngòi bút của thầy kiện đã khéo, ai ngờ *cơ trời* còn khéo hơn?

Duyệt Vi

GIẢI NGHĨA: *Cấu tứ*: cố nghĩ để đặt phác những ý tứ lời lẽ nên giải bày thế nào. *Cơ hội*: cái dịp, cái thời có thể nhờ đấy mà làm được việc gì. *Căn do*: gốc tích một chuyện, một việc bởi tự đâu mà ra. *Cơ trời*: mộng mẹo khéo của tạo hóa.

LỜI BÀN: Thấy kiện tức là luật sư. Luật sư là người hơn ai hết, hiểu thấy các tinh túy của pháp luật, biết rõ nỗi u ẩn của nhân dân. Chính phủ nhờ có luật sư mà thêm sáng việc, quần chúng nhờ có luật sư mà đỡ hàm oan. Vậy làm thấy kiện mà gỡ tội cho kẻ oan, đáng trọng bao nhiêu, thì buộc tội cho người ngay hay bênh vực kẻ gian ác, đáng khinh bấy nhiêu. Người thấy kiện nói trong bài đây là một tay giáo hoạt chắc đã nhiều lần lấy lý mà thất người ngay vào tội ghê gớm lắm. Bởi vậy tác giả mới thuật lại chuyện này, nói người thấy kiện vừa tự hại mình để cho vợ phản mình, có ý dạy người tuy khôn khéo đến đâu, cũng không lọt được vành tạo vật. Tạo vật thường vẫn ghét người xảo, bao giờ cũng bắc sẵn cái cân để cân lại cho công bằng. Nhiều khi muốn hại người, người chẳng thấy đâu, lại chỉ thấy cái hại nó quay ngay vào chính mình trước.

60. ÁC NGẨM

Vua *Nguy* đem một người con gái đẹp dâng vua *Kinh*. Vua *Kinh* lấy làm thích và yêu lắm.

Phu nhân là *Trịnh Tụ* biết thế, chính mình cũng yêu mến người con gái, có khi lại yêu mến hơn vua. Người con gái ấy muốn ăn mặc, chơi bời gì, *phu nhân* cũng đều sắm sửa cho đủ cả.

Vua khen: Phu nhân biết ta yêu mến *tân nhân*, mà đem lòng yêu mến *tân nhân* quá, ta thật có khác nào như người con có hiếu thờ cha mẹ, người bấy tôi trung thờ vua vậy.

Phu nhân đã chắc bụng vua không ngờ mình là người ghen, nhân dịp mới bảo *tân nhân* rằng:

- Vua yêu mến nhà người lắm, nhưng ghét cái mũi người. Giá tự nay, hễ người trông thấy vua, người cứ che lấy cái mũi đi, thì vua yêu mến được mãi đấy.

Tân nhân theo lời, từ đó mỗi khi trông thấy vua, là che ngay mũi lại.

Vua thấy thế, bảo với phu nhân rằng:

- *Tân nhân* trông thấy ta mà cứ che mũi là ý làm sao?

Phu nhân trước thưa:

- Tôi không được rõ.

Đợi vua *cưỡng* hỏi nữa, mới thưa rằng:

- Tôi nghe đâu như *tân nhân* có nói hơi vua khí nặng, lấy làm khó chịu.

Vua phát giận bảo:

- À nếu thế thì xẻo mũi nó đi.

Vua vừa nói đoạn, thì một viên quan hầu cầm dao ra xẻo ngay mũi *tân nhân*. Vì phu nhân đã dặn một viên quan hầu đứng sẵn đấy trước, hễ thấy vua phán gì, là làm ngay lập tức.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA: *Ngụy*: tên một nước về thời Chiến Quốc ở về phía bắc tỉnh Hà Nam và phía tây nam tỉnh Sơn Tây ngày nay. *Kinh*: tức là nước Sở thời Chiến Quốc ở về Hồ Nam, Hồ Bắc ngày nay. *Phu nhân*: tiếng để gọi vợ vua các nước chư hầu. Người ta còn dùng tiếng ấy để gọi vợ các quan to. *Tân nhân*: người vợ mới lấy về. *Cưỡng*: có ý bắt phải.

LỜI BÀN: Phàm người đời cái gì đáng ghét mà lại yêu, cái muốn tranh mà lại nhường, làm trái hẳn thường tình, đều là những người dụng tâm một cách nham hiểm cả. Sự yêu ấy chính là cái giết ngầm, sự nhường ấy chính là cái cướp sạch.

Đáng thương cho những kẻ ngu mê nông nổi dạ thật tin người để đến nỗi mắc vào lưới cạm mà không biết.

Trong chuyện này người con gái thì khờ dại, vua Kinh thì quá tin. Hai người có hai cái tật như thế, thì tránh sao khỏi sự dụng tâm độc ác của phu nhân. Than ôi! Người đang xinh đẹp mà bị cắt mất mũi, bụng đang yêu mến mà để hồng mắt của yêu, ghê gớm thay cho cái lòng nham hiểm, cái mưu thâm độc của Trịnh Tự.

61. BẢY CÔ VỢ LỄ

Ông *Phật Ấn* là bạn thân của ông *Tô Đông Pha*, khi trò chuyện hai ông thường đùa bỡn cợt nhau.

Đông Pha có bảy người thiếp.

Một hôm, Phật Ấn đùa bảo Đông Pha rằng:

- Sao mà bác lấy nhiều thiếp thế? Bác có chịu bằng lòng tặng tôi được cô thiếp thứ bảy không?

Đông Pha cười nói:

- Sao lại không được?

Rồi Đông Pha về nhà đem chuyện nói với người thiếp.

Người thiếp thưa:

- Đó là câu chuyện nói đùa nhau chứ gì?

Đông Pha nói:

- Ta đã hứa rằng cho, thì không nên sai lời. Bây giờ nàng cứ đi xem ra thế nào.

Chập tối, Đông Pha cho xe đưa người thiếp đến.

Phật Ấn đón người thiếp cho vào nằm trong buồng rồi bỏ màn xuống. Trước buồng đã đặt sẵn bảy cái hỏa lò cái nào cũng đầy than đỏ rực. Ông bước qua từng cái một, bước qua hết một lượt, rồi lại bước lại, cứ thế suốt đêm. Đến sáng, ông cho xe người thiếp về trả.

Người thiếp về, kể lại đầu đuôi câu chuyện, Đông Pha chợt nghĩ ra, nói rằng:

- Bảy cái hỏa lò là chỉ vào bảy người thiếp của ta, giống như bảy cái hang lửa. Ông làm ra như thế, là ông có ý bảo ông đã vượt ra được ngoài sắc dục, còn ta thì lại sa ngã đắm đuối vào đấy. Ông này có ý muốn làm cho ta tỉnh ngộ chăng.

Dục Hải Từ Hàng

GIẢI NGHĨA: *Phật Ấn*: tên một vị cao tăng có tài hùng biện đời nhà Tống. *Tô Đông Pha*: tức là Tô Thức người đời nhà Tống có tiếng giỏi về văn chương, thi, họa. *Sắc dục*: sự say đắm của nam nữ. *Tĩnh ngộ*: đang mê man mà tỉnh biết ngay trước kia là dở.

LỜI BÀN: Đông Pha là một bậc tài học phong lưu, Phật Ấn là một nhà tu đặc đạo. Người phong lưu thì chỉ cốt đời người cho sung sướng là thỏa lòng, nhà tu hành thì chỉ cốt trí tuệ cho cao minh là mãn nguyện. Cứ bình tĩnh mà nói thì ai là người chẳng thích phong lưu. Nhưng có biết đâu, “*Phong lưu là cạm trên đời; Hồng nhan đánh bả con người tài hoa*”. Bao nhiêu thị dục thường hại cho người ta hết cả. Xưa nay kể sao cho xiết được những kẻ vì thị dục mà mất hết cả tính thiêng liêng màu nhiệm, mà hỏng hết cả phẩm giá, thanh danh. Trong các món thị dục, thì sắc dục có phần tệ nhất. Dâm là cái tội ở đâu muôn tội. Muốn tránh tội ác, cần phải giới dâm..

Phật Ấn đây có ý thương, có lòng yêu Đông Pha lắm. Chơi với anh em mà bày trò ra như thế để khuyên anh em. Cũng là một cách thuyết pháp thực tế mà cảm hóa được người ta sâu xa vậy.

62. GỖ NHỊP MÀ HÁT

Vợ Trang Tử chết.

Huệ Tử đến viếng, thấy Trang Tử đang ngồi duỗi xoạc hai chân, tay gõ nhịp vào bốn nước mà hát.

Huệ Tử bảo:

- Mình đã ăn ở với người ta, có con với người ta. Bây giờ người ta già, người ta chết, mình không khóc thì *cũng đã là đủ* lại còn ngồi gõ bốn mà hát, chẳng là quá lắm ư!

Trang Tử nói:

- Không phải thế. Lúc vợ tôi mới chết tôi cũng lấy làm thương tiếc lắm. Nhưng xét cho cùng, thì vẫn là không có gì cả, chẳng những không có gì mà vốn lại không có *hình*, chẳng những không có hình mà vốn lại không có *khí*, cái người ấy chẳng qua là tạp chất *biến* mà *hóa* ra có khí, khí biến mà hóa ra có hình, hình biến mà hóa ra có *sinh*, có sinh lại biến ra có *tử*, có khác nào như xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa cứ tuần hoàn đi lại không? Và lại, người ta chết là trở về với tạo hóa, cũng như người ra ngoài mà về nhà, thế mà ta cứ còn theo đuổi ngêu ngao khóc lóc, thì chính ta chẳng hóa ra không biết mệnh trời. Cho nên ta không khóc mà lại còn hát nữa.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Trang Tử*: tên là Chu, người thời Chiến Quốc học rộng và cao, theo tôn chỉ Lão Tử, có làm sách, phần nhiều là ngụ ngôn. *Huệ Tử*: tức là Huệ Thi, người thời Chiến Quốc có tài khéo nói, là bạn thân của Trang Tử. *Bốn*: chậu nước rửa xác cho người chết. *Cũng đã là đủ*: ý nói cũng là người biết, người đạt rồi.

LỜI BÀN: Vợ chết đáng là một mối đau đớn to, chồng nào mà cầm lòng không thương, không xót, không tiếc, không sụt sùi giọt ngấn, giọt dài cho đau. Thường tình như thế. Nên Huệ Tử là chỉ vì lẽ thường tình.

Còn Trang Tử đáp thế, là lại lấy một cái lẽ cao xa, siêu việt hẳn ra ngoài thường tình. Ta không rõ cái thuyết của Trang Tử cho người ta vốn tự cho không, do khí do hình mà sinh ra để đợi lại trở về chỗ không, có đúng với khoa học hay không. Nhưng rất giống thuyết nhà Phật. Ta chỉ lấy thường tình mà suy nghĩ thì có lẽ Trang Tử quá thương tiếc vợ nên đem cái đạt quan nói với Huệ Tử để vừa tự giải, vừa tự an ủi cho đỡ đau khổ chăng?

63. LIÊM SĨ

Liêm, sĩ là tính rất hay của loài người, vì người mà không *liêm* thì cái gì cũng lấy, không *sĩ* thì việc gì cũng tìm. Người mà đến thế là người bỏ đi, không khác gì giống vật. Nhất là những bậc đứng *chủ trương* việc nhà việc nước mà vô *liêm, sĩ* thì nhà phải *suy bại*, nước phải *suy vong*.

Nghĩ cho kỹ, thì *sĩ* cần hơn *liêm*; người không *liêm* làm những việc *bất nghĩa, căn nguyên* cũng ở vô *sĩ* mà ra.

Đức Khổng nói: “*Hành kỷ hữu sĩ*” nghĩa là giữ mình biết làm xằng bậy là xấu hổ. Thầy Mạnh nói: “Nhân

bất khả vô sỉ" nghĩa là người ta không biết xấu hổ thì không được.

Than ôi? Thế mà ngày nay, nhân tình phản trắc phong tục suy đồi, người ta quên cả liêm, sỉ, không kể chi người thường, *thậm chí* đến bọn sĩ phu cũng chan chan như thế cả. Ôi! Nếu cho là sự xấu hổ chung cho cả nước cũng không phải là nói ngoa.

Tuy vậy, mùa đông rét mướt, *tòng, bách* vẫn xanh; mưa gió tối tăm, gà trống vẫn gáy. Đời tuy hôn mê, vẫn có người tỉnh.

Ông Nhan Chi Suy làm sách "*gia huấn*" có thuật câu chuyện rằng:

Một viên quan nói với ông:

- Tôi có đứa con 17 tuổi học đã thông. Tôi cho nó học tiếng nước *Tiên Ti*, tập gảy đàn tì bà, lớn lên theo hầu đám *công khanh*, thì thế nào rồi cũng được sung sướng.

Nhan Chi Suy nghe nói, nín lặng, không trả lời. Sau về nhà, bảo con cháu rằng:

- Người này dạy con lạ thay. Như ta, nếu học cách ấy, dù cho được phú quý đến đâu, ta cũng không mong cho các con vậy.

Những kẻ mất hết liêm, sỉ, chỉ biết chăm *chăm xu thời* hay *nịnh đời*, xem câu chuyện này, nghĩ chẳng đáng thẹn lắm ru!

Vô Danh

GIẢI NGHĨA: *Liêm*: tính phân minh, ngay thẳng, không lý của bất nghĩa. *Sĩ*: hổ thẹn tự mình lấy làm khó chịu, nhục nhằn trong lòng. *Chủ trương*: cai quản trông nom để cho người ta theo và trông cậy. *Suy bại*: suy là kém dần, bại là hỏng nát. *Nguy vong*: nguy là không được yên, vong là mất. *Bất nghĩa*: không hợp lẽ phải. *Căn nguyên*: căn là rễ, nguyên là nguồn, nói tự đó mà ra. *Phong tục*: phong là việc người trên làm để cảm hóa người dưới, tục là thói quen của người ta đua nhau mà lâu ngày đã thành nếp. *Thậm chí*: quá tệ đến cả. *Sĩ phu*: người có học thức, có quan chức, người tai mắt trong nước. *Hôn mê*: hôn là tối tăm, mê là không tỉnh. *Gia huấn*: lời dạy bảo con em trong nhà. *Nhan Chi Suy*: nhà văn tự giỏi có tiếng thời Nam Bắc triều. *Tiên Ti*: tên một nước cũ, tức là một bộ phận Nội Mông Cổ bây giờ. Về đời Tấn, Tiên Ti vào chiếm nước Tàu, đặt tên nước Ngụy, tức là Bắc triều. *Công khanh*: hai chức quan to. *Xu thời*: a dua theo thời. *Nịnh đời*: tự thân dễ tiện để tôn hót đời.

LỜI BÀN: Bài này thực đã như một tiếng than cho đời mà ngán cho đời. Than ôi! Người đời bây giờ có phải đa số là người “vô liêm sĩ”, “bất trí sĩ” không? Nếu quả vậy thì người ta ngậm ngùi than thở rất là phải. Vì “liêm, sĩ” là nền tảng của đạo làm người. Ở đời còn có sĩ thì hiếu, dễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm còn được, chớ liêm sĩ đã mất, nhất là sĩ, thì còn gì là luân thường đạo lý, và mong cậy vào đâu nữa. Con

người mà đã đến vô sỉ thì tuy mặc áo, đội mũ mà như con chim, con muông, còn cái gì kiêng nể mà không dám làm.

64. TIỀN NGƯỜI ĐI LÀM QUAN

Tiết Tôn Nghĩa, người Hà Đông sắp đi làm quan.

Ông *Liêu Tôn Nguyên* làm tiệc *tiễn hành* ở bờ sông, rót chén rượu mời Tôn Nghĩa, mà nói rằng:

- Phàm ra làm quan ở hạt nào, phải biết chức phận của mình là người làm việc cho dân, chứ không sai dân làm việc cho mình. Dân ở trong hạt đã chịu nộp thuế để lấy tiền thuê quan giữ sự công bình cho dân, mà nay ngán thay, thiên hạ ra làm quan, tiền thuế của dân, thì biết lấy cả, còn công việc của dân, thì trễ biếng, thường khi lại dụng tâm ăn cắp của dân nữa.

Giả sử ta đây thuê một người làm việc trong nhà, nó đã lấy tiền thuê mà lười biếng làm việc, lại còn ăn cắp đồ *thập vật* trong nhà, thì tất ta phải giận mà trách phạt nó và đuổi nó đi. Bây giờ làm quan như thế nhiều; mà dân không dám nổi giận trách phạt và đuổi đi là tại làm sao? Chỉ tại *thế lực* khác không làm được mà thôi. Nhưng thế lực dù khác mà lý vẫn là một. Nên người làm quan nếu còn biết công lý, thì ai mà không chịu giữ gìn, cố làm thế nào cho đáng đồng tiền thuê của dân?

Này Tôn Nghĩ, người trước đã làm quan huyện ở Linh Lăng hai năm, ngày ngày dậy sớm, đêm đêm thức khuya, chính sự siêng năng, xử kiện công bằng, thu thuế phải chăng, già trẻ không ai đem lòng thù ghét, người thật là biết lo và giữ gìn lắm, cho nên người lấy tiền thuê của dân thật là đáng vậy.

Ta đây chức nhỏ không được dựa vào việc bàn bạc xét công cho người đi làm quan, để thăng thưởng hay *trách giáng*. Ta chỉ biết người đi làm quan nên thưởng tiệc rượu này lấy lời trân trọng để tiến hành.

Liễu Tôn Nguyên

GIẢI NGHĨA: *Hà Đông*: khu đất về ở phía đông sông Hoàng Hà trong tỉnh Sơn Tây bên Tàu. *Liễu Tôn Nguyên*: người Hà Đông đời nhà Đường, lanh lợi tài giỏi, đỗ Tiến sĩ, làm chức Thứ sử, văn thơ có tiếng ở nước Tàu. *Tiến hành*: tiễn người ta lúc người ta sắp đi xa. *Thập vật*: những đồ vật thường dùng. *Thế lực*: có quyền, có sức làm được việc. *Linh Lăng*: tức phủ Vĩnh Châu, tỉnh Hồ Nam ngày nay. *Trách giáng*: quở phạt và hạ chức xuống.

LỜI BÀN: Bài này của Liễu Tôn Nguyên đây thực là hợp với cái ý tưởng tối tân đời nay. Quan nay không phải là cha mẹ dân, chỉ là kẻ làm công lấy tiền thuê của dân mà thôi! Ôi! Từ cái bậc làm cha mẹ người ta đến cái bậc làm kẻ thuê mướn của người ta xa cách nhau đến chừng nào! Tuy vậy, bình tĩnh mà nói, bỏ giọng

quá khích, tôi tưởng người cầm vận mệnh dân chúng một địa phương mà thiếu tư cách, chỉ biết làm thuê, không nhận chân coi việc nước như việc nhà, coi dân chúng như con em. Hỏi việc làm có chu đáo và dân có được nhờ không? Cả quyết là không. Nhất định người làm quan phải làm thế nào cho dân coi như phụ mẫu mới đáng là quan. Vì buổi mặt tục này, người làm quan phần nhiều quên cả thiên chức, tham ô tàn ác, cho nên người ta mới dùng hai chữ “công bộc” để cảnh tỉnh họ và cố đưa họ đến chỗ hiểu chức vụ. Vậy chính người làm quan nên vui lòng tự nhận là công bộc mà cố gắng sao cho dân chúng coi như cha mẹ, nha lại sợ như thần minh thì mới thật là làm quan vì dân vì nước vậy.

65. VIẾNG NGƯỜI ĐI LÀM QUAN

Tôn Thúc Ngao được làm quan *lệnh doãn* nước Sở. Cả nước quan, dân đều lại mừng.

Sau cùng có một ông lão già mặc áo vải, đội mũ trắng, đến viếng.

Tôn Thúc Ngao thấy thế, ăn mặc chỉnh tề ra tiếp kiến, thưa với ông lão rằng:

- Vua chúng tôi không biết tôi là người bất tài quá tin mà cho làm quan để tôi làm lụy cho *lại*, cho dân. Ai ai cũng đến mừng, một mình lão đến viếng chắc có *kiến* gì đây chăng.

Ông lão nói:

- Có thân đã sang mà khinh người, thì dân không chuộng; chức đã cao mà *chuyên quyền*, thì vua sinh ghét; lộc đã hậu mà không *tri túc*, thì gặp phải tai vạ.

Tôn Thúc Ngao vừa vái, vừa nói:

- Xin kính vâng lời.

Và nài ông lão dạy thêm cho mấy câu nữa.

Ông lão bảo:

- Chức đã cao, ý càng phải *khiêm cung*; quan đã to, tâm càng phải *tế nhị*; lộc đã hậu, việc càng phải cẩn thận chớ có lấy làm càn, làm bậy. Ông giữ được ba điều ấy là đủ trị dân.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA: *Tôn Thúc Ngao*: quan tướng giỏi nhà Sở thời Xuân Thu, ông là một nhà cai trị rất tài giỏi, nước nhờ có ông mà được bình trị. *Lệnh doãn*: chức quan cầm quyền chính trong nước. *Tiếp kiến*: đón rước vái chào người đến với mình. Lại người làm việc quan trên. *Ý kiến*: ý nghĩ, kiến thức. *Chuyên quyền*: một mình mình giữ lấy cả quyền. *Tri túc*: tự cho thế là vừa đủ không còn lòng tham muốn hơn nữa. *Khiêm cung*: khiêm nhường cung kính. *Tế nhị*: tinh tế, cẩn thận không có nông nổi, sơ suất.

LỜI BÀN: Đây mà không để giàn giụa, bố thí luôn mãi là giữ được giàu bền. Cao mà không dám ngông cuồng, tự nhiên như không, giữ được sang mãi.

Ở đời nhiều người bản tiện biết trí đức mà được giàu sang; người giàu sang biết trí đức để được lâu dài hưởng thụ. Sao vậy? Vì xử cảnh giàu sang dễ sinh ra kiêu xa, phóng đảng mà đã kiêu xa phóng đảng là cái hoạn *nạn* tai vạ nằm sẵn ở đấy rồi. Cho nên, lời ông lão dặn Tôn Thúc Ngao đây thực là có giá lắm. Chả những người làm quan nên tuân theo, ai may mà lao được xử vào cảnh thịnh vượng cũng nên nhớ câu khuyên răn này mà phục thiện như Tôn Thúc Ngao đây, thì mới mong trường cửu được.

66. ĐỨC UỐNG RƯỢU

Có một *tiên sinh* đại nhân lấy trời đất làm một buổi, lấy muôn năm làm một chốc, lấy mặt trời mặt trăng làm cửa, làm ngõ, lấy cả thiên hạ làm sân, làm đường; đi, không thấy vết xe; ở, không có nhà cửa, trời tức là màn, đất tức là chiếu, ý muốn thế nào thì thế. Lúc ở thì nâng chén, cầm bầu, lúc đi thì vác chai, xách nậm, lúc nào cũng chỉ có việc rượu chè, không còn biết đến gì nữa.

Có một *công tử* và một vị quan sang nghe tiếng tiên sinh như thế, bèn đến tận nơi, xăn tay, vén áo, người thì trừng mắt, nghiêng răng người thì *trần lễ*, *thuyết pháp*, những giọng thị phi bây giờ âm ĩ xôn xao như đàn ong dậy.

Lúc đó tiên sinh mới ôm vò rượu, ghé vào thùng rượu, tợp cả chén rượu, phồng mồm những rượu, vênh râu lên, ngồi dang hai chân, gối đầu vào men, lẫn lừng vào bã, không nghĩ, không lo, hớn hờ vui thú, ngất ngưỡng say sưa, thoáng rồi lại tỉnh. Lẳng tai cũng không nghe thấy tiếng sấm sét, nhìn kỹ cũng không trông thấy hình *Thái Sơn*; nức, rét thiết đến tận cũng không biết; *lợi dục* cảm đến tình, cũng không hay; cúi xuống trông vạn vật rối rít ở trước mắt khác nào như bèo nổi bông bênh trên *sông Giang*, *sông Hán*.

Hai vị kia đứng cạnh tiên sinh bấy giờ xem cũng như con tò vò, con sâu róm mà thôi.

Lưu Linh

GIẢI NGHĨA: *Tiên sinh đại nhân*: nghĩa thẳng là ông thầy, bậc kẻ cả. Đây Lưu Linh dùng bốn chữ ấy để chỉ chính mình. *Công tử*: con quan hay con vua chư hầu. *Trần lễ*: bày tỏ lễ độ. *Thuyết pháp*: giảng giải điều hay lẽ dở cho người ta nghe. Chữ nhà Phật hay dùng. *Thị phi*: nghị luận khen chê. *Thái Sơn*: núi to và cao nhất ở tỉnh Sơn Đông bên Tàu. *Thiết*: thấu đến. *Lợi dục*: tiền của và lòng ham muốn. *Vạn vật*: muôn vật ở trong trời đất. *Sông Giang*: con sông rất to ở bên Tàu, hạ lưu tức là Dương Tử Giang. *Sông Hán*: tức là sông Hán Thủy phát nguyên ở Thiểm Tây và chảy vào sông Giang.

Lưu Linh: tên tự là Bá Luân là người phóng đạt làm quan đời nhà Tấn đến chức Kiến Uy tướng quân.

LỜI BÀN: Nói đến say rượu, thì ai cũng phải nhắc Lưu Linh mà Lưu Linh sở dĩ còn lưu danh lại cho ta biết là nhờ bài “*Tửu đức tụng*” ta dịch trên này.

Uống rượu say được như tiên sinh thực là hiếm có. Say mà lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, trút sạch được hết lợi, dục quên bỏ được hết việc đời, kẻ sang giàu người quyền thế trông chỉ còn như con sâu róm, con tò vò, thì quả là một cái say thú vị, làng say vị tất đã mấy ai hưởng được? Nên tưởng những kẻ chưa tới được cảnh say, chưa biết cái thú say như thế là gì, cũng chẳng nên nghị luận cái say, cười người say chưa thấy đâu, lại phải người say cười lại. Còn những hạng say mà nói nhảm, làm càn, phạm vào những điều thương luân, bại lý mà vin Lưu Linh thì lại là tội nhân của Lưu Linh, chớ không phải đồ đệ của Lưu Linh. Nói rộng ra: Giới tửu mà không uống rượu, theo đúng như Phật dạy cố nhiên là đáng trọng, nhưng uống rượu mà vui tươi tao nhã như thần tiên thì cũng không thể khinh được.

67. LÀNG SAY

Ngày trước, ta thường đến một làng kia, vừa bước chân vào thì chuệnh choáng, nghiêng ngả, mờ mịt, lu bù trông trối như thấp, trông đất như cao, mặt trời,

mặt trắng như không có ánh sáng. Mắt ta mờ, tai ta ù, tâm thần ta *mê hoặc*, thân thể ta mới hỏi người rằng: Đây là làng gì? - Người nói: Đây là nơi vui say, sẵn của ngon bùi, tha hồ ăn uống *phóng phiếm*. *Tục truyền* là “Làng say”.

Than ôi! Đây gọi là làng say? *Cổ nhân* nói dối ta thật. Ta thường than cha lũ Lưu *Linh*, Nguyễn *Tịch*, đương lúc trong nước lục lâm, bốn phương rối loạn mà những tay giỏi giang, sinh ra chán đời đông dài liêu linh, thất thểu rủ nhau vào làng say. Cứ như ý riêng ta, thì trong làng say, không có cái gì là vui cả...

Hoặc có kẻ nói: Đến đây cho nguôi những sự lo nghĩ. Ôi! Cái lo nghĩ mà còn có cách nguôi được, thì không phải là lo nghĩ. Nếu quả nhiên có điều gì đáng lo, thì bất tất phải tìm cách giải. Huống chi làng say này không có thể giải được lo. Vậy thì người vào làng say, đều là người vô lo, vô lự cả.

Than ôi! Tự đời Lưu *Linh*, Nguyễn *Tịch* đến bây giờ, khắp cả thiên hạ đâu cũng có làng say. Làng say càng đông thì thiên hạ càng vắng. Mờ mịt say sưa, ảo lả, yếu đuối; ai đã vào làng say, không biết lối mà ra. *Gián hoặc* có người vào làng say mà không mê, thì lại phải những kẻ đã *mê hoặc bại loạn*, chê bai nói cười, mai mỉa, thế mới thật là lũ say ở làng say.

Đái Danh Thế

GIẢI NGHĨA: *Làng say*: nói những người say rượu, tụ họp chè chén với nhau. *Phóng phiếm*: câu nói việc làm không giữ gìn gì cả. *Tục truyền*: thói quen xưa nay kể lại như vậy. *Cổ nhân*: người sinh trước ta mà đã qua đời rồi. Lưu Linh, Nguyễn Tịch: hai người đời nhà Tấn, tính phóng đạt hay rượu mà không thiết gì đến việc đời. *Lục trảm*: đâm đui ở trên cạn. *Vô lo, vô lự*: không để tâm chí lo liệu việc gì, cứ dửng dưng như không. *Gián hoặc*: một đôi khi cũng có. *Mê hoặc*: tâm thần rối loạn không biết đích xác việc gì. *Bại loạn*: hư hỏng, rối loạn.

Đái Danh Thế. Người đời Khang Hi nhà Thanh đỗ Tiến sĩ, tài danh nổi tiếng, chuyên riêng về sử học, về sau bị nhà Thanh làm tội, vì làm Sử có ý tôn nhà Minh.

LỜI BÀN: Làng say tức là chỉ tội người say rượu. Mà phạm ai đã bước chân vào làng say cũng cho là gặp nơi vui thú cả. Thường lại viện những lẽ này, lẽ khác, tưởng như là chính đáng, nhất là cái lẽ đỡ lo, đỡ nghĩ. Ôi! Nhưng đã gọi là việc đáng lo, đáng nghĩ thì tưởng càng phải nên tỉnh để mà lo nghĩ cho phân minh sáng suốt, chớ say thì lo nghĩ sao cho được? Cái say chính là cái làm cho bại hoại hết công việc. Việc to tày trời đến lúc say cũng còn bỏ, huống còn mong sao cho làm nên việc thường hàng ngày nữa.

68. TREO KIẾM TRÊN MỘ

Duyên Lăng Quý Tử sang sứ nước Tấn có đeo thanh *bảo kiếm* qua chơi với vua nước Từ.

Vua nước Từ ngắm thanh kiếm ra dáng thích, muốn xin mà không nói ra.

Duyên Lăng Quý Tử vì còn phải đi sứ *thượng quốc*, tuy chưa dâng vua Từ được thanh kiếm ấy, nhưng trong tâm đã định cho.

Khi sang sứ Tấn xong, về qua Từ, thì vua Từ không may đã mất, đành tháo thanh kiếm đưa cho *Tự quân*. Các người theo hầu ngăn lại, nói:

- Thanh kiếm ấy là của báu nước Ngô, không phải là thứ để tặng được.

Duyên Lăng Quý Tử nói:

- Không phải là ta tặng. Độ trước ta lại đây, vua Từ xem kiếm của ta tuy chẳng nói ra mà như dáng muốn lấy. Ta vì còn phải đi sứ *thượng quốc*, chưa dừng được. Tuy vậy đã định cho. Nay vua Từ chết mà ta chẳng hiến thanh kiếm, thì là tự dối tâm ta. Tiếc kiếm mà dối tâm, người *liêm* không chịu làm.

Nói xong, bèn tháo thanh kiếm đưa cho *Tự quân*.

Tự quân nói:

- *Tiên quân* tôi không có dận lại việc ấy, tôi không dám nhận kiếm.

Quý Tử bèn treo thanh kiếm vào cái cây ở mộ vua Từ, rồi đi.

Người nước Từ ai cũng khen Duyên Lăng Quý Tử rằng không quên người *thân cố*, đem thanh gươm treo vào cây bên mộ.

Tân Tự

GIẢI NGHĨA: *Tấn*: nước lớn thời Xuân Thu ở vào địa phận tỉnh Sơn Tây ngày nay. *Báo kiếm*: thanh gươm quý báu. Từ: tức là quận Đông Hải ngày nay. *Thượng quốc*: tiếng gọi tôn một nước to mạnh hơn mà mình phụ thuộc vào. *Tự quân*: vua mới lên ngôi. *Liêm*: phân minh, thẳng thắn. *Tiên quân*: tiếng để gọi vua cha đã mất. *Thân cố*: thân bằng cố cựu.

LỜI BÀN: Lúc vua Từ có ý lấy thanh kiếm thì Quý Tử không tự ý đưa được, vì công việc phải làm còn chưa xong. Đến lúc Quý Tử có thể tặng thanh kiếm được, thì vua Từ không sao nhận được nữa, vì đã thác mất rồi. Giá phải người tâm thường, xử vào cái địa vị Quý Tử thì tuy trong bụng có điều hối hận, nhưng cũng tiếc thanh kiếm mà đem về nước. Nhưng Quý Tử vốn là người trong tâm đã nghĩ làm sao thì phải làm cho kỳ được như thế mới nghe, cứ đem thanh kiếm treo tại mộ vua Từ. Người ta tuy khuất, nhưng tâm mình vẫn còn, mà mình không muốn dối tâm mình, thực là liêm lắm vậy. Chẳng bù với những kẻ đã tự mình dối mình lại đi dối cả nhiên hạ, nhất là dối với

người đã khuất tuy có hản lời hứa đình ninh mà rồi nuốt ngay lời đi được.

69. CHẾT VÌ LỄ NGHĨA HAY VÌ TÌNH

Ngũ Tử Tư gặp phải nạn vua Sở giết cha, giết anh chạy trốn sang nước Ngô, định tìm cách báo thù. Giữa đường bị ốm và hết lương, phải ăn mày mà ăn. Tình cờ gặp một cô con gái đang đập sợi ở bờ sông Lại Thủy, bên cạnh có giỏ cơm.

Tử Tư đến gần nơi:

- Thưa cô, cô sẵn cơm đây, cô có làm phúc cho tôi được một bữa không?

Cô con gái đáp:

- Tôi ở một mình với mẹ, năm nay ba mươi tuổi, không có chồng, ông đứng lui ra, cơm tôi, tôi ăn, không thể cho được.

Tử Tư nói:

- Thưa cô, cô nhủ lòng thương cho kẻ *cùng đồ* này ít cơm, thì có ngại gì tai tiếng.

Cô con gái biết Tử Tư không phải người thường, bèn mở giỏ cơm cho với cả tương, dưa nữa. Tử Tư ăn no, cô con gái bảo:

- Quân tử đi xa, sao không ăn thêm cho rõ no nữa?

Tử Tư ăn xong lúc đứng lên đi, bảo cô con gái rằng:

- Cô che đậy giỏ cơm, bầu nước này đi, chớ để cho lộ chuyện.

Cô con gái thờ dài, nói rằng:

- Than ôi! Thiếp một mình ở với mẹ năm nay đã ba mươi tuổi, một lòng *trinh bạch*, không có tai tiếng gì. Nay đưa cơm cho *trượng phu* ăn, qua vượt cả lễ nghĩa, thiếp lấy làm khổ tâm lắm.

Từ Tư đi lại được mấy bước, ngoảnh lại trông thì cô con gái đã đắm đầu xuống sông rồi.

Tình Sử

GIẢI NGHĨA: *Ngũ Tử Tư*: tên là Viên, người nước Sở thời Xuân Thu vì cha, anh báo thù mà giết được vua Sở. *Lại Thủy*: tên sông ở vào huyện Lật Dương, tỉnh Giang Tô ngày nay. *Cùng đồ*: cảnh khổn khổ, cùng quẩn quá. *Trinh bạch*: trinh là chính chuyên, không thất tiết, bạch là trong sạch. *Trượng phu*: tiếng để gọi con trai.

LỜI BÀN: Một người cùng đồ đang nói mà gặp một người có cơm cho ăn mà người ấy lại là một cô con gái nhan sắc, một cô con gái đã đứng tuổi, chưa chồng, mà cứu được một người dạng bộ trông rõ ra một đáng trượng phu không không phải kẻ tầm thường cái cảnh ngộ giữa đôi bên tuy là tình cờ gặp gỡ, nhưng biết đâu mà trai anh hùng, gái thuyền quyên lại không bỗng nhưng sinh ra lòng quyến luyến, yêu thương nhau. Mối tình nó thường khiến ra như thế. Nhưng chàng ăn

xong chàng đi, thiếp ở lại chỉ còn một mình, chàng lại dặn thiếp đừng để lộ chuyện, chắc chàng đang tính đại sự, thiếp đâu lại dám để hai chàng. Và chẳng thiếp là con gái mà đã chuyện trò với trai, lại cho trai ăn cơm của mình, vượt qua cả lễ nghĩa quá nghiêm đời bấy giờ, đường kia nổi nọ thật là khó tính. Chỉ cho bằng thiếp liêu mình thiếp, vừa được trọn tình với chàng, bên chí cho chàng lại vừa giữ được nghĩa với đời chẳng là đôi đường vẹn đôi ư! Ôi! Tính như thế cũng là tình, một cái tình để thơm muôn thuở ai mà chẳng phải kính phục.

70. VÌ NGHĨA NÊN TÌNH

Một người *thiếu nữ* họ Trương ở nhà chồng tại Tô Thành về thăm cha mẹ đẻ. Có tên *thị tì*, mang hộp đồ nữ trang theo hầu, chẳng may giữa đường đánh rơi, lâu lâu mới biết, trở lại tìm, thì thấy có người ăn mày đang ngồi giữ hộp ấy. Tên *thị tì* *hoảng hốt* nói, thì người ăn mày liền trao trả và nói rằng:

- Tôi đã cùng khổ đến thế này mà lại còn cuôm thêm những của *vô cớ*, thì mong khá làm sao được.

Tên *thị tì* mừng lắm, lấy một chiếc thoa ra tạ. Người ăn mày cười nói:

- Bao nhiêu của chẳng lấy, lại lấy một chiếc thoa ư?

Tên *thị tì* nói:

- Tôi mà đánh mất cái hộp đồ nữ trang này, thì đến chết mất. May mà người được, người trả lại cho, thế là người cho tôi của, lại cứu cho tôi sống vậy. Dù người không màng báo, tôi cũng không dám quên ơn. Nhà tôi ở ngõ... từ nay về sau, sớm trưa tôi xin đợi người đến cửa, xẻ phần cơm của tôi để người ăn.

- Nhưng cô ở trong nhà, tôi làm thế nào mà thấy được?

- Trước cửa nhà tôi, có cây trúc cao, người cứ rung cây là tôi khắc biết.

Người ăn mày sau cứ làm như lời.

Tên thị tì cũng cứ cho ăn mãi.

Lâu người nhà biết, mách chủ. Chủ ngờ có ngoại tình đem ra tra hỏi, tên thị tì thú thật.

Người chủ nhà thấy vậy, bèn gọi người ăn mày đến nhà nuôi, rồi gả tên thị tì cho.

Sau hai người thành một đôi vợ chồng khá.

Tình Sử

GIẢI NGHĨA: *Thiếu nữ:* cô con gái trẻ tuổi. *Thị tì:* con hầu. *Hoàng hốt:* vôi vàng, hã hừng, trông không đích thật. *Vô cơ:* không có cơ gì, lẽ gì.

LỜI BÀN: Của không đáng lấy thì một mảy cũng không lấy, anh ăn mày này liêm thật; cái số không giàu thì con mắt tráo trưng cũng vô ích, anh ăn này dặt thật. Hoài! Hạng ăn mày này mà có duyên may,

mà gặp dịp tốt, thì thật là con người có chí cho xã hội lắm.

Giả sử anh ăn mày này mà lại có cái bụng “ăn mày” như những hạng người đời nay quá xu hướng về vật chất thì biết đâu vợ chồng nhà kia không vì hộp nữ trang mà đến bỏ nhau, tớ thấy nhà kia, không vì hộp nữ trang mà đến có mạng, chính anh ăn mày kia không vì được hộp nữ trang mà để thêm muôn nghìn tội ác vào thân?

Cùng khổ mà thích làm lành, tôi tớ mà biết trả nghĩa, sau thành vợ chồng, tuy là tình duyên, nhưng cũng là tự mình tạo nên mệnh cho mình vậy, đáng khen đáng quý lắm thay!

71. NGHĨA CÔNG NẶNG TÌNH RIÊNG

Quân nước Tề sang đánh nước Lỗ.

Khi đến chỗ *giáp giới*, trông thấy người đàn bà một tay bế một đứa bé, một tay dắt đứa nữa. Người đàn bà thấy quân kéo tới, vội vàng bỏ đứa đang trên tay xuống bế đứa bé đang dắt, rồi chạy trốn vào trong núi.

Bé kia chạy theo khóc, người đàn bà cứ chạy không ngoảnh lại.

Một viên tướng nước Tề cho bắt đến, hỏi:

- Đứa bé nàng bế chạy là con ai? Còn đứa trẻ nàng bỏ liêu là con ai?

Người đàn bà thưa:

- Đứa tôi bế là con anh cả tôi; đứa tôi bỏ lại là con tôi. Tôi thấy quân lính kéo đến, sức tôi không thể *bảo toàn* được cả hai đứa, cho nên tôi đành phải bỏ con tôi.

Viên tướng nước Tề nói:

- Con với mẹ kể tình thân yêu thì đau xót lắm. Nay bỏ con mình lại mà chạy lấy con anh là có làm sao?

Người đàn bà nói:

- Con tôi là "*tình riêng*", con anh tôi là "*nghĩa công*". Con dễ tuy đau xót thật, nhưng đối với việc nghĩa thì tính làm sao. Cho nên tôi đành bỏ liêu con tôi mà làm việc "*nghĩa*". Tôi không thể nào chịu tiếng "*vô nghĩa*" mà vác mặt sống ở nước tôi được.

Viên tướng nước Tề dừng quân lại, sai người tâu với vua Tề rằng:

- Nước Lỗ chưa thể đánh được. Quân ta mới đến chỗ cương giới, đã thấy con mụ đàn bà xó rừng còn biết làm điều "*Nghĩa*" chẳng chịu đem "*Tình riêng*" mà hại "*Nghĩa công*" huống chi là những bậc quan lại; sĩ phu ở trong nước. Xin kéo quân về.

Vua Tề cho là phải.

Sau vua Lỗ biết chuyện này, thương người đàn bà một trăm tám lạng và phong cho hai chữ "*Nghĩa cô*".

Lưu Hưởng Liệt Nữ Truyện

GIẢI NGHĨA: *Tế*: một nước thời Xuân Thu ở vào toàn hạt tỉnh Sơn Đông ngày nay. *Lỗ*: tên một nước thời Xuân Thu ở vào từ phủ Duyên Châu cho đến Bi Tứ tỉnh Sơn Đông. *Giáp giới*: chỗ hai xứ, hai nước giáp nhau. *Bảo toàn*: giữ cho trọn vẹn. *Nghĩa công*: việc lành việc phải mà đối với cả mọi người đều nên làm hay phải làm. *Tình riêng*: lòng thật thương yêu quý mến để xử riêng với một người nào. *Nghĩa cô*: người đàn bà có nghĩa.

LỜI BÀN: Tình với nghĩa cùng là quý, không quyết hẳn được bên nào nặng hơn bên nào Cho nên ta phải cân nhắc cho cẩn thận; tình nặng hơn nghĩa, thì ta giữ tình, nghĩa nặng hơn tình, thì ta trọng nghĩa.

Như người đàn bà nói trong truyện đây là so cái “tình riêng” đối với “nghĩa công” thì không còn phải do dự gì nữa. Thế nào là tình riêng? Là cái lòng riêng của một mình mình. Thế nào là nghĩa công? Là cái việc phải đối với nhà, với nước, với thiên hạ. Tình riêng cứ kể cũng là nặng, nhưng so với nghĩa công thì nghĩa công còn nặng gấp mấy mươi. Nghĩa công đã nặng, thì đến cái thân là của yêu nhất của mình ở đời mình còn có thể hy sinh để mà giữ nghĩa, huống chi là những thứ ngoài thân. Người đàn bà đây hiểu thấu lẽ ấy nên mới đành đem nghĩa để đoạn tình, chẳng vì tình mà hại nghĩa để giữ lấy nòi giống ông cha nhà chống. Ngờ đâu cái ảnh hưởng của việc nghĩa ấy còn làm quân ngoại xâm (Tề) phải kéo nhau về, vì chúng

nghĩ: “Nước người có thể cướp, lòng dân có nghĩa không thể cướp được, về mới cao, sống chung sao được”. Thế mới hay, làm dân một nước mà không biết trọng “nghĩa” là người dân tai hại cho Tổ quốc vậy.

72. MẸ KHÔN, CON GIỎI

Vương Lăng, người đất Bái là người *hào trưởng* trong huyện.

Cao Tổ nhà Hán lúc còn *hàn vi*, quý Vương Lăng như anh. Khi *Cao Tổ* khởi binh đánh dẹp, Vương Lăng có vài nghìn quân, đem đi *phụ* theo *Cao Tổ*.

Hạng Vũ thấy thế, bắt mẹ Vương Lăng giam ở trong quận. *Sứ giả* của Lăng đến, *Hạng Vũ* *bách* mẹ Lăng phải dụ Lăng về với mình!

Bà mẹ Lăng tiễn sứ giả ra một mình, khóc mà bảo rằng:

- Ngươi nên vì thiếp già này nhắn bảo hộ Lăng một câu: “Cứ hết lòng mà theo thờ Hán Vương, chớ có vì thiếp già đây mà sinh ra nhị tâm nhé”.

Nói đoạn, bà cầm gươm tự đâm chết, cốt ý để khuyến khích Vương Lăng giữ cho bền lòng.

Hán Sử

GIẢI NGHĨA: *Hào trưởng*: người tài giỏi hơn người mà làm đàn anh cả một nơi nào. *Cao Tổ*: tức là Bái Công, vua đầu nhà Tây Hán phá nhà Tần, diệt

nhà Sở mà có thiên hạ. *Hàn vi*: lúc hèn hạ chưa có thể lực. *Phụ*: xả vào, theo vào. *Hạng Vũ*: tức là Hạng Tịch, khỏe mạnh tài khí hơn người, tranh thiên hạ với Bái Công, sau thua chết ở Cai Hạ. *Sứ giả*: kẻ người ta sai đi để thay mặt nói hay làm việc gì. *Bách*: bắt phải. *Dụ*: khuyên bảo dỗ dành. *Hán Vương*: vua đất Hán, tức là Hán Cao Tổ. *Nhị tâm*: không thật lòng, đi với người này mà lòng vẫn còn nghĩ đến người kia.

LỜI BÀN: Đang lúc thiên hạ loạn lạc, quần hùng nổi lên, dù người có mắt tinh đời cũng chưa dễ đoán được sau này ai là vua ai là giặc.

Như Bái Công và Hạng Vũ đây, đôi bên bấy giờ đang tranh đấu. Bái Công thua luôn. Hạng Vũ được luôn, tại càng khó biết sự thống nhất về tài ai hơn nữa. Thế mà khen thay, bà mẹ Vương Lăng biết con quy phục Bái Công là phải. Một khi bà đã hiểu rõ ai là người có chính nghĩa trước bà liễu thân để khuyên con, sau là thí thân để vững lòng con, thực là một, bậc đàn bà khôn ngoan sáng suốt hiếm có vậy. Cho nên người đời trước có câu khen rằng: “*Mẫu hê hà trí, tử hê hà trung, nhất thôn mẫu tử, vạn cổ anh phong*”, nghĩa là: “*Mẹ sao mà khôn như thế, con sao mà trung như thế, một nhà mẹ con tiếng thơm muôn đời*”, thật là phải lắm.

73. TU TẠI GIA

Dương Phủ, lúc nhỏ nhà nghèo, nhưng hết sức cày để phụng dưỡng song thân.

Một hôm, ông nghe bên đất *Thục* có ông *Vô Tế đại sĩ*, ông bèn nói với song thân xin *từ biệt* ít lâu để đến hầu bậc *Vô Tế*.

Đi được nửa đường, ông gặp một vị *lão tăng* bảo ông bảo ông:

- Được gặp bậc *Vô Tế* chẳng bằng được gặp *Phật*.

Ông hỏi:

- *Phật* ở đâu?

Lão tăng nói:

- Nhà người cứ quay trở về, gặp người nào mặc cái áo sắc như thế này, đi đôi dép kiểu như thế này, thì chính là *Phật* đấy!

Dương Phủ nghe lời quay về, đi đường chẳng gặp ai như thế cả. Khi ông về tới nhà, đêm khuya, trời tối, ông gọi cửa, mẹ ông nghe tiếng mừng quá, tức thì vội vã khoác chắn, đi dép ngược, ra mở cửa cho ông. Bấy giờ ông trông ra, thì như hình dáng *Phật*, mà *lão tăng* đã nói chuyện cho nghe.

Từ đấy, ông biết cha mẹ trong nhà tức là *Phật*, chẳng phải *cầu kỳ* đi mộ *Phật* đâu xa nữa.

Lý Nguyên Dương

GIẢI NGHĨA: *Dương Phủ*: người đời nhà Minh đỗ Tiến sĩ làm Ngự sử có tiếng là một ông quan thẳng và liêm. *Phụng dưỡng*: hết lòng kính mến hầu nuôi cha mẹ. *Song thân*: hai đấng thân, hai cha mẹ. *Thục*: tên đất ở tỉnh Tứ Xuyên bây giờ. *Vô Tế đại sĩ*: một nhà tu hành

đắc đạo vô cùng. *Từ biệt*: từ già xin đi xa vắng mặt. *Lão tăng*: người tu đạo Phật đã nhiều tuổi. *Cầu kỳ*: tìm một cách cao xa khác thường để làm cho lạ mắt lạ tai thiên hạ.

LỜI BÀN: Bài này cốt dạy ta về chữ “Hiếu” vì cha mẹ như Phật, con phải phụng thờ cha mẹ như phụng thờ Phật vậy. Phật là một vị tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thiên hạ thành kính thờ phụng rất phải. Nhưng cha mẹ là người sinh thành ra thân mình, thì họ mình lại không nên thờ phụng thành kính hay sao! Phật xa, cha mẹ gần, con cái hãy nên một niềm thành kính mà thờ phụng lấy mẹ cha trước.

- *Thứ nhất thì tu tại gia.*

Thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa.

- *Tu đâu bằng tu tại gia.*

Thờ cha, kính mẹ mới là chân tu.

Nghĩa những câu cổ ấy thực là đúng với nghĩa trong bài này. Và lại, hiếu là đầu cả trăm nét tốt, chỉ có người có hiếu mới trung với Tổ quốc và nhân từ với nhân loại vậy.

74. NGƯỜI VỢ HIỀN MINH

Vợ Nhạc Dương Tử là một bậc *hiền minh*.

Dương Tử một hôm đi đường, bắt được lọ vàng người ta đánh rơi, mừng rỡ đem về đưa cho vợ.

Vợ nói:

- Thiếp trộm nghe người *chí sĩ* không uống nước suối “*Đạo toàn*”, người liêm khiết không nhận của ăn “*Ta lai*”. Chàng nay nhật của rơi đường đem về cầu lợi để *ô uế* phẩm hạnh, thử nghĩ có nên không?

Dương Tử nghe nói then quá, liền đem lọ vàng bát được bỏ ra ngoài đồng. Rồi đi xa, tìm thầy để học.

Đi học mới được một năm, Dương Tử về chơi nhà. Vợ quỳ xuống trước mặt, hỏi rằng:

- Chàng có việc gì mà về nhà?

Dương Tử nói:

- Ta đi lâu nhớ nhà thì về, chẳng có việc gì cả.

Vợ cầm dao đến chỗ khung cửi, nói rằng:

- Lụa đang dệt đây là phải làm tự lúc nuôi tằm ươm tơ cho đến lúc mắc lên được khung cửi. Nếu đánh đứt một sợi mà đứt mãi, thì đứt đến hàng tấc, đứt hàng tấc đứt mãi, thì đứt đến hàng thước, hàng trượng hàng tấc. Nếu bây giờ mà thiếp chặt đoạn đang dệt đây, thì bao nhiêu công phu ngày giờ từ trước đến nay đều mất hết cả. Chàng đi học là để trở nên một bậc người giỏi, nếu đang học mà bỏ về, thì khác gì tấm lụa đang dệt đây mà chặt đi vậy.

Dương Tử thấy nói, cảm động lắm, đi học luôn bảy năm đến tốt nghiệp mới về.

Vợ ở nhà chăm chỉ làm ăn trong bấy nhiêu năm, vừa nuôi nấng mẹ chồng, vừa nuôi cho chồng ăn học.

Nhạc Dương Tử nhờ có người vợ hiền như thế mà sau được quý hiển.

Hậu Hán Thư Nhạc Dương Tử Truyện

GIẢI NGHĨA: *Hiển minh:* có tài, có nét sáng suốt công việc. *Chí sĩ:* người có khí tiết. *Đạo toàn:* tên một cái suối ở huyện Tứ Thủy, tỉnh Sơn Đông; Đạo toàn nghĩa đen là cái suối ăn trộm, tên nghe đáng ghét cho nên khát cũng không muốn uống nước ấy. *Ta lai:* thương rằng cùng khổ đói khát mà gọi cho ăn, và có ý khinh bỉ. *Ô uế:* nhem nhuốc, bẩn thỉu. *Tốt nghiệp:* làm xong một nghề nghiệp gì. *Quý hiển:* sang trọng về vàng.

LỜI BÀN: Cứ theo lẽ thường, cái gì nên làm thế nào thì người tài trai phải biết tự chủ trương lấy, không cần người đàn bà dạy bảo rồi mới chịu làm. Tuy vậy lắm khi cũng phải có sự kích thích ở ngoài vào, thì mới dễ khiến người ta phấn chấn lên mà cố sức làm cho nên việc, và nhất là sự khuyến khích của vợ.

Như vợ Dương Tử đây thật là khéo biết dạy chồng làm cho chồng thành ra được người có khí lại có chí sau quý hiển được. Đúng với những câu ngạn ngữ “*Trai khôn vì vợ, gái ngoan vì chồng*”, “*Giàu vì bạn, sang vì vợ*” lắm.

75. TRỌNG NGHĨA, KHINH TÀI

Ông *Phạm Trọng Yêm*, người nhà Tống, làm quan đến Tể tướng mà vẫn nghèo suốt đời. Tính ông *trọng*

nghĩa, khinh tài, thích làm việc *bố thí*, nhất là đối với người trong họ, lại càng hậu lắm. Ông để dành lương bổng, mua được một thửa đất làm *nghĩa trang* để lấy hoa lợi cứu người nghèo khó trong họ. Phàm việc tang tóc, cưới xin của dân chúng, ông đều lo liệu giúp đỡ cho hết.

Con ông là Thuần Nhân, *đức tính* cũng như ông. Lúc ông làm quan ở Khai Phong, để tránh được năm trăm thùng thóc, sai Thuần Nhân đem về quê. Thuần Nhân đi đến Đan Dương gặp người bạn cũ của cha là Thạch Man Khanh, nhà đã *cùng quăn*, chẳng may lại gặp ba cái tang một lúc, Thuần Nhân giúp cho cả năm trăm thùng thóc. Hai con gái Man Khanh lứa tuổi mà chưa gả bán gây dựng, không chỗ nương tựa, Thuần Nhân cho nốt cả cái thuyền.

Đến lúc về nhà, cha hỏi:

- Con đi có gặp ai không?

Thuần Nhân thưa:

- Con đến Đan Dương có gặp Thạch Man Khanh là nghèo khổ, lại gặp lúc liền ba cái tang, hai con gái không có gì để gây dựng, con có thiện tiện cho cả năm trăm thùng thóc mà còn chưa đủ.

Ông bảo:

- Thế sao con không cho nốt cả cái thuyền?

Thuần Nhân thưa:

- Con cũng đã cho cả thuyền rồi.

Ông khen phải, rồi nói:

- Có như thế mới đáng là con ta.

Phạm Trọng Yêm Truyện

GIẢI NGHĨA: *Phạm Trọng Yêm*: bậc danh thần nhà Tống, có chí to, gánh vác việc đời, lo thì lo trước thiên hạ lo, vui thì vui sau khi thiên hạ vui. *Trọng nghĩa*: lấy điều phải làm trọng mà hết sức làm. *Khinh tài*: cho của cải là thường, không để cho của lẫn được nghĩa. *Bố thí*: đem của của mình ra cứu giúp cho kẻ cùng khổ. *Nghĩa trang*: khu ruộng đặt ra để lấy hoa là giúp những người nghèo trong họ. *Thiện tiện*: tự ý cứ làm không hỏi, không xin phép ai cả.

LỜI BÀN: Làm quan đến bậc Tể tướng mà nhà vẫn nghèo, thế là thanh liêm đáng trọng. Để dành được đồng nào, lại đem bố thí cho kẻ nghèo khổ, thế là nhân đức đáng trọng hơn nữa. Có năm trăm học thóc cho cả, thế là thương người, đáng phục. Còn chiếc thuyền mình đi cũng cho nốt, thế là quên mình đáng phục hơn nữa. Rõ rằng cha nào, con ấy, hai cha con ông Phạm Trọng Yêm thật là có lòng nhân ái, hiểu thấu cái nghĩa cứu kẻ khốn cùng, giúp người tai nạn là việc vui lòng nhất ở đời. Cho nên ta có câu:

Sống gì hơn sống làm lành.

Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu.

76. MUA XƯƠNG NGỰA

Nước Tề đánh nước Yên giết được vua Yên.

Người Yên lập *thái tử* tên là Bình lên làm vua tức vua Chiêu Vương.

Chiêu Vương lên ngôi, thương dân lo việc nước, cầu người hiền tài. Một hôm, bảo Quách Ngỗi rằng:

- Nước Tề nhân dịp nước ta loạn, sang đánh lấy nước ta. Ta biết rõ ràng nước ta nhỏ, dân ta yếu, thực khó lòng mà báo thù. Song nếu được những người giỏi cùng lo toan việc nước may mà rửa sạch sự sỉ nhục của tiên vương được chăng. *Chí nguyện* quả nhân như vậy, tiên sinh xem ai là người giỏi để ta cùng lo việc nước thì hay.

Ngỗi nói:

- Xưa có ông vua đưa nghìn vàng cho người *nội thị* đi mua con ngựa chạy ngày nghìn dặm. Khi đến ngựa ấy đã chết, anh ta mua bộ xương ngựa năm trăm nén vàng đem về. Vua thấy thế giận lắm. Anh ta thưa: “Ngựa chết còn quý mà mua như vậy huống chi là ngựa sống. Tôi chắc thế nào nay mai người ta cũng đem ngựa hay đến bán cho nhà vua”. Quả nhiên, không đầy một năm mà người ta đem ngựa hay đến bán đã ba bận... Nay nhà vua muốn được người giỏi thì trước hãy dùng tôi. Người giỏi hơn tôi thấy thế họ có ngại xa mà không lại ư?

Vua Chiêu Vương lập tức dùng Quách Ngỗi, kính vọng Quách Ngỗi như thầy. Quả nhiên, không bao lâu những người giỏi các nơi tranh nhau sang nước Yên.

Vua Chiêu Vương ủy thác việc nước cho những người ấy. Sau nước Yên thành một nước cường thịnh thật.

GIẢI NGHĨA: Tề: tên một nước mạnh đời Chiến Quốc ở vào tỉnh Sơn Đông ngày nay. Yên: tên một nước đời Chiến Quốc ở vào Phụng Thiên, Trục Lệ và phía bắc Triều Tiên ngày ấy. *Thái tử*: con cả vua, ngày sau lên nối ngôi vua. *Chí nguyện*: tâm tâm niệm niệm ước ao một việc. *Nội thị*: chức quan hầu cận nhà vua. *Ủy thác*: giao cho công việc và nhờ làm giúp.

LỜI BÀN: Có bỏ năm trăm nén vàng ra mua bộ xương ngựa, sau mới có ngựa hay mà dùng; có dùng Quách Ngỗi là người tài vừa và ở gần trước, sau mới có người thật hiền tài ở xa cầu đến. Cái lối quyền mưu trí thuật của bá giả đời bấy giờ, để quyền dẫn lấy nhân tài trong thiên hạ.

Đọc bài này, ta đáng khen Quách Ngỗi đã tìm được câu thí dụ hay để tự tiến lấy mình mà nhất là khi được tin dùng lại hết lòng báo đáp, không phụ sự ủy thác của Chiêu Vương.

Ta lại đáng phục Chiêu Vương là biết nghe Quách Ngỗi mà nhất là biết cố ý lo toan báo thù cho tiên vương, và dụng tâm làm cho cố quốc được cường thịnh.

77. LỜI NÓI KẺ BẮT RẮN

Ở *Vĩnh Châu* có giống rắn lạ, thân đen, vằn trắng, chạm vào cây cỏ, thì cây cỏ chết, cắn phải người, thì không thuốc gì chữa nổi. Song mà bắt được giống rắn dùng làm thuốc để chữa những bệnh như bệnh *trúng phong*, bệnh co quắp chân tay, lại sát được cả trùng.

Cho nên nhà vua có lệ bắt dân gian mỗi năm phải *hiến* hai con rắn ấy để để dành. Ai bắt được rắn thì được trừ thuế ruộng.

Người châu *Vĩnh* tranh nhau mà làm nghề bắt rắn. Có nhà họ *Tương* cũng làm nghề ấy đã được ba đời. Hỏi ra thì nhà họ *Tương* nói:

- Ông tôi chết về nghề bắt rắn, cha tôi cũng chết về nghề bắt rắn. Tôi nối nghề ông cha tôi mới có mười hai năm, cũng đã mấy lần suýt chết.

Người ấy nói, vẻ mặt rất buồn rầu.

Ta thương và hỏi rằng:

- Nhà người, có thật cho nghề bắt rắn là khổ không? Ta sẽ nói với quan trên cho nhà người bỏ nghề ấy mà cứ nộp thuế ruộng như thường. Nhà người tính thế nào?

Người họ *Tương* vừa khóc, vừa nói:

- Ông thương tôi, muốn cho tôi sống, thì ông để cho làm nghề bắt rắn thì hơn. Nếu tôi không làm nghề này thì tôi khôn khổ đã lâu rồi. Nhà tôi ba đời ở làng kể đã hơn sáu mươi năm, cách *sinh nhai* trong

làng mỗi ngày một *quần bách*. Người làng phải rút hết cả lợi hoa thậm chí vét hết cả của cải trong nhà để mà nộp thuế hết, thậm chí bỏ làng, bỏ xóm, đói khát, trôi giạt, chết đường, chết chợ kể bao nhiêu người. Những người nào trạc tuổi ông tôi, mười nhà không còn một. Những người nào trạc tuổi cha tôi, mười nhà còn độ hai, ba. Những người nào trạc tuổi tôi, mười nhà còn độ bốn, năm. Không chết chóc thì *lưu lạc* cả... Tôi nhờ nghề bắt rắn mà còn đến bây giờ. Những quan lại *tàn ác* về làm thuế làng tôi, xúc hết đầu làng, cuối xóm vợ vét đến cả con gà con chó, dân gian phải hãi hùng kinh sợ. Những lúc ấy, về phần tôi được yên lặng, trông trong giỏ con rắn vẫn còn là tôi được ăn no, ngủ yên. Tôi làm nghề bắt rắn một năm sợ chết chỉ có hai lần ngoài ra là vui vẻ, không phải lo thuế má, không đến nỗi như người làng xóm tôi hết ngày này, sang tháng khác khốn khổ về quan lại *tàn ác*. Giá tôi có chết về nghề bắt rắn, ví với người làng xóm, tôi cũng đã là chậm, đâu dám cho là rắn độc mà xin thôi.

Ta nghe câu chuyện, lại càng thương lắm. Xưa Đức Khổng Tử nói: “*Chính sách hà khắc độc hơn hổ dữ*”, ta vẫn ngờ, bây giờ xem chuyện họ Tương mới cho là thật. Than ôi! Cái độc quan lại *tàn ác* làm thuế ở dân gian dữ hơn rắn độc, cho nên nói ra đây để người xem xét phong tục thấy được tình cảnh đau khổ của dân.

Liễu Tôn Nguyên

GIẢI NGHĨA: *Vĩnh Châu*: tên phủ thuộc tỉnh Hồ Ninh ngày nay. *Trúng phong*: phải gió độc, ngắt người đi. *Hiển*: dâng vật gì lên trên. *Sinh nhai*: công việc làm ăn để nuôi thân. *Quần bách*: tưng bấn, cùng khổ khó chịu. *Lưu lạc*: trôi, giạt, tàn rụi. *Tàn ác*: tàn nhẫn, độc ác. *Chính sách*: cách thức cai trị. *Hà khắc*: dữ ác, cay nghiệt.

LỜI BÀN: Ta đọc bài này thật lấy làm ghê tởm cái chính sách hà khắc người cầm quyền đã ác một phần, thì những kẻ dưới thừa hành ác tăng lên trăm phần. Cái cảnh khổ của dân thường thường vẫn như thế. Liễu Tôn Nguyên có bụng thương dân mất hết cả quyền, sống cũng như chết, đem chuyện thật viết ra bài này, là có ý mong người trên hiểu thấu cái tình của dân gian, cái tệ của quan lại mà phần thì đánh thuế dân cho vừa phải, phần thì tìm cách trừng trị những phường tham nhũng, ngô hầu dân mới đỡ được khổ chằng.

78. HÒA VI QUÝ

Đời cổ những người lo toan việc *quốc gia*, trước hết phải dạy dỗ dân, thân yêu dân.

Phép trị dân có bốn điều “*bất hòa*” cần phải biết.

1/ Trong nước mà bất hòa, thì chẳng nên đem quân đi đánh đâu;

2/ Trong quân mà bất hòa, thì chẳng nên đem quân ra trận;

3/ Quân ở trận mà bất hòa, thì chẳng nên tiến lên đánh;

4/ Tiến lên đánh mà bất hòa, thì chẳng nên quyết *thắng*.

Bởi vậy ông vua *hữu đạo* khi định dùng dân, trước hết có hòa sau mới gây dựng việc lớn mà chẳng dám tin cái mưu riêng của ai. Không những thế mà thôi, lại còn phải xem cái *thời* có đáng *cử sự* sau mới cử sự.

Khi dân trong nước, ai nấy đều biết vua chịu suy nghĩ, đắn đo, cẩn thận, quý cái mạng của dân tiếc cái chết của dân, thì bấy giờ dù có phải ra chỗ nguy nan, ai nấy mới cùng lấy việc tiến lên mà liều chết là *vinh*, lùi về mà sống thừa là *nhục* vậy.

Ngô Tử

GIẢI NGHĨA: *Quốc gia*: một tổ chức cần phải có đủ ba yếu tố thổ địa, nhân dân và thống trị chủ quyền. *Bất hòa*: chẳng hài lòng, có ý ngờ vực ghen ghét nhau. *Quyết thắng*: nhất định đánh lấy kỳ được. *Hữu đạo*: có biết lẽ phải, có phương pháp đáng thi hành để lãnh đạo nhân dân. *Thời*: cơ hội, dịp tốt. *Cử sự*: thực hành một việc gì. *Nguy nan*: khó khăn nguy hiểm. *Vinh*: vẻ vang. *Nhục*: tui thẹn cực lòng.

LỜI BÀN: Còn ai không biết trong nước đã bất hòa thì dân chúng dễ ngờ vực nhau, dễ tàn hại nhau, quên hết nghĩa công, chỉ biết thu riêng, thậm chí chia rẽ theo cả địch quốc và đi đến diệt vong nữa. Nên

trong bài này tác giả nói phép dùng dân trị dân rút lại chỉ có một sự cốt yếu là “Hòa”. Dân có hòa và lại nhờ thêm cái thời thuận, tức là cơ hội tốt, nhiên hậu với khả dĩ khiến dân hết lòng với nước, vì nước mà liều chết được. Bài này nói rộng là phép dụng dân, nhưng nói hẹp, mà đúng hơn, thì chỉ là cách dụng binh mà thôi, tác giả là một nhà binh hơn là một nhà chính trị.

79. CÁCH TRỊ DÂN

Tử Sản làm *tướng* nước Trịnh đã lâu năm, có lòng thương dân lấy đạo khoan mà trị dân.

Khi Tử Sản bệnh nặng, gọi Tử Thái Thúc đến bảo rằng:

- Ta chết, tất nhà người làm tướng nước Trịnh. Người phải biết người có đức mới lấy đạo “*khoan*” mà phục được dân, còn người thường phải lấy sách “*ng nghiêm*” mà trị dân mới được. Nay ví như lửa nóng, dân trông thấy mà sợ, cho nên chết vì lửa ít; nước mất, dân khinh mà lớn, cho nên chết vì nước nhiều. Thế mới biết dùng khoan là khó.

Mấy tháng sau, Tử Sản mất, Tử Thái Thúc thay làm tướng, không nỡ dùng nghiêm, e có mãnh liệt cứ lấy đạo khoan mà trị dân.

Không được bao lâu, trong nước sinh ra nhiều trộm cướp thường núp nấu ở các *đồng lầy* mà lấy của giết người nhúng nhiều *lương dân*.

Tử Thái Thúc hồi lại, nghĩ rằng:

- Giá ta biết sớm theo lời Tử Sản thì đâu đến thế này!

Rồi liền cho quân đi đánh bắt bọn cướp ở đồng lầy mà giết hết. Từ đấy nước Trịnh bớt trộm cướp.

Đức Khổng Tử nói rằng:

- Được lãnh chính sách khoan, thì dân lòng, dân lòng thì phải dùng chính sách nghiêm, nghiêm tức là *mãnh*; *mãnh* thì dân tàn, tàn lại phải dùng khoan; khoan giúp cho *mãnh*, *mãnh* giúp cho khoan, có thế thì chính sách lại hòa được.

Tả Khưu Minh

GIẢI NGHĨA: *Tử Sản*: tên tự là Công Tôn Kiều làm quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu. *Tướng*: quan đứng đầu cả bách quan giúp vua để hành chính. *Khoan*: hòa hoãn nói rộng không cấp bách. *Đồng lầy*: nơi đồng đất lũng vũng có nước và cây rậm rạp. Ta còn gọi là *bãi* mà chữ là *Trạch*. Đồng lầy nói trong bài đây có tên riêng gọi là Hoàn Hồ. *Lương dân*: lành lương thiện. *Mãnh*: dữ dội nghiêm khắc.

Tả Khưu Minh: quan Thái sư nước Lỗ theo chí của Khổng Tử mà làm ra truyện kinh Xuân Thu gọi là Tả Nhị Xuân Thu cho nên người ta thường xưng Khổng Tử là Tố vương, Khưu Minh là Tố thần.

LỜI BÀN: Tử Sản vốn là một người học rộng, chính trị giỏi, làm Tướng nước Trịnh hơn bốn mươi

năm, đối với trong, thì dân bình trị, đối với ngoài, thì các nước e nể, ông là một bậc quân tử có bốn điều hay: đối với mình thì tự trọng (cung) đối với người mình phụng sự thì thành kính, nuôi dân thì có ơn huệ, khiến dân thì có nghĩa lý.

Câu ông dặn Tử Thái Thúc đây thực có ý lắm. Mãnh mà khiến cho dân sợ bao nhiêu, thì khoan mà cũng khiến cho dân khó bấy nhiêu. Tuy cũng gọi là sợ, nhưng cái sợ trước không có giá, vì sợ bất đắc dĩ, sợ miễn cưỡng, sợ bề ngoài mà khinh trong bụng, cái sợ sau mới là cái sợ quý, vừa sợ, vừa yêu, sợ mà kính phục, sợ như vui lòng mà sợ vậy. Nhưng muốn được cái sợ sau, tất cái đức phải lo làm sao mới cảm hóa nhân tâm đến bậc ấy.

Còn thường thường, phép trị dân không thể cứ khoan mãi được, vì khoan thì dân lờn. Lại cũng không thể cứ mãnh mãi được, vì mãnh thì dân oán. Dân oán hay dân lờn cũng đều có trở ngại đến việc nước cả. Cho nên phải có khoan, lại phải có mãnh đắp đổi đỡ dần cho nhau thì mới được. Bốn chữ "*Khoan mãnh tương tế*" thực đáng làm cái phương châm cho cả những người cầm quyền trị dân vậy.

80. CAN GÌ MÀ PHÁ ĐI

Dân nước *Trịnh* thường hay đến trường học thôn quê để nghị luận những chính sách hay dở của quan liêu.

Nhiên Minh bảo *Tử Sản* rằng:

- Tôi định phá hết cả các trường thôn quê, ông tính sao?

Tử Sản nói:

- Để chứ. Phá đi làm gì? Dân sự người ta sớm tối đến chơi trường học để nghị luận điều phải, điều trái của quan liêu làm. Cái gì người ta cho là phải, ta cứ thế mà làm, cái gì người ta cho là dở, ta liệu mà đổi đi. Những kẻ nghị luận ấy, tức là những ông thầy của ta. Can gì mà phá trường học.

Vả chẳng, tôi nghe nói: hết lòng làm điều phải thì mới đỡ được người ta oán trách mình. Tôi chưa từng nghe nói chỉ nạt nộ ra oai, mà *tuyệt* được hết sự oán trách của người. Cũng như phải đắp đê mà giữ nước, chớ bỏ đê đi, thì nước vỡ tứ tung, bao nhiêu người chết, không thể cứu lại được. Nay ta hăng cứ để trường học khiến thường được nghe những câu chê bai để làm thuốc chữa cho ta thì hơn.

Nhiên Minh nghe *Tử Sản* xong, nói rằng:

- Nay tôi mới biết ông là ông quan thầy đáng tôn vậy. Tôi thật là kẻ bất tài. Ông làm được như lời, thì chẳng những một đám chúng tôi được trông cậy mà cả nước cũng được nhờ vậy.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA. *Trịnh*: tên một nước nhỏ đời Xuân Thu ở vào huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay.

Nghị luận: bàn bạc chê khen. *Chính sách*: cách thức về công việc cai trị. *Quan liêu*: quan là người giữ được trị dân, liêu là người làm việc giúp quan. *Nhiên Minh*: người đời Xuân Thu, cùng làm quan ở nước Trịnh với Tử Sản. *Tử Sản*: người đời Xuân Thu, học rộng có tài chính trị, là quan đại phu giỏi có tiếng của nước Trịnh (Xem bài trên). *Oán trách*: căm giận và chê bai. *Tuyệt*: dứt dứt hẳn đi.

LỜI BÀN: Người ta càng cao xa, càng tôn quý bao nhiêu, càng xa sự thực bấy nhiêu. Sự thực hay thì hay thực, song lại hay làm cho mất lòng, nên những người có địa vị cao, ít khi được nghe sự thực. Thiên hạ không ai muốn mất lòng mình, thì ai dám nói sự thực cho mình biết.

Nhiên Minh đây bảo phá nhà trường là vì nghe sự thực mà mất lòng. Tử Sản đây mà bảo giữ nhà trường là vì yêu sự thực, được nghe sự thực lấy làm vui sướng. Các nhà trường nước Trịnh bấy giờ có phải như các tờ báo ngày nay, là những cơ quan để cho dân chúng được tự do mà đàm luận về những chính sách hay dở hay không? Nếu như vậy, thì ra xưa nay dân sự vẫn có cách làm cho những điều nguyện vọng của mình đạt được tới chính phủ mà chính phủ khôn khéo, tương cũng nên lợi dụng cái cách ấy, không nên tuyệt đi vậy. Những câu Tử Sản nói ví như giữ dê cho nước chảy để phòng sự ngập lụt tràn trụa rất nguy, hết lòng làm phải chớ không phải ra oai nạt nộ mới tuyệt được sự oán

trách của dân, thực là những câu nói rất đúng với chân lý. Ôi! một chính phủ mà vững bền hay hư hỏng có thể nghiệm ở lòng dân yêu hay ghét. Nếu dân chúng đã ghét những chính sách không ra gì, chúng dám nói ra miệng, mà lại chỉ thị oai như muốn bưng miệng chúng chớ không muốn sửa đổi lỗi mình, thì có khác gì thấy nổi nước sôi trào ra ngoài không biết rút củi ra, lại cứ cầm que mà khuấy vào nước cho đỡ sôi không.

81. HAY, DỠ ĐỀU DO Ở MÌNH CÁ

Người làm quận trưởng một *Quốc gia* nếu mà bất nhân thì không thể nào nói phải với họ được nữa! *Quốc gia* suy yếu, ngoại biến đến nơi, họ vẫn cho là yên; thiên tai nhân họa xảy ra luôn luôn, họ không biết là hại; xa xỉ ăn chơi bạo ngược tàn ác đi đến đường *diệt vong*, họ vẫn lấy làm vui sướng. Hạng *bất nhân* ấy, nếu còn nói phải được với họ thì đã chả đến nỗi có những chuyện mất nước tan nhà.

Ngày trước có đứa trẻ hát câu:

Thương Lang chi thủy thanh hê, khả dĩ trạc

ngã anh.

Thương Lang chi thủy trọc hê, khả dĩ trạc ngã túc.

Nghĩa là: Nước sông Thương Lang nếu mà trong thì ta dùng để giặt dải mũ ta. Nước sông Thương Lang nếu mà đục, thì ta dùng để rửa chân ta.

Đức Khổng Tử nghe thấy, bảo học trò rằng:

- Chúng con nghe đấy: Nước trong thì tự khắc người ta mới giặt dài mũ, đục thì tự khắc người ta chỉ để rửa chân. Đó đều là do nước *tự thủ* cả.

Ôi! Việc thiên hạ cái gì mà chẳng do tự thủ! Người ta tất *tự khinh* mình trước, rồi người ngoài mới khinh sau; nhà mình tất *tự hủy* nhà mình trước, rồi người ngoài mới hủy sau; nước mình tất *tự phạt* nước mình trước, rồi người ngoài mới phạt sau.

Cũng tức như câu ở thiên *Thái giáp* "*Thiên tác nghịet, bất khả vị. Tự tác nghịet, bất khả hoạt*". Nghĩa là: Trời làm tai vạ còn tu tỉnh để mà tránh được, nếu mình gây ra tai vạ thì mình làm mình chịu, chẳng có thể trốn tránh mà thoát chết được.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Quốc gia*: đời cổ chư hầu gọi là quốc, đại phu gọi là gia. Bây giờ dùng làm tiếng gọi xứ có đất, có dân, có quyền thống trị. *Bất nhân*: mất hết lương tâm. *Diệt vong*: hết lòng mất nước. *Tự thủ*: mình tự chuốc lấy đê tiện nhân cách của mình. *Tự hủy*: tự mình làm cho mình hỏng nát. *Tự phạt*: tự mình phá hại làm cho mình tối tàn. *Thái giáp*: tên một thiên trong Kinh Thư. *Tự đức*: tu tỉnh làm cho đức tốt.

LỜI BÀN: Kẻ có quốc gia mà đã bất nhân thì tâm thần mê muội, công việc đảo điên, không còn biết phải trái là gì nữa, nguy cũng mặc, tai cũng mặc, đến mất

đức cũng mặc. Kịp khi đã bại hoại, diệt vong rồi thì lại do cho mệnh trời, quy tội cho người có biết đâu là tự chính mình gây nên mối họa cho mình cả. Có thân không biết tu, có nhà không biết trị, có nước không biết giữ, thế là khiến cho người ta khinh mình, bảo cho người ta phá mình, mời cho người ta đánh mình. Ôi! Sự biến cố mấy khi tự đứng mọc ra đâu, muôn sự do tự mình hết cả. Nên người có trách nhiệm giữ quốc gia nên nhớ lấy cái nghĩa “tự thú”, để tránh lấy cái tai vạ “tự tác”.

82. NGUY BIỆN

Nước Tề có kẻ thờ vua, thân được *vinh hiển*, nhà được sung sướng. Khi vua có hoạn nạn, anh ta không chịu liều chết để cứu giúp vua.

Một hôm, anh gặp *cổ nhân* ở đường. Người cổ nhân lấy làm *ngạc nhiên*, hỏi:

- Tôi cứ tưởng bác chết rồi, mà ra bác vẫn còn sống kia đấy ư?

Anh ta thưa:

- Phải, tôi còn sống chứ. Phàm đi làm tôi tớ người ta chỉ cốt có lợi, mà chết theo người ta thì có lợi gì, cho nên tôi chả chết theo.

- Bác ăn ở như thế thì còn mặt mũi nào mà trông thấy người ta dưới chín tuổi nữa?

- À thế cứ như ông nói thì ra ông cho khi chết, mắt đã nhắm rồi, mà vẫn còn trông thấy người ta được ư?

Ôi! Những người đời chịu ơn vua, mà chẳng *tuân nạn* vua đều là kẻ *đại bất nghĩa*. Thế mà khi có ai nói đến, lại còn biện bác cãi lẽ, tự cho mình là phải.

Thói thường ở một nước loạn, ý nghĩ với câu nói thường hay trái nhau.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA: *Vinh hiển*: vẻ vang, rực rỡ. *Cố nhân*: người bạn cũ, quen biết đã lâu. *Ngạc nhiên*: hãi hùng ngơ ngác. *Tuân nạn*: đem mình liều chết với một người hay một việc. *Đại bất nghĩa*: kẻ ăn ở hay làm điều trái cả công lý, phụ cả lương tâm.

LỜI BÀN: Bài này tác giả nói trung với vua đã kết luận rõ ràng ở dưới rồi. Nhưng ta còn có thể nhân đó bàn rộng ra mà nói được rằng: Cái trò ở đời người chỉ vụ lợi, thì không còn biết nghĩa là gì nữa. Hoặc khi có ai giảng giải cho, thì lại tìm câu khéo nói, viện lý sự cùn để tể toái đi cho xong, vẫn tự cho mình là có lẽ.

83. KHÔNG CHỊU THEO KẺ PHẢN NGHỊCH

Trần Hằng lúc giết vua xong, sai sáu người *dũng sĩ* đến bắt Tử Uyên Thê phải theo mình.

Tử Uyên Thê nói:

- Nhà người muốn cho ta vào *đảng*, ý hẳn cho ta là “trí” chẳng, nhưng bây tôi giết vua mà không cản được, ta chẳng phải là trí; cho ta là “*nhân*” chẳng, nếu thấy lợi mà phản nước, ta chẳng phải là nhân; cho ta là “*dũng*” chẳng, nhưng đem binh đến ăn hiếp ta, ta sợ mà theo người, ta cũng chẳng phải là dũng.

Ví bằng ta không có ba điều ấy, ta về bè với người thì có bổ ích gì cho người. Ví bằng ta có ba điều ấy thì đời nào ta theo người mà người đỡ.

Trần Hằng bèn tha Tử Uyên Thê.

Tân Tụ

GIẢI NGHĨA: *Trần Hằng*: người quyền thần thời Xuân Thu giết vua Giản Công nước Tề lập vua Bình Công. *Dũng sĩ*: kẻ sức lực can đảm hơn người. *Đảng*: cùng nghĩa như bọn, tụi, bè. *Trí*: khôn ngoan, quyền biến. *Nhân*: thương người và trung hậu. *Dũng*: khỏe mạnh, can đảm. *Tân Tụ*: sách của Lưu Hướng người đời nhà Hán soạn.

LỜI BÀN: Trần Hằng mà dụ Tử Uyên Thê vào đảng là có ý mong cậy Tử Uyên Thê về sau này nhiều lắm. Không ngờ Tử Uyên Thê đáp hẳn mà thực là người đủ trí, nhân, dũng, thì bây giờ đỡ được, mà nếu hẳn lại là người trí, nhân, dũng đều không có thì đỡ hẳn về mà có ích chi. Câu đáp thật khéo, thật có ý nghĩa đủ cho Trần Hằng suy nghĩ cả đôi đường mà phải thôi đỡ ngay không còn do dự gì nữa.

84. CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI

Cư xử với người mà góc gách, nghiêm ngặt quá là cái *đại bệnh* ở đời.

Bậc thánh hiền xử với người đời không có giây phút nào là rời bỏ được cách *ôn hòa trung hậu*. Cho nên mới có những câu:

Phiếm ái chúng, nghĩa là rộng yêu tất cả loài người;

Hòa nhi bất đồng, nghĩa là: xử với người hòa hợp mà không a dua phe đảng;

Hòa nhi bất lưu, nghĩa là: xử với người hòa nhã mà không dua theo quá trớn;

Quần nhi bất đảng, nghĩa là: liên hợp với mọi người cho có nhân quần mà không vào bè kết đảng với ai cả;

Chu nhi bất tị, nghĩa là: công bình mà chẳng thiên tử;

Từ tường khái dễ, nghĩa là: nhân đức, êm ái, vui vẻ, dễ dàng;

Ái nhân, nghĩa là: yêu loài người;

Thân nhân, nghĩa là: gần gũi dân và đi sát với dân, coi dân như anh em, con cái;

Vạn vật nhất thể, nghĩa là: coi muôn loài với mình như là một thể;

Thiên hạ nhất gia trung quốc nhất nhân, nghĩa là: coi cả thiên hạ như một nhà, coi cả nước như một người.

Nếu làm người cứ vò vò một mình, tính nết khe
khắt lạnh nhạt, chẳng thân với ai thì thật là một
hạng *chuống ngại* cho xã hội. Dù cho người *phương
chính*, tính nết độc lập cũng không phải là hạng *ứng
dụng* với đời chẳng qua là người *nhất tiết quyền giới*,
mà thôi.

Lã Khôn

GIẢI NGHĨA: *Đại bệnh*: bệnh to làm cho người ta
khổ và họ chịu. *Ôn hòa*: êm ái, hòa nhã. *Trung hậu*:
thành thực, tử tế. *Chuống ngại*: ngăn trở vướng vít khó
chịu. *Phương chính*: góc gác ngay thẳng. *Độc lập*: riêng
một mình có tính khác thường. *Ứng dụng*: đem ra mà
dùng cho được việc. *Nhất tiết quyền giới*: chỉ khẳng
khái giới được một bề, một mặt.

LỜI BÀN: Mùa xuân khí trời có đầm ấm ôn hòa
thì muôn loài mới xinh tươi nảy nở và phồn thịnh
được. Người đối với người cũng vậy, trong gia đình,
ngoài thì xã hội, có “hòa khí” mới có thể sống chung
với nhau mà an cư lạc nghiệp được. Ta dù có được là
người tốt chẳng nữa mà cứ một mực góc gác, nghiêm
ngặt với người, thì người lấy làm khó chịu mà không
thể nào thân với ta được. Không chịu được nhau, tất
nhiên hay khích bác nhau, thành cả đôi bên không
được yên vui sung sướng, mà công việc ở giữa vì thế
mà hỏng cả. Cho nên, thánh hiền ở đời không bao giờ
thế. Bao giờ cũng giữ được thái độ ôn hòa, không a

dua, xu phụ ai, cũng không ghét ai để cho người đau đớn mà sinh biến. Những câu tác giả lược ra mà liệt vào bài đây thực là những vị thuốc rất hay để chữa cho người có tính khắt khe, quá thẳng với đời mà hay ghét đời, chán đời vậy.

85. TỰ XÉT LẠI MÌNH

Người *quân tử sở dĩ* khác người là vì lúc nào cũng để tâm đến việc “Nhân” để tâm đến việc “Lễ”.

Đã là người có nhân, thì yêu người, đã là người có lễ thì kính người. Mà theo lễ thường, yêu người thì người tất yêu lại, kính người thì người tất kính lại.

Người quân tử ăn ở như vậy, mà *gián hoặc* còn có kẻ đem thói ngang ngược đối đãi lại thì tất nhiên tự xét ngay mình lại, chắc mình còn bất nhân, chắc mình còn vô lễ thì họ mới xử với mình như thế, chớ tự đứng thì có khi nào họ lại ngang ngược với mình được?

Người quân tử xét lại thật mình có nhân, thật mình có lễ, mà người ta đối đãi với mình vẫn ngang ngược như trước, thì tất lại xét mình ta nhân, ta lễ thật, nhưng ta chưa được hết lòng chăng.

Nếu người quân tử xét rằng thật đã hết lòng mà thói người ngang ngược vẫn như trước, thì bấy giờ người quân tử nói:

- Hạng này thật là hạng càn dỡ; người mà đến như vậy thì khác gì loài vật. Đối với loài vật thì ta còn so kè làm chi nữa!

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Quân tử*: người tài đức hơn người. *Sở dĩ*: bởi lẽ gì mà... *Nhân*: lương tâm lòng thương. *Lẽ*: cử chỉ hợp lý, lòng quý trọng. *Gián hoặc*: thỉnh thoảng còn, có khi...

LỜI BÀN: Ai cũng đều là người cả. Nhưng người quân tử chỉ khác người vì cái tâm không tàn ác, không bi bạc. Tâm đã như thế thì thường yêu người, quý người. Yêu quý người, mà người yêu quý lại, là lý chí thường. Song ở đời có nhiều việc bất ngờ, đã không đem điều phải ăn ở lại với việc phải, lại còn giở lối cường bạo vô lý. Thế mà người quân tử xử với bọn ngu ngoan ấy vẫn ân cần tự xét mình đến ba lần thật là vẫn sẵn lòng thương xót, biết cách chu toàn không có ý gì tự cho mình là phải mà tuyệt bỏ người đời cả.

Cái học trách kỷ, trong làm cho mình hay thêm, ngoài làm cho người dễ theo điều phải, thật là hay lắm vậy.

86. KHÔNG NÊN CÂU NỆ

Trời không thể làm cho hoa mùa nọ nở vào mùa kia, cho nên *thánh nhân* không trái thời.

Đất không thể làm cho *khí hậu* xứ kia đổi sang xứ nọ, cho nên thánh nhân không trái *tục*.

Thánh nhân không thể làm cho tay biết đi, chân biết cầm, cho nên thánh nhân không làm cho trái cái tài riêng.

Thánh nhân lại không có thể làm cho cá biết bay trên không, chim biết bơi dưới nước, cho nên thánh nhân cũng không dùng trái cái tài riêng của người.

Vì vậy lúc nên *động*, lúc nên *tĩnh*, lúc nên tối, lúc nên sáng, ta không nên *câu nệ* một đường nào, thì mới là hợp đạo.

Quan Doãn Tử

GIẢI NGHĨA: *Thánh nhân*: bậc tài đức, học vấn, nhân phẩm hơn người. *Thời*: mùa, nói rộng ra là thời buổi. *Khí*: thủy thổ và thời tiết. *Tục*: thói quen đã thành nếp mà ai cũng thích theo. *Động*: làm công nọ, việc kia. *Tĩnh*: ở yên. *Câu nệ*: bo bo cố chấp không biết biến thông.

LỜI BÀN: Hết thầy động vật, thực vật cả đến người ta, mỗi loài mỗi giống thường có những đặc tính riêng của loài ấy, giống ấy, cách trí dù có tinh xảo cũng không thể bắt cho cả như loài, mọi giống, cùng y như nhau cả. Suy như thế, thì bất cứ về mặt gì tính tình, phong tục cho đến cả tôn giáo, học thuật, ta không nên câu nệ chấp nhất một đường nào mà chỉ biết cái phải của ta, không rõ cái phải của người. Ta phải có lượng

rộng dung được cả mọi cái, bao quát được cả mọi việc, thì ngô hầu mới là người thông hiểu và sáng suốt vậy.

87. TRI KỶ

Việt Thạch Phủ, người nước Tề về thời Xuân Thu, có tiếng là người giỏi. Anh ta phải tội oan bị giam trói. Ân Tử đi chơi, gặp ở đường, tháo một con ngựa đang đóng xe bán để chuộc tội cho anh ta, rồi đưa lên xe đem về.

Về đến nhà, Ân Tử chẳng hỏi han gì đến, vào ngay nhà trong, rồi ở mãi không ra.

Thạch Phủ tức giận bỏ đi và nói rằng từ rày không bước đến nhà Ân Tử nữa.

Ân Tử nghe tiếng, *ngạc nhiên*, sửa khăn áo chạy theo ra, tạ rằng:

- Tôi tuy chẳng ra gì, song cũng vừa gỡ được tội cho ông, sao ông lại vội *cự tuyệt* tôi thế?

Thạch Phủ nói:

- Không phải. Tôi nghe người quân tử gặp phải kẻ *bất tri kỷ* thì phải cực thân, gặp được người tri kỷ thì được hả dạ. Tôi đã phải giam trói oan là tôi gặp phải kẻ bất tri kỷ. Tôi nay gặp được ông đã biết tôi mà chuộc cho tôi khỏi tội oan, thì ông là tri kỷ của tôi. Nếu tôi gặp phải người tri kỷ mà vô lễ, thì thà rằng tôi cứ ngồi trong chỗ giam trói còn hơn.

Ân Tử nghe ra bèn kính trọng Thạch Phủ, rồi sau tôn Thạch Phủ làm thượng khách.

GIẢI NGHĨA: *Ngạc nhiên:* sợ hãi, ngỡ ngàng. *Tạ:* xin lỗi. *Cự tuyệt:* chống cự ghét bỏ, tuyệt không đi lại chơi với nữa. *Bất tri kỷ:* kẻ chẳng biết mình, ưa mình.

LỜI BÀN: Xem chuyện này ta trọng Thạch Phủ là người tinh đời và lại có tài, có khí, ngang nhiên nói rõ thẳng băng mà không sợ mất lòng ân nhân, lại còn nhân đó làm cho ân nhân biết giá trị của mình nữa. Ông vừa biết mình vừa biết người và giỏi cả khoa ngôn ngữ. Còn như Án Tử thì là người biết người là lại có đức, có lượng. Bán ngựa để chuộc tội cho Thạch Phủ. Thế là biết được anh hùng trong lúc còn trần ai và thương người như thể thương thân vậy. Phải Thạch Phủ nặng lời oán trách mà ông xử lại kính trọng bội phần, thật là ái tài như mạng (yêu quý người hiền tài như yêu quý mạng mình). Đáng phục lắm thay! Án Tử làm tướng nước Tề suốt đời tận tụy quên cả bản thân; nhất là việc bồi thực nhân tài để cho có người giúp dân, giúp nước, ông lại càng hết lòng lắm.

88. TRÔNG KHÓ, NHỎ DỄ

Điền Nhu được nước Ngụy tin dùng.

Huệ Tử bảo Điền Nhu:

- Người phải khéo ăn khéo ở với *cận thần* nhà vua mới được. Nay xem như cây *duơng*, trồng ngang cũng mọc, trồng ngược cũng mọc, bẻ cành mà trồng cũng

mọc. *Giả sử* mười người trồng cây dương, một người nhổ lên, thì không cây dương nào sống được. Thế cho nên nhiều đến mười người trồng giống thứ cây dễ mọc, cũng không lại được với một người nhổ là tại làm sao? Là tại trồng thì khó mà nhổ thì dễ. Nay người muốn được vua tin dùng lâu dài, nhưng có nhiều người muốn bỏ người, thì người nguy mất.

Bách Tử Toàn Thi

GIẢI NGHĨA: *Huệ Tử*: tức là Huệ Thi là một nhà đàm luận biện bác giỏi đời Chiến Quốc. *Cận thân*: bấy tôi hầu chực ở gần vua. *Dương*: thứ cây gần giống như cây liễu. *Giả sử*: ví như. *Nguy*: không yên ổn.

LỜI BÀN: Được vua tin dùng, thế là vua đã có lòng yêu, mà vua đã có lòng yêu, thì lại lo chi không giữ được địa vị vững chắc. Thế mà vị tất, vua yêu, tuy vua là chủ nữa, nhưng cũng chỉ là một người, còn bao nhiêu người bên cạnh vua, nếu ai ai cũng ghét mình cả, thì mình không thể nào đứng lại được. Nên cái lẽ trồng khó, nhổ dễ của Huệ Tử nói với Điền Nhu rất là phải. Bài này có ý lo xa từ bỏ cái hại gièm pha.

89. NGƯỜI KIỂM CUI ĐƯỢC CON HƯƠU

Người nước *Trịnh* kiểm cui ngoài đồng, thấy con hươu lạc, đón đánh chết được ngay. Anh ta sợ người ngoài trông thấy, vội vàng giấu xác hươu vào trong cái

hào cạn, lấy lá chuối phủ lên. Trong bụng mừng rỡ không biết thế nào mà kể.

Chợt một cái, anh ta lú ngay chỗ giấu hươu, bèn cho ngay là chuyện chiêm bao. Lúc gánh củi về, anh ta đi đường, thờ thần thờ than và cứ một mình lẩm bẩm kể câu chuyện ấy.

Có một người đi cạnh, nghe thấy cứ theo lời kể mà tìm được hươu, đưa về bảo vợ rằng:

- Lúc nãy anh kiếm củi *mộng* bắt được hươu mà không biết ở chỗ nào, bây giờ ta tìm được, thế thì hẳn là kẻ *mộng* thật.

Vợ nói:

- Hay là chính anh *mộng* thấy người kiếm củi bắt được hươu. Chớ làm gì có người kiếm củi thật. Bây giờ anh bắt được hươu thật, thế là *mộng* anh thật chẳng.

Chồng bảo:

- Đây ta cứ biết được hươu là được hươu, cần gì phải biết rằng ta *mộng* hay hẳn *mộng* nữa.

Anh kiếm củi về nhà, trong bụng tấm tức băn khoăn về việc mất hươu. Đêm hôm ấy nằm *mộng* thấy cho mình giấu hươu và cả người đến lấy hươu ấy. Sáng ra, cứ theo như *mộng* rồi tìm ra được, mới đem lên quan sī sự kiện để đòi lại hươu.

Quan xử rằng:

- Mày trước thật là bắt được hươu lại hoảng lên cho là *mộng*, sau mày *mộng* tìm thấy hươu lại hoảng lên

cho là thực. Còn thằng kia thật là lấy hươu mà tranh nhau với mày thì vợ nó lại tưởng là mộng được hươu của người ta chứ không ai bắt được hươu thật. Bây giờ rõ ràng có con hươu đây, thời chia đôi cho mỗi bên một nửa.

Cái án ấy tâu lên vua nước Trịnh.

Vua nói rằng:

- Hừ! Quan án cũng lấy mộng mà xử cái kiện con hươu ư!

Rồi cho đòi *thủ tướng* đến hỏi. Thủ tướng tâu rằng:

- Mộng cũng chẳng mộng, tôi không thể phân biệt được. Muốn phân biệt mộng hay giác thì chỉ có ông *Hoàng Đế*, ông *Khổng Tử* mà thôi. Bây giờ không có hai bậc ấy, thì ai phân biệt ra được?

Thôi, xin cứ y như lời xử đoán của quan *sĩ sư* là xong.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Trịnh*: nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào huyện Tân Trịnh, một phần đất phủ Khai Phong tỉnh Hà Nam ngày nay. *Hào*: vũng nước bao chung quanh thành (chỗ lấy đất đắp thành mà thành vũng). *Mộng*: tức là chiêm bao, nghĩa là những công, chuyện hiện ra, hay tinh thần cảm giác điều gì trong lúc người ta ngủ. *Sĩ sư*: chức quan tra xét việc ngục tụng. *Mộng thật*: chiêm bao thế nào sau có thật như thế. *Hoàng*: mù mờ, không hiểu đích thật. *Hoàng Đế*: một bậc thánh đế

đời cổ, thay vua Thần Nông cai trị nước Tàu. *Khổng Tử*: người nước Lỗ, về thời Xuân Thu tên là Khuư, tự là Trọng Ni, ông tổ Nho học.

LỜI BÀN: Đánh chết được hươu thật lại đem giấu cẩn thận, vì quên mất chỗ giấu mà cho là mộng. Thế mà hóa ra là mộng. Nghe lỏm rồi lấy tranh hươu của người, đem về tận nhà khoe với vợ. Thế là mộng hóa ra thực. Ôi như thế thì chẳng ra sự mộng và sự thực, không có gì để phân biệt tách bạch hẳn ra ư? Hay ở đời có lắm cái như thực mà là mộng cả, lại có lắm cái tưởng mộng mà là thực cả. Tác giả chính có ý muốn bày tỏ sự mộng, sự thực ở đời là như thế. Nhà Phật còn cho cả cuộc đời là một giấc mộng, nữa là những việc vụn vặt hàng ngày.

Còn câu cuối bài, tác giả có ý bác ông Hoàng Đế và ông Khổng Tử cứ như muốn giáo hóa người đời, cho ở đời cái gì cũng là thực cả.

Tự xưa đến nay, ở đâu mà chẳng là thật, việc gì mà chẳng là chiêm bao, chẳng qua như chuyện được hươu mất hươu, tìm thấy hươu, kiện nhau hươu. Nghĩ cho cùng, tưởng cũng buồn cười.

90. HỎI THĂM DÂN

Vua nước *Tề* sai sứ đem thơ sang hỏi thăm bà *Uy hậu* nước *Triệu*.

Sang đến nơi, bà *Uy hậu* chưa xem thơ, đã hỏi sứ giả rằng:

- Năm nay không mất mùa chứ? Dân bình yên chứ? Vua cũng mạnh khỏe chứ?

Sứ giả nghe hỏi, không bằng lòng, nói rằng:

- Tôi vâng mệnh vua nước tôi sang sứ bên này, thái hậu không hỏi đến vua tôi, lại hỏi thăm mùa màng với dân sự trước, thế chẳng ra tôn trọng kẻ hèn hơn người sang ư.

Uy hạo bảo:

- Không phải. Nếu không có mùa màng thì lấy đâu có dân, không có dân thì lấy đâu có vua. Cho nên ta hỏi mùa màng và nhân dân trước. Ai lại bỏ gốc mà hỏi ngọn bao giờ!

Nói xong, Thái hậu lại hỏi luôn rằng:

- Chung Li Tử là *xử sĩ* bên ấy vẫn được bình yên đấy chứ? Người ấy có ăn lương cũng thế, không lương ăn cũng thế, có áo mặc cũng thế, không áo mặc cũng thế, ấy là người ta giúp vua mà nuôi dân đấy, sao đến bây giờ chưa triệu ra làm quan? Cả Nghiệp Dương Tử bên ấy vẫn bình yên đấy chứ? Người ấy thương xót kẻ *quan quả*, *chu tuất* kẻ cô độc, *chấn tế* kẻ khốn cùng, giúp đỡ kẻ túng bán, thế là người ta giúp vua để sinh tức cho dân, sao đến bây giờ còn chưa triệu ra làm quan? Người là con gái *Bắc cung* tên là Anh Nhi Tử vẫn bình yên đấy chứ? Người ấy bỏ cả đồ trang sức đến già không lấy chồng để nuôi cha mẹ. Ấy là người ta làm gương cho dân bắt chước ăn ở với cha mẹ có hiếu, sao đến bây giờ vẫn chưa cho người

ấy vào châu? Nếu hai người xử sĩ ấy không làm được quan, một người con gái ấy không được vào châu, thì làm vua nước Tề trị sao vạn dân được! À, mà còn thằng Tử Trọng ở Ô Lăng vẫn còn đấy chứ? Người ấy trên không làm tôi vua, dưới không trị việc nhà, giữa không kết giao với ai. Thế thì người ấy dạy dân làm điều vô dụng, sao đến bây giờ vẫn còn chưa giết đi?

Thái hậu hỏi hết mấy câu chuyện xong rồi, mới xem đến thư.

Triệu Văn

GIẢI NGHĨA: *Tề:* tên nước lớn trong bảy nước thời Chiến Quốc ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông bây giờ. *Uy hậu:* mẹ vua Vương bây giờ, bà có dự triều chính. *Triệu:* tên một nước lớn thời Chiến Quốc về phía nam tỉnh Trực Lệ, phía bắc tỉnh Sơn Tây bây giờ. *Sứ giả:* người chịu mệnh lệnh của vua nước mình mà sang sinh vấn nước khác. *Mệnh:* lời người trên dặn bảo sai đi việc gì. *Thái hậu:* mẹ vua. *Xử sĩ:* người hiền tài ẩn cư một chỗ. *Quan quả:* *quan:* người góa vợ, *quả:* người góa chồng. *Chấn tể:* cứu giúp kẻ đói khổ.

LỜI BÀN: Nước lấy dân làm gốc. Dân không đủ ăn thì nước nguy cho nên dân sinh là việc trọng. Dân không an cư nước loạn, cho nên trị an là việc cần. Bà Uy hậu hỏi hai việc này trước, rồi hỏi thăm vua sau là có ý quý dân lắm. Rồi bà hỏi đến hai người xử sĩ, một

người hiếu nữ, là mong cho dân có được nhân tài để lãnh đạo. Bà hỏi đến một tên tiểu nhân là ngại cho dân đỡ phải quân gian ác cổ hoặc làm càn, thủy chung câu nào bà hỏi cũng chú trọng về dân, còn vua thì hỏi qua, thật là một tay hiểu thấu việc trị nước, ám hợp cái ý tưởng của ông Mạnh là: “*Dân vi quý xã tắc thứ chi, quân tư khinh*” vậy.

91. DÂN QUÝ NHẤT

Nước mà trông cậy để vững bền được là nhờ ở ba thứ:

- Một là dân; hai là *xã tắc*; ba là vua.

Đem ba điều ấy so sánh với nhau, dân tuy không có thể đáng tôn, nhưng có hình đáng sợ, đáng trọng, thật là dân quý nhất.

Xã tắc là thổ thần và cốc thần *tí hộ* cho dân được yên, được sống, nhưng cũng vì dân mới đặt ra, thì chẳng có thể bì với dân được. Vậy xã tắc còn là đáng quý thứ hai.

Vua tuy *chúa tể* cả thần, cả dân nhưng kỳ thực cũng phải như lòng dân có yên mến, xã tắc có yên ổn thì vua mới lâu dài được. Thế thì vua ví với dân, với xã tắc, vua không trọng lắm, nghĩa là đáng quý thứ ba.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA: *Xã tắc:* *xã:* nơi thờ thổ thần, tức là thần giữ đất, *tắc:* nơi thờ cốc thần, tức là thần cho được mùa. *Thế:* quyền to sức mạnh khiến cho người ta phải nể, phải sợ. *Hình:* hình tượng hiển hiện ai cũng biết. *Tí hộ:* che chở, đỡ đỡ cho được bình yên. *Chúa tể:* đứng đầu cai quản trông nom tất cả.

LỜI BÀN: Nước có Quân chủ, thì còn ai trọng bằng vua chúa. Tục chuộng Thần quyền, thì còn ai sợ bằng thần thánh. Một đàn dân ngu, tha hồ mà giày xéo bóc lột? Nhưng có biết đâu dân chính là gốc của nước, có dân mới có xã tắc, có dân mới có vua nên đem so dân với vua, với xã tắc thì dân là quý nhất, không thể khinh thường được. Ông Mạnh sinh vào đời cổ, quân chủ áp chế mà thực đã hiểu rõ cái lẽ tối tân của đời bây giờ là đời dân chủ. Dù có quân chủ chẳng nữa, nhưng cũng là tượng trưng cho toàn dân, mà phải thực hành trọng dân quyền thì mới hợp trào lưu tiến hóa vậy. Còn dân, cố nhiên là dân vi quý, nhưng dân trí không mở mang thì dân chủ cũng nguy hại lắm.

92. NHUỘM TƠ

Mặc Tử thấy người ta *nhuộm* tơ, ngâm nghĩ than rằng:

- Nhuộm vào màu xanh thì hóa xanh, nhuộm vào màu vàng thì hóa vàng. Nhúng vào màu nào thì biến

ra màu ấy. Năm lần nhuộm, hóa ra năm sắc, cho nên nhuộm phải cẩn thận.

Không những tơ nhuộm như vậy. Người *ta* *tiêm* *nhiễm* nhau cũng thế, bạn với người hay thì hóa hay, bạn ở với người dở thì hóa dở. *Vinh* hay *nhục* *quan* *hệ* ở những người bạn mình hay giao du.

GIẢI NGHĨA: *Mặc Tử*: người nước Lô đời Chiến Quốc họ Mặc, tên Địch, làm quan đại phu nước Tống, xướng ra học thuyết “Kiêm ái”. *Nhuộm*: làm cho chất gì đang có sắc này hóa ra có sắc khác. *Than*: thờ dài và có ý thương. *Tiêm nhiễm*: *tiêm*: thấm thía, *nhiễm*: lây sang. *Vinh*: sự vẻ vang. *Nhục*: sự xấu xa tũn nhục. *Quan hệ*: liên can vướng víu đến nhau.

LỜI BÀN: Bài này ý tưởng không có gì là cao lạ. Chẳng qua cũng chỉ nói đến sự giao du làm cho người ta chóng giống tính những người mình hằng đi lại với nhau. Nào “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*” (hoặc: *gần sơn thì đỏ*) nào: “*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*”, nào “*mày bảo tao biết mày chơi với ai, tao sẽ bảo mày là hạng người thế nào*”. “*Vợ bắt tựa chồng, người ăn người ở giống tông chúa nhà*”. “*Ở nhà hàng mắm thì thối, ở nhà hàng hương thì thơm*”. Có biết bao nhiêu câu do cái khôn ngoan của loài người đều công nhận một số chân lý ấy cả. Sự chơi bời ở đời, gần người hay thì được hay, gần kẻ dở hóa dở là như thế, thánh hiền còn phải nghĩ đến hướng chi là ta,

lúc muốn kết bè bạn với ai, chúng nên cẩn thận mà kén chọn trước ru? Nói tóm bài này khuyên người ta “chọn bạn mà chơi”.

93. KÉO LÊ ĐUÔI MÀ ĐI

Trang Tử đang câu cá ở trên sông *Bộc*.

Vua Sở sai hai quan *đại phu* đến ngõ ý rằng, ý vua muốn đem việc nước lại phiền.

Trang Tử không nhìn hai quan *đại phu*, cứ cầm cần câu cá mà nói rằng:

- Ta nghe nước Sở có con *thần quy* chết đã ba nghìn năm mà vua còn quý, lấy khăn bọc cất vào hòm để trên *miếu đường*. Như con thần qui ấy chết mà để xương lại cho người ta quý hơn hay là sống mà kéo lê đuôi đi giữa đường quý hơn?

Hai quan *đại phu* nói:

- Thà rằng sống mà kéo lê đuôi đi giữa đường còn hơn.

Trang Tử nói:

- Vậy xin mời hai ngài cứ về. Ta đây cũng sắp kéo đuôi mà đi ở giữa đường.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Bộc*: một ngành của con sông chảy qua địa phận tỉnh Hà Nam. *Đại phu*: tên một chức quan

to đời cổ dưới quan Khanh. *Phiên*: làm cho bạn lòng phải lo nghĩ đến. *Thần quy*: con rùa thiêng. Rùa sở dĩ cho là con vật thiêng, là vì xưa người ta dùng để bói. *Miếu đường*: nơi thờ phụng tổ tiên nhà vua.

LỜI BÀN: Hiền như Trang Tử đã đi câu trên sông Bộc là muốn an nhàn không còn để thân bó buộc vào vòng danh lợi nữa. Sở Vương không hay còn cho người đến câu. Trang Tử hỏi chuyện con thần quy là để tỏ ý kiến rằng từ chối. Ôi! Bấy giờ nhân đời Chiến Quốc người ta đã có câu: "*Chiến Quốc chi sĩ tiện*" nghĩa là kẻ sĩ đời Chiến Quốc hèn hạ, và đáng khinh bỉ, cho nên Trang Tử không chịu ra cũng có lẽ vậy. Lúc đời đang sôi nổi, đăm đuổi về danh lợi, xâu xé tranh cướp nhau, xác người tuy còn, lòng người đã chết, thì ra đua với đời chỉ ô uế đến thân. Có đâu cao thượng bằng cầm cần câu trên sông Bộc làm lão ngư ông sống gần tạo hóa, xa đời ô trọc lại chả nhẹ nhàng cái thân ư?

94. PHẢI BIẾT PHÒNG XA

Ông Biển Thước đến yết kiến Hoàn Hầu nước Tề, đứng ngấm một lát, tàu rằng:

- Vua có bệnh ở trong *bì phu*, không chữa sợ sau nặng.

Hoàn Hầu bảo:

- Ta vô bệnh.

Biển Thước đi ra.

Hoàn Hầu nói:

- Thấy thuốc này *lý tài* lắm! Muốn chữa người khỏe để lấy công.

Mười hôm sau, Biển Thước vào yết kiến Hoàn Hầu, lại nói:

- Vua có bệnh ở gan ruột, không chữa mau sau khó lòng.

Hoàn Hầu không trả lời, còn lấy làm không bằng lòng.

Biển Thước đi ra.

Cách mười hôm nữa, Biển Thước lại vào yết kiến Hoàng Hâu, vừa trông thấy, lùi chạy ra ngay.

Hoàn hầu cho người gọi lại hỏi, vì có gì mà ra ngay như vậy.

Biển Thước tâu:

- Bệnh ở bì phu còn *châm trích* được, bệnh ở gan ruột còn thuốc thang được, bệnh đã vào xương tủy, thì không tài nào chữa được nữa. Bây giờ bệnh nhà vua đã vào đến xương tủy cho nên tôi không dám nói mà phải ra ngay.

Năm hôm sau, Hoàn Hầu phát bệnh, cho tìm Biển Thước, thì Biển Thước đã sang nước Tấn rồi. Quả nhiên bệnh Hoàn Hâu không thấy nào chữa được nữa, Hoàn Hầu mất.

Thanh Lê Tử

GIẢI NGHĨA: *Biển Thước:* thầy thuốc hay có tiếng đời Xuân Thu. *Bì phu:* da, màng da. *Lý tài:* lập cách kiểm tiền. *Châm trích:* *châm:* kim, *lễ;* *trích:* lửa đốt.

LỜI BÀN: Theo y học phương Đông thì đối với bệnh nhân: vọng, vẩn, vẩn, thiết là bốn việc cần. Biển Thước là bậc danh y vọng (trông) mà bệnh nhẹ rồi nặng thì có chi là lạ.

Phạm bệnh gì cũng vậy, lúc mới phát ta biết mà chữa ngay thì còn dễ, chớ để lâu ngày, thì tất khó hơn hoặc có khi nguy, không sao chữa được nữa.

Suy rộng ý bài này ra, ta lại có thể lấy việc bệnh tật mà so với việc thân, việc nhà, việc nước, đại khái đều như thế cả. Nghĩa là bất kỳ việc gì, nếu đã gọi là hư hỏng, thì phải sớm biết lo xa ngay đi, hoặc còn chữa chạy được, chứ nếu để lâu ngày quá, đợi khi nước đã đến chân thì dù có muốn cũng không sao kịp được nữa, và để trễ quá rồi.

95. MỘT CÂU ĐOÁN ĐÚNG

Ông Tử Sản nước *Trịnh* sang nước *Trần*, có việc *định ước*.

Khi về, ông tâu mọi việc với vua xong, ông có đem chuyện nước *Trần* nói với các quan rằng:

- Nước *Trần* thế nào rồi cũng mất, chẳng nên giao hiếu với nước ấy làm gì. Nay họ chứa nhiều *lương thực*,

họ sửa sang *thành quách*, họ chỉ cứ cậy hai điều ấy đủ làm yên nước mà chẳng thương gì đến nhân dân. Vua thì không có chí gì là *độc lập, thái tử* thì hèn yếu, các nhà đại gia thì xa xỉ dâm dật, các quan thì kiêu ngạo *tham tàn, chính quyền* thì chia, xé không *chịu trách nhiệm*. Như thế mà ở chen vào giữa các nước lớn, thì tài nào mà còn được. Bất quá mười năm nữa, nước Trần thế nào cũng mất.

Sau quả nhiên nước Trần mất thật.

GIẢI NGHĨA: *Trịnh:* (Xem bài số 89). *Trần:* tên một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào một phần đất phủ Khai Phong (Hà Nam) và Bạc Châu (An Huy) ngày nay. *Lương thực:* thóc gạo của ăn. *Thành quách:* đất hay gạch, đã đắp xây cao và bao bọc để phòng giữ một nơi nào; ở trong gọi là *thành* ở ngoài là *quách*. *Độc lập:* có chủ quyền tự trị lấy, không cần nước ngoài can thiệp đến. *Thái tử:* con cả vua, sau sẽ làm vua. *Đại gia:* nhà quan to. *Tham tàn:* muốn được không chán, ác hại vô cùng. *Trách nhiệm:* sự nhận lấy, cái kết quả hay dở của công việc đã bàn.

LỜI BÀN: Một nước mà vua chẳng ra vua, ươn hèn ngu muội, quan chẳng ra quan, tham tàn kiêu xa, để đến nỗi dân khốn cùng, tài khánh kiệt, quân đội liệt nhược, chính sự mục nát mà chỉ cậy vào cái kho lương đầy, cái thành đắp cao cùng những tờ minh ước của các lân bang thì tài nào nước không mất.

Một nước như Trần đây, thật là tự mình làm cho mình diệt vong trước, rồi nước ngoài mới đến xâm lăng mà diệt đi sau vậy.

96. CÙNG, ĐẠT BỞI SỐ

Bắc Cung Tử hỏi *Tây Môn Tử* rằng:

- Tôi với bác cùng một thời mà người ta quý bác, cùng một họ mà người ta kính bác, cùng làm quan mà bác sang hơn tôi, cùng làm ruộng mà bác giàu hơn tôi, cùng đi buôn mà bác lắm lời hơn tôi. Tôi mặc, phải mặc áo cộc; ăn phải ăn gạo hẩm; ở, thì ở một túp nhà tranh; đi thì đi chân không. Bác thì mặc những gấm vóc, ăn những thịt, cá, ở thì gác tía, lầu hồng, đi thì đi xe ngựa ngựa. Ở nhà thì coi bác ra bộ lạt lẽo có bụng khinh tôi; trong triều thì coi bác ra bộ hơn hơn có dáng khinh tôi. Bác với tôi chẳng hỏi han gì đến nhau, chẳng chơi bời với nhau đã mấy năm nay rồi, vậy thì bác tự cho là bác tài đức hơn tôi chăng?

Tây Môn Tử đáp:

- Tôi cũng không rõ có thật tôi hơn được bác không. Nhưng bác làm việc gì cũng vấp vấp, tôi làm việc gì cũng *hanh thuận*. Đó có phải là cái *trung nghiệm* tài đức hơn, kém nhau chăng? Bác lại nói điều gì cũng bằng tôi, chẳng đáng thẹn lắm ru!

Bắc Cung Tử không biết nói sao nữa, ngậm ngùi ra về. Giữa đường gặp *Đông Quách tiên sinh*. *Tiên sinh* hỏi:

- Anh này đi đâu về? Coi mặt sao buồn thế?

Bắc Cung Tử thuật lại câu chuyện kia.

Tiên sinh bảo:

- Được để ta gỡ khỏi xấu hổ cho.

Rồi tiên sinh cùng đi với Bắc Cung Tử đến nhà Tây Môn Tử, hỏi rằng:

- Sao anh nói nhục Bắc Cung Tử tệ thế? Anh nói gì, kể lại tôi nghe.

Tây Môn Tử đáp:

- Hắn nói kể về họ hàng, đi làm quan, đi buôn, làm ruộng, thì hắn cũng bằng tôi mà sao giàu, nghèo, sang, hèn thì hắn lại khác tôi. Tôi có bảo rằng: Tôi cũng không chắc tôi tài đức gì hơn hắn, nhưng cứ so cái việc của hắn làm hay vấp vấp, cái việc của tôi làm được hanh thuận, thì tức là cái trượng nghiệm hơn kém nhau mà hắn lại cứ nói việc gì cũng như tôi chẳng là xấu hổ lắm ru?

Đông Quách tiên sinh nói:

- Anh nói hơn với kém chẳng qua là chỉ nói hơn kém bề ngoài, chứ ta mà nói hơn với kém thì lại khác. Bắc Cung Tử hơn anh về cái đức mà kém anh về cái số phận, còn anh thì số phận hơn Bắc Cung Tử nhưng đức lại kém. Anh gặp may mà *đạt* không phải có khôn gì. Bắc Cung Tử bị rủi mà *cùng* không phải có dại gì. Sự may rủi đó đều bởi trời cả không phải bởi người. Vậy mà anh dám hợm mình về số phận của anh, còn

Bắc Cung Tử thì lại tủi về tài đức của mình, hai anh đều là không biết cái lẽ tự nhiên cả.

Tây Môn Tử nghe nói, chịu là phải, bảo rằng:

- Thôi, xin lỗi tiên sinh, từ rày tôi không dám nói nữa.

Bắc Cung Tử cũng tỉnh ngộ ra. Khi về nhà, mặc cái áo vải cộc mà coi ấm áp như áo lông cừu, ăn cơm gạo hẩm mà coi ngon như gạo tám thơm, ở nhà tranh mà coi rộng như nhà ba tầng, đi dép cỏ mà coi sung sướng như ngồi xe ngựa. Trọn đời lúc nào cũng vui sướng trong lòng, không biết cái vinh cái nhục là gì nữa.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Hanh thần:* thông suốt, bằng phẳng không có gì trở ngại. *Trưng nghiệm:* việc có chứng cứ đủ rõ ràng thật. *Đạt:* làm nên, vẻ vang sung sướng. *Cùng:* không làm nên gì, khốn khó, nghèo khổ. *Tỉnh ngộ:* đương mê muội mà hiểu rõ, rồi tự biết đã lầm.

LỜI BÀN: Bắc Cung Tử hỏi Tây Môn Tử là có ý không phục Tây Môn Tử. Nghĩ đáng giận thật: Cái gì mình cũng bằng người ta mà tại sao lại kém người ta? Còn Tây Môn Tử đáp Bắc Cung Tử thế là lên mặt hơn Bắc Cung Tử, tự cho là phải lắm. Mình sở dĩ được hơn người ta, tất là có cố làm sao chứ? Thành ra một người cậy tài đức hơn mà bức mình, một người cậy mệnh vận hơn mà lên mặt. Ấy ở đời tài đức và mệnh vận thường vẫn không đi đôi với nhau: có tài đức mà phải kém

người, không tài đức mà được số hơn người. Ai giải cho ra lẽ ấy? Đông Quách tiên sinh, mà tức là tác giả cho nó: Chẳng qua là do ở số phận, mà số phận là do ở trời định, người ta không thể sao cãi được. Thực hợp với câu cổ: “May hơn khôn” của ta đó. Vậy ở đời hơn kém nhau là tại số phận cả. Nếu ta đã biết thế, thì ta hơn người, ta cũng chẳng nên khinh người vì ta hơn người là hơn về cái may, chứ tất đã hơn về cái tài đức. Còn ta cảnh ngộ mà kém người, ta cũng chẳng nên phàn nàn, vì phàn nàn vô ích mà tâm ta lại phải cái cảnh ngoài làm cho lụy mà thôi.

97. THU VIẾT RĂN CON

“... Việc làm của người *quân tử*; tính để *tu tính* lấy thân, *kiệm* để *bồi dưỡng* lấy đức. Nếu không đậm bạc thì không thể nào sáng được cái chí. Nếu không ninh tĩnh thì không thể nào *đi được xa*”.

Lấy lý mà nói: Muốn học cần phải tĩnh, có tài cần phải học. Không học, thì không rộng được tài; không tĩnh thì không thành được học. Lười biếng khinh mạn thì chẳng thể biết được tường. Hiểm hóc táo bạo thì chẳng thể sửa được tính.

Một năm một tuổi, mỗi tuổi một kém, rồi thành ra con người khô héo, thở dài than vắn trong chỗ xó nhà bấy giờ mới hối thì còn sao kịp nữa...”

Gia Cát Lượng

GIẢI NGHĨA: *Quân tử*: bậc tài đức hơn người. *Tĩnh*: yên lặng trong sạch. *Tu tĩnh*: sửa mình, bỏ nét xấu, tập tính tốt. *Kiểm* đây chỉ nghĩa rộng là có tiết chế, không phóng phiếm. *Bồi dưỡng*: vun bón, nuôi nấng. *Đạm bạc*: điềm tĩnh và ít lòng ham mê. *Ninh tĩnh*: im lặng không rối rít nóng nảy. *Đi được xa*: làm được đến cùng những công to việc lớn.

Gia Cát Lượng: người đời Tam Quốc, tự là Khổng Minh, trước ẩn ở Nam Dương, sau giúp Lưu Huyền Đức, làm tướng trị nước Thục. Ông là người trí mưu, trung nghĩa có tiếng ở nước Tàu.

LỜI BÀN: Có những thói xấu như nông nổi, nóng nảy, thô thiển, khinh bạc, người thường còn hại vừa, người thông minh lại mới càng nặng. Hại nặng nghĩa là thiệt đời tài hoa như không. Cho nên, Khổng Minh dạy con phải theo gương quân tử ngay từ thuở còn ít tuổi cho thành thói quen. Quân tử dùng cách gì để tu thân, để dưỡng đức, để có tài năng, để thành học nghiệp, để rộng được trí thức, để gánh vác được công việc trọng đại ở đời. Ông nói tóm tắt mà rất *phân minh*. Câu: “Một là một tuổi...” lại càng thống thiết. Ý ông lại còn mong cho con làm thế nào để cho tư tưởng càng ăn nhịp với thời đại mà một tiến bộ mãi lên, chớ đừng để tư tưởng cứ cùng theo tuổi lão đại mà cằn cỗi dần thì ươn hèn lắm. Nói tóm: Ông chú ý mong con sao cho thành người dùng để sau hối mà lỡ hóa ra con người sống thừa ở đời vậy.

98. THƯ VIẾT KHUYÊN BẠN

“Hồn nhiên không thiện, không ác là tính trời bẩm sinh.

Thích thiện, ghét ác là tính người muốn thế.

Bỏ thiện, theo ác là *tập nhiễm* thói xấu một ngày một dỡ.

Đổi ác, làm thiện là công phu *tu tỉnh* một ngày một hay.

Hay, dỡ tự mình xét lấy mình, chớ tự mình dối mình.

Đó là con đường tắt thánh hiền dạy ta mà tức là cái sổ ghi công, chép tội trong chốn *u minh* vậy.

Ta nên cố sức. Ta nên hết sức...”

Trần Kế Nho

GIẢI NGHĨA: *Hồn nhiên*: không có một chút gì kiểu cách pha lẫn cả. *Bẩm sinh*: tính trời phú cho lúc sinh ra. *Tập nhiễm*: tập quen mà lấy dần. *Tu tỉnh*: sửa mình, xét mình. *U minh*: mờ tối, đây như nói việc quỷ thần huyền bí.

Trần Kế Nho: người đời nhà Minh tức là Trần Mi Công tài cao, học rộng, trước thuật rất nhiều. Ông ẩn cư dạy học, mấy lần vua triệu ra làm quan cũng không chịu ra.

LỜI BÀN: Cứ theo như ý tác giả, thì người ta sinh ra vốn không thiện, không ác nhưng ai cũng muốn thích thiện ghét ác. Tuy nhiên, cái trò tập giữ tính

thành bỏ thiện theo ác hay đổi ác ra thiện, cái tính nó bắt vào rồi thành quen đi, không sửa đổi được. Cho nên tác giả khuyên ta phải gắng công tu tỉnh cho mỗi ngày một hay; mà muốn tu tỉnh, không gì bạn phải tự mình rất nghiêm với mình để hàng ngày tự trị cho trở nên con người ra người.

99. THƠ VIẾT CHO BẠN

Trong *thiên hạ* có hai cái khó: lên trời khó, mà cày nhờ vả người cày khó hơn.

Trong *thiên hạ* có hai cái đắng: *hoàng liên* đắng, mà nghèo kiệt khổn cùng còn đắng hơn.

Nhân gian có hai cái *mỏng*, *giá* mùa xuân mỏng, mà thói đời càng mỏng hơn.

Nhân gian có hai cái *hiểm*, núi sông hiểm, mà lòng người càng hiểm hơn. Biết được cái khó, chịu được cái đắng, quen được cái mỏng, dò được cái hiểm mới có thể ở đời được.

Tiên Hạc Than

GIẢI NGHĨA: *Thiên hạ*: dưới gầm trời tức như thế giới. *Hoàng liên*: một thứ cỏ rễ rất đắng dùng làm vị thuốc. *Nhân gian*: nơi người ta ở, trong trời đất. *Mỏng*: không dày tức là chữ *bạc*. *Giá*: vầng mới đóng một lượt mỏng trên mặt nước, vô ý giẫm phải thì thực chết. *Hiểm*: nguy nan, đi lại khó khăn.

LỜI BÀN: Biết được cái khó, là người có chí tự lập không làm phiền ai; chịu được cái đắng, là người có tâm kiên nhẫn, cố làm *nên* việc; quen được cái mỏng là người có bụng đại độ bao dung được đời, dò được cái hiểm là người có chí tình khôn thấu được nhân tình thế thái. Ở đời mà có được bốn điều ấy, thì giao thiệp với ai mà chẳng được, làm công việc gì mà chẳng nên.

100. THAM THÌ CHẾT

Ngu Thúc có viên ngọc. Ngu Công nghe tiếng muốn lấy, sai người đến cầu.

Ngu Thúc trước không chịu cho. Sau hối lại nói rằng:

- *Tục ngữ* có câu: “*Kẻ thường dân vốn không có tội, chỉ vì có ngọc bích mà thành có tội*”. Ta giữ làm gì hòn ngọc này? Thật là mua tai vạ vào mình.

Rồi liền đem ngọc dâng cho Ngu Công.

Ngu Công đã lấy được ngọc, nghe Ngu Thúc còn thanh gươm báu, muốn lấy nốt, lại cho người đến cầu thanh gươm ấy.

Ngu Thúc giận quá, nói:

- Ngu Công trưng cầu hết cái này, lại đến cái khác. Thật là người *vô yêm*! Đã là *vô yêm*, thì tất có ngày hại cả đến thân ta nữa.

Nói rồi, đem quân đi đánh Ngu Công.

Ngu Công thua, chạy ra đất Cung Tri.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA: *Hối*: ăn năn nghĩ lại tự biết làm thế là không phải. *Tục ngữ*: câu nói dùng lâu ngày thành thói quen, ai ai cũng thích nói. Câu tục ngữ: “*Kẻ thường dân...*” chính chữ Hán là: “*Thất phu vô tội, hoài bích kỳ tội*”. *Ngọc bích*: thứ ngọc quý, hình tròn và có lỗ. *Vô yếm*: muốn lấy cho nhiều, không biết thế nào là vừa là chán.

LỜI BÀN: Tham là một nét rất xấu. Tham vừa người ta còn có thể chiều hay nể, chớ tham quá lắm như chỉ biết có mình, không biết còn ai nữa, thì ai người chịu nổi. Vả lại tham hay sinh ra ngang ngược, tham hay sinh ra u mê, cho nên Ngu Công đây muốn ngọc, được ngọc đã là may, lại còn muốn cả gương, Ngu Thúc chịu sao được mà không tính cách để trị lại. Ôi! Gương đã chẳng được, nước cũng không còn. Tham thì thâm! Phật đã bảo thâm rằng “chớ có tham”.

101. VÌ THAM BỊ HẠI

Vua nước *Thục* có tính tham lam.

Vua *Huệ Vương* nước *Tần* muốn đánh, nhưng ngặt vì khe núi *hiểm trở* khó đem quân đi lắm.

Huệ Vương bèn sai lấy đá tạc hình con trâu đem để gần *địa giới* nước *Thục*, mỗi ngày bỏ vàng chỗ sau đuôi trâu và bảo người nói phao lên rằng: “Trâu vãi ra vàng”.

Tiếng đồn ấy đến tai vua Thục, vua Thục liền sai xẻ núi, lấy khe và cho năm người *lực sĩ* vào rừng kéo con trâu về.

Huệ Vương sẵn lối đi, đem quân tiến đến cướp được nước Thục.

Vua Thục vừa mất nước, vừa hại cả mình để lại trò cười cho thiên hạ. Thế chẳng tại vì tham chút lợi nhỏ mà để mất cái lợi to.

Lưu Tử

GIẢI NGHĨA: *Thục*: tên nước đời Chiến Quốc, sau nhà Tần diệt mất, tức là Tứ Xuyên ngày nay. *Tần*: nước mạnh đời Chiến Quốc, ở vào Tân Châu (Cam Túc) và Thiểm Tây ngày nay. *Hiểm trở*: hiểm nghèo, cách trở khó đi lại được. *Địa giới*: chỗ đất hai xứ hay hai nước giáp với nhau. *Lực sĩ*: người sức lực mạnh khỏe hơn người.

LỜI BÀN: Tạc hình trâu đá, bỏ vàng chỗ sau đuôi để bảo rằng trâu đá vãi ra vàng, cái mưu của Tần Vương rất là sâu. Tin rằng trâu đá vãi ra vàng thật, cái trí của Thục Vương rất là khờ, lại sai người đánh đường để lấy trộm trâu đá, cái bụng của Thục Vương quả tà tham. Đã khờ, đã tham mà lại gặp người sâu xa hiểm hóc bày mưu để đánh lừa, thì chẳng mất nước, chẳng hại mình sao được. Than ôi! *Điều tham thực nhi vong, nhân tham tài nhi tử*. Cái lẽ xưa nay bao giờ cũng thế.

102. PHÂN TÁCH KHÔNG RÕ

Nay có kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận, thì ai nghe thấy cũng chê cười, quan bắt được tất trừng phạt. Tại sao vậy? Tại người ấy làm điều bất nghĩa, lấy của người làm lợi cho mình.

Kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà, vịt, chó, lợn, so với kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mận, thì lại là *bất nghĩa* hơn nữa. Tại sao vậy? Tại lấy của người càng nhiều, thì *bất nhân* càng to, tội càng nặng.

Kẻ vào chuồng người ta ăn trộm trâu, dê, ngựa, so với kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà, vịt, chó, lợn, thì lại là *bất nghĩa* hơn nữa. Tại sao vậy? Tại lấy của càng nhiều, thì *bất nhân* càng lắm, tội càng nặng.

Kẻ giết người *lương thiện*, ăn cướp của cải, đồ đạc của người ta, so với kẻ vào chuồng ăn trộm trâu, bò, dê, ngựa thì lại là kẻ *bất nghĩa* hơn nữa. Tại sao vậy? Tại giết người lấy của, *bất nhân* to lắm, tội càng nặng lắm.

Giết một người là làm một điều *bất nghĩa*, tất phải chịu một tử tội. Cứ lẽ ấy mà nói rộng ra: giết mười người, tất phải chịu mười tử tội, giết trăm người, tất phải chịu trăm tử tội.

Nay, những kẻ làm điều *bất nghĩa* nhỏ mọn, tầm thường như nói trên thì biết chê cười. Đến như những việc *bất nghĩa* thậm tệ như cướp nước người, tàn sát sinh linh hàng ức vạn... thương khi thiên hạ không biết

chê cười lại còn hòa theo và khen ngợi cho là “nghĩa” và ca tụng ghi chép công đức; như thế thì có gọi được là biết phân biệt “nghĩa”, với “bất nghĩa” hay không?

Kẻ nào lúc thấy đen ít bảo là đen, lúc thấy đen nhiều thì lại bảo là trắng, thì ta cho kẻ ấy là người không biết đen với trắng.

Kẻ nào nếm đắng ít cho là đắng, lúc nếm đắng nhiều cho là ngọt, thì ta cho kẻ ấy là người không biết phân biệt đắng với ngọt.

Thiên hạ bây giờ phân biệt phải trái hay lắm lắm.

Mặc Tử

GIẢI NGHĨA: *Bất nghĩa:* chẳng hợp lẽ phải. *Bất nhân:* chẳng có lòng thương hay làm hại người. *Lương thiện:* hiền lành không có làm điều gì trái lý, trái phép. *Tử tội:* tội xử tử.

LỜI BÀN: Tác giả vốn là một nhà kiêm ái nên cốt ý muốn công kích sự tranh đoạt mà khuyến khích người ta không nên hại lẫn nhau vì đã có ý hại nhau tất chiếm đoạt của nhau, đều là có bụng tổn người để cầu lợi cho mình cả. Cho nên, muốn viện lẽ gì để buộc tội ác cho người ta mà mua tiếng hay cho mình, thì cũng là bất nghĩa đáng chê cả. Thế mà ngán thay, thiên hạ đã không biết chê thì chớ, lại còn theo, còn khen, thực có khác nào như nổi giáo cho giặc để tăng bốc thúc đẩy những kẻ làm điều bất nghĩa lên không. Kẻ làm điều bất nghĩa thường vẫn sợ dư luận của thiên hạ lắm lắm

đến thế, thì điều bất nghĩa ở đời càng mạnh, thật là ác hại càng tăng, biết bao giờ nhân tâm biến đổi mà ai nấy cùng được hưởng cuộc hòa bình? Kể từ đời Mặc Tử đến giờ xa cách bao nhiêu thế kỷ, mà nhân loại đã muốn nuốt lẫn nhau. Kẻ khỏe hiếp kẻ yếu, kẻ khôn lừa kẻ ngu, kẻ lớn nạt kẻ nhỏ, số nhiều lấn số ít, xâu xé nhau, tranh cướp nhau, tàn hại nhau, thực là đăm đuổi trong các điều bất nghĩa, đáng thương, đáng than thở lắm thay!

103. KHÔNG YÊU NHAU MỚI LOẠN

Thánh nhân trị thiên hạ tất phải biết loạn từ đâu mà ra thì trị thiên hạ mới được, không biết loạn từ đâu ra, thì trị không nổi thiên hạ. Ví như thấy thuốc chữa bệnh cho người ta, tất phải biết *bệnh căn* từ đâu khởi ra thì mới chữa được, chớ không biết thì chữa không nổi được bệnh. Người trị loạn có khác gì thế?

Loạn từ đâu mà sinh ra? Sinh ra bởi không yêu nhau.

- Con không *hiếu* với cha, tôi không *trung* với vua, thế là loạn đấy. Con chỉ yêu thân con, không yêu đến cha, cho nên làm thiệt cha để lợi mình; em chỉ yêu thân em không yêu đến anh, cho nên làm thiệt anh để lợi mình; bây tôi chỉ biết yêu thân mình mà không biết yêu vua, cho nên là thiệt vua để lợi mình. Thế là loạn đấy.

Tuy đến cả cha mà cũng không thương con, anh mà cũng không thương em, vua mà cũng không thương bấy tôi thế cũng là loạn. Cha chỉ yêu thân cha, không yêu đến con, cho nên làm thiệt con, để mình được lợi; anh chỉ yêu thân anh, không yêu đến em, cho nên làm thiệt em để mình anh được lợi; vua chỉ yêu thân vua, không yêu bấy tôi, cho nên làm thiệt bấy tôi để mình được lợi.

Tại sao mà sinh ra những điều ấy? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả thôi không? Đến cả quân trộm, quân giặc cũng vậy. Thằng trộm chỉ biết yêu nhà mình không biết yêu nhà người khác, cho nên ăn trộm nhà người khác để lợi nhà mình; thằng giặc chỉ biết yêu thân mình, chẳng biết yêu thân người khác, cho nên sát hại thân người khác để lợi cho thân mình. Tại sao mà ra như thế? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả mà thôi không?

Cho đến cả các quan *khuy nh loát* nhau, các nước chư hầu đánh lẫn nhau, cũng chỉ tại các quan chỉ biết yêu nhà mình; không yêu nhà khác, cho nên hại nhà khác để lợi cho nhà mình, các nước chỉ biết yêu nước mình, không yêu nước khác, cho nên đánh nước khác để lợi cho nước mình.

Ấy thiên hạ sinh ra loạn là bởi như thế cả.

Nếu biết yêu nhau thì còn ai nở hại ai, mà thiên hạ làm gì chẳng bình trị.

Mặc Tử

GIẢI NGHĨA: *Thánh nhân*: tài đức hơn người, nhân cách rất cao. *Trị*: làm cho bình yên, khỏi rối loạn. *Thiên hạ*: dưới gầm trời tức là thế giới. *Bệnh căn*: gốc rễ của bệnh. *Hiếu*: ăn ở hết lòng với cha mẹ. *Trung*: một lòng thờ vua hay phụng sự Tổ quốc. *Khuynh loát*: làm cho ai nghiêng đổ thiệt hại và quên mất cả quyền lợi. *Thân mình*: tính mạng của mình.

LỜI BÀN: Đại ý của bài rút lại một câu là: loạn mà sinh ra là chỉ do cái lòng không yêu nhau hết cả. Cầu lợi cho mình tức là muốn hại người, mà hại người, tất ghét người; ghét người, tất người ghét lại mà thành ra không ai được bình yên, ai cũng lo toan tranh cướp lấy lẫn của nhau mà thôi. Vậy muốn cho khỏi loạn tất phải làm sao cho thiên hạ biết yêu nhau. Mà có yêu nhau thì mới thương nhau; đã yêu thương nhau thì mầm loạn tắt. Đó chính là cái cốt yếu của Mặc Tử, là cái ý kiêm ái, yêu cả loài người không phân biệt thân sơ gì cả.

Ý Mặc Tử đây cũng giống như ý của Mạnh Tử nói: “Ở đời ai nấy đều con cái biết thân yêu cha mẹ, kẻ dưới biết tôn trọng người trên, thì tự khắc thiên hạ bình trị”, nhưng có phần thống thiết hơn, vì nói đến cả vua trên, cả cha mẹ cũng không thương yêu tôi con cho nên sinh loạn. Cái thuyết ấy kể thật xác đáng; ở cái đời ai ai cũng chỉ tự tư, tự lợi, có nói thế, mới mong người tỉnh lại ít nhiều chăng.

104. CŨNG LÀ ĂN TRỘM

Họ Quốc ở nước Tề rất giàu. Họ Hường ở nước Tống rất nghèo. Hường bèn sang nước Tề hỏi Quốc cách làm giàu.

Quốc bảo:

- Ta chỉ khéo ăn trộm thôi. Thoạt đầu ta ăn trộm một năm thì đủ dùng, hai năm thừa ăn, ba năm thì giàu to, tự đó trở đi tài sản ta có đến cả làng, cả tỉnh.

Hường nghe nói mừng lắm, nhưng khốn chỉ hiểu câu chuyện ăn trộm chứ không hiểu cái lối ăn trộm ra sao.

Lúc về, bèn trèo tường, khoét ngạch, phàm cái gì mắt trông thấy, tay cầm được là cũng lấy tất.

Hường đi ăn trộm chưa được bao lâu, bị bắt *quả tang*, thành phải tội, cả bao nhiêu của cải lúc trước khó nhọc kiếm ra cũng đều bị *tịch thu* hết.

Bấy giờ Hường cho Quốc là đánh lừa mình, đến tận nơi trách.

Quốc hỏi:

- Anh ăn trộm thế nào chứ?

Hường bèn thuật lại cung cách ăn trộm cho Quốc nghe.

Quốc nói:

- Chết thật! Cái lối của anh ăn trộm sai lầm đến thế nữa ư! Nay, để tôi bảo rõ cho mà biết. Trời có

thời tiết, đất có hoa lợi. Ta ăn trộm thời của trời, lợi của đất, sự thuận hòa của mưa gió, những *sản vật* của non sông, để ta cấy lúa trồng cây, xây tường, làm nhà, trên cạn thì ta trộm giống chim muông, dưới nước thì ta ăn trộm loài tôm cá. Những cái ấy không có cái gì là không phải của ăn trộm cả. Nay lúa mạ, đất cát, cây cối, chim muông, cá, ba ba đều là của ăn trời sinh ra cả há có phải của ta đâu. Song ta ăn trộm của trời, nên không có tai vạ gì.

Còn như vàng, ngọc, châu, báu, thóc, lúa, của cải đều người ta làm kiếm ra mới có, họ có phải là của trời đâu. Nên anh ăn trộm những của ấy mà phải tội là phải lắm, anh còn trách gì ai nữa.

Hướng nghe nói càng *ngghi hoặc* cho là Quốc lại nói dối mình lần nữa, bèn qua nhà *Đông Quách tiên sinh* đem câu chuyện lại hỏi.

Đông Quách tiên sinh nói:

- Chính cái thân anh cũng là của ăn trộm nữa, nghĩa là trộm cái khí âm, khí dương mà hòa hợp lại mới thành cái đời, mới có cái xác anh, hưởng chi *ngoại vật* cái gì mà chẳng là của ăn trộm hay sao. Người ta mà cái gì cũng nhận là của mình có, đều là lắm cả.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Quả tang*: bắt được ngay chính lúc đang ăn trộm có tang tích không sao chối được.
Tịch thu: lục ra xem những vật gì biên ghi và thu lấy

làm của công. *Thời tiết*: nói tóm lại cả những sự mưa gió, nức rét. *Hoa lợi*: tiền nong, lời lãi kiếm ở hoa màu, thóc lúa ra. *Sản vật*: những vật sinh sản ra nơi nào. *Nghi hoặc*: ngờ vực không chắc là phải hay là trái. *Đông Quách tiên sinh*: một nhà ẩn sĩ đời Xuân Thu. *Ngoại vật*: các vật ngoài cái thân ta.

LỜI BÀN: Tác giả làm bài này cất bày tỏ cái ý rằng: Cách làm giàu không phải ở sự bon chen tranh cướp nhỏ như những cái của người ta làm ra, nhưng ở sự biết lợi dụng những vật của trời đất sinh ra. Chiếm của riêng của người đã kiếm được mà làm giàu cho mình, thì là không chính đáng, thế tức là ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp có pháp luật trừng trị, có công lý bắt phải bồi thường lại. Chớ lấy của chung của trời đất, biết lợi dụng những sản vật thiên nhiên, tuy không phải của mình mà lấy thì khác gì ăn trộm, nhưng trộm cái kho vô tận của tạo hóa, chẳng những không ai buộc được tội, mà người ta lại còn phải phục, phải chịu là tài giỏi biết khéo lấy nữa. Muôn vật ở đời không phải là của riêng của một ai, hay một loài nào, nhưng của công của cả mọi người, ai khôn thì biết lợi dụng, ai hèn thì chịu bó tay.

Còn cái ý tác giả cho chính thân mình cũng không phải là của mình lại cao hơn một bậc nữa. Quả vậy cái xác thịt là của mình, đến cả cái tâm hồn của mình, nào có phải tự mình làm nên đâu hay chẳng qua cũng chỉ là tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) hợp lại mà tan đi mà thế thường vẫn cho là “Ngã”.

105. LO TRỜI ĐỔ

Nước Kỳ có kẻ lo trời đổ đất long thì thân mình không biết nương tựa vào đâu. Anh ta lo quá đến nỗi bỏ cả ăn cả ngủ.

Lại có người thấy anh ta lo thế, mà lo cho anh ta mới giảng giải cho biết rằng:

- Trời chỉ là không khí chứa đầy lại mà thôi. Không chỗ nào là không có không khí, anh co, ruỗi, hít, thở suốt ngày ở trong vòng trời, thì việc gì lo trời đổ.

Anh ta nói:

- Trời mà quả là không khí, thì còn mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao chẳng có lúc sa xuống ư?

Người kia lại giảng:

- Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao cũng là thứ hoặc phát quang, hoặc thụ quang ở tầng không khí, giả có xuống nữa, thì chẳng qua cũng là khí thôi có hại chi đến người.

Anh ta lại nói:

- Thế còn đất rộng đất lở thì làm sao?

Người kia lại giảng:

- Đất là một khối rất to, đâu đâu cũng có đất cả. Ta đi đứng suốt ngày trên mặt đất thì lo gì đất lở mà không có đất.

Anh lo nghe hiểu ra, mừng lắm. Anh đến giảng cũng lấy làm thích và mừng lắm.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: Kỷ: nước nhỏ thời Xuân Thu, xưa phải nước Sở diệt mất, tức là huyện Kỷ, tỉnh Hà Nam ngày nay.

LỜI BÀN: Liệt Tử đặt ra chuyện này tuy về mặt thiên văn không hợp với khoa học bây giờ, nhưng cái gì muốn dạy người phải đạt lý đừng có nghĩ quẩn lo quanh rất là phải vậy.

Này ngay chính cái thân mình cũng chẳng phải của mình có, mà lo cho cái thân ấy còn thường khi không được, thế mà đi lo trời đổ, đất long thì anh người nước Kỷ cũng lo xa quá thật!

Hiền triết xưa đã ví trời đất như một cái nhà trọ lớn, người ta chỉ là khách qua chơi đến trọ một thời. Nếu người khách ấy không biết hưởng cái thú tự nhiên cùng tiêu dùng cái thì giờ “sống”, định đoạt cái tài sản “chết”¹ mà cứ băn khoăn phiền bức, ăn chẳng ngon, nằm chẳng yên, lo đứng, ngồi, lo đêm, lo ngày, lo rằng cái nhà trọ kia lỡ ra hư hỏng đột nát, thì chẳng đáng bật cười lắm sao!

Ở đời cố nhiên có thân là có khổ, ai mà chẳng lo. Nhưng đến cái thân trăm năm lo những việc nghìn đời, chả biết chi là hỷ hoan, chỉ những là rầu rĩ, thế là tự chuốc lấy khổ ư?

Tôi nói câu này anh nhớ lấy:

Ở đời chuốc khổ biết bao người.

¹ Phao phí thì giờ là sống uống, liêu tính đến chết là chết toi.

106. DỪNG RƯỢU SAY ĐỂ KHIẾN CHỒNG

Công tử nước Tấn tên là Trùng Nhĩ gặp trong nước có nạn, phải chạy ra nước ngoài. Công tử đi hết nước này sang nước khác.

Khi sang đến Tề, vua Hoàn Công đem con gái là Khương thị gả và cho tám mươi con ngựa hay. Công tử được vậy, lấy làm yên thân muốn *suốt đời* ở nước Tề.

Các quan *tòng vong*, biết nước Tề không thể tin cậy được, can đi sang nước khác, mới hợp nhau *âm mưu* ở chỗ vườn dâu.

Có một người đàn bà hái dâu nghe lỏm biết chuyện đến mách với Khương thị.

Khương thị sợ việc *tiết lộ*, giết ngay người ấy, rồi bảo công tử rằng:

- Công tử *có chí tứ phương*, đưa nghe lỏm mưu ấy, thiếp đã giết đi rồi.

Công tử nói:

- Thật ra không có chí đi đâu cả.

Khương thị bảo:

- Phải đi mới được? Say một người yêu mà cứ mê mết, thích một cảnh vui mà cứ yên nhàn, thực là làm *bại hoại* hết cả *công danh sự nghiệp* một đời.

Công tử vẫn không muốn đi.

Khương thị bèn cùng với Tử Phạm lập kế; một hôm cho công tử uống rượu thật say, rồi bỏ lên xe, bắt kéo đi.

Công tử tỉnh rượu biết là mình lìa xa nước Tề, giận quá cầm giáo đuổi Tử Phạm muốn giết. Nhưng ít lâu công tử *tỉnh ngộ* biết *hối* lại ngay.

Nhờ có thế mà sau công tử về làm vua ở nước Tấn và *bá* cả chư hầu.

Tả Truyền

GIẢI NGHĨA: *Công tử*: tiếng gọi con vua chư hầu, hay con quan to. *Tấn*: tên một nước lớn thời Xuân Thu, ở vào vùng tỉnh Sơn Tây và một ít đất tỉnh Trực Lệ ngày nay. *Tòng vong*: người theo vua chạy trốn, lúc có quốc nạn. *Âm mưu*: bàn tính ngầm một việc gì không cho ai biết. *Tiết lộ*: không giữ kín đáo công việc để người ngoài biết. *Có chí tứ phương*: có chí đi một nơi để lo toan việc lớn. *Bại hoại*: hư hỏng, tan nát. *Tỉnh ngộ*: khỏi hết mê mà biết rõ phải trái. *Hối*: nghĩ lại mà ăn năn rằng trước không phải. *Bá*: đàn anh cả các nước chư hầu một thời.

LỜI BÀN: Trùng Nhĩ gặp *nạn* nước mà đem thân ra đi, thật là có chí đáng trọng. Song đi đến Tề, được vợ đẹp, có ngựa nhiều, mà để cho sự vui chơi nông nản nó làm nguội lạnh cả chí khí thật lại là đáng tiếc mà cũng đáng khinh. Quả thật "*Phong lưu là cạm trên đời hồng nhan đánh bỏ con người tài hoa*". Người khôn mà lỡ mê thì cái dại to lắm. Trùng Nhĩ lúc này, tưởng đã

gần như ông “*lạc bất tư Thục*”¹. May thay cho Trùng Nhĩ gặp được bọn tòng vong biết lo xa tình sâu mà nhất là được bà vợ là người có kiến thức can xa, có gan lạ quả quyết biết rõ cái thói thường “*Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản*”² mà bà cố đẩy mãi cái bánh xe đã chết bệt xuống đồng bùn phải lăn quay đi cho kỳ được mới nghe. Nên ta khen cái chí Trùng Nhĩ phục quốc bao nhiêu thì ta lại phải lấy cái công lao Tử Phạm, phải trọng cái kiến thức, cái mưu của Khương thị bấy nhiêu. Sao mà đời cổ có những thần thiếp giỏi giang như thế.

107. TUỔI DƯA CHO NGƯỜI

Tổng Tật làm quan *Doãn* một huyện gần biên thù nước *Lương*, chỗ giáp giới với nước *Sở*.

Người đình trường ở biên thù nước *Lương* cùng người đình trường ở biên thù nước *Sở*, hai người cùng trồng dưa. Người bên nước *Lương* chăm làm và tưới luôn lên dưa tốt. Người bên nước *Sở* biếng làm và tưới ít nên dưa xấu.

¹ Đời Tam quốc nước *Thục* mất, vua là Lưu Thiện bị bắt sang ở *Lạc Dương*, vua *Tấn* hậu đãi Lưu Thiện, mỗi khi yến ẩm, Lưu Thiện vui cười như không. Vua *Tấn* hỏi: “*Có nhớ nước Thục không?*”. Lưu Thiện nói: “*Thử gian lạc bất tư Thục dã*” nghĩa là: Ở đây vui lắm, chẳng nhớ đến nước *Thục* nữa.

² Cái tình quyến luyến vợ con càng nồng nàn đầm ấm bao nhiêu thì cái khí phách anh hùng càng cùn mẫn kém cỏi đi bấy nhiêu.

Quan Doãn ở ngay huyện biên thù nước Sở, thấy bên Lương tốt, bên mình xấu, lấy làm tức giận lắm.

Người đình trưởng nước Sở thấy dưa bên Lương tốt hơn dưa mình cũng sinh ra ghen ghét, đêm đêm cứ lên sang cào vỏ dưa của bên Lương, đến nỗi dưa bên ấy phải héo chết mất một ít.

Sau người đình trưởng nước Lương biết mới nói với người trưởng lại trong huyện, ý cũng muốn lên sang cào vỏ dưa bên Sở.

Người trưởng lại đem việc ấy nói với Tống Tự.

Tống Tự bảo:

- Ôi! Sao lại thế? Thế chỉ là gây thù oán, chuốc tai vạ thôi. Nay ta bảo người, chớ sang cào dưa của người ta, cứ đêm đêm lên sang tưới dưa cho người ta mà đừng để cho người ta biết.

Người đình trưởng cứ theo thế mà làm.

Sau dưa bên Sở mỗi ngày một tốt. Người đình trưởng nước Sở lấy làm lạ, xét mãi ra mới biết người đình trưởng nước Lương làm giúp.

Quan Doãn nước Sở biết rõ việc ấy, lấy làm vui lòng tâu lên vua Sở.

Vua nước Sở biết chuyện, buồn và có ý then, nghĩ rằng: Ngoài cái tội đi cào dưa của người ta, chắc còn có nhiều việc khác đáng tội với người ta nữa.

Vua bèn lấy nhiều của dưa sang tạ tội vua Lương và xin giao hiếu.

Vua Lương cũng tin lòng, thành hai nước giao hoan với nhau được lâu.

Cổ ngữ có câu: “*Chuyển bại nhi vi công, nhân họa nhi vi phúc*” nghĩa là: Xoay cái bại mà làm nên công, nhân cái họa mà gây phúc. Lão Tử có nói: “*Báo oán dĩ đức*” nghĩa là: Đem đức để báo oán. Hai câu ấy tức như chuyện này.

Ồi? Người ta làm không phải, sao ta lại còn bắt chước người ta!

Giả Tử Tân Thư

GIẢI NGHĨA: *Quan Doãn*: quan cai trị địa hạt tức như chức châu, huyện gần đây. *Lương*: một nước mạnh đời Chiến Quốc tức là nước Ngụy ở vào phía bắc Hà Nam, phía tây Sơn Tây ngày nay. *Biên thủy*: chỗ đất chia giới hạn hai nước giáp nhau. *Sở*: một nước mạnh đời Chiến Quốc ở vào Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tô, Chiết Giang và phía nam tỉnh Hà Nam ngày nay. *Đình trưởng*: người chủ coi cái quán hành khách qua lại ở trọ. Đời cổ đường dài mười dặm đặt một cái, đình ấy gọi là đình trưởng. *Trường lại*: người đầu một nhà giúp việc quan tức như đề lại trước đây. *Giao hiếu*: hai bên đi lại hòa hợp với nhau. *Giao hoan*: đi lại vui vẻ với nhau.

LỜI BÀN: Thói thường ở đời, mình dở không ưa người hay, mình lười không ưa người chăm, mình trái

không ưa người phải, mình nghèo không ưa người giàu sang... Cho nên người với người thường hay sinh sự.

Gia dĩ những người ở vào chỗ đất phân ra hai nước, chia làm biên thù, thì sự chiến tranh lúc nào cũng nằm sẵn ở đó. Như đây, vì chuyện dưa mà hai người trông thù hằn, hai quan úy ghen ghét. Nếu không có Tống Tự khéo khu xử thì biết đâu máu chảy chẳng thành sông, xương chất chẳng thành núi; ở đời những việc ẩu đả kiện tụng, tranh chiến tàn phá thảm hại vô cùng thường hay do tự những việc nhỏ mọn gây ra. Cái sảy nẩy cái ung là thế!

Ta đọc câu chuyện này, ta rất cảm phục Tống Tự là người có lượng bao dung đủ hóa được cái lòng quân hoạnh nghịch, biết cách khéo xử đủ biến chuyển được cái dơ ở đời. Nếu người đã không phải với ta, ta lại không phải với người nữa, thì hai bên có khác gì nhau, mà cái không phải cứ liên miên theo mãi thì sinh ra bao nhiêu chuyện đáng thương, đáng tiếc! Cho nên dĩ oán báo oán không phải là cách người quân tử đối với đời. Người quân tử nếu không dĩ trực báo oán thì dĩ đức báo oán: Có thể mới mong địch được quân gian tà, tiêu trừ được thói trá ngụy vậy.

108. TÍNH NGƯỜI AI CŨNG THIÊN

Mặt trăng soi xuống muôn mặt sông, sông nào cũng có bóng sáng mặt trăng. Trời sinh ra mỗi người, người nào cũng có *tính* của trời.

Bóng thì chẳng đâu là không sáng, tính thì chẳng ai là không lành. Vậy mà cũng có chỗ sáng, chỗ không sáng, là vì nước có chỗ trong, chỗ đục khác nhau, cũng có người thiện, người bất thiện, là vì *khí bẩm* có người *thuần*, người *tạp* khác nhau. Nếu nước mà làm cho trong trẻo, thì trăng soi vào nước nào cũng sáng; người có cạnh *rèn giữa biến hóa* khí chất thì tính người nào cũng lành.

Phục Nguyên

GIẢI NGHĨA: *Tính*: bản chất của người ta đã sẵn có tự lại mới sinh ra. Cái bản nguyên về tinh thần của người. *Khí bẩm*: tính tự nhiên trời sinh ra vốn thế. *Thuần*: chỉ có tính một thứ, không có gì lẫn vào. *Tạp*: lẫn lộn nhiều thứ. *Rèn giữa*: rèn loại kim, giữa đá ngọc, đây là nói sửa sang tính nết. *Biến đổi*: đổi hình nọ sang hình kia, đây có ý nói bỏ cái dở hóa ra hay.

LỜI BÀN: Đức Khổng Tử thì cho rằng: “*Tính vốn gần giống như nhau, sau vì sự tập quen mà khác xa nhau*”. Thầy Mạnh Tử thì cho rằng: “*Người ta chẳng có ai là bất thiện*”. Bài đây cũng là theo cái thuyết của thầy Mạnh cho rằng tính vốn không thiện; nhưng cái khí bẩm khác nhau mà tính hóa khác nhau. Ta không nói rõ hẳn được cái khí bẩm là thế nào, ta chỉ biết người ta thực cũng có kẻ thiện, người ác không giống nhau. Mà muốn mong cho người ác hóa thiện, thế tất phải cậy nhờ ở sự huấn luyện hay công học tập nhiều lắm.

109. KÍNH GIỮ CÁI “TÂM”

Khi có mối *thiện* nảy ra, thì kính giữ tấm lòng như ăn cho no, như ôm đứa con đỏ đi trên *mặt váng* mùa xuân, như cầm viên ngọc bích quý muôn vàng đi men trên sườn núi cao nghìn trượng, chỉ sợ đánh rơi.

Khi có mối *bất thiện* nảy ra, thì kính giữ tấm lòng như sợ thuốc độc đổ vào bát canh, như có rắn, có cạp chặn ngang đường mà mong tránh đi, như có trộm cướp đến nhà, chỉ mong làm sao mà đánh nó cho kỳ được.

Dương Minh Tử

GIẢI NGHĨA: *Thiện*: điều lành. *Mặt váng*: tức là lướt băng đóng ở trên mặt nước các sông, hồ, v.v... khi trời rét. *Bất thiện*: tức là ác.

LỜI BÀN: Bài này nói về cách tu thân, mà cách tu thân rút lại chỉ có theo làm điều thiện, trừ bỏ điều bất thiện đi mà thôi. Muốn thế thì tất phải lưu tâm đến điều thiện và điều bất thiện tự khi mới nảy mầm ra, một bên thì quý báu cố giữ lấy cho được bền lâu, một bên thì e sợ cố làm thế nào mà tránh được cho xa.

110. CÁCH BIẾT LÒNG NGƯỜI

Lòng người ta *nam hiểm* hơn núi sông, khó biết hơn là biết trời.

Trời thì hàng năm có xuân, hạ, thu, đông; hàng ngày thì có buổi sáng, buổi tối ta do đấy mà biết được.

Đến như người ta thì có kẻ ngoài rõ như *cẩn hậu* mà trong thật *kiêu căng*, có kẻ trong rõ thật tài giỏi mà ngoài coi ra ngu độn, có kẻ ngoài rõ như vừng vàng thư thái mà trong cuống rối nóng nảy. Tâm tính bên trong, *diện mạo* bên ngoài trái nhau khó lường như thế.

Cho nên quân tử dùng người cho ở xa để xem lòng trung, cho ở gần để xem lòng kính, sai làm nhiều việc để xem cái tài, hỏi lúc vội vàng để xem cái trí, hẹn cho ngặt ngày để xem cái tín, ủy cho tiền để xem cái nhân, giao cho việc *nguy biến* để xem cái tiết, cho đánh chén say sưa để xem *cử chỉ*, cho ở chỗ *phiên tạp* để xem *thần sắc*. Xem người *đại khái* như vậy, thì họa mới có thể biết được người.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Nham hiểm*: cao ngất và hiểm nghèo. *Cẩn hậu*: cẩn thận, trung hậu. *Kiêu căng*: khinh người và khoe khoang. *Diện mạo*: mặt, dáng. *Trung*: hết lòng, thật lòng ăn ở với ai. *Kính*: tôn trọng. *Tài*: cái giỏi hơn người. *Trí*: khôn ngoan. *Tín*: nói hay hứa thế nào làm y như thế. *Nhân*: tình thân yêu coi người như mình. *Nguy biến*: hiểm nghèo, biến cố. *Tiết*: một lòng một dạ không lay chuyển được. *Cử chỉ*: dáng điệu lúc động, lúc tĩnh. *Phiên tạp*: nhiều rối. *Thần sắc*: tinh thần, nhan sắc hiện ra mặt người ta.

LỜI BÀN: Khéo thật! Người ta chỉ cách nhau một làn da, mà ai đã chắc biết được ai! Sông còn dò, núi còn đo được, vì nó hiển hiện ra ngoài, chớ lòng người ẩn phục bên trong, lấy gì mà cân nhắc, lấy gì mà lường xét. Cho nên, ta chỉ trông thấy bề ngoài, thì ta chớ đã vội tin bên trong. Trong, ngoài thường khi trái hẳn nhau. Ta phải để tâm nhận cho kỹ; ta phải biết cách xem cho tường. Đoạn dưới bài này, tác giả chính bao cho ta cái cách ấy, là cái cách biết được người thế nào là trung, tín, là tài, trí, nhân, tiết, v.v... Cái cách ấy kể cũng không khó, chỉ cốt phải đưa người ta hẳn vào việc làm hay khiến người ta làm trái lại sự thực để dò cho biết sự thực.

111. CÁCH LÀM CHO KHỎI TỨC GIẬN

Người ta ở đời, đối với loài người mà gặp phải kẻ xử với mình một cách ngang ngược, thì nên coi như đi trong bụi rậm, áo vướng phải gai, chỉ nên thông thả đứng lại gỡ dần ra mà thôi. Cái gai góc kia có biết gì mà đáng giận?

Xử được như thế, thì tâm mình không phiền não mà bao nhiêu nỗi oán hận cũng tiêu tan được ngay. *Cổ nhân* có câu nói:

“Ta nên coi những ngang ngược phạm đến ta như chiếc thuyền không, lỡ đâm phải ta, như gió lốc lỡ tạt phải ta, ta nghĩ cho cùng, có gì mà đáng giận”.

Ba câu *tự phản* của ông Mạnh Tử, thật là cái phép để giữ thân, cái phương để nuôi tính vậy.

Vì nếu ta chỉ một mực thấy cái trái của người thì ngay như anh em, vợ, con, bè bạn, tôi tớ cho đến con gà, con chó trong nhà, thật cũng có nhiều lúc đáng làm cho bực.

Nếu ta việc gì cũng biết tự phản thì sự tức giận mười phần *giảm* ngay năm phần. Thật chẳng khác nào như người đang phải bệnh nóng sốt mà được uống thuốc *thanh lương* vậy.

Bảo Huấn

GIẢI NGHĨA: *Cổ nhân*: người đời trước. *Ba câu tự phản*: ba câu tự mình hỏi mình, xét lại mình đã thật là nhân hậu chưa, đã thật là lễ độ chưa, đã thật là khôn ngoan chưa. *Giảm*: bớt đi. *Thanh lương*: mát lạnh, tức là giải nhiệt.

LỜI BÀN: Ở đời cứ kể thực có lắm điều khiến cho ta phải lấy làm tức giận. Mà cái nguyên nhân của sự tức giận là do ở như cái ta chỉ biết có người, trách người, mà không biết có ta, trách chính ta vậy. Sự tức giận vốn là một sự không hay, thậm chí tức giận ví như rắn rết trùng độc, chẳng những không có lợi gì, mà lắm khi quá giận, lại sinh mất khôn, sinh ra tai hại nữa. Vậy hoài hơi mà giận người dưng. Mà cái cách giữ cho khỏi giận không gì bằng những lúc đáng giận, mình tự phản ngay lại mình, coi như vương

phải cái gai, gặp phải cơn gió một lúc qua rồi lại gỡ được, lại thoát ngay được lập tức. Cho nên tôi cũng có câu:

*Giận lên là phát cơn điên.
Người khôn hóa dại, người hiền hóa ngu.*

112. TIỀN MỘT LỜI NÓI

Đức Khổng Tử ở nước Lỗ vào kinh đô nhà Chu, hỏi lễ ông Lão Đàm, hỏi nhạc ông Trình Hoàng, xem xét cả giao xã, minh đường cùng triều đình, tôn miếu.

Khi trở ra về, ông Lão Đàm đưa chân có nói rằng:

- Ta nghe người giàu sang *tiền* người thì dùng của cải, người *nhân hậu* tiền người thì dùng lời nói. Ta tuy không được giàu sang, nhưng mang tiếng là người nhân hậu, vậy xin tiền người một lời nói vậy.

Này, phàm kẻ sĩ đời này, những người *thông minh*, sâu sắc xét nét mà có khi thiệt mạng đều là kẻ hay chê bai, *nghị luận* tâm sự người ta cả; những người biện bác rộng rãi, xa xôi mà có khi khổ thân đều là kẻ hay bói móc phơi bày tội lỗi người ta cả.

Đức Khổng Tử nói:

- Vâng, xin kính theo lời người dạy.

Khi Đức Khổng Tử về đến nước Lỗ, đạo của ngài mỗi ngày một tôn, học trò của ngài mỗi ngày một đông.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Lỗ:* tên một nước nhỏ, có từ đời nhà Chu sau phải nước Sở diệt mất, ở vào phủ Duyện Châu và Bì tức tỉnh Sơn Đông ngày nay. *Chu:* tên chỗ kinh đô Thiên tử nhà Chu đóng. *Lão Đam:* tức là Lão Tử, họ Lý, tên Nhĩ tự là Bá Dương, tổ Đạo gia. *Trần Hoảng:* người đời nhà Chu, làm chức đại phu, sau có tội, bị giết. *Giao:* nơi vua tế trời về ngày đông chí cho nên tế giao tức là tế trời. *Xã:* nơi vua tế đất về ngày hạ chí, cho nên tế xã gọi là tế đất. *Minh đường:* nhà của nhà vua, đời cổ làm ra nhà ấy để bày tỏ công việc chính giáo, cùng những điều lễ lớn. *Triều đình:* nơi thần hạ châu vua mà chính sự trong nước đều ở đây mà ra cả. *Tôn miếu:* nhà thờ tổ tôn của vua. *Tiến:* đưa chân ai đi đâu. *Nhân hậu:* có lòng thương yêu và rất tử tế. *Thông minh:* nghe hiểu ngay, trông biết ngay. *Nghị luận:* bàn bạc khen chê.

LỜI BÀN: Bài này làm ra có ý phơì bày cái học thuyết Khổng, Lão không giống nhau có nhiều điểm lại như phản đối hẳn. Đây là lời Lão Đam như có ý khuyên bảo Khổng Tử là người lúc bấy giờ hay đi chu du các nước định bày cái lẽ trái của vua các nước chư hầu, nếu cứ rằng nay đây mai đó như thế mãi thì có khi nguy đến tính mệnh. Câu cuối bài nói vì Lão Đam khuyên bảo như thế mà đạo của Khổng Tử được tôn hơn, học trò của Khổng Tử được đông hơn là vì Khổng thị biết nghe Lão thị, tự đó về sau chỉ chuyên có một mặt dạy học trò mà thôi.

113. QUÝ LỜI NÓI PHẢI

Vua nước Tấn đi chơi thuyền. Các quan đi hầu đông đủ cả.

Vua hỏi:

- *Loan Doanh* ta đã cấm cố một nơi, con là *Loan Phượng* trốn chạy ra ngoại quốc. Có ai biết *Loan Phượng* bây giờ ở đâu không?

Các quan yên lặng, không ai nói gì cả.

Người lái thuyền tên là *Thanh Quyên* buông tay chèo đứng dậy thưa rằng:

- Nhà vua hỏi *Loan Phượng* làm gì?

Vua nói:

- Từ khi ta đánh được họ *Loan* đến nay, nghe họ *Loan* người già chưa chết hết, người trẻ đã lớn lên. Ta lo họ phục thù, cho nên ta mới hỏi.

Thanh Quyên nói:

- Nếu nhà vua khéo sửa sang *chính sách* nước Tấn, trong được lòng quan, ngoài được lòng dân thì dù có còn con nhà họ *Loan* mà làm gì được nhà vua. Nhưng nếu nhà vua không sửa sang *chính sách* nước Tấn, trong mất lòng quan; ngoài mất lòng dân, thì ngay những người ngồi trong thuyền này ai cũng là con nhà họ *Loan* cả.

Vua khen:

- Người nói phải lắm.

Rồi sáng hôm sau cho đòi Thanh Quyên đến, ban cho một vạn mẫu ruộng.

Thanh Quyên từ không nhận.

Vua nói:

- Lấy một vạn mẫu ruộng ấy đổi lấy một lời nói kia, kể ra nhà người còn thiệt mà *quả nhân* còn lợi nhiều, nhà người cứ lấy.

Ấy người đời cổ quý lời nói phải như thế đấy.

Thi Tử

GIẢI NGHĨA: *Tấn*: tên một nước đời Xuân Thu ở vào vùng Sơn Tây ngày nay. *Loan Doanh*: người nước Tấn, đời Xuân Thu, làm quan hạ khanh sau phải tội giết cả họ. *Cấm cố*: giam cầm ở riêng một nơi rất là nghiêm ngặt. *Phục thù*: báo lại kẻ đã làm oan uống sỉ nhục mình hay người có can hệ với mình. *Chính sách*: công việc xếp đặt để trị dân. *Quả nhân*: nghĩa là người ít đức; tiếng vua dùng để tự xưng một cách khiêm tốn.

Thi Tử: người nước Lỗ đời nhà Chu, thầy học Thương Ưởng có làm sách hai mươi thiên.

LỜI BÀN: Sợ người phục thù, mà muốn giết chết hết cả họ người ta, thế là tàn nhẫn mà đã chắc trừ hẳn được hết mối oán thù chưa, hay lại chỉ gây cho mối oán thù càng to lên. Kẻ có quyền thế chỉ có thể giết chết người, chứ có bao giờ giết chết được lòng người. Cho

nên lo sợ như vua Tấn đây là chỉ lo sợ người ngoài muốn làm hại mình mà thôi. Sao cho bằng phòng bị như Thanh Quyên, mới là biết tự làm cho mình khỏe hơn. Sợ người, nhưng người chẳng nể mình thì sợ sao cho được, chứ làm cho mình khỏe, dù cho người ngoài đáng sợ cũng không cần sợ. Khi mình là người có đức và có sức thì ai cũng là bạn mình cả, dù có cừu địch, cừu địch cũng không làm gì nổi. Chứ nếu mình là tàn ác, thì đến cả những người ở ngay bên mình cũng thành ra cừu địch mà hại mình được cả. Thanh Quyên tỏ bày cái ý ấy rất phải mà nhà vua Tấn biết nghe cũng là đáng khen lắm vậy.

114. TƯ TƯỞNG LÃO TỬ

1. Cái đẹp mà đến thiên hạ đua nhau cho là đẹp, là cái đẹp rất xấu. Cái hay mà đến thiên hạ mượn tiếng đã làm hay, là cái hay rất dở.

2. Để thân lại sau, mà thân được ở trước; gác thân ra ngoài mà thân vẫn còn mãi. Thế chẳng phải là bởi mình không có lòng riêng, cho nên mới được thỏa lòng riêng ư?

3. Tuy là *cương cường* nhưng giữ tính mềm dẻo. Tuy là sáng sủa, nhưng giữ cách ngu tối. Tuy là vinh hiển nhưng giữ lối tầm thường.

4. Học cho rộng trí khôn thì một ngày một hay. Tìm lẽ *huyền bí*, lâu hóa vẩn vơ, thì một ngày một dở.

5. Trộn lẫn cái hay của mình với đời để *làm thân thiết*; cùng chịu cái dở của đời với mình mà vẫn trong sạch.

6. Có ba điều quý báu: một là *từ* hay là *kiêm*, ba là chẳng dám phạm vào việc *bất thường* của thiên hạ.

7. Ta mà lo phiền, sợ hãi là vì ta có thân ta, đến khi ta đã không có thân ta, thì ta còn có lo phiền, sợ hãi gì nữa.

Lão Tử

GIẢI NGHĨA: *Huyền bí*: sâu xa khó biết, khó hiểu. *Thân thiết*: gần gũi, yêu mến. *Cương cường*: cứng cỏi mạnh bạo. *Từ*: nhân đức, tình thương yêu. *Kiêm*: có tiết chế, không xa phí. *Bất thường*: việc dở, việc chẳng tốt mà ai cũng không thích.

LỜI BÀN: Ba câu trên là nói ngược lại cái thói đời, câu 1: cái ngược ấy là dở; câu 2 và 3: cái ngược ấy lợi cho mình; câu 4: nói cách học hành; câu 5 nói cách xử thế; câu 6: nói các đức tính nên có; câu 7 nói sự lụy thân. Những câu vật này tuy mỗi câu nói một việc, nhưng tựu trung câu nào cũng hàm súc một cái tư tưởng vô danh, vô vi là cái tôn chỉ của đạo Lão.

Đạo của Lão Tử cốt ở vô vi. Muốn cho thành được vô vi thì người ta trước hết phải vô dục, vô cầu, vô tranh, vô danh như những câu nói trong bài này. Khi đã được như thế, thì mỗi cảnh có một cái thú cho mình, cái sướng cho người, loài người ở với nhau được

hòa bình mà không mấy khi xảy ra sự tàn hại lẫn nhau nữa. Quý thật! Đến đem đức mà báo oán, thì còn oán nào mà chúng tan!

115. LÀM NHÀ CỎ CŨNG ĐỦ

Vua nước *Trịnh* sang nước *Sở*. *Tử Sản* theo đi *tướng lễ*, chỉ cho làm nhà cỏ để ở, không lập đàn gì cả. Các quan theo hầu thấy vậy nói:

- Các quan đời trước theo *tiên quân* đi sang các nước *lân bang* đều lập *đàn* hết cả, nay ông chỉ cho làm nhà cỏ thì chẳng là không hợp lễ ư?

Tử Sản bảo:

- Vua nước lớn đến nước nhỏ thì lập đàn, vua nước nhỏ đến nước lớn thì làm nhà cỏ cũng đủ; lập đàn mà làm gì!

Ta nghe vua nước lớn đến nước nhỏ có năm điều hay cho nước nhỏ: 1/ có tội thì khoan cho; 2/ có lỗi thì thứ cho; 3/ có tai nạn thì cứu cho; 4/ chánh sách hay thì thưởng cho; 5/ có điều dở thì dạy cho... Nước nhỏ không phải cái gì là khổ sở mà yêu nước lớn như một nhà, cho nên mới lập đàn để biểu dương công của nước lớn và bảo con cháu đời sau chăm việc *tư đức* không được hững hờ.

Còn như nước nhỏ đến nước lớn, có năm điều xấu là nước nhỏ: 1/ có tội phải đi *giải thuyết*; 2/ có điều

kém phải xin nài; 3/ có *mệnh lệnh* của nước lớn phải tuân theo; 4/ có việc *chức công* phải cung phụng; 5/ có việc *triều hội* phải theo đòi. Nếu chẳng phải năm việc ấy, thì lại là việc đem tiền của để mừng hay để viếng nước lớn. Phàm những việc ấy đều là tai vạ cho nước nhỏ cả. Lập đàn làm gì, chỉ tổ bêu những tai vạ mà làm nhục cho con cháu!

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA: *Trịnh:* tên một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay. *Tử Sản:* người đời Xuân Thu, học giỏi, có tài chính trị, làm quan đại phu, hiền có tiếng ở nước Trịnh. *Tướng lễ:* trông nom giúp đỡ việc lễ nghi. *Tiền quân:* tiếng để gọi ông vua đời trước. *Lân bang:* nước bên cạnh. *Đàn:* chỗ đất đắp lên cao ráo sạch sẽ. *Minh cáo:* báo rõ cho biết. *Tu đức:* sửa sang đức tính cho hay hơn. *Giải quyết:* phân trần mọi lẽ để gỡ cho ra phải trái. *Mệnh lệnh:* những giáo lệnh ban bố ra để thi hành. *Chức công:* theo chức phận, nước nhỏ phải hiến nước lớn những lễ vật gì. *Triều hội:* triều là kẻ dưới châu người trên, hội là hội họp.

LỜI BÀN: Câu Tử Sản nói rất phải, khi nước lớn đã hạ cố sang đến nước nhỏ, thường thường là lợi cho nước nhỏ, nước nhỏ trọng vọng lập đàn lên để tiếp là có nghĩa. Còn khi nước nhỏ đã bất đắc dĩ phải sang nước lớn, thì thường thường lại là tai hại cho nước nhỏ,

nước nhỏ khiêm nhượng chỉ làm cái nhà cỏ cho xong việc là đủ rồi. Khi đã gọi là khuất thân lụy người thì còn vinh hiển nổi gì mà dềnh dàng ra những sự trang hoàng, để ngai tai chướng mắt cho người đời mà lại để xấu lại cho con cháu sau này nữa.

116. THẾ NÀO LÀ ĐẠI TRƯỞNG PHU?

Cảnh Xuân hỏi thầy Mạnh Tử:

- *Công Tôn Diễn và Chương Nghi* nổi một cơn giận, đi *du thuyết*, thì các nước chư hầu sợ, ngồi yên một chỗ, thì thiên hạ không có chiến tranh. Hai người như thế chẳng là bậc *đại trượng phu* ư?

Thầy Mạnh Tử nói:

- Hai người ấy là đại trượng phu thế nào được! A dua, xiểm nịnh lựa ý chiều lòng các vua chư hầu để được quyền, được thế, cách cục hai người ấy như đàn bà lễ mọn, thừa thuận phục tùng. Bậc đại trượng phu đâu có thế?

Bậc đại trượng phu *tâm địa chí công* như ở cái nhà rất rộng trong thiên hạ, cử động mực thước thận trọng đúng như cái ngôi chính trong thiên hạ, công việc làm *quang minh chính đại* như đi trên con đường cái trong thiên hạ. *Đắc chí* thì đem cái khôn ngoan *học thức, thi thố* cho thiên hạ được nhờ; *bất đắc chí* thì một mình vui vẻ giữ vững cái hay của mình. Sự giàu

có quan sang chẳng làm siêu đẳng được cái tâm, sự nghèo khó vui vẻ chẳng làm biến đổi được cái tiết, sự uy hiếp *vũ lực* chẳng làm tỏa nhục được cái chí... thế mới là đại trượng phu?

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA. *Công Tôn Diễn, Chương Nghi*: hai nhà thuyết giỏi có tiếng đời Chiến Quốc. *Du thuyết*: ngôn luận, biện bác một cách rất khôn khéo, hùng hồn, làm cho người ta nghe theo. *Đại trượng phu*: tài trai, anh hùng, hào kiệt. *Tâm địa*: bụng dạ. *Chí công*: rất là công bình. *Quang minh, chính đại*: sáng sủa, ngay thẳng, rộng rãi. *Đắc chí*: thỏa cái chí muốn của mình. *Học thức*: sự học vấn và sự hiểu biết. *Thi thố*: đem cái tài, cái học thức ra mà làm việc. *Tiết*: nét cương quyết. *Vũ lực*: sức mạnh của nhà binh.

LỜI BÀN: Theo ý Cảnh Xuân thì đại trượng phu chỉ là một kẻ lấy lời nói hùng biện mà xui bầy người ta để lấy quyền lấy thế cho mình. Nếu như thế mà là trượng phu thì tiếng đại trượng phu còn có giá trị gì! Nên thầy Mạnh bác đi, mà nói rõ cho nghe thế nào mới đáng gọi là chân đại trượng phu. Rút lại thì người chân đại trượng phu tâm địa phải công bình, cử động phải thận trọng, công việc phải chính đại quang minh, không tham giàu sang, không ngại bần tiện, không sợ uy quyền, có cơ hội mà thi thố tài năng được thì lấy việc ích quốc lợi dân làm trọng. Ta cứ lấy những đức

tính, hành vi ấy ra mà hỏi, thì ở đời dễ đã được mấy người thực là đại trượng phu.

117. THIÊN HẠ SĨ

Lỗ Trọng Liên có khí tiết lạ lùng, có lòng trung nghĩa phần kích, không phải hạng sách sĩ sánh kịp được.

Kìa như con diều, con két bay cao trên tầng mây; con hổ, con báo gầm thét trong rừng núi, mạnh mẽ dữ tợn, có ai dám lại gần. Song một mai bị người ta trói buộc, nuôi vào trong chuồng thì có khác gì giống gà, giống chó. Mà diều, két, hổ, báo sở dĩ để cho người ra đánh bắt được có phải chỉ do cái lòng thèm muốn mà thôi không?

Như Lỗ Trọng Liên thì thực không có ham muốn gì, cho nên bay cao, gầm dữ mà vẫn ngang tàng một đời.

Người ta khen Lỗ Trọng Liên là *thiên hạ sĩ* rất là phải.

Tiêm Thất Tử

GIẢI NGHĨA: *Lỗ Trọng Liên:* người nước Tề về đời Chiến Quốc là một bậc nghĩa sĩ xưa nay ai cũng biết tiếng. *Khí tiết:* chí khí và tiết tháo. *Trung nghĩa:* trung là hết lòng, nghĩa là ở phải. *Phần kích:* phần là căm giận, kích là hăng hái. *Sách sĩ:* người có mưu kế. *Ngang tàng:* khẳng khái theo thói thường người đời. *Thiên hạ sĩ:* tay giỏi trong thiên hạ, ai cũng phục.

LỜI BÀN: Nhà Tần diệt nhà Chu. Lỗ Trọng Liên không chịu công nhận nhà Tần làm vua, vì Tần bạo ngược, ông nhảy xuống bể tự tử không sống chung với quân tham tàn. Cái tiết tháo của Lỗ Trọng Liên như thế, cho nên mới được tôn lên làm thiên hạ sĩ. Vậy thiên hạ sĩ là gì? Cứ theo truyện Lỗ Trọng Liên và theo câu thí dụ trong bài, thì người nào có khí tiết, có trung nghĩa, biết đường tới, lui, không bụng ham muốn danh lợi tức là thiên hạ sĩ vậy.

118. DỰ NHƯỢNG BÁO THÙ

Dự Nhượng trước thờ *Phạm Trung Hàng*. *Trung Hàng* dãi không tử tế.

Dự Nhượng bỏ đi theo *Trí Bá*, được *Trí Bá* tin dùng lắm. Nhưng sau *Trí Bá* bị bọn *Tam Tấn* đánh thua, giết chết và chiếm mất đất. Trong bọn *Tam Tấn* có *Triệu Tương Tử* oán *Trí Bá* nhiều nhất; bắt lấy đầu *Trí Bá* sơn để làm đồ đi tiêu.

Dự Nhượng lúc đó đã trốn vào trong rừng nghe chuyện làm vậy, than rằng:

- Tài trai nên vị người *tri kỷ* mà bỏ thân, con gái nên vị người yêu thương mà làm dãi. Ta đây quyết phải báo thù cho *Trí Bá* mới nghe.

Bèn đổi tên họ, ăn mặc giả làm bọn tù, vào cung trát chuồng tiêu, muốn *thừa cơ* để đâm chết *Triệu Tương Tử*.

Tương Tử một hôm ra nhà tiêu, bỗng dừng *động tâm* bắt người trát nhà tiêu ra hỏi, thì biết ngay là Dự Nhượng.

Dự Nhượng rút dao găm trong người ra nói rằng:

- Ừ, ta là Dự Nhượng, ta muốn báo thù cho Trí Bá đây.

Đây tớ Triệu Tương Tử hăm hăm chực giết Dự Nhượng. Tương Tử ngăn lại, nói rằng:

- Hắn là nghĩa sĩ đó. Thôi ta tránh đi thôi, Trí Bá chết không còn con cháu, hắn là bây tôi báo thù cho chủ thực là hiền nhân của thiên hạ. Thôi ta tha cho hắn.

Dự Nhượng được tha, lại cạo râu và lông mày cho đổi nét mặt, sơn mình giả làm thằng hủi đi ăn xin. Vợ trông thấy cũng không nhận ra, nói rằng:

- Người này tiếng nói thì giống chồng ta, nhưng mặt mày thật không phải chồng ta.

Dự Nhượng lại nuốt than hồng cho đổi cả tiếng nói đi. Được ít lâu, Triệu Tương Tử đi chơi, Dự Nhượng núp chực đợi dưới cầu. Nhưng lúc Tương Tử đi gần đến đầu cầu, con ngựa *thốt nhiên kinh hãi* lông lên. Tương Tử nói rằng:

- Chắc lại có Dự Nhượng ở đây.

Rồi sai người tìm dưới gầm cầu, quả bắt được Dự Nhượng thật.

Tương Tử gọi Dự Nhượng đến trước mặt trách rằng:

- Người trước thờ Phạm Trung Hàng. Phạm Trung Hàng bị Trí Bá giết, sao người không báo thù lại thờ Trí Bá? Nay Trí Bá bị ta giết, sao mà người chăm báo thù thế?

Dự Nhượng nói:

- Trước tôi có *thờ* Phạm Trung Hàng thật, nhưng Phạm Trung Hàng đãi tôi như bọn *tâm thường*, nên tôi lại lấy cách *tâm thường* mà ở lại. Sau tôi thờ Trí Bá. Trí Bá đãi tôi vào bậc *quốc sĩ*, nên tôi lấy cách *quốc sĩ* mà ở lại.

Triệu Tương Tử chép miệng mà than rằng:

- Người thờ Trí Bá cũng đã nên danh tiếng rồi đó, mà ta tha mi bạn trước cũng đã đủ rồi. Nhưng bạn này người phải liệu cái thân người, không tha nữa đâu.

Dự Nhượng nói:

- Tôi nghe; *minh chúa* không che lấp sự có *nghĩa* của người ta, *trung thần* không tiếc cái chết để cho nên danh tiếng. Trước ông đã khoan tha cho tôi một lần, thiên hạ ai cũng biết ông là người *đại lượng* rồi. Còn như việc hôm nay, tôi đành xin chịu chết. Nhưng tôi xin mạn phép ông, ông cho tôi được đâm vào cái áo ông mặc, thì tôi dù chết cũng không oán hận gì nữa.

Triệu Tương Tử cho là người có *nghĩa*, cởi áo sai đầy tớ cầm đem cho Dự Nhượng.

Dự Nhượng rút gươm và nhảy lên ba lần hò hét và đâm vào áo và nói rằng:

- Thế này là ta báo được ơn Trí Bá rồi đây!

Nói đoạn đâm cổ chết.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA: *Dự Nhượng:* người nước Tần, đời Chiến Quốc có tiếng là một người nghĩa sĩ. *Tri kỷ:* người biết mình. *Thừa cơ:* nhân có cơ hội, nhân dịp. *Động tâm:* tự nhiên ghê sợ, tâm không được yên. *Thốt nhiên kinh hãi:* vụt chốc kinh sợ hãi hùng. *Tầm thường:* hơi khá vậy, không có gì hơn người. *Quốc sĩ:* người tài giỏi cả nước ai cũng phục. *Minh chúa:* ông vua sáng suốt. *Trung thành:* người bấy tôi hết lòng thờ vua. *Đại lượng:* lượng cả bao dung.

LỜI BÀN: Ta đọc bài này, thực như đi xem một tấn bi kịch có thể khiến cho ta nhỏ nước mắt mà cảm cái khí khái của một người nghĩa sĩ. Dự Nhượng muốn báo thù cho Trí Bá, tuy khốn khó khổ thân hai lần mà không thành công, song cũng đủ tỏ được cái nghĩa vua tôi, đã đem lòng thờ ai, chịu ơn người ta, thì không sao rời bỏ được người ta, dù đến phải thí thân cũng không quản ngại. Than ôi! Nếu Triệu Tương Tử lần trước tâm không động, lần sau ngựa không lồng, thì biết đâu tấn kịch lại không xoay đi thế khác. Nhưng ta đáng khen Dự Nhượng bao nhiêu, ta lại phải phục Triệu Tương Tử bấy nhiêu. Dự Nhượng chỉ mưu sự để giết mình, thế mà lần trước bắt được khoan tha cho, lần sau bắt được để cho tự xử lấy, lại còn chiêu lòng cởi áo ra cho

người ta đâm vào, sao cái lòng đại độ được đến thế. Một đảng thực là chân nghĩa sĩ, một đảng thực là biết trọng nghĩa sĩ, Dự Nhượng và Triệu Tương Tử thực là một đôi đối đầu được với nhau, không xấu danh trong lịch sử.

119. QUAN TÀI CON

Tại chùa *Tô Châu* có một nhà sư tên Viên Thủ Trung tu hành đặc đạo.

Nhà sư thường bày trên án thư, trước chỗ ngồi một cái quan tài con bằng gỗ *bạch đàn* dài độ ba tấc, có một cái nắp dầy, mở được. Khách đến chơi trông thấy cười nói rằng:

- Người chế ra cái này để làm gì?

Nhà sư nói:

- Người ta sống tất có chết, mà chết thì vào ngay cái này. Ta thực lấy làm lạ người đời ai ai cũng chỉ biết có *phú quý, công danh, tài sắc, thị hiếu*, lo buồn vất vả suốt đời, chẳng biết cái chết là gì. Như ta đây mỗi khi có việc không được như ý, ta cầm lấy cái này mà ngắm xem, là tự khắc trong tâm ta được yên ổn mà muôn nghìn *sự tư lự* đều lâng lâng sạch như không. Cái quan tài con này, đủ thay lời *huấn*, lời giới của bậc *nghiêm sư*, bài *trâm*, bài minh treo bên chỗ ngồi vậy.

Mai Hiên Bút Ký

GIẢI NGHĨA: *Tô Châu*: huyện Ngô thuộc về tỉnh Giang Tô bây giờ. *Bạch đàn*: thứ gỗ rắn và thơm, dùng làm đồ đạc, dùng làm hương thắp. *Phú quý*: giàu có, sang trọng. *Công danh*: sự nghiệp, tiếng tăm. *Tài sắc*: tiền của gái đẹp. *Thị hiếu*: say mê, ham thích. *Tư tự*: nghĩ ngợi lo phiền. *Huấn*: lời dạy đáng làm khuôn phép. *Giới*: câu nói để răn bảo ai. *Nghiêm sư*: ông thầy nghiêm ngặt đáng kính, đáng sợ. *Trâm*: thẻ văn dùng để khuyên răn. *Minh*: bài văn khắc vào cái gì để tự mình răn mình.

LỜI BÀN: Người ta sở dĩ ham mê say đắm vào thanh, sắc, danh, lợi hay liều lĩnh tàn nhẫn dám làm những việc gian ác, là thường chỉ biết có cái sống ở trước mặt, chớ không chịu nghĩ tới cái chết nó đến ngay sau lưng. Cái chết vẫn như con ma, ai cũng sợ, cũng ghét thật, nhưng cái chết lại chính là ông thầy, chính là bài thuốc chữa khỏi được bao nhiêu cái thói tật xấu xa ở đời. Người ta mà đã để tâm nghĩ đến cái chết, thì tự khắc mất cả lòng tham, tan cả máu ghen, hóa hết cả mọi sự mê muội mà thành ra biết thương đời người, thương đời người thì mọi sự hay, dở, phải, trái ở đời không còn gì bận đến tâm, sống rất thư nhàn, sung sướng và nhẹ nhàng vậy.

120. LỆCH THỪA, KHÔNG BẰNG NGAY THIẾU

Kiểm Lâu là một bậc *cao sĩ* nước Tề về thời Xuân Thu, tính ông thẳng, bao giờ cũng giữ đạo phải, không chịu *khuất thân* để theo đời.

Các nước chư hầu nhiều nước mời ra làm *Khanh tướng* nhưng ông không nhận. Vua Uy Vương nhà Chu kính thờ ông như thầy.

Ông nghèo lắm. Lúc mất chỉ có cái chăn, không liệm đủ thân thể.

Thầy Tăng Tử đến viếng, thấy vậy nói:

- Để lệch cái chăn đi, thì liệm đủ thân thể.

Bà vợ ông bảo:

- Lệch mà có thừa, không bằng ngay mà không đủ.

Lúc *sinh thời*, tiên sinh chỉ vì tính thẳng mới được như thế. Bây giờ tiên sinh mất mà liệm lệch cho tiên sinh, thì chắc không được hợp ý tiên sinh.

Tăng Tử nghe, không nói gì được nữa. Sau chỉ hỏi dùng chữ gì đặt *tên hèm* cho tiên sinh.

Bà vợ nói:

- Tiên sinh không lấy sự nghèo hèn làm buồn rầu, không lấy sự giàu sang làm hâm mộ, đặt tên hèm cho tiên sinh là “Khang” có nên chăng?

Tăng Tử nghe, than rằng:

- Chỉ có người chồng như thế mới có được người vợ như thế.

Thông Chí

GIẢI NGHĨA: *Kiểm Lâu*: người nước Tê, một bậc ẩn sĩ có tiếng giỏi về đời cổ. *Cao sĩ*: bậc người chí khí cao cả thường không chịu vương vòng danh lợi. *Khuất thân*:

luôn lụy cam tự để cho thân mình dẽ hạ. *Theo đời*: chiều đời, nịnh đời để kiếm danh lợi. *Khanh tướng: khanh*: chức quan to đời cổ như thượng thư; *tướng*: chức quan đầu bách quan giúp vua hành chính. *Sinh thời*: lúc còn sống. *Tên hèm*: tên đặt cho người sắp chết, thường theo tính nết mà đặt, một đôi khi người chết tự đặt lấy tên hèm của mình. *Khang*: yên vui.

LỜI BÀN: Người mà lúc sống, đã có các đức tính như Kiêm Lâu, thì lúc chết chắc họ hàng, thiên hạ chẳng những có phần thương xót mà lại có phần kính mến hơn nhiều. Mà khi đã kính mến người đã khuất thì tất phải noi theo cái chí của người lúc bình sinh mà không được làm trái lại. Bà vợ ông Kiêm Lâu đây đem cho ông muốn để cái chẵn thẳng, tức là theo cái tính “thẳng” của chồng, dùng chữ “Khang” đặt tên hèm tức là theo được cái tính “vô cầu chỉ muốn yên vui của chồng lúc sinh thời vậy. Có người chồng như thế lại có người vợ như thế, thực là xứng đôi, thầy Tăng Tử khen rất phải. Ở đời có nhiều kẻ ngay đối với cha mẹ khi mất, không theo chí người, không nhớ lời người dặn, chỉ đua theo tục thường để che mắt thế gian nên lấy việc này làm gương.

121. BẮT THAY CHIẾU

Tăng Tử bệnh nặng. Những người châu chực hầu hạ, học trò thì có Nhạc Chính, Tử Xuân, ngồi ở cạnh

giường, con thì có Tăng Nguyên, Tăng Nhân ngồi ở dưới chân, lại có một tên *đồng tử* đứng một góc cầm nến.

Tên đồng tử hỏi:

- Cái chiếu đẹp đẽ và bóng bẩy này là thứ chiếu quan *đại phu* dùng chăng?

Tử Xuân bảo:

- Im, chớ nói.

Tăng Tử nghe tiếng giật mình, thờ dãi.

Đứa đồng tử lại hỏi:

- Cái chiếu đẹp đẽ và bóng bẩy này là thứ chiếu quan *đại phu* dùng chăng?

Tăng Tử đáp:

- Phải. Cái chiếu ta nằm là chiếu của Quý Tôn làm quan *đại phu* nước Lỗ cho ta. Ta chưa kịp thay đấy.

Rồi gọi con sẽ bảo:

- Nguyên kia, đứng dậy thay chiếc chiếu cho ta.

Tăng Nguyên nói:

- Bệnh cha nguy lắm, không dám *khinh động*, xin để đến sáng sẽ thay.

Tăng Tử nói:

- Con yêu cha không bằng tên đồng tử. Người quân tử yêu ai, yêu một cách phải đường; người thường yêu ai, yêu một cách nộm tạt *cầu thả*. Như ta bây giờ còn mong gì nữa. Nếu ta được chết một cách chính đính, khỏi mang tiếng *phi nghĩa*, là đủ cho ta rồi.

Con cái và học trò nghe nói, xúm lại vực Tăng Tử lên để thay chiếu.

Tăng Tử vừa nằm yên vào chiếc chiếu mới thì mất.

Lễ Ký

GIẢI NGHĨA: *Đồng tử:* đứa trẻ con. *Đại phu:* chức quan đời cổ dưới quan khanh, trên quan sĩ. *Khinh động:* làm một cách không thận trọng. *Nội tâm cầu thả:* xong việc thời thôi không chịu nghĩ xa xôi, phải trái gì cả. *Phi nghĩa:* trái hẳn với những việc nên làm, phải làm.

LỜI BÀN: Người ta đến chết là hết. Cho nên trước cái chết, tưởng ai cũng bằng đẳng như ai không còn phân biệt tôn, ti, thượng, hạ gì nữa. Tuy vậy, thầy Tăng Tử dù biết chết đến nơi, cũng còn thao thủ, không muốn vi phạm, không chịu đeo tiếng phi nghĩa, thế mới hay cổ nhân lập chí, thường vạch một con đường quang minh chính đại để suốt đời noi theo dù là đến hơi thở cuối cùng, mà vô ý lỡ đi sai, cũng nhất quyết không chịu. Cách thay chiếu đây lại đáng làm gương cho lắm kẻ đời nay, quên cả phong hóa, bỏ cả lễ nghĩa, lúc ma chay tiếm tạm nhiều cách, chỉ chuộng cái thói đời phù hoa đua đả, chớ không biết cái tài đức, cái danh phận của người chết đáng vào bậc nào nữa. Những con cháu tống táng ông cha theo sự phù hoa mà phạm vào điều phi nghĩa, thì có gọi được là con cháu có hiếu không?

"Quân tử chi ái nhân dã dĩ đức, tế nhân chi ái nhân dã dĩ cô tức", câu di ngôn của thầy Tăng Tử thực là câu danh ngôn có chí lý vậy.

122. ĐÁM MA TO

Trang Tử sắp chết. Học trò bàn nhau định muốn làm ma to.

Trang Tử thấy vậy bảo:

- Ta lấy trời đất làm quan quách; mặt trời mặt trăng làm hai viên ngọc bích, các ngôi sao làm các hạt châu báu, muôn vật làm đồ *tống táng*, đám ma ta như vậy há chẳng đủ rồi, cần gì mà phải làm cho to nữa.

Học trò nói:

- Nhà thầy làm như vậy, chúng con sợ điều hâu, quạ nó rĩa thịt nhà thầy mất!

Trang Tử bảo:

Xác người chết mà để trên đất thì diều, quạ ăn, để dưới đất thì sâu bọ ăn. Bây giờ cướp của loài kia chia cho loài này, tâm sao mà *thiên* như thế? Tâm người đã *thiên* thì *bất bình*, đem cái bất bình mà cho là bình thì cái bình không phải là bình nữa. Tâm người không sáng chẳng thật, đem cái chẳng thật mà cho là thật thì có thật không còn là thật nữa.

Ôi! Người ta cứ khăng khăng giữ một ý kiến, chẳng cũng đáng thương lắm ru!

Trang Tử

GIẢI NGHĨA: *Tống táng*: *tống*: đưa; *táng*: chôn. *Thiên*: chênh lệch về một bên nào. *Bất bình*: lệch về một bên không được bằng phẳng.

LỜI BÀN: Thấy sắp chết mà học trò định làm ma to cho thấy, thế là trung hậu mà là thương tình. Thấy gạt đi chỉ muốn như bỏ xác ra ngoài núi, thế là có ý tự nhiên cao thượng hơn đời. Học trò bảo không nỡ để cho quạ mổ, điều tha thớt thấy thế là chỉ biết những điều trước mắt có thể trông thấy mà thôi. Có biết đâu cái xác kia, khi vùi xuống đất, dù cho đào sâu, chôn chặt thế nào, trong quan ngoài quách dù cho chắc chắn đến đâu cũng không khỏi được cái giống sâu bọ, vi trùng đục rĩa làm cho tan nát quá ư là mở quạ mổ điều vậy. Ôi! Trang Tử lúc gần chết còn dạy học trò như thế, thật là bình tâm sáng suốt hiểu thấu cái lẽ sinh, tử, tồn, vong tức như bây giờ ta nói hiểu rõ chân lý, hiểu như khoa học rất hợp với cái học thuyết cao viễn của Trang Tử vậy.

123. SỐNG, CHẾT

Thấy Tử Cống hỏi đức Khổng Tử:

- Người chết còn có biết gì không, hay không biết gì nữa?

Đức Khổng Tử nói:

- Ta mà nói hằn rằng “Người chết có biết” thì ta sợ những con *hiếu*, cháu *thuận* liễu thân để chết theo cha mẹ, ông bà. Ta mà nói hằn rằng “Người chết không biết gì”, thì ta lại e những con cháu bất hiếu bỏ xác cha mẹ, ông bà mà không chôn. Nhà người muốn biết

người chết có biết hay không biết, thông thả, đợi đến lúc chết thì *khắc biết*. Sự biết ấy tưởng cũng không *muộn* gì cho lắm.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: *Hiếu*: ăn ở hết lòng, hết sức với cha mẹ. *Thuận*: không ngang ngược để mất hòa khí. *Khắc biết*: tự nhiên rồi chính mình biết, mình hay. *Muộn*: chậm trễ ít lâu.

LỜI BÀN: Ai là người sống, đã có chút tư tưởng mà lại không muốn biết cái chết và tự hỏi chết rồi đi đâu, có còn gì nữa không. Thầy Tử Cống đây vốn là người học giỏi, nên mới đem ra hỏi thầy. Nhưng đức Khổng Tử lại không đáp ra làm sao, là vì học thuật của ngài chỉ cốt ở sự thực, mắt trông, tai nghe, hàng ngày thường làm, chớ không bao giờ dạy đến sự quá cao. Cho nên có lúc hỏi mà ngài gạt đi: “*Cái sống còn chưa biết, sao biết được cái chết*”. Còn như câu trả lời trong bài đây cũng là gạt đi, nhưng câu nói thật là đơn sơ, phẳng phiu mà có ý nhị hay vô cùng. Hay ở chỗ thực học mà học theo thực chứng.

124. MUÔN VẬT MỘT THỂ

Trời là cha, đất là mẹ, chúng ta được cái *khí* trời đất mới thành ra người. Ta nghĩ thân ta thật là nhỏ mọn mà được ở trong vòng trời đất to lớn bao la. Cái

khí của trời đất tức là hình ảnh của ta, cái lý của trời đất tức là tính của ta.

Người ta với muôn vật cùng sinh ở trong trời đất, thế thì cái gì có hình đều là khí của trời đất, cái gì có tính đều là lý của trời đất. Vậy người với người là *đồng loại* thời ta coi nhau như anh em ruột cả. Trong vạn vật, giống *hữu tri*, giống *vô tri* so với người tuy khác, song cũng tự trời đất sinh ra, thì ta cũng coi như một bọn với tất cả.

Phàm người trong trời đất đã là con trời hết, thì vua ta coi như người anh cả; *đại thần*, ta coi như người giúp anh cả; cụ già ta kính, là cốt quý bậc tôn trưởng ta; trẻ bé ta thương là cốt yêu đàn con trẻ ta; bậc thánh là anh em ta mà giống cha mẹ ta; bậc hiền là anh em ta mà giỏi hơn ta, còn những người ốm đau, tàn tật cô độc, góa bụa đều là anh em ta mà vất vả khổ sở, không biết nương tựa vào đâu vậy.

Trương Hoàng Cừ

GIẢI NGHĨA: *Khí*: vật hơi vô hình, đời cổ cho muôn loài bởi đấy mà sinh hóa ra. *Lý*: cái lẽ cường kiện (mạnh mẽ) của trời, nhu thuận (mềm mỏng êm ái) của đất. *Đồng loại*: cùng một loài. *Giống hữu tri*: giống có biết, có cảm giác như chim muông. *Giống vô tri*: giống không biết, không có cảm giác như cây cỏ, đất, đá. *Đại thần*: quan to, đây nói ông tướng giúp vua trị dân. *Cô độc*: cô: mồ côi không cha mẹ; *độc*: một mình không con cái.

Trương Hoành Cù: tức là Trương Tái, người đời nhà Tống, trước có làm quan, sau về dạy học, ông là một nhà học giả giỏi có tiếng đời bấy giờ, có làm sách Chính Mông và Đông Minh, Tây Minh. Bài này trích ở trong Tây Minh.

LỜI BÀN: Ta xem bài này, hãy gác cái thuyết trời đất và khí lý ra ngoài, vì chưa thể nói rõ cái thuyết ấy cho đúng với khoa học tiến bộ ngày nay. Ta chỉ nên nhận tác giả nhân cái khởi điểm khí, hình, lý, tính ấy mà cho muôn vật ở đời cùng chung một gốc tích, cùng bản thụ của một cha mẹ là trời đất. Câu nói ấy thực là rõ cái nghĩa “*vạn vật nhất thể*” có cái lòng bác ái vậy. Riêng trong nhân loại, tuy có chỉ ra tôn, ti, lão, ấu chí thành, chí ngu, nhưng cũng là một loài người cả, thì nên coi cả trong nước như một người, cả thiên hạ như một nhà, kính nhường, yêu thương nhau, giúp đỡ đùm bọc nhau. Còn các giống động vật khác nhau cùng thực vật, khoáng vật, hết thấy giống hữu tri, vô tri, đều là cùng ta ở trong trời đất cả. Ước ao cái học thuyết này một ngày một lan rộng ra, thì phúc cho loài người và thỏa cho cái hy vọng cổ nhân lắm.

125. TỰ TÌNH

Người ta tối đến, trước khi đi ngủ thử kiểm xem xét trong một ngày:

- Ăn ở với cha mẹ đã hết lòng chưa?

- Đối đãi với kẻ dưới đã hay *thể tất* chưa?
- Xử với anh em đã hay *thỏa thuận* chưa?
- Đối với vợ con đã hay yêu quý chưa?
- Chơi với bạn đã hay tránh kẻ dờ gần người
hiền chưa?
- Nói ra câu gì, đã hay không thẹn với *lương tâm* chưa?
- Làm công việc gì, đã hay không trái với *công
lý* chưa?
- Đãi người ngoài đã hay không *thất lễ* chưa?

Hết thấy việc gì, việc gì cũng nghĩ để xử *cho chu đáo*,
ngõ hầu mới xứng đáng làm người mà không xấu hổ.

Từ Mi Vân

GIẢI NGHĨA: *Tự tỉnh*: tự mình xét mình. *Thể tất*: đem mình vào địa vị người mà sẵn lòng thương người. *Thỏa thuận*: êm thấm hòa vui. *Lương tâm*: lòng lành trời phú sẵn cho người ta. *Công lý*: lẽ phải ai cũng phải theo. *Thất lễ*: vô phép, bất lịch sự. *Chu đáo*: đâu ra đấy, đến nơi đến chốn. *Ngõ hầu*: may ra được.

LỜI BÀN: Bài *Tự tỉnh* của Mi Vân đây cũng tương tự như bài *Kiểm soát lương tâm* của Franklin. Trong bài nói thiệp liệp đủ cả trong nhà thì cha mẹ, vợ con anh em, tôi tớ, ngoài thì bạn bè, thiên hạ kịp đến cả câu nói, việc làm. Nghĩa là đủ cả mọi hạng người mình giao tiếp hàng ngày, mình có bốn phận phải giữ cho trọn vẹn cùng những việc suy nghĩ, nói năng

hành động nữa. Nếu trước khi đi ngủ, ai ai cũng chịu kiểm soát lại lương tâm mình như thế cả, để sửa đổi lại tính tình mình cho hay hơn lên, thì lo chi đời hiểm người mà xã hội mỗi ngày không một bước gần đến nhân đạo, nhân loại mỗi ngày không tiến mãi đến hạnh phúc được.

126. NGU CÔNG DỌN NÚI

Phía nam Châu Kỳ, có hai quả núi Thái Hàng và Vương Ốc to bảy trăm dặm, cao muôn thước, cây cối rậm, ác thú nhiều, đi lại khó.

Ở chân núi có một cái nhà của ông lão tên là Ngu Công tuổi đã chín mươi.

Ngu Công thấy vì núi mà nhà ở chướng ngại, đường đi bất tiện, lấy làm bức tức. Một hôm, cụ họp cả vợ con người nhà lại bàn rằng:

- Ta muốn cùng lũ người hết sức bạt phẳng hai quả núi này thì có nên không?

Ai nấy đều thuận. Chỉ có người vợ ngăn ngại, hỏi vặn rằng:

- Sức ông, không bạt nổi một cái gò, thì làm thế nào bạt được những hai quả núi? Mà dù cho có sức bạt được nữa, thì đất, đá định đem đổ đi đâu?

Ngu Công nói:

- Khuân đổ ra bể Đông.

Đoạn Ngu Công đem con cháu cùng cả họ ra phá núi, kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang, hết ngày này sang tháng khác. Láng giềng có đứa bé mới tám tuổi, con người đàn bà góa cũng xin đi làm giúp, hàng năm mới về một lần.

Gần miền có một ông lão khác tên là Trí Tẩu thấy vậy, cười Ngu Công mà can rằng:

- Sao khờ dại vậy! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!

Ngu Công thở dài nói:

- Người không bền lòng. Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Người không bằng người đàn bà góa, đứa trẻ con thơ. Ta già, ta chết đã có con ta; hết đời con ta, đã có cháu ta; hết đời cháu ta, đã có chắt ta, con con cháu cháu *sinh hạ* vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.

Trí Tẩu nghe nói, nín lặng, không trả lời.

Sau này vùng nam Châu Ký không còn núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngu Công.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA: *Dọn núi*: san phẳng cho không còn núi nữa. *Ký*: một châu của chín châu đời cổ, tức là vùng Trục Lệ, Sơn Tây cùng phía bắc sông Hoàng Hà, tỉnh Hà Nam, phía tây sông Liêu Hà, tỉnh Phụng Thiên. *Dặm*: đời cổ cho một quãng dài trông con trâu bằng

con dê là một dặm. *Ác thú*: các thú dữ như hùm beo, gấu, lợn lòi. *Ngu Công*: ông lão ngu. *Chướng ngại*: ngăn trở vướng vít không được thuận tiện. *Trí Tẩu*: ông già khôn ngoan. *Sinh hạ*: đẻ ra, sinh sản ra.

LỜI BÀN: Ta không tưởng tượng rõ núi Thái Hàng và núi Vương Ốc to lớn thế nào. Ta chỉ biết ở cái đời Ngu Công bấy giờ chưa có máy móc tinh xảo như bây giờ, mà đã bạt được núi, thì giỏi thật. Lại không kể phải thuê từng hàng nghìn hàng vạn người để làm, chỉ người trong một nhà, một họ và ít người lân cận giúp tay vào mà cũng làm nổi. Ôi! Nếu quả như vậy thì cái gương kiên nhẫn của Ngu Công thực đáng để truyền lại mãi cho muôn nghìn đời về sau này. Và chẳng chỉ một câu Ngu Công nói với Trí Tẩu, cũng nên ghi nhớ lắm. Sự kiên tâm không phải chỉ hạn chế trong một đời, nhưng cứ tiếp luôn đời ấy, đời khác, theo đuổi mãi thì ở đời còn có gì gọi là khó được nữa. Ngu Công đây thật là người đại trí nhược ngu (người cực khôn, bề ngoài coi như ngu). Ngôn hành ông y như những câu sau đây cũng đều có ý khuyên chúng ta lập chí và kiên tâm để làm việc.

1. Trên đời chả có việc gì khó, chỉ tại tâm người ta không kiên nhẫn mà thôi.

2. Bí quyết thành công cốt ở nhất định không thay đổi mục đích.

3. Đã có cái kiến thức can đảm, phi thường nhất quyết làm được sự nghiệp phi thường.

4. Dem sự hiểu biết tinh tường, dùng hết tâm trí bền bỉ, vận cả toàn lực tinh tiến vô cùng, thì có việc gì mà không làm được. Người ta sống một cách nay lẫn mai nữa, suốt đời không được việc gì, chỉ tại không có chí.

5. Ý chí kiên nhẫn có thể chinh phục được hết thảy các thứ tự nhiên trong vòng trời.

DANH NGÔN DANH LÝ

- Chớ chính mình tự dối mình.

Đại Học

- Ở đời có ba điều đáng tiếc:

Một là hôm nay bỏ qua, hai là đời nay chẳng học, ba là thân này lỡ hư.

Chu Hi

- Người ta có biết mưu sinh, biết tự lập thời mới không ỷ lại ai, cầu cạnh ai, mà giữ được liêm sỉ và thực hành được lễ nghĩa.

Khuyết Danh

- Người ta sống trong một ngày, có được nghe một câu phải, trông một điều phải, làm một việc phải, người ấy mới không uổng.

Trần My Công

- Sĩ phu mà ba ngày không xem sách thì soi gương mặt mũi đáng ghét, nói chuyện nhạt nhẽo khó nghe.

Hoàng Đình Kiên

- Có học vấn mà không có đạo đức thì là người ác, có đạo đức mà không có học vấn thì là người quê.

La Tư Phúc

- Người ta nếu không biết lo xa, nhất định có sự ưu hoạn đến ngay.

Luận Ngữ

- Thân dê mà lột cạp, thấy cỏ thì thích, thấy chó sói thì run, quên mất cả bộ da khoác là lột cạp.

Dương Tử

- Không gì giỏi bằng hay bàn, không gì yên bằng hay nhẫn, không gì hơn người bằng có đức, không gì sướng thân bằng làm lành.

Hoàng Thạch Công

- Độ lượng to lớn bao nhiêu thì phúc trạch cũng to lớn bấy nhiêu. Có mưu sâu độc bao nhiêu thì tai vạ cũng sâu độc bấy nhiêu.

Minh Tâm Bảo Giám

- Làm việc nghĩa thì chớ tính lợi hại; luận anh hùng thì chớ kể nên, thua.

Lữ Khôn

- Người biết “đạo” tất không khoe, người biết “nghĩa” tất không tham, người biết “đức” tất không thích tiếng tăm lừng lẫy.

Trương Cửu Thành

- Chim mà mở quắp thì loài chim sợ. Cá mà mở ngoáp thì loài cá sợ. Người mà ngon lưỡi sắc sảo thì loài người sợ.

Hàn Thi Ngoại Truyện

- Yêu thì muốn cho sống, ghét thì muốn cho chết, mình không có quyền làm được sống chết, mà lúc lại muốn cho sống, lúc lại muốn cho chết, như thế chẳng phải là mê hoặc lắm ru.

Luận Ngữ

- Yêu người ta mà yêu vô lý, thành ra làm hại người ta. Ghét người ta mà ghét vô lý, thành ra làm hại cho thân mình.

Ngụy Tế Thụ

- Người quân tử ta nên thân, song không nên quá chiều mà phụ họa. Kẻ tiểu nhân ta nên tránh, song không nên ruồng rẫy như hần thù.

Thân Hàm Quang

- Lễ, nghĩa, liêm, si là bốn cái rường để duy trì giữ vững quốc gia. Bốn rường cột ấy nếu không căng được lên, nghĩa là người trong nước mà vô lễ, vô nghĩa, vô liêm si thì quốc gia phải sụp đổ và diệt vong mất.

Quan Tử

- Chính mình chẳng kiếm chế nổi mình mà cứ muốn cải tạo người thì thật là ngu.

Khuyết Danh

- Đem cái thói kiêu căng khinh bạc đối đãi với người quân tử, thì tự mình làm cho mình thất đức, đem

cái thói kiêu căng khinh bạc đối đãi với kẻ tiểu nhân,
thì tự mình làm cho mình hại thân.

Tuân Sinh Tiên

- Người hay là thầy người dở, người dở là kẻ giúp
chí cho người hay.

Lão Tử

- Người ta ai mà không có lỗi. Có lỗi mà sửa đổi
được thì còn gì hay hơn.

Tả Truyện

- Câu nói như tên, không nên bắn bậy, đã lọt vào
tai ai, không tài nào rút ra được nữa.

Lục Tài Tử

- Ba ba, thường luống cho vực còn nông, làm
tổ dưới đáy; chim cất, điều hâu, cho núi còn thấp,
làm tổ trên đỉnh; thế mà khi chết cũng chỉ là vì một
cái mối.

Tuân Tử

- Vật trong thiên hạ chẳng gì mềm nhũn bằng
nước, thế mà to vô hạn, sâu vô cùng.

Hoài Nam Tử

- Cẩn rằng để chịu thiệt, đứng vững gót để
làm người.

Cổ Ngữ

- Thế giới là một trường học lớn. Sự khốn quẫn đau khổ là ông thầy giỏi, là người bạn tốt để rèn luyện cho ta vậy.

Khuyết Danh

- Lanh tay công việc để cố gắng làm cho đầy đủ và cẩn thận câu nói, không cầu thả khinh thường.

Luận Ngữ

- Người đi đêm tuy không là gian, nhưng không thể cấm chó không cắn được.

Chiến Quốc Sách

- Cái bể tình dục, lấp mãi mà không đầy; cái thành sâu khổ, phá mãi mà không tan.

Khuyết Giới Toàn Thư

- Chim hồng, chim hộc, cất cánh bay xa, là nhờ lông cánh; lông nhỏ trên lưng, lông to dưới bụng, mọc thêm một năm, bay chẳng cao hơn, rụng mất một năm, bay chẳng thấp hơn.

Hàn Thi Ngoại Truyện

- Chẳng trách người mà trách mình là phương pháp cần nhất để tu tinh thân ta. Hay thể tất cho người là phương pháp cần nhất để nuôi độ lượng.

Lã Khôn

- Một bên là quần chúng, một bên là bản thân, hai bên đều trọng cả. Nhưng gặp trường hợp cần thì phải hy sinh bản thân để cứu giúp quần chúng.

Khuyết Danh

- Thiên hạ có người sợ bóng mình, ghét vết mình, cấm cổ mà chạy, vết lại càng nhiều, bóng lại càng nhanh. Chẳng bằng đến chỗ rợp mà nghỉ, thì tự nhiên bóng mất hẳn và vết tuyệt ngay.

Mai Thăng

- Muốn giữ được lương tâm, nuôi được linh tính, cần phải chịu khổ, chịu phiền, thì ngày mới thuần thực.

Lưu Trực Trai

- Điều dưỡng “cái khí” lúc đang giận; đề phòng “câu nói” lúc sướng mồm, lưu tâm “sự nhầm” lúc bối rối, biết dùng “đồng tiền” lúc sẵn sàng.

Uông Thụ Chi

- Nói đương sướng hả mà nín ngay được, ý đương hờn hờ mà thu hẳn được; tức, giận, ham mê đương sôi nổi, nồng nàn, mà tiêu trừ biến mất được, không phải là người rất kiên nhẫn, thì không tài nào được như thế.

Vương Dương Minh

- Ngăn điều ác, biểu dương điều thiện là bậc thánh; thích thiện, ghét ác là bậc hiền; tách bạch thiện, ác quá đáng là hạng người thường; điên đảo

thiện ác để sướng miệng gièm pha, là hạng tiểu nhân hiểm ác.

Chu Trung Trang Công

- Người ta ai cũng cần phải tự lập lấy thân, cần phải tự mình hết sức cố gắng cho ra người, cần phải trông cậy ở mình mà chớ có trông cậy vào người.

Khuyết Danh

- Lòng thành, nét mặt đầm ấm, khí hòa, lời nói êm dịu thế nào cũng có thể cảm động được người ta.

Khuyết Danh

- Lập thân không gì khó bằng làm thế nào cho khỏi tủi thẹn; thủ thân không gì khó bằng làm thế nào cho khỏi điểm nhục; phòng thân không gì khó bằng làm thế nào cho ít bệnh tật.

Tuân Sinh Tiên

- Chưa có người nào hành vi phẩm hạnh không đoan chính mà họ có thể yêu nước được.

Cổ Ngũ

- Người không có chí như thuyền không lái, như ngựa không cương, trôi dạt lông bông không ra thế nào.

Vương Dương Minh

- Tài trai nên ngang dọc trời đất, không nên quanh quẩn xó nhà.

Triệu Ôn

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Tiểu tự	7

QUYỂN THƯỢNG

1. Không quên được cái cũ	12
2. Lúc đi trắng, lúc về đen	14
3. Lợi mê lòng người.....	15
4. Lấy của ban ngày	16
5. Khổ thân làm việc nghĩa	17
6. Cách cư xử ở đời	19
7. Tu thân.....	20
8. Ôm cây đợi thỏ.....	22
9. Đánh dấu thuyền tìm gươm.....	23
10. Ba con rận kiện nhau	24
11. Hai phải.....	26
12. Tăng Sâm giết người.....	27
13. Bán mộc, bán giáo	29
14. Ngọc trong đá	30
15. Bắt chước nhãn mặt	31

16. Cái được, cái mất của người làm quan	32
17. Can vua bỏ rượu.....	34
18. Khéo can được vua	35
19. Chết mà còn răn được vua	37
20. Yêu nên tốt, ghét nên xấu	39
21. Hà bá lấy vợ.....	41
22. Ghét con không giống mình	43
23. Lợn mẹ giết con	45
24. Giáp, Ất tranh luận	47
25. Mặt trời xa, gần.....	48
26. Cách phục lòng người	50
27. Lòng cương trực.....	52
28. Trí, trung, dũng	53
29. Biết lẽ ngược, xuôi.....	55
30. Tài nghệ con lừa.....	56
31. Đánh đàn.....	58
32. Thối sáo	59
33. Người nước Lỗ sang nước Việt	60
34. Giữ lấy nghề mình.....	61
35. Chuyện A Lưu.....	63
36. Mất búa	66
37. Tường đổ.....	67
38. Người con có hiếu.....	68

39. Thấy Tăng Sâm	69
40. Ông quan thanh bạch	71
41. Không nhận cá	73
42. Cửa báu	74
43. Biết rõ chữ “nghĩa”	76
44. Tri kỷ	77
45. Cảm tình	79
46. Vì nghĩa công, quên thù riêng	81
47. Dung người được báo	83
48. Nói thí dụ	85
49. Cú mèo và chim gáy	87
50. Con cò và con trai	88
51. Hồ mượn oai hổ	90
52. Mạnh Thường Quân vào nước Tần	91
53. Thập Bì nói chuyện với Huệ Vương	93
54. Tham lợi trước mắt quên hại sau lưng	95
55. Trước khi đánh người phải biết giữ mình	97
56. Không nên sát hại lẫn nhau	98
57. Điều gỗ	100
58. Lá dó	102
59. Chữ tín	103
60. Tự lấy làm khoan khoái	105
61. Người khôn sống lâu	106

62. Vợ răn chồng	108
63. Bà huyện can đảm	109
64. Thế nào là trung thần	111
65. Báo thù	113
66. Cách dùng pháp luật	115
67. Thật, giả khó phân	117
68. Truyện đời ươi	119
69. Thuật xem tướng	120
70. Theo ai phải cẩn thận	122
71. Say, tỉnh, đục, trong	124
72. Nhan Súc nói chuyện với Tể Vương	126
73. Khẩu Chuẩn thương nhớ mẹ	128
74. Tình mẹ con của loài vượn	130
75. Học trò biết học	131
76. Học trò biết học	133
77. Họa phúc khôn lường	134
78. Vẽ gì khó	135
79. Cách đâm hổ	137
80. Âm nhạc	138
81. Trí và nhân	140
82. Hết lòng vì nước	142
83. Mã Viện	145
84. Bộ ngựa chống xe	147

85. Ứng đối linh lợi.....	149
86. Thừa giày.....	150
87. Cứu người lúc nguy cấp.....	151
88. Nghèo mà không oán.....	153
89. Thân trọng hơn làm vua.....	154
90. Thân trọng hơn thiên hạ.....	156
91. Chúc mừng.....	158
92. Người bán thịt dê.....	160
93. Thành thực.....	162
94. Mẹ hiền dạy con.....	163
95. Ngọc bích họ Hòa.....	165
96. Nuôi gà chọi.....	167
97. Dùng chó bắt chuột.....	168
98. Lời nói người bán cam.....	169
99. Vợ chồng người nước Tề.....	172
100. Đẩy thì đổ.....	174
101. Ông lão bán dầu.....	175
102. Gặp quỳ.....	177
103. Mua nghĩa.....	179
104. Ứng đối giỏi.....	181
105. Hà chính mãnh ư hổ.....	184
106. Hang Ngụ Công.....	185
107. Trung hiếu vẹn toàn.....	188

108. Mong làm điều phải.....	190
109. Kẻ bất chính	192
110. Nhân trung dài sống lâu	193
111. Thuốc bất tử.....	195
112. Lẽ sống chết	196
113. Nói về cái chết.....	198
114. Biết dờ sửa ngay.....	200
115. Họ Doãn làm giàu	201
116. Tài và bất tài.....	204
117. Quên cả cái thân.....	206
118. Đại đồng.....	208
119. Cầu ở mình hơn cầu ở người.....	210
120. Hòa thuận với mọi người.....	213
121. Mất cung.....	214
122. Muôn vật một loài.....	215
123. Lúc nào được nghỉ.....	217
124. Có chịu lo, chịu làm mới sống được	220

QUYỂN HẠ

1. Chính danh	224
2. Nên xử thế nào?	226
3. Chiếc thuyền đặng chiếc đồ.....	228

4. Rắn dờn chỗ ở.....	229
5. Nhường thiên hạ	231
6. Rửa tai.....	232
7. Chết đói đầu núi.....	234
8. Đòi người	237
9. Ba điều khó học	239
10. Ba điều vui	240
11. Thương mẹ già yếu.....	242
12. Áo đơn mùa rét.....	243
13. Dâng thư cứu cha.....	244
14. Nuôi mẹ bằng điều phải.....	246
15. Say bắn chết trâu.....	248
16. Tên tù nước Sở	250
17. Bệnh nhân.....	252
18. Bệnh mê.....	255
19. Vợ lẽ phải đòn.....	258
20. Tiết phụ.....	259
21. Khoét mắt	261
22. Vợ xấu	263
23. Ghen cũng phải yêu	265
24. Lời con can cha.....	268
25. Một cách để lại cho con cháu	269
26. Một cách lo xa cho con cháu.....	271

27. Thấy trò dạy nhau.....	273
28. Lưỡi vẫn còn	275
29. Không chịu nhục	277
30. Câu nói của người đánh cá.....	279
31. Vua tôi bàn việc.....	281
32. Khó được yết kiến.....	283
33. Không phục nước Tần.....	285
34. Cây người không bằng chắc ở mình.....	286
35. Phẩm trật ông quan, phẩm giá con người.....	288
36. Bài trâm của người làm quan	289
37. Cười người ta khóc	292
38. Hiếu tử trung thân	294
39. Đọc sách cổ	296
40. Mất dê.....	298
41. Thực học.....	299
42. Đây mới thật là thầy.....	301
43. Bỏ quên con sinh.....	303
44. Chọn người rồi sau hãy gây dựng.....	305
45. Cơ tâm	307
46. Không đợi trông cũng biết.....	309
47. Khinh người	310
48. Hai cô vợ lẽ người nhà trọ.....	312
49. Ba điều phải nghĩ.....	313

50. Lo, vui	314
51. Thấy lợi nghĩ đến hại.....	316
52. Thủy chung với vợ.....	318
53. Ma nói chuyện	320
54. Đáng sợ gì hơn cả	321
55. Chỉ biết có mình	323
56. Thờ dài	325
57. Thằng điên	326
58. Người xuất tục.....	328
59. Vợ thấy kiện	329
60. Ác ngấm	331
61. Bảy cô vợ lẽ.....	333
62. Gõ nhịp mà hát.....	335
63. Liêm sĩ.....	337
64. Tiễn người đi làm quan	340
65. Viếng người đi làm quan.....	342
66. Đức uống rượu.....	344
67. Làng say	346
68. Treo kiếm trên mộ.....	349
69. Chết vì lễ nghĩa hay vì tình	351
70. Vì nghĩa nên tình	353
71. Nghĩa công nặng tình riêng.....	355
72. Mẹ khôn, con giỏi	358

73. Tu tại gia	359
74. Người vợ hiền minh	361
75. Trọng nghĩa, khinh tài	363
76. Mua xương ngựa	366
77. Lời nói kẻ bắt rắn.....	368
78. Hòa vi quý.....	370
79. Cách trị dân.....	372
80. Can gì mà phá đi	374
81. Hay, dở đều do ở mình cả	377
82. Ngụy biện.....	379
83. Không chịu theo kẻ phản nghịch.....	380
84. Cách cư xử ở đời.....	382
85. Tự xét lại mình.....	384
86. Không nên câu nệ	385
87. Tri kỷ	387
88. Trống khó, nhớ dễ	388
89. Người kiếm củi được con hươu	389
90. Hỏi thăm dân	392
91. Dân quý nhất.....	395
92. Nhuộm tơ.....	396
93. Kéo lê đuôi mà đi.....	398
94. Phải biết phòng xa.....	399
95. Một câu đoán đúng.....	401

96. Cùng, đặt bởi số	403
97. Thư viết răn con	406
98. Thư viết khuyên bạn	408
99. Thư viết cho bạn	409
100. Tham thì chết	410
101. Vì tham bị hại	411
102. Phân tách không rõ	413
103. Không yêu nhau mới loạn	415
104. Cũng là ăn trộm	418
105. Lo trời đổ	421
106. Dùng rượu say để khiến chồng	423
107. Tuổi dưa cho người	425
108. Tính người ai cũng thiện	428
109. Kính giữ cái “tâm”	430
110. Cách biết lòng người	430
111. Cách làm cho khỏi tức giận	432
112. Tiến một lời nói	434
113. Quý lời nói phải	436
114. Tư tưởng lão tử	438
115. Làm nhà cỏ cũng đủ	440
116. Thế nào là đại trượng phu?	442
117. Thiên hạ sĩ	444
118. Dự Nhượng báo thù	445

119. Quan tài con.....	449
120. Lệnh thừa, không bằng ngay thiếu	450
121. Bắt thay chiếu	452
122. Đám ma to	455
123. Sống, chết.....	456
124. Muôn vật một thể.....	457
125. Tự tình	459
126. Ngụ Công dọn núi	461
Danh ngôn danh lý	465

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409, Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn

E-mail: tonghopvanhoc@vnn.vn

*** Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh**

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08.38469858, Fax: 08.38483481

*** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng**

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0511.3888333

CỔ HỌC TINH HOA

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGÔ THU PHƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung

T.S LA KIM LIÊN

Biên tập: **ĐẶNG THỊ HÀ**

Bìa: **HUYẾN LINH**

Trình bày: **QUANG MINH**

Sửa bản in: **LAM GIANG**

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp In Fahasa; địa chỉ: Số 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Số ĐKXB: 134-2023/CXBIPH/34-06/VH, ngày 12/01/2023. Quyết định xuất bản: Số 1052/QĐ-VH, cấp ngày 07/9/2023. Mã ISBN: 978-604-394-045-9. In xong và nộp lưu chiếu Quý I năm 2024.